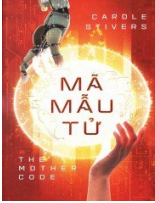


CAROLE
STIVERS

LÊ MINH ĐỨC dịch

MÃ
MẪU
TỬ

THE
MOTHER
CODE



MÃ MẪU TỬ

Tác giả: CAROLE STIVERS



Sách đổi Ebook:

⇒ Cần ebook của sách mới

⇒ Mua 1 sách mới được 2 ebook

☎ 0907 060 886

Năm 2049. Những toan tính hận thù của con người đã vô tình để lọt lưới và lan tràn một loại vũ khí sinh học chết người. Nỗ lực của các nhà khoa học hàng đầu không kịp để cứu nhân loại. Chỉ còn một giải pháp khả thi cuối cùng: tạo ra những đứa trẻ biến đổi gen, một thế hệ mới hoàn toàn miễn dịch để vận hành thế giới.

Nhưng trong một trái đất hậu Đại Dịch, ai sẽ nuôi lớn những hạt giống hy vọng của nhân loại? Dẫu không duy trì được sự sống, liệu con người có thể lưu giữ và nối dài tư tưởng, lai lịch, tính cách, thậm chí cả cảm xúc của mình trong một mã máy tính có tên Mã Mẫu Tử, trong những robot được lập trình để sinh ra và nuôi dạy những đứa trẻ? Đây là ý nghĩa của tính nhân bản? Đây là ý nghĩa của tình mẫu tử? Liệu có còn ai đó ngoài kia?

Ra đời trong bối cảnh cả thế giới tê liệt vì dịch bệnh, cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Carole Stivers bỗng trở nên thực đến đáng sợ. Không hề xa xôi, đó có thể là tương lai gần của tất cả chúng ta.

*Tặng Alan, người dẫn đường của tôi,
và Jeannie, nàng thơ của tôi*

Mục lục

LỜI CẢM ƠN

PHẦN MỘT

1 NGÀY 3 THÁNG BA NĂM 2054

2 NGÀY 20 THÁNG MƯỜI HAI NĂM 2049

3

4

5 THÁNG SÁU NĂM 2060

6 THÁNG BA NĂM 2051

7 THÁNG TƯ NĂM 2061

8 THÁNG MƯỜI HAI NĂM 2051

9

10 THÁNG BA NĂM 2062

11 THÁNG NĂM NĂM 2052

12 THÁNG SÁU NĂM 2064

13 THÁNG HAI NĂM 2053

14 THÁNG SÁU NĂM 2065

15 THÁNG NĂM NĂM 2053

16

17

18

19

20

21

PHẦN HAI

22 THÁNG HAI NĂM 2054

23

24 THÁNG SÁU NĂM 2062

25 THÁNG SÁU NĂM 2065

26

27

28

29

30

31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47

PHẦN KẾT

LỜI CẢM ƠN

Nhiều câu chuyện hay nhất được sáng tác bởi cả một hội đồng, và truyện này cũng không ngoại lệ. Tôi xin được gửi lời cảm ơn tới những người đã tận tâm giúp đỡ tôi cho ra đời câu chuyện này.

Cảm ơn chồng tôi, Alan Stivers, vì sự ủng hộ không mệt mỏi của anh với sự nghiệp thứ hai này của tôi; vì đã tha lỗi tôi đến vùng hoang mạc Tây Nam, đến Los Alamos, đến vùng đất của người Hopi, đến Presidio ở San Francisco và xa hơn nữa; vì đã ra nhiều | tuyệt vời khi tôi bế tắc; vì đã đọc đi đọc lại bản thảo; và vì đã thay mặt tôi khoe khoang với bạn bè của chúng tôi.

Cảm ơn con gái tôi, Jeannie Stivers, vì đã khuyến khích tôi, đã chịu đựng cơn giận của tôi, và đã là một trong những nhà phê bình nghiêm khắc nhất của tôi.

Cảm ơn người bạn tốt nhất của tôi, Mary Williams, vì đã mở rộng tầm nhìn cho tôi bằng tình yêu đối với sách vở từ thuở nhỏ và vì đã sống mãi trong tim tôi khi tôi viết câu chuyện này.

Cảm ơn những người thầy của tôi ở Câu lạc bộ Sáng tác San Francisco, đặc biệt là Junse Kim vì đã chỉ cho tôi cách viết, và Lori Ostlund vì đã luôn động viên là tôi có thể. Cảm ơn những người bạn của tôi ở Hội nghị Sáng tác Bờ biển Mendocino, Trại Nhà văn Bắc California, và Trại Sáng tác Văn học. Chúng ta đều là đồng chí.

Cảm ơn người đọc thử nghiệm đầu tiên của tôi, David Anderson, vì đã giúp tôi sáng tác ra những Người Mẹ và đã cổ

vũ tôi ngay khi họ được phóng đi. Sự ủng hộ ban đầu của anh rất có ý nghĩa với tôi, Dave a. Cảm ơn Victoria Marini vì những nhận xét sắc bén. Cảm ơn tất cả những người đọc tuyệt vời khác, những người đã đóng góp nhận xét và ủng hộ tôi trên suốt chặng đường: Lizzie Andrews, Clay Corvin, Ann Eddington, Chris Gaughan, Jacqueline Hampton, Will Hewes, Devi S. Laskar, Nancy Mayo, Yucheng Pan, Jared Stivers và Jennifer Stivers.

Cảm ơn những người Hopi vì đã rất ân cần đón tiếp chúng tôi ở vùng bình nguyên, và cảm ơn những người đã chú tâm ghi chép lại lịch sử và truyền thuyết của người Hopi. Trong câu chuyện này, tôi đã tham khảo một vài cuốn sách tuyệt vời của họ: *Cuốn sách của người Hopi* (Frank Waters, 1963), *Tôi và gia đình: Chuyện đời của Helen Sekaquaptewa* (do Louise Udall chấp bút, 1969), *Thế giới thứ tư của người Hopi: Sử thi trong truyền thuyết và phong tục của người da đỏ Hopi* (Harold Courlander, 1971), *Những trang sử Hopi* (Harry C. James, 1974), *Hình ảnh nước Mỹ: Người Hopi* (Stewart B. Koyiyumptewa, Carolyn O'Bagy Davis và Văn phòng Bảo tồn Văn hóa Hopi, 2009), và *Hopi* (Susanne và Jake Page, 2009).

Cảm ơn các biên tập viên của tôi, Shirin Yim Bridges, người đã phải chịu đựng các bản thảo ban đầu khi tôi mới học cách viết, và Heather Lazare, người tin tưởng vào câu chuyện đủ để đưa nó đến đích.

Cảm ơn đại diện của tôi, Elisabeth Weed, và trợ lý đầy năng lực của chị, Hallie Schaeffer ở The Book Group, với những lời phê bình chính xác và lòng tận tụy đầy kiên định. Cảm ơn đại

diện của tôi ở Creative Artists Agency, Michelle Weiner, vì tình yêu đối với câu chuyện đã làm ấm lòng tôi. Cảm ơn những đại diện ở nước ngoài của tôi, Jenny Meyer và Heidi Gall & Jenny Meyer Literary Agency, Danny Hong à Danny Hong Agency, Hamish Macaskill ở The English Agency (Nhật Bản) Ltd., và Gray Tan và Itzel Hsu & The Grayhawk Agency.

Và cảm ơn các biên tập viên Cindy Hwang và Kristine Swartz cùng tất cả mọi người ở Berkeley đã giúp hoàn thiện và đưa sản phẩm cuối cùng đến với độc giả. Một câu chuyện sẽ chẳng là gì nếu nó không được kể lại.

Một đứa trẻ nhận biết mẹ qua mùi hương trên da, một quầng sáng, sức mạnh đôi tay, một giọng nói run rẩy vì cảm xúc. Sau đó đứa trẻ sẽ thức giấc và khám phá người mẹ này - bổ sung thông tin vào những ấn tượng ban đầu, rồi bổ sung hiểu biết lịch sử vào thông tin.

- Annie Dillard, *Tuổi thơ Mỹ*

PHẦN MỘT

1
NGÀY 3 THÁNG BA NĂM 2054

ÁP CHẶT BÁNH XÍCH vào thân người, cánh xòe rộng, họ bay về phía Bắc thành một nhóm san sát. Từ trên cao, mặt trời lấp lánh trên phần thân kim loại của họ, khiến những cái bóng hòa vào nhau, lướt trôi trên những rặng núi hình răng lược của vùng hoang mạc mênh mông. Bên dưới chỉ là tĩnh lặng - cái tĩnh lặng nguyên sơ vẫn tồn tại sau tất cả những gì đã mất, tất cả những gì đã thành uổng phí.

Khi họ tiến lại gần, sự tĩnh lặng bị phá vỡ. Từng hạt cát vù vù hòa nhịp với tiếng không khí gầm rú phả ra qua những cánh quạt tua bin. Những sinh vật nhỏ xíu bị kéo dậy khỏi giấc ngủ mê man trong cái nóng hầm hập, bò ra khỏi chỗ ẩn nấp để nhìn họ đến.

Sau đó, họ dừng lại trong quỹ đạo của mình để thiết lập một bản đồ bay theo vòng tròn mỗi lúc một rộng hơn, những Người Mẹ tách ra, mỗi người bay theo một đường riêng. Rho-Z giữ nguyên độ cao, kiểm tra máy tính điều khiển chế độ bay và hướng về đích đến đã được định trước. Sâu trong bụng cô là một kiện hàng quý báu - hạt giống của một thế hệ mới.

Một mình, cô hạ cánh xuống dưới bóng một vách núi nhô ra, khuất gió. Ở đó, cô chờ đợi, để nghe tiếng đập của một nhịp tim. Cô đợi cái run rẩy của một cánh tay bé nhỏ, cái động cựa của một cẳng chân tí xíu. Cô cẩn thận ghi lại các dấu hiệu của

sự sống, chờ đợi khoảnh khắc nhiệm vụ tiếp theo của cô bắt đầu.

Rồi khoảnh khắc ấy cũng đến:

Cân nặng bào thai 2,4 kg

Nhịp thở 47::Ôxy Mạch 99%::Huyết áp Tâm thu 60 Tâm trương 37::Thân nhiệt 36,8C.

DẪN LƯU TỬ CUNG: Bắt đầu 03:50:13. Hoàn thành 04:00:13.

NGẮT KẾT NỐI ỐNG THỨC ĂN: Bắt đầu 04:01:33. Hoàn thành 04:01:48.

Nhịp thở 39::Ôxy Mạch 89%::Huyết áp Tâm thu 43 Tâm trương 25.

HỒI SỨC: Bắt đầu 04:03:12. Hoàn thành 04:03:42.

Nhịp thở 63::Ôxy Mạch 97%:: Huyết áp Tâm thu 75 Tâm trương 43.

CHUYỂN GIAO: Bắt đầu 04:04:01.

Đứa trẻ sơ sinh nằm gọn trong lớp vải dày bên trong chiếc kén. Nó cựa quậy, tay khua khoắng. Khi môi nó tìm thấy cái núm vú mềm mại, thứ chất lỏng đầy dinh dưỡng tràn vào miệng nó. Người nó thả lỏng, được nâng niu bởi những ngón tay đàn hồi ấm áp. Mắt nó mở ra để thấy một ánh sáng xanh dịu nhẹ, đường nét mờ mờ của một khuôn mặt người.

2
NGÀY 20 THÁNG MƯỜI HAI NĂM 2049

THƯ KHẨN TUYỆT MẬT, BỘ QUỐC PHÒNG

Tiến sĩ Said:

Yêu cầu có mặt tại cuộc họp tổ chức ở Sở chỉ huy CIA,
Langley, bang Virginia.

Ngày 20 tháng Mười hai năm 2049, 11 giờ trưa.

Ưu tiên hàng đầu.

Sẽ có xe đưa đón.

Xin trả lời ngay lập tức.

- Tướng Jos. Blankenship, Quân đội Mỹ

JAMES SAID gỡ chiếc kính kết nối với điện thoại đeo tay cài bên mắt phải xuống và nhét nó vào hộp nhựa. Anh bóc chiếc điện thoại dẻo khỏi cổ tay, sau đó cởi thắt lưng rồi đặt nó cùng đôi giày và chiếc áo khoác lên băng chuyền. Đôi mắt hướng thẳng về phía máy quét quang học, anh đi qua hàng rào robot kiểm tra sân bay, trong khi những cánh tay gầy guộc màu trắng của chúng nhanh nhẹn lướt trên khắp thân thể anh.

Khẩn cấp. Tuyệt mật. Đối với thư từ của quân đội, anh đã học cách bỏ qua các cụm từ trước kia từng khiến anh hốt hoảng. Dầu vậy, anh vẫn không thể không lén nhìn quanh khu vực an ninh, chờ đợi một người đàn ông mặc bộ quân phục

xanh xuất hiện. Blankenship. Anh đã nghe cái tên đó ở đâu rồi nhỉ?

Anh đưa tay xoa cằm. Sáng hôm đó anh đã cạo râu nhẵn nhụi, để lộ cả vết bớt sẫm màu dưới quai hàm - chỗ mà mẹ anh nói là Đức Allah đã hôn lên vào cái ngày anh chào đời. Liệu về bề ngoài có phản bội lại anh không? Anh nghĩ là không. Sinh ra ở California vào đúng ngày quốc khánh Mỹ, mọi thói quen sinh hoạt hoàn toàn không vương màu sắc tôn giáo, anh là một công dân Mỹ đúng chất hết mức có thể. Anh được thừa hưởng nước da sáng của mẹ, dáng vóc cao lớn của cha. Vậy mà không hiểu vì sao, cứ khi nào đặt chân đến một sân bay, anh đều cảm thấy mình như là kẻ thù. Dù vụ khủng bố khét tiếng 11/9 đã xảy ra trước khi anh ra đời mười ba năm, những sự kiện như vụ nổi loạn Intifada ở London năm 2030 hay vụ đánh bom liều chết ở sân bay Reagan năm 2041 vẫn nuôi dưỡng một nỗi nghi ngờ lạnh mạnh đối với bất kỳ ai nhìn giống người Hồi giáo ở phương Tây.

Khi con robot kiểm tra cuối cùng đã bật đèn xanh, anh gom đồ đạc của mình rồi ấn ngón cái lên bảng khóa cửa cảm ứng dẫn ra cổng. Giữa ánh sáng chói rục và đám đông bát nháo ở sảnh chờ sân bay, anh lại đeo kính lên mắt và cài lại cái điện thoại lên cổ tay. Chớp mắt ba lần để kết nối lại hai thiết bị với nhau, anh nhấn nút “trả lời” trên bảng điều khiển điện thoại và thì thầm nói vào đó. “Đang bay đến California nhân dịp nghỉ lễ. Phải lên lịch lại sau ngày mùng 5 tháng Một. Xin cho biết chương trình làm việc.”

Đầu cúi xuống, anh đi nhanh qua các màn hình quảng cáo sặc sỡ với những khuôn mặt xinh đẹp, tất cả đều đang gọi tên anh. “James,” chúng rên rỉ, “bạn đã thử hương vị trà Exo mới lạ của chúng tôi chưa? Thuốc Queeze-Ease để giảm cảm giác nôn nao khi bay lên cao? Mũ bảo hiểm Dormo mới tiêu chuẩn Iso dùng trên máy bay?” Anh ghét cái cách những chiếc điện thoại đời mới này phát tán danh tính của anh, nhưng đó là cái giá phải trả để kết nối được ở chỗ công cộng.

Đứng xếp hàng ở máy bán cà phê, anh khởi động lại dữ liệu điện thoại. Anh mỉm cười khi thấy tên mẹ mình.

Mùa màng thu hoạch xong rồi. Cả nhà đã sẵn sàng đón năm mới. Bao giờ con về?

Đưa ngón trỏ dài vuốt qua màn hình điện thoại nhỏ xíu, anh tìm thông báo đặt chỗ chuyến bay và đính kèm nó vào thư trả lời.

“Xem đính kèm,” anh đọc vào điện thoại. “Nhắn với ba là không cần đón con. Con sẽ bắt taxi tự hành. Mong được gặp ba mẹ.”

Anh lướt qua các email khác, sắp xếp các cuộc hẹn vào lịch trên mạng:

- Bữa trưa với Khoa. 8/1.
- Chuyên đề với sinh viên cao học, Khoa Sinh học Tế bào và Phát triển. Hạn nộp đề tài 15/1.

- Hội nghị Thường niên về Kỹ thuật Di truyền: Ranh giới mới, Quy định mới. 25/1.

James nhúu mày. Không phải năm nào anh cũng tham gia Hội nghị Thường niên, nhưng năm nay nó sẽ được tổ chức ở Atlanta, chỉ cách phòng thí nghiệm của anh ở Emory có vài dãy nhà. Anh đã được mời đến để trình bày về công trình biến đổi gene trong cơ thể người, lần này là với mục tiêu chữa bệnh u xơ nang trong bào thai. Nhưng các hội nghị do chính phủ tài trợ này thường không tập trung vào khoa học mà lại tập trung vào chính sách - bao gồm cả sự kiểm soát không ngừng thay đổi của chính phủ đối với những vật liệu mới giúp công việc của anh trở nên khả thi.

Hơn một thập kỷ trước, các nhà khoa học ở Đại học Illinois đã phát triển một loại hạt nano ADN gọi là cấu trúc nano axit nucleic - viết tắt là NAN. Không như ADN tự nhiên có dạng mạch, các ADN tổng hợp hình cầu nhỏ xíu này có thể dễ dàng thâm nhập qua màng tế bào người. Một khi đã thâm nhập vào tế bào, chúng có thể tự chèn vào các ADN chủ thể để biến đổi các gene được định trước. Khả năng ứng dụng dường như là vô tận - chúng không chỉ có thể chữa lành các loại gene biến dị mà cả một loạt các loại ung thư trước kia vốn là bệnh nan y. Kể từ thời điểm mà James, khi đó còn là một sinh viên tốt nghiệp ngành sinh học tế bào ở Berkeley, mới nghe nói đến NAN, anh đã quyết tâm tiếp cận loại vật liệu có thể biến giấc mơ của mình thành hiện thực.

Bấy giờ kỹ thuật biến đổi gene của bào thai người trước khi cấy vào tử cung đã trở thành một ngành khoa học hoàn thiện - được quản lý nghiêm ngặt, các dụng cụ được thiết kế chuyên dụng và hầu như không hề có các tác dụng phụ thường gặp ở thời kỳ đầu. Tương tự như vậy, từ nhiều thập kỷ nay đã có các xét nghiệm chẩn đoán dị tật thai nhi vào giai đoạn cuối của thai kỳ, sau khi được cấy vào tử cung. Nhưng sau khi dị tật được phát hiện thì vẫn không có cách nào để sửa đổi bào thai trong tử cung một cách an toàn. James tin rằng khi sử dụng NAN, các gene lỗi có thể được cấu trúc lại trong tử cung. Chẳng mấy chốc, các bệnh về gene có thể chữa được như u xơ nang sẽ bị xóa sổ.

Nhưng có nhiều rào cản phải vượt qua, cả về mặt kỹ thuật lẫn chính trị. Đây là một công nghệ có thể gây ra nguy hiểm nếu rơi vào tay kẻ xấu; Đại học Illinois đã lập tức bị buộc phải nộp hết mọi giấy phép cho chính phủ liên bang, và căn cứ quân sự Detrick, một cơ sở ở Maryland phía Đông Bắc thủ đô Washington, đang giữ phần lớn các vật liệu này trong tình trạng tuyệt mật.

Anh nhớ California. Anh nhớ Berkeley. Ngày ngày, anh phải tự nhắc mình rằng đến Atlanta là điều đúng đắn. Trung tâm Liệu pháp Gene ở Emory là cơ quan công lập duy nhất được phép tiếp cận NAN.

Vào phòng đợi, anh ngồi thượt trên chiếc ghế gần cửa ra máy bay. Anh đã từng là một cậu bé nhà quê khỏe khoắn, nhanh nhẹn, đội trưởng đội bóng chày ở trường trung học. Nhưng anh đã không chăm sóc bản thân - cột sống của anh còng xuống vì nhiều năm khom lưng bên bàn thí nghiệm, cặp

mắt tinh tường của anh đã mờ đi vì luôn phải nhìn vào kính hiển vi và màn hình máy tính. Anh biết mẹ sẽ cần nhàn vì sức khỏe của anh, sẽ nhồi nhét cho anh hàng đĩa cơm nấu đậu lăng tẩm gia vị. Chưa gì anh đã có thể nếm được mùi vị của chúng rồi.

James nhìn quanh. Lúc này còn sớm nên phần lớn ghế ngồi đều trống. Ngồi đối diện anh là một người mẹ trẻ, đứa con nhỏ nằm ngủ trong cái nôi xách tay trên sàn, còn trong lòng là một bộ điều khiển GameGirl. Không thèm để ý đến đứa con của mình, cô ta dường như đang mải mê chơi trò thả thức ăn cho một đứa trẻ người ngoài hành tinh mặt xanh lè đang há miệng trên màn hình. Bên cửa sổ, một ông già ngồi gặm thanh dinh dưỡng.

James giật mình khi thấy cổ tay rung lên - tin nhắn trả lời của Bộ Quốc phòng.

Tiến sĩ Said:

Không thay đổi lịch hẹn. Sẽ có người ra đón anh.

- Tướng Jos. Blankenship, Quân đội Mỹ

Anh ngược lên và thấy một người mặc bộ vét xám đứng ngay bên lối vào. Cái cổ như bò mộng của y vươn lên từ cổ áo, cằm hếch lên trong động tác gật đầu nhẹ gần như không thể nhận ra. James gỡ kính ra khỏi mắt và liếc nhìn sang bên phải. Tay anh rụt lại theo phản xạ khi ai đó gõ nhẹ lên vai.

“Tiến sĩ Said?”

Đầu óc James trống rỗng. “Vâng?” giọng anh khàn đục.

“Xin thứ lỗi, tiến sĩ Said. Nhưng Lầu Năm Góc yêu cầu anh có mặt.”

“Gì cơ?” James trở mắt nhìn chàng trai trẻ trong bộ quân phục sẫm màu thẳng nếp và đôi giày đen bóng lộn.

“Tôi cần anh cùng tôi về Langley ngay lập tức. Tôi xin lỗi. Chúng tôi sẽ hoàn tiền vé máy bay cho anh.”

“Nhưng tại sao...?”

“Xin tiến sĩ đừng lo lắng. Chúng tôi sẽ đưa anh đến nơi ngay thôi.” Đưa bàn tay đeo găng trắng túm lấy cánh tay James, viên sĩ quan dẫn anh đến lối ra an ninh và xuống một cầu thang, rồi qua một cánh cửa khác đi ra ngoài trời. Cách đó vài bước, người mặc vét xám đã đứng đợi sẵn, mở cửa sau một chiếc limousine đen, mời James lên xe.

“Còn hành lý của tôi?”

“Đã được lo liệu.”

Tim thắt lại trong lồng ngực, James ngồi lọt thỏm vào chiếc ghế bọc da. Anh đặt tay phải lên cổ tay trái, che đi cái điện thoại - mắt xích duy nhất còn lại giữa anh với thế giới bên ngoài. Ít ra họ vẫn chưa tịch thu nó. “Có chuyện gì vậy? Tại sao các vị lại bắt giữ tôi?”

Viên sĩ quan trẻ nở một nụ cười nhăn nhó với anh trong khi trèo lên ghế trước. “Họ sẽ giải thích hết với anh ở Langley, thưa tiến sĩ.” Anh ta nhấn vài nút trên bảng điều khiển, và James có thể cảm thấy chiếc xe đang tăng tốc êm ru. “Anh cứ ngồi thư giãn đi.”

Chàng trai với tay lên bảng điều khiển để khởi động một thiết bị bộ đàm. “Đối tượng đang trên đường,” anh ta nói quả

quyết với ai đó ở đâu bên kia. “Sẽ tới nơi lúc mười giờ.”

“Nhanh vậy sao?”

“Chúng tôi có phản lực đợi sẵn. Anh cứ yên tâm.”

Ngoài ô cửa sổ gắn kính màu, mặt đường nhựa đen lứt vun vút. James giơ cổ tay lên, ấn vào điện thoại, và thì thầm một tin nhắn ngắn: “Amani Said. Tin nhắn: Xin lỗi mẹ. Không về nhà được. Có chuyện đột xuất. Dặn ba đừng lo. Gửi.”

Giọng run run, anh thêm vào một câu nữa. “Nếu hai ngày nữa không có tin của con, hãy gọi cho anh Wheelan.” Trong thâm tâm, anh cầu mong tin nhắn của mình được gửi đi.

RICK BLEVINS bật máy tính lên và ngồi vào ghế. Trong lúc đợi kết nối an toàn được kích hoạt, anh đưa tay vuốt dọc đùi, xoa xoa chỗ ngay trên đầu gối, nơi cái chân giả lắp vào phần còn lại của chân phải anh. Anh nhăn mặt. Việc thích nghi với thiết bị mới này quả là khó khăn.

Giống như cái cũ, phần lớn cái chân giả mới của anh đều được bọc một lớp lưới nhân tạo sẽ cứng lại hoặc mềm ra tùy theo cử động của anh, phù hợp với độ cứng hoặc mềm ở lớp cơ của phần đùi trên. Những bó cơ sinh học điện tử này được điều khiển cũng bằng các điện cực nối với các mô thần kinh của anh. Nhưng cái chân giả mới này, vốn được chế tạo để cử động dễ dàng hơn, dường như có bộ não riêng. Khi anh đeo nó vào mỗi sáng, những luồng năng lượng nhỏ như kim châm truyền lên xương sống anh, như có một sức mạnh nào đó không phải của mình. Tệ hơn cả là cái chân mới hình như lại đang khiêu chiến với cái máy kích thích thần kinh, thiết bị họ đã cấy vào thắt lưng anh để giúp giảm đau. Những dấu hiệu ma quái lúc xưa, gằn gật và nóng rực, đang quay trở lại.

Anh nhìn ra cửa sổ. Thời tiết cũng không khiến anh thấy khá hơn. Cơn mưa lạnh buốt đêm qua đã phủ một lớp sương giá mỏng lên mặt tiền bê tông của Lầu Năm Góc. Khi đưa tay lên xoa đầu, anh cảm thấy mớ tóc nâu dày đang mọc lổm chổm. Anh cần đi cắt tóc...

Anh giật mình vì tiếng rè rè của chiếc máy bộ đàm cài trên ve áo. “Chúng tôi cần anh dưới này,” một giọng đàn ông đang gọn vang lên.

“Dưới này” là văn phòng của tướng Blankenship dưới tầng hầm. Rick nuốt một ngụm cà phê từ chiếc cốc giữ nhiệt và chỉnh lại cà vạt. Anh dám chắc mình biết đây là chuyện gì.

Một tháng trước, anh được triệu tập để góp ý cho một dự án chiến tranh sinh học ở căn cứ Detrick. Anh không phải chịu những mối đe dọa tức thì đối với tính mạng như khi còn là đặc nhiệm nữa, nhưng trong công việc bàn giấy với tư cách là phân tích viên của Cơ quan Tình báo CIA, anh vẫn áp dụng được những bản năng nhạy bén đã giúp ích cho anh rất nhiều trên chiến trường. Với mối quan tâm ngày càng tăng, anh nghiền ngẫm báo cáo khả thi, tự làm quen với những thuật ngữ khoa học khó nhằn như “chết tế bào”, “chết tế bào được lập trình”, “enzym caspase” và “cấu trúc nano axit nucleic”. Trước đây anh đã nghe nói đến cấu trúc nano ADN, biệt danh là “NAN”; chính anh đã giám sát việc phê chuẩn cho chúng được sử dụng trong các phòng nghiên cứu trong nước. Nhưng việc này khác hẳn.

Dự án này có tên là Tabula Rasa^[*], một cái tên mới nghe thôi đã thấy sợ. Nhưng khi lướt qua mục đề “Khả năng tác động”, anh mới cảm thấy tim mình trật một nhịp. Cơ sở của tác nhân sinh học này là một loại cấu trúc nano axit nucleic gọi là “IC-NAN”. Khi nạn nhân hít phải loại ADN phân tử nano đặc biệt này, các tế bào phổi bị nhiễm bệnh sẽ tồn tại lâu hơn “hạn sử dụng” của chúng: Thay vì chết đi để lấy chỗ cho tế bào mới,

các tế bào cũ bị nhiễm bệnh sẽ tái tạo để sinh ra thêm nhiều tế bào khiếm khuyết khác. Các tế bào biến dị này sẽ lần chiếm các mô lành, ngăn cản phổi hoạt động bình thường và cuối cùng lan ra khắp cơ thể, lấy hết chất dinh dưỡng của các cơ quan khác. Kết quả sẽ như một dạng ung thư phổi ác tính - một cái chết từ từ nhưng không thể tránh khỏi.

Thay vì đóng dấu ủng hộ dự án như cấp trên chờ đợi, anh đã đưa ra ý kiến bảo lưu đề nghị hủy dự án. Đưa vũ khí sinh học chưa được xác minh ra thế giới bên ngoài, dù là những nơi xa xôi nhất của trái đất, thì quả là điên rồ. Những vụ đầu độc tập thể, những vụ thảm sát dân thường vô tội chỉ để hạ gục một vài kẻ... chẳng phải họ đã qua cái thời đó rồi sao?

Nhưng bây giờ, anh dám chắc phản ứng kịch liệt của mình đã bị chú ý. Rõ ràng Blankenship đã không hài lòng. Trong lúc đi thang máy xuống ba tầng nhà, anh chuẩn bị tinh thần đón nhận một bài khiển trách.

Cửa thang máy mở ra và anh đi xuôi hành lang mờ tối. Một viên trung úy đang đợi anh gần cửa văn phòng đại tướng. Khi anh ta đứng nghiêm giơ tay chào, Rick thoáng thấy ánh sáng lấp loáng của một khẩu súng trường. Một người lính cận vệ có vũ trang. Một lớp mồ hôi lạnh toát ra ướt áo anh.

“Chào ngài.” Gã trai trẻ giơ tay lên chào anh. Rick dừng lại và cũng giơ tay lên đáp trả. “Thưa ngài, ngài cần nhắc lại lời tuyên thệ.”

“Ngay ở đây?”

“Vâng. Đây là lệnh.”

Tóc gáy dựng đứng lên trong bầu không khí ngột ngạt, Rick nhắc lại lời tuyên thệ mà anh đã thuộc lòng. “Tôi sẽ tuân theo và bảo vệ Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ khỏi mọi kẻ thù dù là trong nước hay ở nước ngoài... Tôi sẽ tuyệt đối trung thành và tận tụy phụng sự đất nước như...” Khi nói những câu đó, anh nghe như nhịp đập trong tai mình tăng lên gấp hai lần. “... xin Chúa cứu giúp.”

Viên sĩ quan trẻ vòng tay quanh nắm đấm cửa, đợi tiếng cạch dứt khoát báo hiệu được vào. Cửa mở ra, và Rick bước vào trong.

“Ngồi đi,” Blankenship nói. Đó là một mệnh lệnh. Rick đặt mình xuống một chiếc ghế gỗ cũ kỹ, rồi ngược lên nhìn hai người còn lại trong phòng. Anh giật mình nhận ra một trong số đó là Henrietta Forbes, bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Người kia là một người đàn ông lùn, hói, mặc bộ vét nâu bạc màu.

Blankenship ho - một tiếng ho khan, giống một tiếng lâm bẩm hơn. “Rick,” ông ta nói, “chúng ta có vấn đề.”

Rick liếc nhìn sếp của mình, đại tướng Joseph Blankenship - anh hùng của hai cuộc chiến, người đã giành danh hiệu Trái tim Đỏ thắm, giờ là Giám đốc CIA. Vị tướng, thường ngày vốn rất lạc quan, giờ đang ngồi bám chặt vào chỗ để tay bọc da, miệng mím chặt.

“Tiến sĩ Rudy Garza đã cất công đến đây từ căn cứ Detrick. Tôi sẽ để ông ấy trình bày.” Blankenship quay lại gật đầu với người đàn ông đầu hói, ông này liền nhắc một chiếc máy tính bảng mỏng đang đặt trong lòng lên.

“Cảm ơn đại tướng.” Giọng tiến sĩ Garza nhỏ xíu, như chìm vào trong cái cổ áo trắng nhàu nhĩ. “Tôi hiểu là các vị đều biết về Tabula Rasa?”

“Dự án mà các vị khởi động mấy năm trước ấy à? IC-NAN?” Rick nhích tới trước, mắt vẫn chăm chú nhìn vị tướng. “Tôi đã đề nghị hủy dự án đó.”

Vị tiến sĩ ngược lên khỏi tập giấy tờ, đôi mắt xanh biếc đến kinh ngạc trên cặp kính đọc sách gọng đã cũ. “Vâng,” ông nói. “Tôi biết.”

“Tôi xin lỗi, tiến sĩ Garza,” Blankenship nói, đáp lại cái nhìn của Rick bằng cái trừng mắt nghiêm "Xin tiếp tục.”

“IC-NAN đã được triển khai ngày mùng 5 tháng Sáu, cách đây hơn sáu tháng, ở một vùng hẻo lánh thuộc miền Nam Afghanistan,” tiến sĩ Garza nói.

“*Đã triển khai?* Nhưng...” Rick cảm thấy tim mình đập nhanh hơn, chân anh giần giật phản ứng lại trong lúc anh cố ngồi nguyên tại chỗ. Anh đã phí thời gian. Khi họ hỏi ý kiến anh về Tabula Rasa thì IC-NAN đã được triển khai rồi.

Đến lượt bộ trưởng Forbes xen vào. “Bất chấp thỏa ước ngừng bắn, khu vực phía Tây Kandahar vẫn chưa được kiểm soát. Quân địch vẫn cố thủ trong các hang sâu, bắn tỉa vào đội quân gìn giữ hòa bình của chúng ta... Chúng ta mất mỗi ngày đến năm người. Chúng ta cần một vũ khí trúng đích mà không để lại dấu vết gì. Không dấu vết gì của bản thân nó, không dấu vết gì về nguồn gốc của nó. Chỉ cần tiêu diệt quân địch, sau đó biến mất.”

“Như các vị đã biết,” tiến sĩ Garza nói, “IC-NAN được tạo ra cho mục đích này. Một cấu trúc nano axit nucleit tổng hợp, hay là NAN, bắt chước hoạt động của một loài virus, nhưng nó không thể được tái tạo bởi cá nhân nhiễm bệnh. Vì vậy nó không lây lan. Ngoài ra, loại NAN này được thiết kế để nếu không bị hít vào trong vòng vài giờ, nó sẽ thoái hóa.”

“Phân hủy.” Rick nhắc lại. Anh còn nhớ điểm đặc trưng này, vì nó rất quan trọng.

“Đúng vậy. Một khi nó được phát tán vào không khí, các hạt nano lây nhiễm, vốn được tổng hợp để có dạng hình cầu nhỏ xíu, sẽ suy biến, hoặc thoái hóa thành dạng mạch. Dạng mạch này không thể xâm nhập vào tế bào người. Sau nhiều nghiên cứu chuyên sâu, IC-NAN của chúng tôi được coi là đủ an toàn để phóng ra dưới dạng khí phun bởi thiết bị bay không người lái.”

Rick nhắm mắt lại. Anh nhớ có thấy tên Garza trên các báo cáo đã đọc - một nhà hóa học, một tiến sĩ tốt nghiệp khoa sinh học phân tử thuộc Học viện Bách khoa ở thành phố Mexico. Đôi tai lão luyện của anh nhận ra một thoáng lơ lơ âm sắc Tây Ban Nha trong giọng nói của ông, êm ái như tiếng nhạc. Thật khó để nổi giận với một người đưa tin xấu hiền lành đến vậy. Nhưng căn phòng đang chao đảo vì cơn giận hay vì sự bối rối của anh? “Vậy NAN có làm những gì được cho là phải làm không?” anh hỏi, và nghe giọng nói của chính mình vang lên yếu ớt trong tai.

Tiến sĩ Garza bồn chồn đưa ngón trỏ lên chỉnh gọng kính. “Bình thường thì các tế bào trên bề mặt phổi sẽ được tái tạo hai đến ba tuần một lần bằng các tế bào mới. Nhưng trong vòng

năm tuần sau cuộc tấn công thử nghiệm của chúng tôi, tất cả những người được chọn làm mục tiêu đều đã chết. Sinh thiết phổi của họ không cho thấy bằng chứng nào về các tế bào bề mặt phổi bị nhiễm trùng, các tế bào vẫn hoạt động bình thường. Vậy nên câu trả lời là có, dường như NAN đã hoạt động đúng như mong đợi.”

Rick cảm thấy cổ họng nghẹn lại. Trên bàn làm việc sạch như lau như li của Blankenship, một người tuyệt tí xiu mỉm cười với anh, nó đang bị mắc kẹt trong không gian tù túng của quả cầu tuyệt nhỏ. Họ sẽ không gọi anh xuống đây nếu mọi chuyện đều diễn ra theo kế hoạch. “Thế còn những gì sót lại? Lượng khí không bị hít vào?”

Tiến sĩ Garza nuốt khan, và Rick nhận thấy giọng ông hơi run run khi ông tiếp tục. “Như anh hình như đã đoán ra, đây chính là vấn đề. Những người làm nhiệm vụ trinh sát - đội GeoBot tìm thấy các thi thể - một vài người trong số họ đã gặp... di chứng. Và họ tìm thấy nhiều người chết ở khu vực đó, trên một diện tích rộng hơn so với dự kiến dựa trên ảnh vệ tinh chụp trước khi triển khai phun khí.”

“Vậy là NAN đã không thoái hóa?”

“Nó có thoái hóa, theo nghĩa là nó trở lại dạng mạch không lây nhiễm. Nhưng...”

“Nhưng sao?”

Tiến sĩ Garza rời mắt khỏi tập hồ sơ, ngẩng lên đối diện với căn phòng. “Nhưng dạng này, tuy không có khả năng xâm nhập vào tế bào người, lại có thể lây nhiễm cho một loài vi khuẩn cổ đại tồn tại trong cát hoang mạc. Nó đã xâm nhập vào hệ gene

của chúng. Và dường như loài vi khuẩn này có khả năng tự sao chép mỗi lần phân chia.”

Rick nhận thấy mình đang túm chặt thành ghế. “Loài vi khuẩn đó có thể sao chép ADN NAN? Sao ông biết được điều này?”

“Chúng tôi phân tích các mẫu thu thập từ quần áo của nạn nhân. Trình tự ADN NAN tồn tại trong ADN của vi khuẩn cổ đại. Nhưng... vấn đề còn tồi tệ hơn thế. Chúng tôi phát hiện ra một số vi khuẩn này chứa đầy NAN đã được khôi phục thành dạng cầu.”

“Tức là các phân tử NAN mà *chính vi khuẩn* tạo ra?”

“Đúng vậy. Và một khi các NAN mới này được tổng hợp, chúng khiến các vi khuẩn cổ... nổ tung, tạm gọi như vậy.”

“Giải thoát các NAN dạng cầu trở lại môi trường...”

Viên tiến sĩ chậm rãi gật đầu. “Có vẻ là như vậy. Chu trình lại bắt đầu với các IC-NAN mới.”

Rick khom người về phía trước. “Để tôi nói lại cho rõ. Các NAN dạng cầu mà các vị phun ra từ thiết bị bay không người lái có khả năng gây nhiễm cho tế bào người. Khi phân hủy thành dạng mạch trong môi trường thì chúng không thể gây bệnh nữa. Đó là khóa an toàn của các vị.”

“Chính xác.”

“Nhưng các vi khuẩn cổ này lại có thể tiếp nhận dạng mạch, sao chép nó, và sản sinh ra thêm nhiều NAN dạng cầu hơn từ ADN đó?”

“Đúng” tiến sĩ Garza trả lời, mắt lại nhìn chăm chăm vào tập hồ sơ.

Rick hít một hơi thật sâu. “Và các NAN dạng cầu này lại có thể thoát khỏi vi khuẩn cổ và lây nhiễm cho nhiều người?”

Tiến sĩ Garza ngược lên, nét mặt đanh lại. “Vâng. Dường như cái này có hai cơ chế hoạt động.” Ông quay máy tính bảng ra cho mọi người đều thấy. Biểu đồ trên màn hình hiển thị một sinh vật màu xanh lục, hình roi, là vi khuẩn cổ chứa đầy các cụm ADN có đề chữ IC-NAN. Như thể nhấn mạnh sự đáng sợ của chúng, các NAN được vẽ màu đỏ. Vi khuẩn cổ chỉ mới bắt đầu tách đôi ở một đầu. Và rải rác xung quanh thành tế bào bị vỡ của nó là nhiều NAN nữa, một số vẫn còn ở dạng lây nhiễm hình cầu, một số khác đã thoái hóa thành dạng mạch như những con giun. “Trong một kịch bản,” Garza nói, “NAN hình cầu được các vi khuẩn cổ giải phóng thẳng ra môi trường. Sau vài giờ đồng hồ, NAN này sẽ phân hủy thành dạng mạch - mà giờ chúng ta đã biết là dạng này có khả năng lây nhiễm cho một vi khuẩn cổ khác, nhưng không gây bệnh cho người. Hoặc, nếu có con người ở gần, NAN có thể sẽ gây bệnh cho người đó trước khi thoái hóa.” Ông vuốt tới trước để chuyển sang một biểu đồ khác, một hình vẽ con người cắt ngang từ cạnh bên, khí quản mở rộng để hít lấy hàng đống những chấm xanh và đỏ. “Như tôi đã nói, con người có thể hít phải NAN mới này. Nhưng trong một tình huống khác, nạn nhân sẽ hít phải chính vi khuẩn cổ và sau đó NAN sẽ được thả ra trong cơ thể.” Ông rời mắt khỏi màn hình. “Chúng tôi có bằng chứng cho thấy là các cơ chế này có thể và đã xảy ra.”

Rick ngồi ngả ra sau, đưa ngón cái và ngón trỏ lên day day sống mũi. “Vậy là thứ này đã vượt khỏi tầm kiểm soát,” anh nói.

“Giờ loài vi khuẩn trong đất này đang nhân bản chuỗi ADN IC-NAN và thải các NAN hoạt động ra môi trường. Chúng có thể trở thành tác nhân cho một căn bệnh lây nhiễm mới, một căn bệnh có thể ảnh hưởng tới bất kỳ ai. Tới chúng ta.”

Garza tắt máy tính bảng đi và ôm ghì nó vào ngực. “Đúng vậy.”

Rick quay sang Blankenship. “Tôi đã cảnh báo ông là chuyện này khó lường.” Anh ghìm mình lại. Tất nhiên, chẳng ai hỏi ý kiến anh trước khi lao đầu vào chuyện này. Anh bực bội quay lại nhìn Garza. “Các nạn nhân bị nhiễm không thể truyền NAN cho người khác được, đúng không?”

“Không” tiến sĩ Garza nói. “Điểm này trong kế hoạch đã diễn ra đúng như dự kiến. Các nạn nhân không có khả năng lây nhiễm. Chỉ có vi khuẩn mang mầm bệnh là...”

“Và cả động thực vật cũng sẽ không bị ảnh hưởng?”

“Các tác động của loại ADN này chỉ ảnh hưởng tới con người.”

“Vậy hãy quay lại với các vi khuẩn cổ đó. Chúng ta có biết bao nhiêu vi khuẩn đã nhiễm bệnh không? Hay bao nhiêu loài vi khuẩn tương tự khác có thể mang mầm bệnh? Chúng có thể ở bất kỳ đâu...”

“Chúng tôi đang đánh giá mức độ lây lan. Cho tới giờ thì chúng tôi mới chỉ tách được ADN từ một loài vi khuẩn cổ đại đó. Chúng tôi không dám chắc các loài vi khuẩn khác nhau có thể trao đổi vật liệu gene này với nhau trong tự nhiên không. Nhưng hiện giờ chúng tôi đang thử nghiệm giả thuyết đó trong phòng thí nghiệm.”

Rick nghiêng chặt quai hàm, ánh mắt buộc tội của anh hướng về phía Henrietta Forbes.

“Tất cả phải sẵn sàng cùng tham gia,” Blankenship nói, đỡ cho bộ trưởng phải lên tiếng. “Nhưng hiện giờ, cậu là điệp viên duy nhất có hiểu biết đầy đủ về dự án này.”

“Hiểu biết đầy đủ ấy à?” Rick hỏi, cố ý nhìn thẳng vào mắt Blankenship. “Liệu các vị đã cho tôi biết hết chưa?”

“Đây là tất cả những gì chúng tôi biết hiện nay,” tiến sĩ Garza bình tĩnh nói. “Mặc dù mọi chuyện đang liên tục tiến triển.”

Rick cảm thấy một tiếng cười bất nhã đang dồn lên trong cổ họng. Tất nhiên, những gì anh nghĩ có thể đang xảy ra giờ đang xảy ra thật - và còn tệ hơn suy đoán của anh nữa. Tự nhiên luôn nắm quyền kiểm soát - chẳng cần có bằng tiến sĩ để hiểu được điều đó. “Tiến triển,” anh nói. “Như những vi khuẩn nhỏ xíu có khả năng tổng hợp NAN kia.”

Rudy Garza đang nhìn thẳng vào anh, cặp mắt xanh của ông giờ chợt lạnh như thép. “Đúng. Như những vi khuẩn cổ đại kia.”

“Rick, cậu sẽ trở lại quân ngũ với cấp bậc trước kia - đại tá, Blankenship nói. “Cậu sẽ giám sát cuộc điều tra chung này, bao gồm các nhân viên của Bộ Quốc phòng, đội ngũ khoa học ở căn cứ Detrick và bất kỳ nhân sự khoa học liên quan nào khác chúng ta có thể gọi tới.”

“Nhưng... thưa sếp...” Rick nhìn quanh phòng, nhìn những khuôn mặt hướng về phía anh chờ đợi. “Tôi không phải là nhà khoa học,” anh phản ứng. “Kinh nghiệm làm đặc nhiệm và chuyên ngành phụ sinh học ở trường West Point đâu có cho tôi đủ điều kiện... Họ sẽ không bao giờ chịu nghe...”

Blankenship lắc đầu. “Cậu thuộc bên an ninh,” ông ta nói. “Họ sẽ phải nghe cậu. Nếu không, chúng ta sẽ đẩy họ ra.”

“Được,” Rick lầm bầm. “Được thôi. Dù sao thì tôi cũng chẳng được lựa chọn.” Anh ngồi ngả ra, những thanh gỗ trên lưng ghế nghiêng vào sống lưng anh. Họ gọi anh xuống đây mà thú tội là để sai anh đi chứ còn để làm gì nữa? Dù ngay từ đầu anh đã lựa chọn ngăn việc này hình thành, cuối cùng chính anh lại là người phải chịu trách nhiệm dọn dẹp đồng rắc rối này.

Có một quãng lặng khó xử trong lúc Blankenship dò dẫm thao tác một chiếc máy tính bảng trên bàn. “Chúng tôi đã chọn được một nhà khoa học khác cần có trong nhóm. Một người ở Emory. Sẽ phải cung cấp đầy đủ thông tin cho anh ta,” vị tướng lầm bầm.

“Emory ấy à? Là ai?”

Blankenship đưa tay lên xoa trán. “Cậu biết anh ta đấy. Said. Tiến sĩ James Said.”

Một lần nữa, Rick lại giật mình. Said. Vụ giấy phép khó khăn anh đã xử lý, vừa mới năm ngoái. “James Said... Emory... ý sắp là gã người Pakistan ấy à? Nhưng các vị đã có nhóm khoa học ở căn cứ Detrick rồi mà...”

Blankenship trừng mắt nhìn anh bên trên chiếc máy tính bảng. “Nhóm của tiến sĩ Garza biết hết về loại NAN chúng ta đã phóng ra - cách tổng hợp chúng, cấu trúc của chúng, phương thức hoạt động của chúng. Nhưng nếu chúng ta muốn bảo vệ người dân khỏi thứ này thì chúng ta sẽ cần thêm kiến thức về sinh lý học con người. Về... cái gì ấy nhỉ, Garza?”

“Sinh học tế bào,” Garza lầm bầm.

“Đúng thế,” Blankenship nói. “Chính tiến sĩ Garza đã đề cử tiến sĩ Said.”

“Tiến sĩ Said không phải người Pakistan - anh ấy là người Mỹ, sinh ra ở Bakersfield, California,” tiến sĩ Garza nói. “Anh ấy là chuyên gia có tiếng về liệu pháp ADN tái tổ hợp, và rất được xem trọng ở Trung tâm Liệu pháp Gene - tôi nghe nói anh ấy đang được đào tạo làm giám đốc kế nhiệm tại đó. Và anh ấy có kinh nghiệm chuyên sâu về hoạt động của NAN trong mô người.”

Rick lại cúi người về phía trước, quyết nói cho ra nhẽ. “Như các vị đã biết, tôi chịu trách nhiệm kiểm tra lý lịch của Said khi anh ta đăng ký xin làm việc với NAN,” anh nói. “Tôi đã cảnh báo anh ta có thể là mối nguy. Chúng ta đều biết bác anh ta là ai, dù có vẻ chính anh ta không biết.”

Blankenship còn không thèm nhìn lên. “Cuối cùng cậu vẫn đồng ý cho phép anh ta tiếp cận NAN, đúng không?” ông ta nói.

Rick trở mắt nhìn sếp mình. “Nhưng chúng ta phải để đến anh ta. Liệu có chắc là chúng ta muốn anh ta biết về...”

“Anh ta trong sạch,” vị tướng nói. “Anh ta không biết gì về họ hàng của mình đâu.”

“Sếp tuyệt đối chắc chắn chứ?”

“Bố mẹ anh ta đã là công dân kiểu mẫu kể từ khi họ tái định cư. Họ không cho anh ta biết gì cả,” vị tướng đáp. “Tôi có thể cho cậu xem các hồ sơ theo dõi, nếu cần.”

Rick ngồi ngả ra, chân tay rệu rã. Các hồ sơ. Nếu nói đến Farooq Said, ông bác khét tiếng của James Said, thì anh đã xem

hết các hồ sơ cần xem rồi. “Không cần đâu,” anh nói. “Giờ anh ta đang ở đâu?”

Vị tướng đứng dậy, ra dấu kết thúc cuộc họp. “Đang trên đường đến Langley ngay lúc này đây. Chúng tôi cần cậu ở đó để chào đón anh ta.”

TRONG BUỒNG HỌP nhỏ, sáng trưng, James Said cúi người bên bàn, các báo cáo của căn cứ Detrick hiện ra trước mặt anh ta trên những màn hình mờ mờ tối. Ngón tay anh đều đều lướt qua các trang báo cáo, đôi môi mỏng mấp máy không thành tiếng.

Với dáng người cao gầy và mái tóc đen được chải dầu cẩn thận cho ép xuống trên những sợi tóc bạc sớm, nhìn Said chẳng có gì giống với những tay dân quân mà Rick đã gặp trong những năm nằm vùng ở Pakistan. Dầu vậy, Rick vẫn cảm thấy tay mình vô tình siết lại thành nắm đấm khi anh ngồi đối diện bên bàn đợi. Anh nhớ lại cảnh giành giật một khẩu súng trường của nòng khối đôi tay gân guốc trong một túp lều bỏ hoang ở ngoại ô Karachi. Mùi thì là cay nồng pha lẫn mùi mồ hôi. Anh nhớ đến con dao bồng rắt xuyên vào bụng. Chuyến bay trở về nhà, không còn một bên chân - cũng không còn cả Mustafa, phiên dịch viên đáng tin cậy mà anh đã thề là sẽ bảo vệ.

Nhưng ở người đàn ông này chỉ có mùi nước cạo râu bình thường của Mỹ. Bộ quần áo nhàu nát của anh ta là quần áo của một học giả tuổi trung niên, đang trên đường về nhà ở California nhân dịp nghỉ lễ Công giáo. Rick đưa một tay lên bóp gáy và bắt mình phải hạ tầm cảnh giác từ màu cam xuống vàng,

từ vàng xuống mức an toàn. Đại tướng đã đảm bảo với anh: Lịch sử gia đình của James Said có thể đáng nghi nhưng bản thân anh ta thì không.

Said ngồi ngã ra sau, đẩy chiếc kính viễn từ sống mũi góc cạnh lên đỉnh cái trán cao. Nét mặt anh ta không sao dò thấu.

“Anh nghĩ sao?”

“Về cái gì cơ?”

Rick trở mắt nhìn sang bên kia bàn. Rõ ràng Said đang khó chịu vì phải cắt ngắn kỳ nghỉ. Khi cơn hoảng hốt ban đầu đã phai nhạt, tất nhiên anh ta sẽ bực mình. Nhưng giờ ván bài đã lật ngửa trên bàn - có phải là lúc để bắt đầu trò chơi hời hợt không? “Các báo cáo có chính xác không?”

“Trình tự ADN tìm thấy trong vi khuẩn cổ đại giống với trình tự NAN. Vi khuẩn cổ có khả năng tổng hợp và thải ra các NAN hoạt động. Tất cả đều có trong báo cáo rồi.”

“Vậy thì chúng ta cần vài ý tưởng.”

“Ý tưởng để làm gì?”

Lay Chúa lòng lành. “Để phản ứng lại, tất nhiên rồi.”

“Nếu việc này thực sự đã xảy ra...”

“Và anh vừa nói với tôi là anh đồng ý rằng nó đã xảy ra...”

“Nếu đúng như vậy thì các vị đang yêu cầu tôi xử lý một vấn đề khổng lồ mà cũng chẳng suy tính gì trước y như khi các vị thả thứ này ra môi trường.”

“Nghe đây.” Rick đứng lên. Lờ đi cơn đau như ngàn mũi kim châm từ cái chân cụt, anh đi vòng qua bàn để đến đứng cạnh viên tiến sĩ. “Tôi không thả thứ gì ra hết. Tôi chỉ là kẻ khốn khổ

phải tìm ra cách để dọn dẹp cái đồng này. Và tôi đang thỉnh cầu sự giúp đỡ của anh.”

“Tôi xin lỗi.” Viên tiến sĩ ngược lên nhìn anh, mặt anh ta chỉ thoáng thể hiện một vẻ gì đó như là cảm thông. “Thật đấy. Chỉ là tôi cứ hy vọng giờ này mình đang được nhà. Với cha mẹ tôi. Nhưng thay vào đó tôi phải ngồi đây với anh, và anh đang nói với tôi những điều này. Quả là... quá nhiều thứ phải xử lý.”

“Nếu điều này giúp anh yên tâm hơn,” Rick nói, “chúng tôi không nghĩ sẽ có chuyện gì ngay ngày mai đâu.”

“Anh nghĩ chúng ta còn bao lâu?”

“Căn cứ Detrick đã tham khảo cơ sở dữ liệu ở Phòng Thí nghiệm Quốc gia Argonne. Dữ liệu cũ về phát tán tự nhiên của ADN đối với loài vi khuẩn hoang mạc này cho ta một vài mô hình. Có lẽ sẽ mất khoảng năm năm trước khi nó lan ra ngoài khu vực. Hoặc có thể nhanh hơn...”

“Và chúng ta biết ADN hiện chỉ được tìm thấy trong một loài vi khuẩn cổ thôi à?”

“Cho đến giờ thì đúng vậy.”

“Thôi được.” Said đưa lòng bàn tay lên dụi mắt. “Giờ thì chắc tôi cũng chẳng có quyền lựa chọn gì nữa. Tôi biết quá nhiều, như anh đã nói đấy... Chúng ta phải bắt tay vào việc ngay.”

Rick cúi người tới trước. “Anh có gợi ý gì không? Có thể là một loại vắc xin nào đó chẳng?”

“Vắc xin sẽ không có tác dụng.”

“Không ư?”

“Vắc xin truyền thống giúp cơ thể tăng cường phản ứng miễn dịch với một tác nhân gây bệnh từ bên ngoài. Nhưng IC-

NAN đã được thiết kế để giả dạng làm một phần của cơ thể. Cái chúng ta cần là một ADN có thể làm đoạn mạch hoạt động của nó. Và chúng ta cần một phương thức để đưa loại AND đó vào cơ thể người. Kỹ thuật di truyền ở một mức độ vô tiền khoáng hậu.”

“Chúng ta không thể xóa bỏ nguồn lây nhiễm sao? Có thể hủy diệt thứ này không?”

“Khi còn sống, loài vi khuẩn này hoạt động như những nhà máy sản sinh ra loại ADN độc mà các vị... mà chính phủ của chúng ta đã rất khôn ngoan cho phóng ra môi trường. Chúng đã nhân bản loại ADN đó vượt xa số lượng mà thiết bị bay không người lái thả xuống. Và khi chúng chết đi, chúng vẫn thải ra ADN dưới dạng ban đầu có khả năng lây nhiễm. Nếu cố tình giết chúng, ta sẽ đẩy nhanh quá trình phát triển. Nói tóm lại, các vị đã tạo ra một con quái vật.”

“Chúng ta không thể cứ thế... đốt trụi chúng sao?”

“Anh có thể thử. Nhưng tôi không nghĩ là sẽ thành công. Chúng ta đang nói đến số lượng vi khuẩn lây nhiễm lên tới hàng tỉ tỉ, và đến giờ nhiều khả năng đã được gió phát tán ra trải dài trên một địa hình hàng nhiều dặm. Và rất có thể là theo thời gian, nhiều loài vi khuẩn khác cũng sẽ bị lây nhiễm. Tôi không thể nghĩ ra được cách nào chắc ăn để tiêu diệt tất cả các nguồn lây nhiễm đó...” Said đứng dậy, những ngón tay xò ra trên mặt bàn, lưng còng, đầu cúi xuống. Rick phải căng tai ra mới nghe được câu tiếp theo của anh ta. “Không. Chúng ta sẽ phải tìm ra một cách nào đó biến đổi cơ thể con người để sống chung được với... với con quái vật sống chuồng này.”

Rick nặng nhọc ngồi xuống. Anh đã cầu mong có tin tức tốt hơn, một lời giải kỳ diệu nào đó. Anh không ưa Said - thái độ chủ bại, vẻ kên kiệu của anh ta. Nhưng anh không thể mong một phép mầu được.

Và những gì người đàn ông này nói là đúng. Cả hai bọn họ đều biết quá nhiều để có thể làm ngơ. “Anh có biết tại sao mình được chọn không?” anh hỏi.

“Chọn ấy à?” Said nhìn lên, mặt đờ đẫn.

“Anh được chọn cho dự án này vì cùng một lý do như tôi. Anh không có gia đình.”

“Tôi còn cha mẹ...”

“Không vợ, không con. Chúng ta không thể mong mọi người sẽ nhìn nhận chuyện này một cách hợp lý, nếu..”

“Nghe này,” viên tiến sĩ nói, cặp mắt màu nâu nhạt lấp lánh màu hổ phách. “Tôi không nghĩ bất kỳ người nào có lý trí lại có thể nhìn nhận việc này một cách hoàn toàn vô tư được. Nhưng tôi sẽ cố tỏ ra hợp lý hết mức có thể.”

JAMES NGHIÊN RẰNG. Thật khó tin là mới chỉ vài tuần trôi qua kể từ cuộc gặp đầu tiên của anh với đại tá Richard Blevins. Quấn mình trong bộ đồ bảo hộ sinh học cấp độ 4, anh thấy thật tù túng, ngột ngạt. Những ngọn đèn sáng rực phía trên đầu phản chiếu lên lớp nhựa trong suốt bao quanh đầu anh, làm anh chói mắt. Đoạn đường ngắn dọc theo cái hành lang hẹp đến phòng thí nghiệm phong kín tuyệt đối trong căn cứ Detrick khiến anh mệt nhoài, mồ hôi lấm tấm trên khuôn mặt làm anh khó chịu đến phát điên.

“Máy bộ đồ này trước kia còn tệ hơn cơ,” Rudy Garza nói. Giọng nói của người đàn ông nhỏ con này vang lên nghèn nghẹt trong tai nghe của James, gần như không át nổi tiếng không khí rít lên qua các đường ống nối họ với trần nhà thấp. “Ít ra bây giờ chúng ta còn nhìn ra mọi phía được.”

James chưa bao giờ phải đối mặt với một mức độ bảo hộ cao như thế này - công việc của anh ở Emory không yêu cầu cao đến thế. Nhưng công việc hiện tại của Rudy liên quan đến một mẫu vi khuẩn cổ nhiễm bệnh lấy từ Afghanistan về. Và nếu James định góp phần thách đấu với con quái vật này thì anh cần phải đối mặt với nó.

Sau khi đi qua một khoang điều áp thứ hai, họ tiến đến một tủ an toàn sinh học ở phía bên kia một căn buồng nhỏ. Những sinh vật tí hon trọng tâm của vấn đề đã được xác định là thành viên thuộc ngành Thaumarchaeota, thuộc liên giới Archaea (Cổ

khuẩn) - một phân loại bao gồm những sinh vật cổ xưa nhất thế giới. Như James đã sớm tìm hiểu ra, những vi khuẩn cổ này thực ra không phải là vi khuẩn. Bản thân chúng là một giới riêng - không bị ảnh hưởng bởi thuốc kháng sinh thông thường. Có khả năng chịu đựng được khô hạn, có sức phục hồi như bào tử, các vi khuẩn cổ này luôn có mặt ở mọi môi trường, dù khắc nghiệt hay không.

Cho tới giờ, những nạn nhân được xác nhận bị nhiễm IC-NAN mới chỉ giới hạn ở hai ngôi làng trên núi nằm trong phạm vi mười dặm quanh nơi triển khai dự án. Mẫu vi khuẩn được tách rời để nghiên cứu ở đây được lấy từ quần phục của một người lính trinh sát quân đội đã nhiễm bệnh. James nhớ mặt, nhớ lại những video phân loại mà anh được cho xem: phụ nữ và trẻ em nằm trên nền đất trong những căn lều y tế trang bị sơ sài, ho ra máu vương vãi trên cát; người lính Mỹ trẻ tuổi gục xuống với chiếc máy thở tự chế - không thể trở về nhà, dù là để chết. Vấn đề là không ai dám chắc IC-NAN có thể lan rộng đến mức nào.

Dọc theo một bên tủ thí nghiệm, những ống nghiệm chứa dung dịch đông lại như thạch trắng đục được đặt trên giá xếp thành hàng gọn ghẽ.

“Đây là những vật chủ của chúng ta,” Rudy nói. Chút âm Mexico lơ lơ trong giọng nói của Rudy, cộng với những động tác nhanh nhẹn, chắc chắn khi ông điều khiển một cánh tay robot để lấy một giá nhỏ hơn ở cuối chiếc tủ phong kín, làm James nhớ tới những kỹ thuật viên lành nghề vận hành máy thu hoạch cây gai dầu cùng cha anh ở Bakersfield. Cánh tay robot

nhặt một bản kính mỏng từ cái giá lên. “Các vi khuẩn cổ này có khả năng truyền các đặc điểm gene cho nhau ngoài tự nhiên. Tôi đang cố tìm hiểu xem loài thaumarchaeon đã nhiễm bệnh này có thể truyền khả năng tổng hợp NAN của nó cho các loài vi khuẩn cổ khác không.”

“Tôi phải thấy gì đó trên bản kính sao?”

“Ngồi xuống đi,” Rudy nói. Cánh tay robot đặt bản kính lên một cái trục vi kế, rồi ngoan ngoãn di chuyển về ống ngắm của một chiếc kính hiển vi huỳnh quang UV sâu, đặt ở khung kính của cái tủ. “Đây, mời anh đặt mặt nạ vào.”

James cúi mặt xuống ống ngắm, cố nhìn qua lớp nhựa trong suốt của bộ đồ bảo hộ. Anh ngạc nhiên khi vành cao su mềm của ống ngắm dễ dàng bao lấy cái mặt nạ của mình. “Chúng ta có thể quan sát các NAN được ư? Chẳng phải là chúng quá nhỏ sao?”

“Mỗi NAN chỉ có đường kính khoảng mười ba nanomet. Nhưng khi chúng được đánh dấu bằng cực dò huỳnh quang của tôi, chúng ta sẽ có được một thứ đủ lớn để giữ lại trên bộ lọc của bản kính, và đủ sáng để nhìn thấy được.”

James nheo mắt. Hình ảnh ấy như một bảng trò chơi đồ chữ kiểu cũ, với một số ô vuông tối om, một số thì lại sáng lên vàng rực. “Tôi đang nhìn thấy cái gì đây?”

“Mỗi ô vuông này đại diện cho khoảng một trăm con vi khuẩn, mỗi con thuộc một loài vi khuẩn cổ khác nhau. Mỗi loài đều được nuôi trong môi trường trước đó đã dùng để nuôi loài thaumarchaeon nhiễm bệnh. Câu hỏi ở đây là liệu có sự truyền mã gene từ loài nhiễm bệnh sang loài mới không. Để kiểm tra,

chúng tôi có thêm vào một số loài vi khuẩn thông thường - vi khuẩn đường ruột E. coli, vi khuẩn trong đất Pseudomonas, và một số loài tương tự. Trên mỗi bản kính, chúng ta có thể xem kết quả của năm mươi loài khác nhau.”

“Loài nào đã bị nhiễm bệnh?”

“Những ô vuông được cực dò huỳnh quang chiếu sáng là những vi khuẩn có NAN tập hợp đủ nhiều để hiện ra ở mức phóng đại này. May mắn là các loài vi khuẩn thông thường mà chúng ta đã thử nghiệm có vẻ như đều không có khả năng tạo ra NAN. Nhưng khá nhiều loài vi khuẩn cổ thì lại làm được - đáng chú ý nhất là cả những loài có mặt trên lục địa nước Mỹ. Cái ở góc phải kia là thuộc bộ mẫu của Argonne. Nó được thu thập ngay ở ngoại ô Chicago.”

“Có nghĩa là...”

“Chúng tôi đã xác định được một cơ chế khiến đặc tính này có thể lan ra khắp toàn cầu. Chỉ là vấn đề thời gian thôi trước khi ta có những loài ở trên nước Mỹ có khả năng tạo ra IC-NAN.”

James cảm thấy tim mình loạn nhịp. Anh muốn - cần - có niềm tin vào người đàn ông này, người duy nhất anh gặp kể từ khi tham gia dự án có vẻ vừa sẵn lòng vừa có khả năng đối mặt với nhiệm vụ to lớn trước mắt. Nhưng anh cũng cần những thông tin tốt lành hơn. Anh ngờ nghệch hỏi đúng những câu mà anh đã phải nghe từ Blevins khi họ mới gặp nhau. “Nhưng chúng ta có thể giết vật chủ hiện tại trước khi chúng có cơ hội lây nhiễm cho loài khác không?” anh hỏi.

“Chúng ta phải tiếp tục thử nghiệm,” Rudy giọng đều đều đáp lời. “Nhưng chúng ta có rất ít lựa chọn về các chất diệt

khuẩn vừa rẻ tiền vừa không độc với con người. Những sinh vật này chẳng hề hấn gì khi đối mặt với các tác nhân như thuốc tẩy. Mà chúng ta thì không thể đốt trụi các vùng đông dân cư được...”

James gật đầu. Anh đã thấy cảnh đó trên các video tin tức mỗi tối - hình ảnh các thiết bị robot quân sự phun lửa lên những vùng hoang mạc nhìn như không có sự sống. Báo chí đổ xô vào bàn tán và đồn đoán xem chuyện gì đang xảy ra. Nhưng bí mật vẫn được giữ kín - không có câu trả lời nào được đưa ra cả.

“Vấn đề trở nên tồi tệ hơn, đó là các số liệu của phòng thí nghiệm Argonne cho thấy loài cổ khuẩn này có thể lan qua không khí, gió xoáy, v.v... Và đến giờ có thể chúng đã được đưa ra khỏi khu vực đó trên xe cộ và các thiết bị quân sự rồi. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là tiếp tục cố gắng kiểm chế việc lây lan, tiếp tục phát triển những mô hình sẵn có để dự đoán nơi chúng có thể xuất hiện tiếp theo.” Rudy lại điều khiển cho cánh tay robot thu lại ống kính, rồi cẩn thận đặt bản kính về chỗ của nó trên giá. Vai buông thõng, ông quay ra cửa. Ông đưa bàn tay đeo găng lên khởi động khoang điều áp, rồi quay mặt về phía James. “Anh đã nói gì với đại tá Blevins?”

“Tôi bảo anh ta là chúng ta cần tìm ra cách thay đổi tế bào đích trong cơ thể người. Để thay đổi ADN của họ. Một loại thuốc giải độc, được dùng liên tục và phân phát cho tất cả người dân trên trái đất. Rất có thể là một loại NẠN khác.”

“Thế anh ta bảo gì?” Rudy hỏi.

“Chưa có gì.”

Rudy thở dài. “Kể cũng lạ, việc này kéo theo việc kia... Nhiều năm trước, giảng viên hướng dẫn luận án tốt nghiệp của tôi đã khuyên tôi ở lại Mexico và theo đuổi sự nghiệp học thuật. Nhưng thay vào đó, tôi đã chọn đi làm nghiên cứu sinh ở Rockefeller tại New York. Sau đó, tôi muốn ở lại Mỹ...”

“Vì sao?”

“Một cô gái chứ còn sao nữa... nhưng việc đó cũng chẳng đi đến đâu. Cô ấy đã hủy hôn, nhưng đó chỉ là sau khi tôi đã chấp nhận một công việc.”

“Ông đã đến căn cứ Detrick.”

“Làm việc ở Detrick cho tôi cơ hội nhanh chóng trở thành công dân Mỹ.”

“Nhưng sao ông ở lại?”

“Ở Detrick, tôi không cần lo lắng gì về kinh phí cả - tôi có thể sử dụng tất cả mọi thứ. Phòng thí nghiệm rộng rãi, trang thiết bị đầy đủ... Tôi được thăng chức trưởng nhóm. Và tôi đã làm việc với rất nhiều dự án thú vị.” Rudy nhìn xuống, sẫm soi hai bàn tay đi găng của mình. “Tôi phải thừa nhận là có lúc cũng rất bức mình. Bao nhiêu điều tra, bao nhiêu báo cáo đã bị bỏ quên trên bàn làm việc của những người như đại tá Blevins, rồi bị xếp xó. Tôi tự an ủi rằng phần lớn các nghiên cứu đó đều liên quan tới việc chống khủng bố sinh học - tôi tin đó là một mục đích cao cả.”

“Nhưng chắc chắn ông biết dự án IC-NAN không liên quan gì đến phòng chống chứ...”

“Khi tôi được giao nhiệm vụ phụ trách dự án để tạo ra thứ này... tôi ngỡ nó cũng như các dự án khác - một nghiên cứu về

tính khả thi. Một cơ hội để làm việc với một thứ ngoài chuyên môn của tôi. Tôi dám chắc nó sẽ bị gạt sang bên. Thật ra, tôi đã dự đoán như thế.” Đôi mắt Rudy ánh lên vẻ van vỉ sau lớp nhựa của chiếc mặt nạ. “James, tôi không biết là họ lại triển khai nó thật. Niềm an ủi duy nhất của tôi bây giờ là với sự giúp đỡ của anh, chúng ta có thể tìm ra cách để ngăn chặn nó.”

James cảm thấy mồ hôi đang rịn ra hai bên thái dương, cảm giác sợ hãi ngọt ngào lại trào lên một lần nữa. “Ông nghĩ chúng ta có thể ngăn chặn nó ư?”

“Tôi không dám chắc gì nhiều. Nhưng mỗi ngày qua tôi đều thêm chắc chắn về một chuyện. Nói thế nào nhỉ? Thời gian... đang gấp lắm rồi.”

James nhắm nghiền mắt. Anh đã cố nghĩ về việc này chỉ như một dự án khác, một rào cản khoa học cần vượt qua - bởi vì nghĩ về nó theo bất kỳ cách nào khác cũng khiến tâm trí anh rối bời. Anh phải cố gắng lắm mới không hoảng loạn. Nhưng anh không còn thời gian để hoảng loạn nữa. Anh sẽ tìm ra một cách để bảo vệ loài người khỏi mối đe dọa khủng khiếp này. Anh phải làm được điều đó.

5 THÁNG SÁU NĂM 2060

KAI CẢM THẤY hơi nóng buổi sáng xuyên qua ô cửa sập của Rosie, tràn lên lớp vỏ kén đang bọc lấy nó. Khi thằng bé dụi mắt cho tỉnh ngủ, ngón tay nó chạm vào cục u nhỏ trên trán, chỗ xù xì nơi con chip được cấy vào dưới da nó.

“Con chip của con rất đặc biệt,” Rosie đã nói với nó như vậy. “Nó là mối liên kết giữa chúng ta.” Họ nhận ra nhau bằng cách đó, mẹ nói thế. Mẹ nói chuyện với nó bằng cách này - mẹ không bao giờ dùng giọng nói thành tiếng của mình, trừ lúc dạy nó nói.

Thằng bé vươn tay ra chạm vào bề mặt nhẵn mịn của ô cửa sập trước mặt. Khi ngón tay nó chạm vào, bề mặt trong suốt liền biến thành mờ đục. Một hình ảnh hiện ra - một nhóm người da sạm nắng, những chiếc áo choàng màu sắc sặc sỡ phủ lên tấm lưng khom khom của họ.

Rosie đang dạy nó về những người sống trong hoang mạc - một hoang mạc cũng giống hoang mạc của nó, chỉ khác là ở phía bên kia trái đất và cách đây lâu lắm rồi. Những người trong ảnh, Rosie nói, là người lưu giữ những cuộn giấy, những ghi chép cổ xưa giống như những thứ được khai quật trong các hang động từ hàng trăm năm trước Đại Dịch. “Cái gì đây ạ?” thằng bé hỏi, chỉ một người trên bức ảnh. Trên trán người đó là một cái hộp nhỏ buộc bằng dây da mỏng.

Những tiếng rì rì và lách cách quen thuộc của Rosie tràn vào đầu nó trong lúc mẹ tìm thông tin cần thiết. “Những cái hộp đó được gọi là *tefillin*. Mỗi hộp có chứa bốn cuộn giấy nhỏ xíu, có chép các đoạn trích từ một cuốn sách có tên gọi là Kinh Torah.” Bên dưới bảng điều khiển của mẹ, mô tơ phụ khẽ kêu ro ro. “Cuốn sách đó miêu tả những đức tin mà họ dựa vào để sống.”

“Mẹ cũng dạy con bằng *tefillin của con*,” Kai nói, chỉ lên cái trán lấm bụi của mình, nơi có gắn con chip. “Mẹ có phải là Kinh Torah của con không?”

Rosie ngừng lặng. Cô đang suy nghĩ, soạn ra câu trả lời như cô vẫn làm mỗi khi thằng bé đưa ra một câu hỏi hóc búa. “Không,” cô đáp. “Thông tin mẹ đưa ra chỉ hoàn toàn dựa trên sự thật. Điều quan trọng là cần phân biệt giữa niềm tin và sự thật.”

Kai bỏ tay khỏi màn hình và nhìn bức ảnh biến mất. Nó ngó qua ô cửa sập đã lại trở nên trong suốt. Bên ngoài, những mỏm đá quen thuộc bao quanh khu trại của họ vẫn đứng vững, những ngón tay màu đỏ khổng lồ chìa lên trời. Chúng mạnh mẽ như Rosie, không bị khuất phục trước gió bão và khí hậu nóng nực.

Thằng bé đã đặt tên cho tất cả các mỏm đá - Ngựa Đỏ, Ông Mũi To, Khỉ Đột và Người Cha, người đặt đứa con nhỏ mồm mĩm bằng đá trên đôi đầu gối khổng lồ của mình. Rosie đã dạy nó con người trước kia từng sống như thế nào. Rosie là mẹ nó. Vì vậy, nó cho rằng những mỏm đá kia là gia đình nó - những người hộ vệ đã cùng Rosie trông chừng nó kể từ khi nó ra đời.

Thằng bé ấn cái chốt ở bên trái, sức nóng của mặt trời dồn dập ập vào nó khi ô cửa sập mở ra. Nó lồm cồm bò theo bánh xích của Rosie để xuống đất, đối diện với hình ảnh phản chiếu của mình trên bề mặt kim loại bóng như gương đầy vết lõm chỗ của mẹ. Da thằng bé rám nắng, đầy tàn nhang và bụi bẩn. Một mớ tóc nâu đỏ bọc quanh đầu nó, và cặp mắt xanh biếc long lanh dưới hàng mi rậm. Rosie đã nói rằng ở đâu đó ngoài kia còn có những đứa trẻ khác. Những đứa trẻ giống nó, nhưng vẫn khác biệt. Rosie không thể cho nó biết hiện nay có bao nhiêu đứa. Nhưng lúc đầu thì có năm mươi cả thảy. Khi đến đúng lúc thích hợp, họ sẽ tìm ra chúng.

Khi Kai tìm lối băng qua mặt đất nứt nẻ để đi lên đỉnh một con dốc thấp, mồ hôi lấm chấm trên trán nó. Miệng nó đầy cát. Nó vòng hai bàn tay lại làm ống nhòm để quan sát khung cảnh trở trời xung quanh. Giữa những ảo ảnh mờ nhòe ở đằng xa, nó căng mắt cố tìm kiếm những vùng đất xa xôi mà nó đã được học qua màn hình của Rosie. Nó có thể thấy những đỉnh núi cao vút mỗi mùa đông đều phủ tuyết. Nhưng giờ chúng đen sì, không còn tấm chăn tuyết nữa.

“Chúng ta sắp đi được chưa ạ?” nó truyền tín hiệu cho mẹ mình. “Con nghĩ con đã sẵn sàng rồi...”

“Nếu điều kiện cho phép, chúng ta có thể đi trong hôm nay.”

“Hôm nay ư?”

Nó đã có cảm giác ngày ấy đang đến. Trong chuyến đi cuối cùng của mẹ con nó đến kho nhu yếu phẩm, Rosie đã đẩy các tảng đá khổng lồ sang bên, dùng cánh tay đầy sức mạnh của mình bẫy cánh cửa kim loại nặng trĩu ra và lấy đi hộp thực

phẩm tiếp tế cuối cùng, những chai nước dự phòng cuối cùng. Tối đến, khi vầng mặt trời nóng bỏng lặn xuống sau những mỏm đá và những cái bóng đổ dài, mẹ đã bắt đầu dạy nó cách tự tìm thức ăn cho mình. Trong một cái cốc thiếc méo mó, thằng bé đã nhặt đầy hạt cỏ khô. Nó nướng hạt trên một đồng lửa nhỏ, rồi trộn chúng với nước và thêm vào mấy mẩu thịt chuột hoặc thịt thằn lằn thành một món hầm loãng. Nó nhai những cuống hoa non mềm của cây chuối dại, không quên để lại một ít cho những quả ngọt mà nó sẽ hái vào mùa thu. Những người đã từng sống ở đây từ lâu cũng sống sót bằng những thứ thức ăn như vậy.

“Con đã sáu tuổi,” Rosie nói. “Đã đến lúc phải đi khỏi nơi này.”

“Chúng ta sẽ đi đâu ạ?”

“Mẹ không biết.”

“Mẹ không biết ư?” Tim thằng bé đập nhanh hơn khi nghĩ rằng có những điều mẹ nó cũng không biết.

“Mệnh lệnh không đầy đủ. Nó bảo chúng ta phải ra đi. Nhưng đích đến của chúng ta lại không được xác định.”

Kai nhìn thân hình mạnh mẽ của Rosie, với những luồng hơi nóng phả ra từ hai bên sườn dầu mưa dãi nắng. Tâm trí thằng bé râm ran theo tiếng kêu từ bộ xử lý dữ liệu của mẹ. “Thế làm sao để biết mình sẽ đến đúng chỗ ạ?”

“Có bảy mươi sáu kho nhu yếu phẩm, mỗi kho đều có một tháp ngưng tụ nước và trạm thời tiết,” mẹ đọc.

“Nhưng còn những đứa trẻ khác? Liệu chúng ta có tìm thấy chúng bây giờ không?”

Mẹ lại im lặng, và thằng bé tưởng tượng ra những electron đang truyền qua các vi mạch của mẹ, những mẫu thông tin lướt qua mọi phần của trí não mà mẹ đã hết sức kiên nhẫn giải thích cho nó. “Điều đó là có thể,” cuối cùng mẹ trả lời. “Với điều kiện là những đứa trẻ đó còn sống sót.”

Kai phấn khích trượt xuống con dốc để đến bóng râm dưới chân mẹ mình. Nó đã thấy những bức tranh khắc đá, những biểu đồ mà người cổ đại để lại trên các vách đá cao. Nó sẽ để lại một dấu hiệu của riêng mình. Nó liền nhặt một ôm đá màu xanh dương, xếp chúng thành các chữ cái. *Kai, Con trai của Rho-Z*, thằng bé xếp vắn. *TÔI ĐÃ Ở ĐÂY*. Trong lúc cẩn thận xếp từng từ một, nó tưởng tượng ra một đứa trẻ khác sẽ ngồi xỏm giữa lớp cát bụi, đọc tin nhắn của nó. Nó loạng choạng ngồi xuống, những con chữ chao đảo trước mắt.

“Con phải ăn,” Rosie nhắc nó.

Nó trèo lên bánh xích của mẹ để lấy một gói thực phẩm bổ sung dinh dưỡng từ sau ghế ngồi, xé một góc và bóp thứ chất lỏng sền sệt vào miệng. Trên gói có dán nhãn đề chữ “Thực phẩm Soylent Pedia-Supp, Nutri-Gro, 6-8 tuổi.” Thực phẩm này bao gồm mọi chất dinh dưỡng mà thằng bé cần, nhưng thằng bé đã chán ngấy cái vị ngòn ngọt mằn mặn và đặc như sữa của nó. Nó chỉ khiến thằng bé thêm khát.

Thằng bé nhặt cái bi đồng rỗng từ dưới sàn kén lên và đem nó đến bên tháp ngưng tụ nước có hình một chiếc chai, cao bằng mòm đá Đười Ươi. Tháp được làm từ những thanh kim loại dẻo đan cài vào với nhau, bên trong là một tấm lưới màu da cam rực rỡ, tương phản với cái bể hứng màu sẫm bên dưới.

Thằng bé nhúng cái bi đông xuống và đợi cho nó đầy nước. Mực nước đã cạn đến mức thằng bé phải bưng tay lại mức thứ nước đục ngầu qua cái miệng hẹp của bi đông.

Thằng bé nhớ những cơn mưa đã từng trút nước xuống qua hẻm núi này. Nó đã tắm trong những cái bể từ hõm đá bị bào mòn. Trong những đêm mát trời, nó đã lắng nghe tiếng những giọt nước len lỏi qua tấm lưới của tháp nước rồi rơi tòm xuống bể. Nhưng giờ, ngay cả những đám mây hăm dọa nhất cũng chẳng đem lại điều gì. Cái bể đã gần cạn. Và chỗ nước dự phòng lấy từ kho nhu yếu phẩm, chua loét vị hóa chất, cũng đã hết. Núp sau đám bụi dưới bóng của Rosie, Kai tưởng tượng mình là một hòn đá, gom góp hơi nước mát đã ngưng tụ trên cơ thể nó trong màn đêm.

Suốt cả ngày hôm đó, mẹ nó vẫn im lặng. Hôm nay không có bài học. Mẹ đang bận. Thằng bé nhìn qua bề mặt hoang mạc, với những bụi cây thưa thớt gai góc, chỗ trú ẩn cho những con côn trùng, thần lùn và loài gặm nhấm nhỏ đang vật vã để sinh tồn. Thằng bé liếm đôi môi khô khốc. Xa xa đằng Tây, mây đã chuyển từ sắc vàng sang tím. Có lẽ hôm nay mẹ con nó không đi được rồi.

Nhưng rồi giọng Rosie vang lên trong tâm thức nó. “Đến lúc rồi,” mẹ nói. “Con mặc quần áo vào đi.”

“Chúng ta đi đâu đây?”

Mẹ không trả lời. Nó chỉ nghe thấy tiếng bộ xử lý của mẹ, tiếng rì rào khe khẽ như gió thổi vào giữa đôi tai nó.

Tay run run, Kai lấy chiếc áo dài bằng vi sợi tổng hợp từ khoang chứa đồ của Rosie và nhét tay chân vào lớp vải mềm.

Nó xỏ đôi giày da đánh vào và ngồi xuống ghế, kéo chặt đai an toàn quanh người và cài chặt chốt khóa.

Rosie đóng ô cửa sập lại. Tim đập thành thịch trong im lặng, Kai chờ đợi.

Nó cảm thấy đợt rung lắc khi lò phản ứng của mẹ bật lên ở phía sau, cái kén bị hất ra sau để giữ cho nó ngồi thẳng trong lúc mẹ nghiêng về phía trước. Qua ô cửa sập, nó thấy đôi cánh của mẹ vươn ra rồi xòe rộng. Các cánh quạt hiện ra dưới lớp vỏ bọc bảo vệ, xoay tít để đẩy từng luồng không khí lớn xuống mặt đất. Nằm gọn bên trong, thằng bé chỉ nghe thấy tiếng rít khe khẽ trong lúc nó nheo mắt nhìn qua lớp bụi. Sức ép khi mẹ tăng tốc đẩy nó ngồi sâu hơn vào ghế, gần mẹ hơn.

Hai mẹ con cùng bay lên cao.

6 THÁNG BA NĂM 2051

ROSE MCBRIDE kiểm tra ngày tháng trên máy tính của mình. Ngày 15 tháng Ba năm 2051. Hơn một năm rồi, loay hoay với một dự án tưởng chừng như vô nghĩa. Cô vươn vai, quay người đi khỏi những dòng dữ liệu như đang nhảy múa trên màn hình, không chịu đứng yên.

Sau thời gian phục vụ ở Afghanistan, cô đã được mời về làm việc ở Viện Presidio tại San Francisco, nơi trước đây là vị trí cũ của căn cứ Winfield Scott. Cô đã chớp ngay lấy cơ hội được trở lại chính quyền tiểu bang mà không phải vướng bận vào cái bẫy lửa chính trị ở Washington. Và như một sự ban tặng - cô còn được quay về thành phố nơi từ nhiều năm trước người cha góa bụa của cô, một đại úy quân đội như cô bây giờ, đã chọn làm nơi ở cho hai cha con.

Khi còn nhỏ, bị lôi đi hết nơi này đến nơi khác, Rose luôn thấy mình lạc lõng, không gắn bó với bất cứ đâu. Nhưng San Francisco đã cứu cô. Trong những quán trò chơi điện tử nơi hang cùng ngõ hẻm, cô và các bạn đã bỏ hàng giờ để hack đám robot phục vụ, nốc những cốc latte miễn phí và nghĩ ra các bản tiểu sử kỳ cục cho các nhân vật trên mạng của họ. Được ủng hộ bởi người cha vốn coi trò chơi điện tử là phí phạm thời gian, cô theo học ngành tâm lý học ở Harvard trước khi nhập ngũ với tư cách là cố vấn cho các chiến dịch tâm lý. Nhưng cuối cùng thì đam mê của cô vẫn là lập trình. Nếu cô có học được gì trong

thời gian ở quân ngũ, thì đó là thế giới là một giao diện người dùng vô tận, người tốt đối đầu với kẻ xấu. Cô đã trở về nhà để hoàn thành chương trình thạc sĩ ngành khoa học máy tính ở Princeton, rồi áp dụng những kiến thức mới học của mình vào công việc ở Afghanistan.

Tuy nhiên, nhiệm vụ mới này không rõ có ý nghĩa gì. Đại tá Richard Blevins, sĩ quan chỉ huy của cô ở Lầu Năm Góc, đã nói rõ rằng anh ta nghĩ Viện Presidio cần được “đảm bảo kiên cố”. Dựa trên mức độ bảo mật yêu cầu, cô đoán họ sẽ giao cho cô công việc trong lĩnh vực an ninh mạng, chuyên môn của cô từ thời ở Princeton. Nhưng thay vào đó, cô lại phải thu thập các thống kê sinh học liên quan tới việc phát tán của một loài vi khuẩn cổ đại nào đó trong đất, bắt nguồn từ khu vực ở Afghanistan nơi cô từng đóng quân lần cuối. Công việc mệt mỏi, cực nhọc và không có thành quả rõ ràng. Và mặc dù một phần nhiệm vụ của cô là hướng dẫn các đội GeoBot thu thập mẫu mới, cấp trên không nói gì về việc các phân tích của cô sẽ được sử dụng như thế nào hay thậm chí có được sử dụng hay không. Cô không thể không tự hỏi - việc này thì có liên quan gì đến Lầu Năm Góc?

Đại tá Blevins đã cố động viên cô. “Cô biết quân đội mà” anh nói. “Chỉ người cần biết mới được biết. Tin tôi đi, tôi cũng chẳng biết nhiều hơn cô đâu.” Cô không chắc mình có tin anh không. Nhưng cô hiểu. Cô đã “biết quân đội là thế nào” - có lẽ là biết rõ hơn phần lớn mọi người.

Nhìn ra cửa sổ văn phòng nhỏ của mình, cô tưởng tượng ra nét mặt rắn rỏi của Richard Blevins, cặp mắt xanh xám nghiêm

ngại, mái tóc húi cua kiểu nhà binh. Cách anh cúi người về phía trước trên ghế trong lúc chất vấn cô trong buổi đánh giá hằng tháng - dò xét nhưng không hề hăm dọa. Rất thành thực. Hấp dẫn đến lạ kỳ. Anh làm cô nhớ đến tất cả những người đàn ông cô đã gặp trong quân ngũ, con người thật của anh được giấu kín sau hàng lớp vỏ bọc. Nhưng vẫn có gì ở đó, bên dưới bề mặt.... Trong các chiến dịch tâm lý, cô đã học cách lắng nghe những điều không được nói thành lời. Và cô biết - anh muốn gần cô hơn, nhưng có điều gì đó đang ngăn trở anh. Có lẽ đó chỉ là các quy tắc, những chuỗi mệnh lệnh cũ mèm...

Đường truyền điện thoại bảo mật trên bàn cô kêu rè rè, cô nhấn cái nút đỏ trên đầu bảng điều khiển. “McBride xin nghe.”

“Đại úy McBride?”

“Đại tá Blevins?”

“Phải,” anh khẽ đáp. Trong khoảng im lặng tiếp theo, cô tự hỏi có phải kết nối đã bị ngắt quãng không. Nhưng rồi anh nói tiếp, giọng rõ ràng hơn. “Mọi chuyện thế nào rồi?”

“Tôi đoán anh đã thấy báo cáo mới nhất của tôi. Dữ liệu của Tổ chức Y tế Thế giới WHO, Trung tâm Phòng chống Dịch bệnh CDC và các chiến dịch thực địa liên quan đều đã được tóm tắt trong phần...”

“Phải, phải. Tôi đã đọc rồi. Cảm ơn cô. Tôi chỉ đang... tự hỏi cô thế nào rồi.”

“Tôi thế nào ấy à?” Rose mỉm cười - nỗ lực đầu tiên của anh cho một câu hỏi riêng tư. Nhưng ít ra cũng là một khởi đầu....

“Tôi vẫn ổn.”

“Tốt. Tốt...” Lại một quãng ngừng nữa, và cô nghe thấy có tiếng loạt xoạt. “Tôi có một thông báo đặc biệt cho cô đây. Tôi sẽ gửi nó qua kết nối bảo mật cho cô. Nhưng tôi nghĩ nên báo trước cho cô. Hẳn không có ai khác trong phòng với cô chứ?”

Rose nhìn quanh văn phòng bừa bộn của mình, nhìn bức tường với những cái giá cũ, chiếc xô pha cũ rách phía bên kia phòng. Dường như mọi món đồ đạc thừa thãi đều tìm được nơi an nghỉ ở đây. “Vâng. Tôi chỉ có một mình.”

“Tốt. Cô có thể kích hoạt tai nghe không?”

Rose nghe thấy tiếng mạch đập thành thịch trong lúc cô lôi tai nghe ra khỏi ngăn kéo bàn và cẩn thận đặt nó vào tai phải. “Rồi. Đã sẵn sàng, thưa sếp.”

Anh đi thẳng vào vấn đề ngay lập tức. “Cô đã làm việc rất xuất sắc. Nhưng chúng tôi sẽ chuyển nhiệm vụ đó cho người khác.”

Cô trở mắt nhìn bảng điều khiển. Chỉ có vậy thôi sao? “Nhiệm vụ của tôi đã kết thúc ư?”

“Phần này thì đúng vậy. Cô đã cho chúng tôi thấy cô có khả năng chú ý tới từng chi tiết. Và cô đáng tin cậy. Bây giờ chúng tôi có nhiệm vụ mới cho cô. Chúng tôi định sẽ cho Presidio tái hoạt động.”

“Tái hoạt động ư?”

“Chúng tôi cần lập một căn cứ ở địa điểm đó.”

“Nhưng làm sao mà các vị có thể...? Nó đâu có thuộc về chúng ta, đúng không?”

Đầu óc Rose tua nhanh lại những gì cô biết về lịch sử của nơi mà giờ cô gọi là nhà. Vào năm 1850, khi chính phủ Mỹ chính

thức trao cho quân đội quyền sử dụng Presidio, nó chỉ là một dải cát hoang vu, lộng gió, tiếp giáp với vùng đầm lầy nằm bên vịnh San Francisco. Quân đội đã trồng cây - bạch đàn, bách và thông thành từng dãy ngay ngắn, như lính đứng xếp hàng - để tạo thành một bức tường chắn gió và ngăn cát bốc lên. Khi những cây non lớn dần lên và đào sâu bám rễ, hai cuộc Đại chiến, rồi Chiến tranh Việt Nam đã nổ ra ở nước ngoài, nhưng chẳng bao giờ chạm đến bờ biển này. Cô nhớ lại dòng chữ khắc trong Nhà nguyện Presidio: *Dù chỉ đứng chờ, cũng là phụng sự*. Suốt chiều dài lịch sử, Presidio ở San Francisco là nơi quân đội đứng sẵn sàng, chờ đợi một kẻ xâm lược không bao giờ xuất hiện. Vì nơi này đã được ban phước. Thứ sương mù dày đặc thường bao trùm bờ biển, những vách đá chót vót ngăn lối đi xuống biển - đây chính là những thứ đã bảo vệ Cầu Cổng Vàng khỏi bị phát hiện suốt bao nhiêu năm. Cùng với con nước thay đổi khó lường, chúng đã ngăn những cuộc tấn công suốt hàng thập kỷ chiến tranh.

Quân đội cuối cùng cũng rời khỏi đây vào năm 1994, và Presidio được giao lại cho Cục Công viên Quốc gia. Trong những năm sau đó, khu vực này được mở cửa cho thương mại và công viên được ghép vào thành phố. Viện Presidio và các cơ quan liên quan nằm trong ranh giới của Presidio cũ - tất cả đều phi lợi nhuận - chỉ tập trung vào các vấn đề dân sự. Rose là một trong những nhân viên hiếm hoi có quyền bảo mật đặc biệt. Hay ít ra cô cũng đã tin là như vậy.

“Presidio có thể... thuộc quyền sở hữu của chúng ta,” đại tá bình thản đáp. “Khi có chiến tranh, chính phủ có quyền trưng

dụng bất kỳ khu vực đất hay cơ sở nào có thể phục vụ nhất cho an ninh đất nước.”

Rose cảm thấy tim mình đập nhanh hơn, các phản xạ cũ từ chiến trường giờ lại sống dậy. “Chúng ta đang có chiến tranh ư?”

“Có lúc nào mà chúng ta không có chiến tranh?”

“Nhưng tại sao lại là bây giờ? Đang có chuyện gì xảy ra vậy?”

“Tôi chỉ được phép cho cô biết là chúng tôi cần Presidio sẵn sàng hoạt động. Chúng tôi cần cô là người đóng vai trò chủ chốt trong hoạt động đó.”

“Được thôi... Nhưng tại sao lại là tôi?”

“Cô đã cho thấy cô có khả năng bảo vệ những thông tin tối mật. Và cô biết rõ người ở đó. Cô sẽ có thể làm người phối hợp với chúng tôi trong những tình huống khó khăn.”

Những tình huống khó khăn. Rose không phải là chuyên gia về hành chính, nhưng cô đã học được một số từ ngữ chuyên dụng. “Ý anh là, khi chúng ta phải trục xuất ai đó?”

“Phải. Như cô biết đấy, mặc dù hiện giờ ở Presidio không có khu nhà ở tư nhân nào, nhưng vẫn có nhiều viện bảo tàng và các tổ chức phi lợi nhuận. Trong vòng một năm vừa qua, nhiều tổ chức trong số đó đã được thay thế bằng các vỏ bọc.”

Vỏ bọc. Rose chợt thấy một cảm giác khó gọi thành tên đang đè nặng mình. Cô vốn quen với các chiến dịch tuyệt mật trên các vùng lãnh thổ không có chiến tranh. Nhưng có những tưởng tất cả đã là quá khứ - và chắc chắn không thể xảy ra trên nước Mỹ. “Ý anh là các tổ chức ngấm của chính phủ ư? Tôi không hề hay biết...”

“Giờ thì cô biết rồi đấy. Và chúng ta cần một cú hích cuối cùng. Chúng ta cần đẩy hết dân thường ra khỏi đó, đặt lại các chốt kiểm tra ở cổng.”

“*Chốt kiểm tra* ư? Thưa sếp, đang có chuyện gì xảy ra vậy?”

Blevins thở dài, tiếng thở dài nghe không hẳn là bức bối mà có vẻ buồn phiền. “Một lần nữa, tôi rất xin lỗi. Tôi không thể cho cô biết nhiều hơn vào lúc này được.”

“Tôi hiểu.” Nhưng Rose chẳng hiểu gì. Thật ra, cô đang sợ hãi.

Anh hắng giọng. “Đại úy McBride, cảm ơn cô đã phục vụ đất nước.”

“Không có gì, tất nhiên rồi.” Rose loay hoay với cái tai nghe. Cô nhớ lại ánh mắt của ngài đại tá, cái cách anh nhìn cô lần gần đây nhất khi họ gặp nhau ở Washington. Cái nhìn của anh khiến cô cảm thấy... như thể anh đang có kế hoạch gì đó cho cô. Tim cô chùng xuống. Cô đã tưởng đó là điều gì khác - chắc chắn không phải điều này.

“Thôi..” anh nói. “Cô sẽ nhận được hướng dẫn cụ thể hơn qua kênh bảo mật.” Lại im lặng một thoáng. “Đại úy, tôi... ờ... tôi cần thông báo với cô là... cũng như với nhiệm vụ khi trước, cô sẽ báo cáo riêng với tôi.”

“Vâng, thưa sếp. Tất nhiên rồi.”

Rose gác máy rồi ngồi sụp xuống ghế, cảm giác ớn lạnh chạy dọc sống lưng. Nơi này thực ra là *cái gì*? Cô có biết rõ nó hay không? Qua cửa sổ, cô có thể thấy Cầu Cổng Vàng, màu đỏ cam nổi bật trên nền trời xanh biếc. Trên bãi cỏ bên dưới, ai đó đang thả diều.

7 THÁNG TƯ NĂM 2061

MỘT MẢNH BẠT màu lục sáng nổi bật trên nền đỏ, lam, tím mờ nhạt của hẻm núi bên dưới khiến Kai chú ý. Có tiếng gõ càn cạch vang vọng giữa không gian yên ả trong lúc thằng bé tìm đường xuống từ trạm gác của mình, cẩn thận len lỏi giữa những vách đá lởm chởm. Chân nó đau điếng khi chạm xuống lớp đá cuội dưới lòng sông cạn. Ở trước mặt nó, một tấm bạt nhựa đang đu đưa tự do, cái vòng kim loại sáng bóng để xỏ dây của nó đập vào một cây cột gỉ sét. Cạch. Cạch, cạch.

Trông giống một cái lều. Thằng bé từ từ tiến lại, rướn cổ lên để nhìn bên trong cho rõ hơn. Nó có thể thấy một cái nồi kim loại méo mó và một chiếc cốc nhựa đã vỡ. Một miếng da sần, những sợi dây rách rưới buộc vào một thứ gì đó nhìn như một chiếc giày. Nó cúi về phía trước. Có khi lần này...

Từ trong bóng tối, hai hố mắt sâu hoắm thô lỗ nhìn nó từ một cái đầu lâu trụi tóc. Hàm răng khấp khểnh cười nhạo nhỏ với nó. Đó là con người, hoặc đã từng là người, được che phủ bởi những gì còn lại của một cái quần màu nâu cáu bẩn và một chiếc áo xanh bạc màu. Thằng bé co rúm lại, lưng đập vào vách đá khi nó vội lùi xa khỏi cái xác. Rồi nó trèo lên trên, cái vị quen thuộc như gỏi đồng dâng lên trong họng nó trong lúc đất vụn rơi rào rào sau lưng nó. Lên đến đỉnh, nó đu mình lên gờ sa thạch cứng.

Nó và Rosie đã tìm kiếm nhiều tháng nay mà vẫn không thấy dấu vết gì của một vật sống khác - chỉ thỉnh thoảng mới thoáng thấy những thứ đã từng là cơ thể con người, chân tay bị xé toạc bởi những con thú ăn thịt lang thang, bộ quần áo tả tơi rũ xuống treo trên những khúc xương trống rỗng. Trong tất cả những thứ thăng bé đã tìm thấy, cái xác trong lều này là còn nguyên vẹn nhất. Nhưng cái xác to quá, thăng bé tự nhủ. Không phải một đứa trẻ khác, không giống nó. Nó hít một hơi thật sâu đầy phổi rồi từ từ thở ra, cố giữ bình tĩnh. Áp tay xuống phiến đá nóng giãy dưới ánh mặt trời, nó ngẩng đầu lên tìm mẹ.

Rồi... tiếng tim đập thành thịch của nó được thay thế bởi một tiếng rè rè lớn. Có thứ gì đó đang chao liệng trên bầu trời, một vật lấp lánh lượn bên này lượn bên kia, mỗi lần lại xuống thấp hơn. Một tiếng gầm rú làm thăng bé điếc cả tai trong khi nó nhắm nghiền mắt trước một cơn mưa đá dầm.

Thăng bé chỉ kịp đưa tay lên bịt tai trước khi tiếng gầm rú ngừng lại, nhưng mặt đất vẫn còn rung chuyển dưới chân nó. Vừa phủi đám bụi bám trên tóc, thăng bé vừa đứng dậy.

Đó không phải là Rosie. Nhưng cũng là một robot.

Miệng há hốc, Kai nhìn ô cửa sập của robot kia mở ra. Nó nhìn ai đó hiện ra - một cái áo dài rách rưới, đôi đầu gối thâm tím, một cây gậy gỗ to tướng nắm chặt trong một bàn tay mảnh dẻ. Cặp mắt nâu mở to nhìn nó từ dưới mái tóc nâu sẫm. Đó là một thăng bé, cao khoảng bằng nó, với vẻ mặt kinh ngạc giống hệt như nó. Kai đưa mu bàn tay lên dụi mắt trong khi thăng bé mới đến tụt xuống đất.

“Xin chào?” Giọng thằng bé kia mỏng manh, đầy vẻ do dự.

“Ờ... chào.” Giọng Kai, vốn lâu không dùng đến, nghe thật lạ lùng trong tai nó. Đưa mắt liếc trái liếc phải, cuối cùng nó cũng nhìn thấy Rosie đang nấu mình cạnh một tảng đá gần đó.

“Mẹ không thấy có mối đe dọa nào.” Nó nghe thấy giọng Rosie trong tâm trí mình, dịu dàng đầy vẻ trấn an. Nhưng nó vẫn thấy run rẩy từ đầu đến chân, khắp người đầy mồ hôi lạnh toát.

Thằng bé kia lùi lại một bước. “Đừng sợ,” nó khẽ nói.

Kai mở miệng, môi cứng ngắc. Nó chớp chớp mắt. “Kh... không,” nó gắng gượng thốt ra. “Xin lỗi... Tớ vừa thấy một thứ. Dưới kia.”

“Cái xác hử?” Thằng bé kia nhìn đi nơi khác, đưa cây gậy chọc chọc một bụi chà là, liên tục đổi thế đứng từ chân này sang chân kia. “Tớ đã tìm thấy nó hôm qua. Nó không giống bọn mình. To quá. Và không có robot.”

“Chúng ta có nên chôn nó không? Rosie đã dạy tớ...”

“Alpha-C bảo tớ không được chạm vào xác chết nếu không biết nó chết thế nào. Có thể bị lây bệnh.” Thằng bé nhăn mặt liếc nhanh một cái về phía robot sau lưng nó. “Mẹ cảnh báo với tớ rằng hầu hết mọi người đều đã chết. Nhưng mẹ cũng kể cho tớ rằng có những người đặc biệt. Những người còn sống sót.”

“Rosie cũng nói với tớ như thế.” Kai hất đầu về phía Rosie, và thằng bé e ngại nhìn về phía đó.

“Vậy là tớ cứ tiếp tục tìm kiếm,” thằng bé nói.

“Tớ cũng vậy.”

Thằng bé giơ tay lên gạt tóc ra khỏi mắt. “Nhưng tớ tìm lâu đến nổi suýt nữa tớ đã bỏ cuộc.”

“Tớ cũng vậy.”

Mặc dù nó đã mơ về việc này từ khi có trí nhớ, nhưng Kai chưa bao giờ biết cảm giác sẽ như thế nào khi tìm thấy một đứa trẻ khác. Một đứa trẻ khác. Rốt cuộc! Nó cảm thấy mình thật ngớ ngẩn, những lời nó muốn nói mắc kẹt đâu đó giữa não và miệng. Nó đã tưởng tượng ra bao nhiêu bài diễn văn hùng hồn, nhưng giờ chỉ nghĩ được mấy chữ “tớ cũng vậy”.

“Tên tớ là Sela,” thằng bé kia nói. “Tên cậu là gì?”

“K... Kai.”

“Kai. Cậu là con trai, phải không?” Sela nói. “Tớ đoán được mà. Tớ là con gái.”

“Con gái...” Kai tiến hai bước về phía trước, tay phải chìa ra. Khi còn cách một cánh tay, nó đột ngột dừng lại. Nó cảm thấy môi mình đang cong lên thành một nụ cười ngượng ngùng, máu dồn lên mặt. “Tớ nghĩ bọn mình nên bắt tay nhau,” nó nói. “Tớ đã được học như thế trong các video của Rosie.” Nó nắm tay con bé, bàn tay ấm áp và mềm mại. “Rất vui được gặp cậu.”

“*Rất rất* vui được làm quen với cậu!” Sela vụng về nhún người, khiến cả hai đứa mất thăng bằng. “Và Rosie nữa,” cô bé nói, mắt nhìn về phía mẹ của Kai. “Tớ thích cái tên ấy. Như tên một loài hoa vậy^[*].”

Con bé cười vang, nghe như tiếng nhạc.

ĐỂ ĂN MỪNG cuộc gặp mặt, hai đứa quyết định sửa soạn một bữa tiệc. Sela dùng gậy đào lên những cây xương rồng mọc nước trên bãi đỗ của hai đứa. Rồi, bằng một con dao có cái cán chạm khắc cầu kỳ, con bé khéo léo tước sống lá đầy gai đi và cắt chúng thành những miếng nhỏ.

Kai lấy nước từ kho nhu yếu phẩm gần khu trại mới - không như các nhà kho khác họ từng tìm thấy, nhà kho này còn đầy nước. Nó miết những quả tầm bóp nhỏ xíu ngọt lịm lên đáy các phiến đá phẳng để đặt bẫy những con chuột nhỏ, khi mặt trời lặn và đất nguội dần chúng sẽ chui ra khỏi hang dưới các bụi cây khô để kiếm ăn. Thằng bé lùi lại ngắm đồng xương rồng của Sela. “Con dao đẹp nhỉ,” nó nói.

“Tớ tìm thấy gần nhà kho chỗ tớ lớn lên đấy,” Sela đáp, mân mê cán dao bằng gỗ.

“Đẹp hơn dao của tớ.” Kai đưa ngón cái vuốt dọc lớp vỏ mịn mượt bọc ngoài con dao nhỏ của mình - lớp vỏ bằng nhựa đỏ, với một biểu tượng màu trắng ở một bên - một hình chữ thập bên trong một thứ nhìn như cái khiên. Dù con dao nhỏ thật, nhưng thằng bé thích vì có thể gấp lưỡi dao vào trong vỏ khi không dùng đến. Nó khiến thằng bé nhớ tới cặp cánh của Rosie.

Một tiếng thịch báo hiệu con mồi đầu tiên của Kai đã sập bẫy. Thằng bé cúi xuống lật tảng đá lên và kéo con mồi đã bị đập bẹp ra.

Sela nhào người về phía trước, mắt mở to. “Chúng có vị như thế nào?”

“Cậu chưa ăn bao giờ à?”

“Nói thật nhé” - Sela đỏ mặt - “tớ chưa ăn thịt bao giờ.”

“Nếu cậu không muốn ăn thì...”

“Ồ không, ý tớ không phải thế. Chỉ là... Alpha chưa bao giờ chỉ cho tớ cách ăn.”

Kai mỉm cười. “Đừng lo. Rosie bảo ăn chúng không sao đâu.”

Hai đứa nhóm một đồng lửa dưới bóng một vách đá cao trong khi mẹ của chúng đứng canh gác cách đó không xa, những cái bóng của họ đổ dài xuống trong ánh chiều tà. Trong lúc Kai lấy từ bầy ra thêm hai con chuột nữa thì Sela nấu xương rồng trong một cái chảo kim loại dày - một báu vật tìm được khác. Sau khi khéo léo lột da con mồi của mình, Kai xiên chúng bằng một cành cây thuôn dài của một bụi cây hoang mạc, rồi xoay trên đồng lửa. Vừa đợi thịt chín, hai đứa vừa ngốn ngấu những miếng xương rồng, nước xương rồng tràn cả xuống cằm.

“Tối nay không phải ăn Pedia-Supp nữa!” Sela mỉm cười. “Hôm nay là một ngày đặc biệt.” Nhưng Kai chỉ mấp má môi, đầu óc cậu quay cuồng với những từ ngữ mơ hồ.

“Có chuyện gì vậy?” Sela hỏi.

“Ờ... tớ không quen nói chuyện thành tiếng. Nhưng cậu... cậu nói giỏi thật đấy.”

“Ngày nào tớ cũng luyện tập mà,” Sela nói. “Đừng lo, dễ lắm. Và chúng ta càng tìm thấy nhiều bạn khác thì sẽ càng dễ hơn.”

“Cậu nghĩ là có nhiều người khác à?” Kai đưa một tay lên chùi cằm. “Nhiều người như chúng ta ấy?”

“Mấy hôm trước tớ đã thấy một robot khác. Không phải mẹ cậu.”

“Sao cậu biết?”

“Cô ấy không có cái vết ở trên cánh.”

Kai quay lại nhìn mẹ mình. Hình xăm rực rỡ của mẹ, vết sơn vàng dễ nhận ra trên cánh trái của mẹ, hầu như không hiện rõ dưới ánh chiều chạng vạng.

“Cái đó để làm gì?” Sela hỏi.

“Hử?”

“Cái vết ấy nghĩa là gì?”

“Tớ không rõ. Tớ tưởng robot nào cũng có...” Thằng bé nhìn chăm chú vào mẹ của Sela. Dù có thiết kế giống với Rosie, nhưng nhìn cô hơi khác - dáng cô hơi cồng, và cô luôn ở sát bên Sela, ngay cả khi đang nghỉ ngơi. “Vậy là... cậu thấy một robot khác?”

“Alpha không nhìn thấy cô ấy. Nhưng chắc chắn tớ đã thấy một robot lúc bọn tớ bay qua chỗ này.” Sela giơ một cánh tay gầy gò lên chỉ về đằng Tây, nơi mặt trời đang nhuộm đỏ đường chân trời. “Tớ đã muốn Alpha quay lại đó. Nhưng bọn tớ lại gặp cậu trước.”

“Sáng mai bọn mình có thể kiểm tra.”

Bên cạnh nó, Sela thận trọng cắn miếng thịt, dùng răng khéo léo gỡ thịt ra khỏi những khúc xương nhỏ xíu. Rồi con bé mím môi và quay đi nhổ vào đồng lửa.

“Cậu không thích à?”

“Có lẽ là không,” con bé lắp bắp. “Không phải thứ dành cho tớ.”

“Xin lỗi...”

“Không sao.” Con bé chộp lấy cái bi đông và tợp một ngụm nước súc miệng.

“Sela này...” Cảm giác tên con bé thốt ra trên lưỡi nó thật là lạ. “Cậu nghĩ bọn mình còn bao nhiêu người nữa?”

“Alpha nói có năm mươi cả thầy... lúc ban đầu.”

“Lúc bọn mình được phóng đi.”

“Ừ. Nhưng....” Sela ngồi ngả ra, trán hơi nhăn lại.

“Nhưng mẹ tớ không biết bây giờ còn bao nhiêu nữa, Kai nói.

“Ừ. Mẹ tớ chỉ nói...”

“Khả năng những đứa trẻ khác sống sót là không cao.” Kai mỉm cười, và nó thấy Sela đáp lại bằng nụ cười toe toét bên ánh lửa. “Cậu nghĩ tại sao họ lại phải tách ra?”

“Tách ra ấy à?”

“Tại sao tất cả các mẹ của bọn mình lại không ở cùng với nhau?”

“Alpha bảo làm vậy cho an toàn.”

“Rosie cũng nói thế. Nhưng an toàn khỏi cái gì mới được chứ?”

“Mẹ không nói... Đại Dịch... Hoặc thú săn mỗi chẳng?”

“Nhưng bọn mình miễn dịch rồi mà. Và Rosie có súng laser. Có lần mẹ đã giết một con chó hoang, khi nó đến quá gần.”

Kai ngược lên nhìn lớp vỏ bọc nơi cánh tay của Rosie nối với thân. Tia laser của mẹ chính xác đến chết người. *Không được sử dụng vũ khí trừ trường hợp bất khả kháng*, mẹ đã cảnh báo. *Chỉ khi tính mạng của chúng ta bị đe dọa*.

Sela cau mày. “Cách đây lâu lắm rồi,” con bé nói, “tớ nghĩ là Alpha cũng đã dùng đến súng laser. Lúc đó là buổi đêm, và tớ đang ngủ trong bọc kén. Có tiếng động lớn, như một vụ nổ...”

Nhưng khi tớ nhìn qua cửa sập thì chẳng thấy gì.” Nó lắc đầu. “Có lẽ chỉ là một giấc mơ thôi.”

Kai cảm thấy sống lưng ớn lạnh khi nó nhìn vào bóng tối bên ngoài quang sáng của đồng lửa. Rosie đã dạy cho nó biết rằng mẹ được tạo ra trong một phòng thí nghiệm. Nhưng ai đã tạo ra mẹ? Phòng thí nghiệm đó ở đâu? Mẹ không chịu nói. Mẹ bảo thông tin đó là “tuyệt mật” - dù điều đó có nghĩa là gì đi chăng nữa. Nó tưởng tượng ra những người lớn trong các video nó vẫn xem, lái ô tô và đi làm trong những tòa nhà văn phòng chọc trời. Liệu có còn ai khác, ai đó không giống nó và mẹ nó, vẫn còn sống ngoài kia không? Không. Theo Rosie, khả năng xảy ra chuyện đó là “rất nhỏ”. Chỉ có những Người Mẹ và con cái của họ là được thiết kế để sống sót.

“Tớ chỉ ước là...” Thằng bé cời đồng lửa bằng xiên thịt đã hết nhẫn của mình. Thật lạ khi nói điều này với ai đó không phải là Rosie. “Tớ chỉ ước là mẹ bọn mình đã ở lại với nhau. Như thế sẽ dễ dàng hơn.”

Sela uống nốt chỗ nước trong bi đông. “Tớ còn thêm nước trong kén,” con bé nói, “từ khu trại trước của tớ.”

“Tớ cũng còn nhiều,” Kai nói. “Ít nhất là cho lúc này.”

Sela đứng dậy, phủi bụi trên vạt áo trước. “VẬY... sáng mai nhé?”

“Ừ.”

Con bé vẫn đang nhìn nó chăm chú, quan sát nó. “Chuyện này thật tuyệt, đúng không?”

“Ừ.” Bất chấp làn gió lạnh, Kai vẫn thấy ấm áp. Nó ngược lên nhìn bầu trời đen thẫm như nhung, với những đốm sao sáng

lấp lánh khắp nơi. Thật là tuyệt.

SÁNG HÔM SAU, Kai thức giấc lúc ngày vừa rạng, nóng lòng muốn được gặp lại Sela. Trong lúc trượt xuống bánh xích của Rosie, nó nhìn khắp khu trại. Cửa sập của Alpha-C hé mở, một quầng sáng đục hồng hồng tỏa ra từ bên trong. Tựa người vào bánh xích của mẹ nó, Sela đang mút một góc gói Pedia-Supp. “Cái này không ngon bằng thức ăn thật, nhưng ít ra nó cũng nhanh gọn,” con bé vừa nuốt vừa nói.

“Hôm nay bọn mình sẽ đi về phía Tây chứ?”

“Alpha đã đồng ý với kế hoạch của bọn mình.”

“Rosie cũng thế. Nhưng làm sao bọn mình đi cùng nhau được?”

“Cậu bảo mẹ cậu bám theo bọn mình được không?”

Kai im lặng, truyền tin cho Rosie. “Được,” nó nói thành tiếng. “Mẹ có thể lần theo dấu vết của cậu.”

Nó trèo lại vào kén của mình và lấy ra một gói Pedia-Supp từ khoang chứa sau ghế. Nó cài dây an toàn, rồi xé góc gói thức ăn và mút hết. Qua cửa sổ, nó có thể thấy Sela đang trèo lên bánh xích của Alpha. Và lần đầu tiên, nó được nhìn thấy một robot khác chuẩn bị cất cánh, cặp cánh xò ra từ lớp bọc sáng bóng trên lưng, cánh quạt tua bin chìa ra từ vỏ bao khổng lồ để chĩa xuống đất. Rồi tất cả chìm trong màn bụi khi Rosie cũng làm như vậy.

Không khí quang đãng dần khi họ bay lên, Alpha bay trước, Rosie bám theo. Thằng bé mê mẩn vì cảnh tượng một robot khác đang cùng bay. Nhưng nó biết Rosie không bay giống như

Alpha, chao liệng và lượn vòng trên bầu trời như một con chim điên loạn. “Mẹ nói chuyện với Alpha-C được không?” nó hỏi Rosie.

“Alpha-C là cái gì?”

“Robot của Sela. Mẹ nói chuyện với cô ấy được không?”

“Không. Mẹ chỉ có thể giao tiếp với con của mình.”

“Nhưng mẹ nhìn thấy cô ấy.”

“Phải, mẹ cảm nhận được hình thù đó. Mẹ đang giữ khoảng cách an toàn.

“Thế mẹ có cảm nhận được một robot khác đang nằm dưới mặt đất không?”

“Mẹ đã bắt đầu quá trình nhận dạng. Mẹ sẽ báo lại với con nếu phát hiện thấy một cấu trúc có dấu hiệu phù hợp. Nhưng máy quét hồng ngoại của mẹ sẽ không thu được kết quả chính xác với nhiệt độ mặt đất hiện tại.”

“Sao lại không ạ?”

“Nhiệt độ mặt đất hiện đang trong khoảng từ 29 đến 33 độ C. Sẽ không thể dò được lượng hơi nóng ít ỏi tỏa ra từ một robot hoặc một dạng sống trên mặt đất.”

Trời nóng, nóng hơn nhiều so với các mùa xuân trước. Mặt đất bên dưới chìm trong lớp bụi mù, và Kai chỉ biết hy vọng là Sela sẽ tìm ra robot con bé đã nhìn thấy hôm trước. Đột nhiên Alpha nghiêng một bên cánh và lượn một vòng rộng rồi từ từ hạ cánh. “Giờ mẹ có thấy gì không?” Kai nheo mắt, cố xác định xem Sela đã thấy cái gì.

“Không. Mẹ không thấy gì.”

“Nhưng mẹ sẽ theo Alpha-C chứ?”

“Phải.”

Khi họ hạ cánh, Kai vội tháo dây an toàn ra. Nó mở ô cửa sập, tuột xuống bánh xích và lao về phía Alpha. Sela đang quay lưng về phía nó, đôi vai gầy của con bé rũ xuống trong lúc đứng cạnh mẹ nó.

Mãi tới khi lại gần con bé thì Kai mới thấy đông vụn nát.
“Cái gì thế?”

“Đó là... Đó *đã từng* là... một robot.” Mắt Sela ầng ầng nước.
“Lẽ ra tớ phải biết từ trước. Alpha không nhận ra cô ấy là có lý do. Cô ấy chỉ còn là... những mảnh vụn.”

Kai rón rén bước tới phía trước, những sợi lông trên cánh tay dựng lên vì hơi nóng. Một làn gió yếu ớt thổi qua những cánh quạt trợ trọng nằm trên mặt đất trước mặt nó. Cách đó vài mét là một phần thân vỡ làm đôi như vỏ trứng. Nó thấy một bên cánh duỗi rộng. Và chìa ra từ bên dưới...

“Ừm...” Kai nhìn chăm chăm vào đống đổ nát, những sợi dây và ống nối chằng chịt cố sức nhưng đã không thể giữ lại một vật hình trứng dài. Trong tâm trí, nó nhìn thấy một vật khác cũng như thế, nằm dưới vầng mặt trời nóng cháy bên cạnh nhà kho nơi nó chào đời.

“Cái gì đấy ạ?” nó đã từng hỏi.

“Đó là nơi con ra đời,” Rosie giải thích. “Lồng ấp của con. Giờ chúng ta không cần nó nữa. Nhưng nó đã từng rất quan trọng.”

Một cái lồng ấp. Nhưng cái này khác. Cái này có chứa một bộ xương nhỏ xíu, nguyên vẹn, hai tay chấp lại như đang cầu nguyện.

Thằng bé cảm thấy tay Sela đặt lên cánh tay mình, hết sức nhẹ nhàng. “Không sao đâu.” Giọng con bé trầm trầm, nghẹn ngào, trong lúc nó quay người đi. “Đi nào. Rồi bọn mình sẽ tìm ra thêm nữa. Lần tới mình sẽ thấy người còn sống”

“Nhưng Sela,” nó nói. “Chúng ta không thể cứ thế bỏ đi được. Chúng ta phải chôn đứa bé này.”

8 THÁNG MƯỜI HAI NĂM 2051

TRONG CĂN PHÒNG mờ tối không cửa sổ ở căn cứ Detrick, James mơ về phòng thí nghiệm của mình ở Emory, với những băng ghế dài và cửa sổ lớn nhìn ra khuôn viên trường đại học. Anh ước có thể đưa nhóm thí nghiệm của mình cùng đến đây. Nhưng sau nhiều tháng thì các nghiên cứu sinh của anh ở Emory đành phải tự xoay xở, chỉ được anh hỏi han mỗi tuần một lần. Trưởng khoa của anh phải bằng lòng với một lời giải thích mơ hồ của chính phủ rằng anh đang có vai trò rất quan trọng trong một vấn đề an ninh quốc gia. Và anh phải bằng lòng làm việc cùng nhóm nhỏ của Rudy Garza và với cái giường xếp gồ ghề trong căn hộ chật chội ở Harpers Ferry nơi anh và Rudy đang sống chung.

James mỉm cười. Ít ra, cũng như nhiều nhà hóa học khác, Rudy cũng là một đầu bếp tài ba. Trò tiêu khiển ưa thích của ông là xem các video nấu ăn trong lúc chế tác những món ăn ngon lành trong bếp.

Nhưng họ phải thận trọng. Tối qua, trong lúc Rudy đãi James món bánh ngô mới tuyệt ngon, họ đã để video tiếp tục chạy. Bản tin hiện lên, đưa tin về những cái chết bí ẩn ở hoang mạc Afghanistan. “Quân đội đã cho cách ly khu vực này, một nam phóng viên mặc đồ bảo hộ nói. “Nhưng vẫn tiếp tục có ca tử vong.” Máy quay lướt qua một hàng rào sắt để cho thấy một hàng những thân hình tiểu tụy nằm trên những chiếc cáng vấy

máu của quân đội - những nạn nhân vô tội nhìn rất giống cha mẹ James. “Dường như không ai biết nguyên nhân, phóng viên tiếp tục. “Và các viên chức quân sự cho tới giờ vẫn từ chối viện trợ nhân đạo.”

Rudy đập tay lên điều khiển. “Đủ rồi,” ông nói. “Chúng ta cần ngủ.”

Nhưng họ không ngủ nổi. James kiệt sức nhìn qua những ống nghiệm nhỏ đông lạnh xếp thành hàng, mỗi cái chứa một biến thể khác nhau của cùng một thứ. Những ngón tay đeo găng của anh lướt trên các ống nghiệm, lấy ra ống dán nhãn “C-341”. Nếu gặp may, đây sẽ là trình tự NAN có thể chống chọi lại cuộc tấn công chết người của IC-NAN.

Không hề dễ dàng để chống lại IC-NAN; cho tới nay, không ai nhiễm bệnh mà có thể qua khỏi. Cơ chế hoạt động của nó là ngăn chặn việc phiên mã gene của một protein quan trọng có tên là “caspase khơi mào”. Nó làm được điều đó bằng cách tự đưa mình vào ADN ở một điểm gọi là “trình tự tăng cường caspase khơi mào”, ở vị trí mà phiên mã gene caspase thường bắt đầu để tạo ra các ARN đưa tin. Khi không có ARN đưa tin, tế bào sẽ không thể tạo ra caspase. Khi không tạo ra được caspase, tế bào sẽ không phản ứng lại với các tín hiệu tự nhiên cho biết đã đến lúc tự hủy. Và vì thế nó cứ sống mãi, làm tắc nghẽn bề mặt phổi rồi tách ra để di chuyển khắp cơ thể.

Để hạ gục IC-NAN, cách duy nhất là tìm cách đưa vào một gene caspase mới, một gene có trình tự tăng cường khác, không thể bị biến đổi bởi IC-NAN. Kế hoạch của họ là phát triển một loại NAN giải độc. Loại NAN mới này có thể được phun ra dưới

thể khí, cũng như cách mà Bộ Quốc phòng đã làm với IC-NAN, chỉ khác là dưới dạng thu nhỏ đủ dùng cho từng cá nhân - giống ống thuốc xịt mà các bệnh nhân hen suyễn thường dùng. Nhóm của Rudy đã bắt tay vào tổng hợp các loại thuốc giải độc khác nhau. Nhiệm vụ của James là chuẩn bị và theo dõi việc thử nghiệm chúng trên các mẫu tế bào người.

James cẩn thận đặt ống nghiệm vào một cái giá ở cuối tủ an toàn sinh học. “Tôi chỉ mong sao chúng ta có cách nào đó đẩy nhanh quá trình này,” anh phàn nàn.

“James, chúng ta phải kiên nhẫn,” Rudy đáp. “Loại cấu trúc nano này nổi tiếng là không ổn định và rất khó để tổng hợp. Nhóm của tôi đã mất ba năm mới hoàn thành được một dạng IC-NAN ổn định đúng liều lượng, và chúng tôi thậm chí còn không kiểm tra các tác dụng phụ. Không cần thử nghiệm trên động vật - chúng tôi chỉ dùng mẫu tế bào để chứng tỏ nó hiệu nghiệm. Anh phải tin tôi. Anh và tôi đã có những bước tiến rất xa chỉ trong vòng hai năm.”

Đúng như vậy. Với IC-NAN, mục tiêu là cái chết. Nhưng loại NAN giải độc cần phải có tác dụng và an toàn - không để lại bất kỳ tác dụng phụ nào về lâu dài. James đã kiểm tra hàng trăm ứng cử viên NAN trên các mẫu tế bào. Trong số này, chỉ năm loại NAN là có hiệu quả đủ để chuyển sang thử nghiệm trên các loài linh trưởng. Chính các thử nghiệm trên linh trưởng, trên giống khỉ macaca nuôi nhốt ở một phòng thí nghiệm biệt lập trên đảo Puerto Rico, đã chiếm mất nhiều thời gian quý báu trong lúc cả nhóm đợi để loại bỏ các tác dụng phụ không mong

muốn. Chỉ có một ứng cử viên duy nhất, C-341, là tỏ ra có tiềm năng.

Đây là một nhiệm vụ khổng lồ - biến đổi gene của cả nhân loại. Chìa khóa là ở chỗ thuốc giải độc cần được sử dụng *trước khi* nạn nhân bị phơi nhiễm IC-NAN. Việc này sẽ làm giảm bớt các thương tổn cần xử lý sau này. Rồi sau đó thuốc giải độc sẽ phải tiếp tục được dùng đều đặn. Tất cả mọi người trên trái đất sẽ phải được dùng thuốc để phòng bệnh, trừ phi hoặc cho đến khi con người tiến hóa để tồn tại trong môi trường mới đầy IC-NAN. Và luôn có mối nguy là loại NAN giải độc sẽ dẫn đến những tác dụng phụ khôn lường chưa từng xuất hiện trong quá trình thử nghiệm. Nhưng đại tá Richard Blevins dường như không thèm đếm xỉa gì đến tầm quan trọng của nhiệm vụ này. Thực ra, anh ta còn ngăn cản sự hợp tác giữa các nhóm khoa học. James đã nhận ra rằng anh không thể biết gì hơn ngoài những điều cần thiết để hoàn thành phần việc của mình trong toàn bộ nhiệm vụ.

Sau khi khóa cửa tủ lạnh, James quay lại đối diện với người bạn phòng thí nghiệm của mình. “Rudy, ông có thực sự nghĩ họ đang coi trọng dự án này không?”

Rudy trầm ngâm đưa tay xoa xoa mẳng đầu hói. “Ý anh là sao?”

“Tôi chẳng thấy ai băn khoăn về các cuộc thử nghiệm cả. Thuốc giải không thể được sử dụng nếu không có các thử nghiệm trên người, có số liệu hẳn hoi. Và còn việc tăng quy mô thì sao? Nếu việc tổng hợp thuốc giải là rất khó khăn, như anh nói đó, thì làm sao chúng ta có thể làm đủ cho tất cả mọi người?”

Đó là chưa nói đến việc ta vẫn còn chưa tính toán được liều lượng ổn định. Họ không hiểu là...”

Rudy cởi áo blu ra và cẩn thận treo nó lên cái móc cạnh cửa. Ông quay lại và nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay James. “Như tôi đã nói với anh đấy, tôi cũng từng cảm thấy như vậy về IC-NAN - rằng họ không coi trọng nó. Thực ra, tôi đã hoàn toàn chờ đợi họ hủy bỏ dự án đó. Nhưng khi chúng tôi hoàn thành dự án, tôi được thông báo là người ta đã phát triển xong một hệ thống phát tán. Lại còn có một lò phản ứng sinh học, sẵn sàng để tăng quy mô sản xuất nữa.”

“Ai đó đang điều khiển cuộc chơi.”

“Đúng thế. Các dự án này luôn được phân chia hết sức cẩn thận, thông tin chỉ được chia sẻ theo kiểu cần-mới-biết. Ngày ngày tôi đều cầu nguyện cho chúng ta thành công. Và tôi dám chắc rằng chính phủ sẽ hỗ trợ chúng ta theo tất cả các cách có thể.”

“Nhưng ông đã thấy dự đoán mới nhất về sự phát tán của vi khuẩn cổ bị nhiễm độc rồi đấy. Chúng ta chỉ có hai năm nữa để đưa ra giải pháp hoàn chỉnh - có khi còn không đến.”

Rudy im lặng, dường như đang cân nhắc câu trả lời. “Chuyện đó còn phụ thuộc vào việc anh định nghĩa thế nào là hoàn chỉnh, “ông nói. “Tôi phải thừa nhận là tôi đã băn khoăn...”

“Băn khoăn ư?”

Rudy nhìn xuống sàn, không nhìn vào mắt anh. “Xin anh đừng cho ai biết là tôi đã nói với anh điều này, James a. Nhưng... tôi đã nghe được một vài chuyện. Tôi nghĩ là bây giờ... họ đã

nhận ra rằng họ phải bằng lòng với việc cứu sống một ít người được lựa chọn mà thôi.”

James cảm thấy sức lực rút cạn khỏi tay chân mình trong lúc anh đi theo Rudy dọc hành lang để về ngăn làm việc chật hẹp của họ. Anh khụy xuống ghế và ngắm nhìn bức ảnh cha mẹ mình, món đồ cá nhân duy nhất anh đem theo từ Emory. Sau tin nhắn hốt hoảng của anh trên chiếc limo của chính phủ hai năm trước, anh đã liên tục phải trấn an cha mẹ rằng mọi chuyện vẫn ổn. Theo như những gì họ biết thì anh vẫn đang ở Emory, vẫn tham gia các bữa tối của giảng viên và làm việc vất vả để được vào biên chế.

Anh nhớ họ vô cùng. Nhưng anh phải tránh xa họ, bịa ra vô vàn cái cớ để không thể về thăm nhà. Và khi thời gian trôi qua, anh bỗng tự hỏi: Việc anh đang làm đây - tránh xa những thứ anh quan tâm nhất trên đời - có phải chỉ là một phiên bản khác của chính cái điều mà cha mẹ anh vốn đã làm với anh từ thuở nhỏ không?

Là con một của Abdul và Amani Said, anh đã luôn cảm nhận rõ rệt tình yêu thương của cha mẹ. Nhưng anh cũng cảm nhận được rõ rệt không kém là họ luôn giữ khoảng cách với anh. Họ cầu nguyện sau những cánh cửa đóng kín, bằng thứ ngôn ngữ anh không bao giờ được học. “Tên thánh” của anh là một cái tên Cơ Đốc giáo. Và ngay cả họ của anh cũng khác. Họ đã dạy anh phát âm nó giống như từ *said* trong tiếng Anh - có nghĩa là *nói*. Không như những người ở trang trại Wheelan, trang trại trồng lan ở Nam California nơi cha anh làm quản đốc, phát âm

nó. “Chắc rồi, thưa ông *Sah-eed*,” họ thường dài giọng. “Ông muốn giao hàng ngay hôm nay hay để đến mai?”

Tất nhiên, những điều cha mẹ làm chỉ là để bảo vệ anh. Dù rất yêu tôn giáo của mình, dù tôn giáo ấy là một phần không thể tách rời trong họ, họ đã cố hết sức để cách ly anh khỏi nó. Nhưng anh không thể bị cách ly như vậy mãi mãi được. Đến một lúc nào đó, anh sẽ phải đối mặt với hiện thực của mình. Giờ anh đang đối mặt với nó đây. Cách anh bị đối xử ở căn cứ Detrick này, luôn bị giữ khoảng cách... Ngay cả Rudy thỉnh thoảng cũng lúng túng, ngừng lại giữa chừng khi James hỏi quá nhiều. Một cách chậm rãi nhưng chắc chắn, James đã nhận ra anh đang bị che giấu thông tin, nhiều hơn so với Rudy và những người khác. Anh không hề ảo tưởng. Là người gốc Pakistan làm việc trong hệ thống an ninh quốc gia cực kỳ bảo mật của Mỹ, anh sẽ luôn phải chịu đựng sự giám sát chặt chẽ hơn.

Anh nhắm mắt. Cũng theo cách tương tự, một ngày kia cha mẹ anh có thể sẽ phải đối mặt với sự thật về bí mật mà anh đang nắm giữ bây giờ - bí mật về một đại dịch toàn cầu do chính con người tạo ra. Tất nhiên, anh hy vọng rằng đại dịch IC-NAN sẽ không bao giờ lan rộng. Nhưng mỗi ngày qua, anh càng thêm chắc chắn là nó sẽ xảy ra. Chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Anh vươn tay bật màn hình máy tính lên. Biểu tượng của Bộ Quốc phòng, con đại bàng và mười ba ngôi sao trên đầu, hiện ra trong lúc anh đợi cuộc họp bắt đầu. Mãi rồi anh cũng nghe thấy tiếng tí tít vang to báo hiệu phía Langley đã đăng nhập. Anh tưởng tượng ra một văn phòng tối tăm ở đầu bên kia, Blevins

ngồi một mình bên một bàn giấy nhỏ. Nhưng rồi anh nghe thấy những giọng nói khác đang khe khẽ trao đổi.

“Tiến sĩ Said, anh có đó chứ?” Đó là ngài đại tá.

“Vâng, tôi đây.”

“Tiến sĩ Garza?”

“Vâng.” Giọng Rudy vang lên qua micro ở gần làm việc cạnh đó.

“Tốt. Vậy chúng ta sẽ bắt đầu.”

Biểu tượng biến mất, thay vào đó là một cái bàn nhỏ có năm người ngồi quanh. Đại tá Blevins và một người nữa, một người đàn ông cao lớn với đôi vai to bành, cả hai đều mặc quân phục. Một phụ nữ nhỏ nhắn tóc đỏ và một người đàn ông béo phì, mặt phèn phẹt ngồi cạnh bà ta, cả hai nhìn hơi quen quen, đều mặc đồ vét công sở. Còn người thứ năm là... Irena Blake, phó tổng thống Mỹ.

“Hôm nay chúng ta có một vài vị khách ở Langley, Blevins nói. “Tướng Joseph Blankenship, giám đốc CIA.” Người đàn ông cao lớn mặc quân phục giơ một ngón tay lên. “Henrietta Forbes, bộ trưởng Bộ Quốc phòng.” Người phụ nữ nhỏ nhắn uể oải vẫy tay với camera. “Sam Lowicki, giám đốc Cục Tình báo Quốc gia. Và tất nhiên, các vị đều biết phó tổng thống.”

James nheo mắt nhìn màn hình. Đây không phải là một buổi họp cập nhật bình thường. Đã có quyết định gì đó. Anh quan sát Blevins quay sang nhóm người ngồi cùng. “Cùng có mặt với chúng ta hôm nay là tiến sĩ Rudy Garza và tiến sĩ James Said từ căn cứ Detrick.”

Trong căn phòng ở Langley, Sam Lowicki cúi người về phía trước. “Thưa quý vị...” Ông ta ngừng lại để hắng giọng và nói lỏng cà vạt. “Trước hết, tôi xin được cảm ơn nỗ lực của cả hai vị. Tôi biết việc này không hề dễ dàng với các vị. Chúng tôi biết các vị đã cố gắng hết sức.”

“Nhưng...” James thì thào một mình. Nhưng gì? Anh có thể cảm thấy mạch máu đập thành thịch ở cổ như muốn vỡ tung.

“Hiện giờ, chúng tôi quyết định đã đến lúc cần... chỉnh sửa thứ tự ưu tiên. Tiến sĩ Garza?”

“Vâng?”

“Ông sẽ chịu trách nhiệm thử nghiệm các ứng cử viên thuốc giải độc trên người. Khi chúng ta quyết định cái nào là tốt nhất, chúng ta sẽ tập trung hết mình vào cái đó.”

“Nhưng...” James không thể kìm mình lại.

“Sao, tiến sĩ Said?” Đó là đại tá Blevins, đang chăm chú nhìn thẳng vào camera.

“Như các vị đã biết,” James nói, “hiện chúng tôi chỉ có một ứng viên thuốc giải phù hợp. Và làm sao chúng ta có thể thử nghiệm trên người không có các đối tượng đã được kiểm tra?”

“Chúng tôi có các tình nguyện viên,” Blevins nói.

“Nhưng là ai...”

“Anh không cần lo chuyện đó,” Blevins ngắt lời anh. Khuôn mặt vốn hồng hào của anh ta càng đỏ ửng lên khi ngồi trở lại ghế.

“Tiến sĩ Said?” Lại là Sam Lowicki. “Anh sẽ được giao một nhiệm vụ mới. Việc này sẽ đòi hỏi anh phải chuyển chỗ ở.”

“Chuyển ư? Chuyển đến đâu?”

"Los Alamos, New Mexico."

"New Mexico ư? Nhưng tôi..."

"Khoa của anh ở Emory đã được thông báo. Tướng Blevins sẽ thông báo cho anh về nhiệm vụ mới trong vòng một giờ tới. Một lần nữa, xin cảm ơn anh vì đã phục vụ đất nước."

James choáng váng ngồi xuống. Cơ thể anh như dính chặt vào ghế, hai tay thông sang hai bên. *Tướng* Blevins ư? Blevins được thăng chức từ khi nào? Và tại sao?

KHI PHÒNG HỌP đã trống trơn, Rick sụp xuống ghế và nói lỏng cà vạt ra. Mồ hôi tươm ướt cả cổ áo sơ mi của anh, và chân phải anh đau giần giật ở chỗ móm cụt. Anh loay hoay tìm cái lọ nhựa nhỏ trong túi. Trong mấy tháng vừa qua, anh đã phải dùng lại thuốc giảm đau. Nhưng để cho đầu óc được tỉnh táo, sáng hôm đó anh đã quyết định không uống thuốc.

Anh đưa lòng bàn tay lên ấn mạnh vào hốc mắt. Ít ra thì những viên thuốc anh uống bây giờ chỉ để trị cơn đau thể xác. Anh muốn nghĩ rằng những vết sẹo tinh thần mà anh phải hứng chịu ngoài mặt trận đã lành từ lâu. Để những viên Narcodol phát huy tác dụng, anh nghĩ về Rose McBride, nhớ lại cuộc phỏng vấn đầu tiên của họ.

Nhớ lại tất cả những cuộc gặp mặt của họ từ đó đến giờ.

Trước khi đưa cô vào dự án này, anh coi đại úy McBride như bất kỳ người cộng sự nào khác. Anh đã tìm hiểu tất cả những gì có thể về cô mà không để cô biết. Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân chuyên ngành tâm lý, cô bắt đầu quân nghiệp với việc làm cố vấn cho các chiến dịch tâm lý và đánh giá tâm lý tù nhân chiến tranh ở Yemen. Thú vị đấy. Cô quay về nhà để học thạc sĩ ngành khoa học máy tính, chuyên sâu an ninh mạng. Ấn tượng thật. Với tư cách là một thành viên của chiến dịch mạng ở Afghanistan, cô đã không mệt mỏi điều tra một mạng lưới liên lạc bí mật, giúp bắt giữ một tên khủng bố và tay buôn vũ khí khét tiếng có mặt danh là “Zulfiqar”. Thật đáng kinh ngạc.

Nhưng rồi anh gặp cô. Anh nhắm mắt lại, tưởng tượng khuôn mặt cô, cách cô đi đứng. Anh tưởng tượng ra đôi bàn tay uyển chuyển, đầy biểu cảm của cô lướt theo những vòng cung không khí trong khi cô tóm tắt những phát hiện tưởng chừng không hề liên quan đến nhau, khiến các hồ sơ dữ liệu trở thành một câu chuyện đầy sống động. Cặp mắt màu lục lam của cô sáng lên khi phản chiếu ánh sáng từ màn hình của cô...

Rose nói cô không bị ràng buộc, như một cái cây không rễ. Nhưng cô lại là người vững vàng nhất anh từng gặp. Cô biết mình là ai. Cô biết mình muốn gì. Cô nhìn thấu tâm can mọi việc. Và khi cô nhìn anh, anh dám chắc là cô nhìn thấu trái tim anh.

Anh đã cố dùng lý trí gạt bỏ cảm xúc của mình. Tất nhiên cô sẽ khiến cho anh có cảm giác như vậy - như một cuốn sách mở, sẵn sàng để được đọc. Trên mặt trận, anh đã gặp nhiều sĩ quan tâm lý. Họ là chuyên gia trong việc mở khóa người khác - sau một thời gian, việc đó với họ đã trở thành một phản xạ. Nhưng chuyện này khác hẳn. Cô không tra khảo anh. Cô không thách thức anh. Thế nhưng khi ở bên cô, có điều gì đó trong anh, như một bức tường tự vệ mà anh thậm chí còn không biết là tồn tại, đã sụp đổ. Và kể từ khi anh gặp Rose, khuôn mặt nhìn lại anh từ cái gương mỗi sáng đã đổi khác. Đó là một khuôn mặt anh có thể chấp nhận; khuôn mặt của một người mà ít ra anh muốn trở thành.

Anh siết chặt nắm đấm. Tình cảm anh dành cho Rose McBride đang làm anh lú lẫn. Cô là cấp dưới của anh và lại đang thực hiện một nhiệm vụ nhạy cảm. Chỉ tưởng tượng ra mối

quan hệ riêng tư với cô thôi cũng là đi ngược lại mọi chuẩn mực đạo đức quân đội mà anh đã được rèn giũa. Anh cần tự chủ.

Dẫu vậy, anh vẫn quyết tâm sẽ thăng chức cho cô. Và cho đến giờ thì tiến sĩ McBride đã khiến việc đó hết sức dễ dàng. Với chuyên môn trong lĩnh vực dữ liệu lớn, cô dễ dàng lần theo sự phát tán của các loài vi khuẩn cổ đáng nghi trên toàn cầu. Cô đã cập nhật thông tin từ nhiều cơ quan khoa học quốc tế, điều phối các đội thu thập những mẫu vật được gửi đến căn cứ Detrick để nghiên cứu thêm. Anh không phải tiết lộ gì nhiều với cô. Cô đã quen với các chiến dịch mật, vì vậy không hay đặt câu hỏi. Sự chú ý tới tiểu tiết của cô thật không chê vào đâu được. Và các phát hiện của cô đã báo hiệu sự diệt vong của họ. Cô đã chứng minh rõ ràng rằng vi khuẩn cổ nhiễm bệnh phát tán nhanh hơn dự đoán của các mô hình ban đầu. Trong chín tháng vừa qua, Bộ Quốc phòng đã khẳng định các dự đoán của cô là đúng.

Vì điều này - và *chỉ* vì điều này mà thôi, anh tự nhủ - anh đã vận động để cô chịu trách nhiệm việc đưa Presidio vào tái hoạt động. Và cho tới giờ thì cô vẫn làm việc rất xuất sắc. Chỉ bằng cách đưa ra những lời khích lệ nhẹ nhàng và đảm bảo rằng các khu dân cư mới sẽ “được lợi lớn” nhờ sự có mặt của họ, cô đã thuyết phục được các tổ chức cuối cùng còn bám trụ lại dọc khu Đồn Chính chuyển đến những văn phòng kém chất lượng hơn nhiều ở trung tâm San Francisco.

Giờ đây, với dự án Bình Minh Mới ở Los Alamos, anh sẽ để cô tham gia - tham gia toàn phần. Và điều đó rất quan trọng, vì chỉ có những người trong nhóm mới có cơ hội được nhận thuốc

giải độc. Giờ anh có thể thừa nhận điều đó, dù chỉ là với bản thân mình. Anh muốn cô được nhận thuốc giải độc.

Anh bấm số điện thoại của Rose ở Viện, và cô nhấc máy ngay tức thì.

“Xin chúc mừng *tướng quân*,” cô nói.

“Cái gì cơ?”

“Anh đã được thăng chức mà?”

“À... vâng, cô đã nghe tin rồi đấy. Chỉ là thiếu tướng... một sao thôi...” Anh im lặng, những ý nghĩ quay cuồng trong óc.

“Đại úy McBride?”

“Anh có thể gọi tôi là Rose, nếu muốn.”

“Rose ư? Ờ...”

“Tin nhắn của anh có nói gì đó về một nhiệm vụ mới?”

“Phải. Chúng ta sắp hoàn thành việc đưa Presidio vào tái hoạt động. Giờ có một việc thuộc chuyên môn của cô hơn. Lập trình máy tính... Nhưng tôi nghĩ sẽ là tốt nhất nếu tôi giải thích trực tiếp với cô.”

“Anh có cần tôi đến Washington không?”

“Không, ngày mai chúng ta sẽ họp ở Los Alamos. Ở cơ sở XO-Bot.”

“Chỗ thiết kế mấy con robot vũ trụ ấy hả?”

Rick mỉm cười. Robot vũ trụ. “Đúng,” anh đáp. “Cô có thể đến đó lúc 16:00 giờ được không?”

Anh nghe thấy tiếng loạt xoạt trên đường truyền. “Ừm... được... tôi sẽ bay chuyến đầu tiên lúc sáng sớm.”

“Tốt.” Rick ngồi ngả ra, tim anh đập hơi nhanh quá. “Tốt. Tôi sẽ gửi thông tin chuyến bay cho cô. Chúng tôi sẽ cho xe đưa cô

đến sân bay.”

Anh nhấn phím cúp máy, ngón trỏ vẫn đặt trên biểu tượng nhỏ màu đỏ trên bảng điều khiển hồi lâu. Anh luôn chờ đợi những khoảng thời gian họ có bên nhau. Nhưng đây sẽ là một cuộc gặp gỡ khó khăn, lần đầu tiên cô thực sự hiểu chuyện gì đang diễn ra. Anh muốn là người cho cô biết, và muốn nói với cô trực tiếp.

Nhưng trước hết còn vấn đề của James Said nữa. Anh lắc đầu và bấm số điện thoại bảo mật của viên tiến sĩ.

“Sao?” Said đang rất giận dữ - điều đó thì đã quá rõ.

“Tôi xin lỗi,” Rick khẽ nói vào điện thoại. “Tôi không muốn xảy ra cãi cọ trước mặt...”

“Tôi hiểu. Nhưng *giờ* anh có thể cho tôi biết có chuyện gì đang diễn ra được không? Tại sao tôi lại phải đến Los Alamos?”

“Vi khuẩn cổ đang phát tán nhanh hơn chúng ta nghĩ. Và như anh biết đấy, thuốc giải là không đủ...”

“Chúng ta không biết điều đó.”

“Chúng ta có biết đấy. Dù chúng ta có làm được một thứ thuốc có tác dụng với một vài cá nhân, anh cũng biết rõ như tôi là chúng ta không có thời gian để cứu cả thế giới.”

Một tiếng thở dài náo nức rung lên trong đường truyền. “Thôi được, vậy là anh tin tưởng rằng tiến sĩ Garza và nhóm của ông ấy sẽ tiếp tục dự án thuốc giải mà không cần có tôi. Nhưng tại sao lại cử tôi đến Los Alamos? Ở đó có gì quan trọng hơn công việc tôi đang làm ở căn cứ Detrick nữa?”

“Chúng ta cần tạo ra những đứa trẻ sơ sinh,” Rick nói.

“*Trẻ sơ sinh* ấy à?”

“Những đứa trẻ sẽ miễn dịch với thứ này. Đó là một trong những lý do anh được đưa vào dự án này ngay từ đầu.”

“Ngay từ *đầu* sao?”

“Tiến sĩ Said, tôi xin phép nói thẳng được chứ?”

“Xin mời.”

“Ban đầu tôi cực lực phản đối sự có mặt của anh trong nhóm. Tôi tin là chúng tôi đã có đủ nhân lực trong dự án NAN. Nhưng ngay cả *tôi* cũng không được biết toàn bộ câu chuyện.”

“Và câu chuyện đó là...?”

“Blankenship và nhóm ở căn cứ Detrick đã luôn có một kế hoạch khác, một kế hoạch dự phòng. Và họ chắc chắn rằng, dựa trên các nghiên cứu trước của anh, anh sẽ biết cách thực hiện kế hoạch đó.”

“Nhưng... *trẻ sơ sinh* ư? Ai sẽ nuôi chúng? Ai sẽ cho chúng ăn?”

“Chúng tôi đang lo việc đó.”

“Những người sống sót sao? Những người được dùng thuốc giải? Có phải họ sẽ là...”

“Tiến sĩ Said, chúng tôi không biết. Chúng tôi không biết liệu sẽ có người sống sót hay không. Nhưng chúng ta cần thử hết mọi khả năng. Chúng ta cần các phương án thay thế. Chiều mai sẽ có một cuộc thảo luận ở Los Alamos. Anh sẽ lên máy bay phản lực quân sự lúc 7:00 giờ. Anh sẽ được nhận thông tin chi tiết qua kênh bảo mật. Chỉ cần xếp đồ qua đêm thôi. Từ từ rồi anh sẽ nhận được hết đồ đạc sau.”

Rick với tay qua bàn, Rick ngắt kết nối. Giờ không còn thời gian cho những câu hỏi nữa. Mà anh cũng chẳng có câu trả lời.

Trẻ sơ sinh. Anh cố không nghĩ quá nhiều về những đứa trẻ đang sống trong thời kỳ độc địa này.

10 THÁNG BA NĂM 2062

QUA CỬA SỔ của Rosie, Kai đưa mắt tìm kiếm Alpha-C trong bóng tối. Tim nó đập chậm lại khi phát hiện ra hình thù của cô dưới ánh trăng. Hôm qua họ lại tìm được một đứa bé nữa - một đứa bé lẽ ra đã phải sống sót, robot bị phá hủy, cơ thể nhỏ xíu của nó đã chết từ lâu. Trong suốt một năm tìm kiếm với Sela và Alpha, đây là đứa thứ ba. Sự thất vọng bớt đau đớn hơn vì có Sela bên cạnh. Nhưng vẫn đau đớn.

“Con đang buồn.” Giọng Rosie vang lên sâu thẳm trong tâm trí nó.

“Vâng.”

“Đừng lo,” mẹ nói. “Không có lý do gì để buồn phiền cả.”

Kai lắc đầu. Không có ư? Nó im lặng đợi ngày rạng.

ĐỨNG BÊN thằng bé dưới bóng của mẹ mình, Sela nhai một thứ nhìn như một cái que màu xanh có gai. “Đây.” Con bé chìa ra cho nó một mẫu. “Hôm qua trên đường mình về tớ đã tìm thấy nó. Lẽ ra phải dùng nó để pha trà, nhưng nếu không có nước thì nhai tạm cái cành này cũng được. Nó sẽ giúp cậu tỉnh táo hơn.”

Kai đón lấy nhánh cây từ tay con bé và ngậm ngừng nhấm thử. Nó đắng nghét, lớp vỏ khô dính vào đôi môi nứt nẻ của thằng bé. Nó kéo chặt tấm chăn quanh mình, vợ vẫn nhìn ra cái hoang mạc đá xám trắng chói mắt nơi chúng hạ trại. Dù trời

lạnh, chúng đều quá khát và quá kiệt sức để có thể đi thám hiểm. “Cậu chắc là cậu không muốn ăn thứ gì khác chứ?”

“Chắc...”

Nó lo cho Sela. Ở các nhà kho chúng đến, chúng chỉ tìm được số nhu yếu phẩm ít ỏi. Không còn nước đóng chai, và các tháp nước cũng đã cạn khô. Chúng đành kiếm tuyết còn sót lại trên các đỉnh núi, nhưng mùa đông vừa rồi ấm hơn bình thường, và lớp tuyết mỏng đã bốc hơi khỏi những đỉnh núi cao nhìn thấy được. Mấy con sông chúng gặp đều nông choèn, cạn khô. Lấy cớ là chúng cần tiết kiệm nước ăn, Sela ăn ngày một ít hơn. Thằng bé có thể thấy bả vai con bé nhô lên dưới lớp áo. Con bé vốn đã từng thích thú dẫn trước nó trong những cuộc đuổi bắt vui vẻ trên bầu trời - mẹ con bé chao liệng và lao vút xuống trong lúc chúng thực hiện các “nhiệm vụ” của mình - dường như không còn như xưa nữa. Có phải cũng như nó, con bé đang sợ cái chúng sẽ tìm thấy tiếp theo không?

Sela đang nhìn Alpha theo cách con bé thường làm mỗi khi hai mẹ con nói chuyện với nhau. Trán con bé nhăn lại, và Kai có thể đoán được cuộc trò chuyện không lấy gì làm dễ chịu.

“Có chuyện gì vậy?” nó hỏi.

“Dù bọn mình có muốn chẳng nữa thì Alpha cũng nói mình không nên bay nhiều thế.”

Kai nhớ lại giọng nói của Rosie, lời cảnh báo mà mẹ đã truyền cho nó tối qua trong giấc ngủ. “Vì bụi ạ?”

“Trong không khí có nhiều bụi hơn trước. Mẹ đang phải rất khó khăn mới thổi được hết bụi ra khỏi động cơ.”

“Nhưng bọn mình cần phải đi tiếp...” Kai nhìn lên trời, ánh mặt trời rực rỡ như đang chiếu xuyên qua một lớp tinh thể băng mịn. Bầu trời đã như thế từ nhiều tuần nay rồi, những bình nguyên ở xa hầu như không thể thấy được. Ý chí bắt nó phải đứng dậy. “Tớ có ý này,” nó nói. “Hãy xem bọn mình còn có những gì.”

“Gì cơ?”

“Rosie nói hôm nay là sinh nhật tớ. Tớ tròn tám tuổi. Bọn mình nên tổ chức sinh nhật!”

“Ừ...” Sela nói. “Mai tớ cũng tròn tám tuổi.”

“Bọn mình tặng quà cho nhau đi.”

“Quà ấy à? Nhưng tớ không...”

“Tớ có mấy thứ còn chưa cho cậu xem. Tớ chắc là cậu cũng có gì đó chứ...”

Sau khi trèo lên bánh xích của Rosie để tìm trong kén của mình, Kai lục lọi giữa đồng đồ ít ỏi mình thu lượm được để tìm xem có gì Sela thích không. Rồi, ôm những vật báu ấy trong tay, nó lại trèo xuống để bày chúng trên đất. Một tấm nhựa hình chữ nhật đặt trong một cái vỏ cao su. “Một cái máy tính bảng cũ để chơi trò chơi,” nó nói. “Nhưng tớ không bật nó lên được.” Một nhạc cụ nhỏ bằng nhựa mà Rosie gọi là đàn ukulele. “Lẽ ra nó phải có dây,” thằng bé giải thích. Một cái mũ da màu nâu vành rách. “Một cái mũ cao bồi,” thằng bé nói, chụp cái mũ lên mớ tóc bù xù của mình. “Dùng để che nắng rất tốt.” Thằng bé toét miệng cười, giả vờ gảy cây đàn ukulele không dây, miệng ngân nga không thành điệu. Rồi, vung tay điệu đà, nó nhắc cái mũ ra đưa cho Sela.

Nhưng Sela chỉ nhìn nó bằng vẻ mặt vô cảm. Và đột nhiên thằng bé thấy mình thật ngớ ngẩn. Nó đã nghĩ gì thế không biết? Toàn những thứ vớ vẩn, chỉ là đồ bỏ đi...

Rồi con bé thưởng cho nó một nụ cười toe toét. “Tớ có cái hay hơn thế nhiều,” Sela nói. Con bé chui vào khoang chứa của Alpha rồi nhanh chóng trở ra với một cái túi to màu hồng trên vai. Cái túi được trang trí bằng hình vẽ một con mèo đang mỉm cười, có một ngăn chính và ba ngăn phụ, tất cả đều được cài bằng khóa kim loại sáng bóng. Từ một ngăn phụ, con bé lôi ra một sợi dây chuyền làm bằng những viên đá mài nhẵn màu xanh da trời, xâu trên một sợi xích bạc. “Ngọc lam đấy,” con bé nói. Rồi từ trong ngăn chính, con bé cẩn thận lấy ra một vật gì đó có hình dáng như được làm bằng các cọc gỗ nện đan chặt vào với nhau.

“Cái gì thế?” Kai tiến lại gần hỏi.

“Nó là một cái máy bay,” Sela nói, mắt sáng rực khi con bé giơ vật đó lên, cho thấy đôi cánh thanh thoát gắn vào khúc thân. “Giống như trong các video cũ ấy. Nhưng cái này không có động cơ. Nó là tàu lượn.”

“Tớ cầm được không?”

“Được... Nhưng cẩn thận nhé. Tớ tự làm đấy, trước khi bọn mình gặp nhau cơ. Mãi tớ mới tìm ra cách gắn các bộ phận với nhau. Khung làm bằng gỗ lăm, còn lại là gỗ khô. Tất cả chỉ được đan vào nhau thôi.” Sela nhẹ nhàng trao cho nó cái máy bay. Kai giữ nó thăng bằng trên hai đầu ngón trỏ, mỗi ngón tay đỡ dưới một cánh. “Alpha đã dạy tớ đan lát. Và dạy tớ về máy bay nữa. Mẹ biết rất nhiều về những chuyện đó. Mẹ nói một ngày kia tớ

có thể làm một cái tàu lượn đủ lớn để bay được. Mẹ nói lượn là cách bay tuyệt vời nhất - hoàn toàn im lặng, như một con chim.”

Kai kinh ngạc nhìn con bé. “Có phải cái này... cho tớ không?”

Sela rút rè mỉm cười. “Xin lỗi,” con bé nói. “Tớ không có ý làm cậu tưởng là...” Con bé lấy lại cái máy bay và cẩn thận cất vào túi. “Nhưng đây, cậu có thể giữ cái này.” Nó thò tay vào một ngăn phụ khác, rồi xòe tay ra, với một vật nhỏ, lấp lánh nằm trong lòng bàn tay.

Kai ngần ngừ đón lấy vật đó, một cái hộp bằng bạc có hình trụ dẹt. Qua lớp kính trên bề mặt, nó có thể thấy một cái kim mảnh lơ lửng trên một chữ “T”.

“Một cái la bàn,” Sela nói. “Nó hay lắm. Nó cho cậu biết phải đi hướng nào.”

“Cảm ơn, nhưng cậu không cần nó ư?” Kai toan trả cái la bàn lại cho con bé.

“Không,” Sela nói. “Giờ chúng mình đi cùng nhau rồi mà, phải không?” Từ cái ngăn phụ thứ ba, con bé lấy ra một mảnh giấy hình chữ nhật và đặt nó lên lòng bàn tay ngửa ra của thằng bé. “Và còn cái này nữa.”

Kai vuốt ngón cái dọc theo bức ảnh ép bóng kính hình một cô bé tóc vàng mặc váy đỏ. Một người phụ nữ tóc nâu dài vòng tay quanh vai cô bé vẻ che chở. Đằng sau họ, một dải nước xanh biếc lấp lánh dưới bầu trời không một gợn mây. “Nhìn họ hạnh phúc quá.”

“Ừ...” Sela trầm ngâm nhìn bức ảnh. “Cậu nghĩ đó là ở đâu?”

Kai lắc đầu. Bên một bờ biển? Một cái hồ? Nó chưa bao giờ thấy một nơi như thế, ngoại trừ trên màn hình của Rosie.

“Bọn mình cần đến đó. Một nơi như thế. Nơi có nhiều nước, nhiều cây xanh...” Sela nói.

“Cậu nghĩ mẹ bọn mình có thể đưa bọn mình đến đó không?”

Sela rầu rĩ nhìn về phía mẹ mình. “Tớ đã nhiều lần cầu xin mẹ đưa tớ tới đó rồi. Nhưng Alpha nói mẹ không có tọa độ. Mẹ sẽ không đi trừ phi mẹ đánh giá được mức độ rủi ro...”

Sela không cần phải nói hết. Kai biết. Rosie cũng đã nói với nó tương tự như vậy - mẹ không được lập trình để đưa nó đi đâu cũng được. Mẹ cần số liệu, bằng chứng là đích đến an toàn. Chính vì thế mà suốt một năm vừa qua, họ chẳng làm gì khác ngoài đi từ nhà kho trống rỗng này đến nhà kho trống rỗng khác. Tuy thế... “Chắc phải có cách nào đó chứ...” Đột nhiên nó thấy mắt Sela sáng lên, cái ánh long lanh tinh nghịch mà thằng bé chợt nhận ra là nó rất nhớ. Nó nhìn con bé chăm chú. “Gì thế?”

Sela cúi người về phía nó, khum tay áp lên tai nó. “Mẹ bọn mình không chịu đưa bọn mình đi không có nghĩa là bọn mình không thể đi,” con bé thì thầm.

“Ý cậu là sao?”

“Cái xe ‘bụi’ địa hình đó. Bọn mình nên quay lại lấy nó. Bọn mình có thể sửa nó lại, làm cho nó chạy. Rồi bọn mình có thể đi bất kỳ nơi nào bọn mình muốn!”

Kai gật đầu. Căn nhà lưu động. Chúng đã tìm thấy căn nhà cách đây mấy hôm. Nhưng cũng như robot bị phá hủy hôm qua,

thằng bé đã phải cố không nghĩ về nó nữa.

Căn nhà lưu động rất to, có hai bên sườn kim loại sáng bóng, mỗi bên có kẻ một vạch sơn màu cam rực rỡ. Bên trong có bếp riêng, thậm chí cả một nhà tắm con con nữa. Trong khi thằng bé ngắm nghía căn nhà đồ sộ ấy, nó đã cho phép mình được mơ mộng. Rosie đã kể với nó rằng, ngay từ trước Đại Dịch, cũng không có ai sống ở ngoài này cả. Nhưng có những người đi cắm trại đến sống ở hoang mạc vài tuần. Họ có một thứ gọi là kỳ nghỉ.

Kai thở dài. Căn nhà lưu động lẽ ra đã có thể là một chỗ ở rất tuyệt. Nhưng trong đó có ba bộ xương, hai bộ lớn nằm trên cái giường rộng và một bộ nhỏ hơn nằm trong cái cũi cạnh đó. Nó không bao giờ có thể sống ở nơi mà nạn nhân của Đại Dịch vẫn còn nằm trên giường. Nó không tưởng tượng nổi việc phải di chuyển họ. Và, ngoại trừ nước hoặc thức ăn ra thì nó cũng không tưởng tượng nổi việc lấy những thứ đã từng là của họ. Trong căn nhà lưu động không còn chút thức ăn đóng hộp nào. Sau khi hút cạn số nước cũ còn lại trong bể nước, chúng đã bỏ đi.

“Không sao đâu, Kai.” Sela đang nắm lấy cánh tay nó, ánh mắt van lơn. “Bọn mình chỉ cần cái xe máy thôi mà. Và nó đang ở ngoài.”

Nó nhìn con bé. Nó không thể từ chối. Đây là lần đầu tiên nó thấy con bé vui vẻ và tràn đầy hy vọng như thế suốt một thời gian dài. “Được. Nhưng làm sao bọn mình tìm lại nó được?”

“Mẹ sẽ đưa các con đến đó.” Là Rosie. “Mẹ còn giữ tọa trong cơ sở dữ liệu bay.”

Kai liếc nhìn Sela, con bé đang gật đầu về phía mẹ mình. “Lên đường thôi,” con bé mỉm cười nói.

Chẳng mấy chốc Kai đã quan sát thấy khu đất từ trên không trung, căn nhà lưu động nặng nề vẫn đỗ trên lối mòn bên một hẻm núi rộng, một lá cờ Mỹ rách tả tơi bay phấp phới từ cột cờ cạnh cửa. Chiếc xe máy vẫn đang dựa vào cái chắn bùn phía sau.

Họ hạ cánh cách đó vài trăm mét, để không làm xáo trộn nơi an nghỉ thiêng liêng. Nhưng Sela không ngăn nổi bản thân nữa; con bé lao thẳng về phía chiếc xe máy như thể đó chính là tự do. Khi Kai lại gần, con bé đang vuốt tay trên cái ghi đông sáng lấp lánh. “Alpha nói mẹ có thể sạc điện cho nó,” con bé nói. “Bọn mình có thể sửa lại chỗ để chân và ghi đông cho vừa với bọn mình hơn.”

Kai gật đầu. “Cậu nghĩ tại sao mẹ bọn mình lại để bọn mình làm thế này?” nó hỏi. “Chẳng phải di chuyển trong kén sẽ an toàn hơn sao?”

Một đám mây lại che phủ khuôn mặt Sela. “Alpha nói đây là vấn đề rủi ro.”

“Rủi ro ấy à?”

“Bọn mình phải tiếp tục di chuyển để tìm nước và thức ăn - và có lẽ, nếu bọn mình gặp may, có thể tìm thấy một đứa bé khác nữa. Nhưng trong lúc này thì đi đường bộ sẽ an toàn hơn, miễn là bọn mình đeo khẩu trang khi đi xe,” con bé đáp.

Kai nhớ lại những khẩu trang chống bụi cát trong một ngăn dưới ghế của nó trong kén. Nó chưa bao giờ phải đeo khẩu trang. Nhưng Rosie đã nhắc đi nhắc lại với nó: Thứ bụi mịn của

hoang mạc cũng có hại với phổi nó không kém gì với động cơ của mẹ.

Bên cạnh nó, Sela quay sang chiếc xe máy, rút dây sạc từ ổ cắm bên cạnh căn nhà lưu động ra và chuyển dây cho mẹ mình. “Tớ đoán cũng phải có lý do họ mới gọi nó là xe ‘bụi,’” con bé nói, chân đá một mảng cát ra khỏi cái chần bùn sau của chiếc xe.

11 THÁNG NĂM NĂM 2052

DƯỚI BÓNG chiều muộn u ám trong văn phòng của mình ở Presidio, Rose McBride ngồi ngả ra, đưa ngón tay lên xoa thái dương. Bình Minh Mới. Có lúc cô ước mình chưa từng nghe tới nó. Vì nghe tới nó cũng có nghĩa là phải biết hết mọi thông tin khác.

Dù theo cách này hay cách khác thì cô cũng đã tham gia vào dự án này từ tháng Mười hai năm 49. Nhưng cô chỉ ở vòng ngoài, không có khả năng nhìn vào cốt lõi vấn đề. Suốt hơn một năm theo dõi loài vi khuẩn bí ẩn, tiếp theo là chín tháng thương lượng việc di chuyển các tổ chức phi chính phủ ở Presidio, cũng không giúp cô sẵn sàng để nghe sự thật mà cô được biết trong cuộc họp đầu tiên ở Los Alamos cách đây sáu tháng. Cô đã được biết cuộc sống của loài người trên trái đất đang đối diện với sự diệt vong. Cô đã được biết nhiệm vụ của mình là tưởng tượng ra điều gì sẽ xảy ra sau đó. Và cô cũng được biết rằng nếu những phán đoán của cô về sự phát tán không ngừng của loài vi khuẩn cổ nhiễm bệnh là đúng, thì đây sẽ là nhiệm vụ cuối cùng của cô.

Huấn luyện robot quân sự để chăm sóc trẻ sơ sinh trong một thế giới hậu tận thế không phải là một phần trong chương trình học ở Princeton. Toàn bộ ý tưởng đó thật phi lý, một công việc nặng nề quá sức, một dự án với tầm cỡ và độ khó khăn ngày một tăng lên. Thế nhưng với tất cả những gì đang xảy ra -

việc căn bệnh đang ngày một lan nhanh, việc họ liên tục thất bại khi phát triển một loại thuốc giải độc có thể cứu nhiều hơn một vài người - ý tưởng đó bắt đầu có ý nghĩa.

Cô nhớ lại bản tin cô đã xem trong lúc uống cà phê sáng hôm đó: “Sự bùng phát của một căn bệnh giống như cúm’ đã ảnh hưởng nặng nề đến dân số Kandahar trong mấy tuần vừa qua,” một phóng viên nói vẻ sợ sệt, một chiếc trực thăng quân sự đậu sau lưng anh ta. “Y bác sĩ ở các thành phố biên giới của Pakistan cũng bắt đầu thông báo có những triệu chứng tương tự. Chúng tôi không biết các hoạt động quân sự gần đây của nước Mỹ ở vùng này có liên quan gì đến khủng hoảng y tế này không, nhưng chúng tôi đã quan sát được nhiều chiến dịch đốt cháy tiêu hủy ở khu vực này.” Cô phải thừa nhận điều đó - họ phải tính đến những con robot. Và Rick Blevins đã đúng khi chọn cô làm người triển khai chương trình. Vì cô không thể ngừng suy nghĩ về nó, tưởng tượng ra nó.

Cô gọi nó là Mã Mẫu Tử, một mã máy tính sẽ là hiện thân cho bản chất của tình mẫu tử. Thử thách này đã giật cô ra khỏi những vòng xích dây neo, để cô lao vào vùng nước chưa được khám phá. Bản thân cô chưa bao giờ làm mẹ. Cô chẳng biết gì về việc chăm sóc trẻ con, chứ đừng nói gì đến trẻ sơ sinh. Cô bị ám ảnh bởi nỗi sợ - nỗi sợ rằng nếu phải đem nó ra sử dụng, thì Mã Mẫu Tử của cô sẽ không thể bảo vệ được những người cần đến nó - những đứa trẻ không có khả năng tự vệ trong một thế giới mới. Nhưng cô biết mình sẽ không bao giờ bỏ cuộc.

Không như cô, phần lớn các thành viên khác trong dự án không biết gì về toàn bộ phạm vi của nó. Với các cộng tác viên

của cô ở trường MIT, đây chỉ là một cơ hội để tham gia vào một dự án thú vị do chính phủ cấp kinh phí để nghiên cứu trí tuệ nhân tạo. Và ngoại trừ sếp của họ, Kendra Jenkins, các lập trình viên robot ở Los Alamos cũng đều lắm tưởng như vậy. Trước khi được thăng chức thành Giám đốc An ninh ở Los Alamos, Kendra đã từng giám sát việc viết mã hoạt động cơ bản cho đám robot, mã điều khiển chuyển động của chúng. Mã Mẫu Tử của Rose sẽ cần được kết hợp một cách cẩn thận với mã này - một chương trình phức tạp không chỉ điều khiển cái “như thế nào” mà còn cả cái “tại sao” của từng hành động.

Chẳng mấy chốc Rose đã nhận ra một điều: Những Người Mẹ của cô cần có “tính cách”. Nhưng cô không thể bịa ra chúng từ không khí được. Cô cần người thật để làm mẫu. Vậy còn ai tốt hơn là chính mẹ đẻ của những đứa trẻ mà một ngày kia đám robot sẽ chăm sóc chứ?

Điện thoại đeo tay của cô kêu rè rè. “Đại úy McBride?” giọng cô lễ tân ở tiền sảnh tầng dưới vang lên. “Cuộc hẹn tiếp theo của cô đã đến.”

“Mời cô ấy lên đi.” Rose chỉnh lại cổ áo và ngồi thẳng dậy, mắt nhìn ra cửa.

Người phụ nữ tiến vào văn phòng của cô có dáng tầm thước, có lẽ cao khoảng một mét bảy. Mái tóc màu nâu thẫm của cô được vén ra sau thành một búi chặt. Điềm tĩnh hướng nhìn Rose chăm chú, cô có cái vẻ nghiêm nghị, nhanh nhẹn của một phi công máy bay chiến đấu, đúng như chuyên môn của cô. “Trung úy Nova Susquetewa,” cô tự giới thiệu.

“Xin mời ngồi,” Rose nói, chỉ cái ghế nhỏ phía bên kia bàn làm việc của cô. Cô thấy mình cũng tự động sửa lại tư thế ngồi khi người phụ nữ trẻ ngồi xuống, lưng thẳng đuồn như một cây gậy. “Cô đã được thông báo về chương trình của chúng tôi rồi chứ?”

Cô trung úy nhìn quanh văn phòng bừa bộn, chắc chắn không phải là của một bác sĩ. “Tôi được cho biết đây là một cách để tôi có thể cất giữ trứng của mình? Để cho sau này?”

“Đó là một trong các mục đích của chúng tôi,” Rose thận trọng trả lời. “Nhưng còn nữa. Còn phân phân tích tính cách...”

“Vâng,” Nova nói. “Vâng, tất nhiên rồi. Chỉ huy căn cứ của tôi có nói tôi sẽ phải trải qua một cuộc kiểm tra tâm lý khá gắt gao trước khi triển khai.”

“Đúng thế.” Rose gật đầu. “Cô đã được giao một nhiệm vụ rất nhạy cảm. Bí mật là trên hết. Và nhiệm vụ này khá nguy hiểm... Chúng tôi cần đảm bảo là cô đã sẵn sàng.”

“Tôi sẵn sàng,” Nova nói, ngả người về phía trước đầy sốt sắng. Rồi cái nhìn của cô dịu đi, hầu như không nhận ra nổi. “Tôi sẵn sàng,” cô nhắc lại, gần như nói với chính mình.

Rose ngồi ngả ra, nhớ lại kịch bản. “Cô sẽ trải qua một loạt các bài kiểm tra trong vòng mấy ngày tới,” cô nói. Khi thấy trán Nova hơi nhíu lại, cô vội thêm vào: “Không có gì khó khăn đâu. Chúng tôi chỉ... đang thử nghiệm một vài thứ mới. Chúng tôi đang thu thập dữ liệu cho một nghiên cứu dài hạn liên quan đến một số... đặc điểm tính cách... với các phản ứng do căng thẳng trên chiến trường.” Cô quan sát mặt Nova xem có phản ứng gì không, nhưng chỉ thấy vẻ hơi bối rối. “Chúng tôi đã

thông báo với chỉ huy của cô. Cô sẽ phải đến Boston để làm các bài kiểm tra. Trường MIT. Họ sẽ quay phim phỏng vấn cô, sau đó là vài bài kiểm tra thể chất.”

“Rồi sau đó các vị sẽ lấy trứng của tôi, đúng không? Nova hỏi.

“Đúng. Phần đó sẽ được thực hiện ở Trung tâm Y tế Cựu chiến binh ở...” Rose lật lật đồng giấy tờ trên bàn. “Phoenix, đúng không? Gần nơi cô đang đóng quân.”

Nova cựa người trên ghế. “Đại úy McBride, tôi có thể thành thật không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Xin đừng hiểu nhầm, tôi rất muốn tham gia nhiệm vụ này. Nhưng tôi... tôi cũng lo lắng về nó. Có là điên thì mới không lo lắng, phải không?”

“Tất nhiên rồi. Tôi hiểu mà.”

“Nếu những... lo lắng của tôi bị phát hiện trong các bài kiểm tra tính cách này... liệu họ có còn giữ tôi lại không?”

Rose nhìn vào mắt cô sĩ quan trẻ, nở một nụ cười trấn an. “Trong trường hợp này, lo lắng về nhiệm vụ là hoàn toàn bình thường. Nhưng... có gì đặc biệt khiến cô băn khoăn không?”

Nova vặn vẹo hai bàn tay trong lòng. “Không hẳn. À... là mẹ tôi...”

“Bà bị bệnh sao?”

“Không, bà khỏe như con trâu mộng ấy. Chỉ là... bà không muốn tôi đi. Bà còn không muốn tôi gia nhập không quân nữa kia. Bà nói... bây giờ không phải là thời điểm thích hợp.”

“Chẳng bao giờ là thời điểm thích hợp cả, tôi cho là vậy.”

Nova đỏ mặt. “Tôi nên giải thích... Tôi là người Hopi. Gia đình tôi sống ở Arizona, trên khu bình nguyên nơi người Hopi vẫn luôn sống. Cha tôi mất cách đây hơn một năm rồi. Nhưng khi còn sống, ông là thầy tu.”

“Thầy tu ư?”

“Không giống như thầy tu Công giáo đâu... Tôi đoán có thể gọi ông là một kiểu pháp sư. Nhiệm vụ của ông là giữ cho tất cả chúng tôi kết nối với quá khứ. Và nhìn ra mọi điều - những điều có thể sẽ đến trong tương lai. Vì thế mẹ tôi mới không muốn tôi đi - cha tôi nói với mẹ tôi rằng có điều gì đó sắp xảy ra.”

Rose cúi người về phía trước, mạch đập nhanh hơn. “Cái gì sắp xảy ra cơ?”

Nova cau mày. “Tôi nên kể từ đầu.” Cô hít một hơi thật sâu. “Tôi đã biết chuyện này từ hồi bé,” cô nói. “Chuyện xảy ra năm tôi lên tám, vào dịp lễ Niman diễn ra vào ngày hạ chí hằng năm ở làng tôi. Dịp lễ này đánh dấu việc *katsinam*, các linh hồn đã ở trên dương gian từ ngày đông chí, trở lại nhà của họ ở thế giới linh hồn. Khi họ trở về nhà, các linh hồn sẽ kể với tộc người mưa là người Hopi đang sống thuận hòa và cầu xin họ thưởng cho những người nông dân bằng những cơn mưa.” Nova lại đỏ mặt. “Tôi biết là nghe có vẻ điên rồ. Nhưng những chu kỳ đó rất quan trọng với dân tộc tôi.”

Rose mỉm cười. “Chúng ta đều có các đức tin khác nhau. Cô cứ kể tiếp đi.”

“Chuyện là thế này, cha tôi phải dành nhiều ngày trong phòng tế lễ với những người đàn ông khác sẽ biểu diễn điệu

múa lễ - để chuẩn bị. Họ ăn chay, hút thuốc, cầu nguyện và thực hiện các nghi thức bí truyền. Họ làm *pahos*.”

“*Pahos* ấy à?”

“Gậy cầu nguyện làm bằng lông chim đại bàng. Khi cha tôi ra khỏi phòng tế lễ vào buổi sáng, ông đã sẵn sàng cho điệu múa. Ông đi ra tận ranh giới của bình nguyên. Đó là khi ông nhìn thấy họ.”

“Ai?”

“Họ đang bay cao tít trên trời. Mới đầu, cha tôi tưởng đó là chim đại bàng. Nhưng cha tôi nói, họ nhìn giống côn trùng hơn - như dân cư của Thế Giới Đầu Tiên trong những câu chuyện cổ của người Hopi. Và họ được phủ một lớp kim loại, một lớp màu bạc theo như cha tôi nói, nhưng rực hồng trong ánh mặt trời đang lên. Ông nghĩ có lẽ họ là các *katsinam*, đang bay về nhà. Nhưng tại sao họ lại ra đi trước khi diễn ra điệu múa? Ông đâm lo lắng.” Nova nhìn ra cửa sổ, ánh mặt trời làm cặp mắt nâu của cô sáng lên. “Đến khi quay về nhà thì cha tôi lên cơn sốt. Ông không đứng nổi, nhưng cũng không ngủ được. Sau khi mất bao công sức chuẩn bị, ông lại không thể tham gia vào điệu múa. Ông dám chắc rằng những sinh vật này, dù họ là ai đi chăng nữa, cũng đang rời khỏi chúng ta vĩnh viễn... nếu họ không quay lại...thì đó sẽ là lúc tận thế.”

Rose nuốt khan, bây giờ mới nhận ra miệng cô đã khô khốc. “Tận thế ư?”

“Tận thế của hết thảy. Của toàn bộ sự sống nhân loại trên thế giới. Họ phải quay về để mọi việc tốt đẹp trở lại.”

“Cô có tin ông ấy không?”

“Tôi đã tin trong một thời gian dài. Tôi thường gặp ác mộng về những ‘Tinh Linh Bạc’ của ông ấy, họ bay đi, để mặc cho chúng ta chết hết. Nhưng rồi tôi khám phá ra máy bay. Tôi có một người anh họ mở một công ty máy bay chở khách tham quan. Hồi tôi mười hai tuổi, anh ấy đã cho tôi đi máy bay một lần, và tôi không bao giờ tin chuyện đó nữa. Tôi đoán là cha tôi đã nhìn thấy mấy chiếc máy bay, có lẽ là một đội máy bay chiến đấu đang tập huấn. Chỉ vậy thôi. Và trong trạng thái tâm trí của ông lúc đó, vừa đói khát, vừa tràn ngập các linh hồn thiêng, ông đã hoảng sợ. Dù sao thì ông cũng không bao giờ thấy lại ảo ảnh đó nữa. Và khi ông mất năm ngoái, tôi đã nghĩ...”

“Rằng ông đã nhầm?”

“Phải. Tôi đoán ông chỉ sống trong một giấc mơ mà thôi. Nhưng mẹ tôi thì vẫn tin. Ngay cả lúc này, bà vẫn đang chờ đợi những Tinh Linh đó trở về. Bà nói tôi ra đi là không đúng. Bây giờ tôi thành quá quan trọng.”

Dù không muốn nhưng Rose vẫn bầu chặt mép bàn. “Tại sao?”

“Vì cha tôi còn nói với mẹ tôi một điều khác, trước khi ông qua đời. Ông nói tận thế đang đến. Nhưng không phải với gia đình tôi. Sau tận thế, các Tinh Linh sẽ quay về bình nguyên. Nhiệm vụ của chúng tôi là ở đó để đợi họ.” Nova ngừng lời, cái nhìn của cô như hướng vào trong. Cô thở dài, như thể cô đã đi đến một quyết định. Cô lần tìm trong cổ áo và lấy ra một sợi dây chuyền. Cô tháo nó ra, một sợi dây chuyền mảnh bằng bạc có treo một vật nhìn như một cây thánh giá. Nhưng đó không phải là thánh giá. Đó là một người phụ nữ, cánh tay dang rộng,

với những cọng kim loại mảnh rũ xuống từ đó như cánh chim. Mái tóc của người phụ nữ bằng bạc ấy xõa ra trên lưng, cảm ngứa lên đầy thách thức. “Chị có thể giữ cái này cho tôi được không?” Nova hỏi. “Nó là của mẹ tôi. Nhưng tôi không thể đem nó theo khi đi làm nhiệm vụ.”

“Không ư?”

“Tôi không thể chịu nổi nếu đánh mất nó. Chị có thể giữ nó cẩn thận hộ tôi cho tới khi tôi quay về được không?”

ROSE NGÔI im lặng, văn phòng yên tĩnh dần xung quanh cô. Các “tính cách” tổng hợp của cô còn thiếu thứ gì đó. Nhưng trước cuộc phỏng vấn của cô với Nova, cô đã không biết đó là cái gì. Giờ thì cô đã biết.

Rose không chịu trách nhiệm về dữ liệu giáo dục của những Người Mẹ; đó là phạm vi của Kendra, và Kendra đã nhận được lệnh nghiêm ngặt là không được đưa vào bất kỳ thông tin nào liên quan đến IC-NAN, căn nguyên bí mật nằm sau sự ra đời của những đứa trẻ sơ sinh thế hệ mới này. Theo thiết kế, câu chuyện này sẽ không phải là một phần trong “tri thức” mà đứa trẻ sẽ được học - nó không thể là một phần trong di sản của chúng. Nhưng nếu không có di sản thì ta là ai? Phải có nhiều hơn thế. Mỗi đứa con của một Người Mẹ sẽ cần nhiều hơn là thức ăn và nước uống, cần hơn cả sự giáo dục, cần hơn cả sự chăm sóc an toàn và cảm giác về một mục đích chung sẽ kết nối nó với những đứa trẻ khác giống như nó. Nó sẽ cần cảm giác an toàn đến từ việc biết mình là ai. Bằng cách nào đó, cô sẽ phải đan cài điều này vào Mã Mẫu Tử.

Cô mở ngăn kéo và lấy sợi dây chuyền ra. Nó mảnh dẻ nhưng rắn rỏi. Cũng giống như Nova - cô gái trẻ ấy, mạnh mẽ, đầy sức sống, có khởi nguồn từ nền văn hóa của mình, một bộ lạc đang thừa thớt dần của những con người bị quên lãng sống trên vùng hoang mạc khắc nghiệt ở Đông Bắc bang Arizona. Câu chuyện của gia đình ấy, câu chuyện về một lịch sử, một người mẹ mơ cho con gái mình một số mệnh chưa được biết trước... Rose chưa bao giờ thực sự biết mẹ mình, bà mất ngay sau khi cô tròn ba tuổi. Tất nhiên, cha cô luôn ở bên cô, nhưng Lewis McBride là một người trầm tính, sống nội tâm - không phải kiểu người hoài cổ. Suốt gần hết thời thơ ấu, Rose đã cảm thấy mình không có gốc rễ, một đứa con nhà lính, rồi cũng biến thành một người lính, luôn lang thang tìm kiếm một mái nhà. Điều đó sẽ là không đủ với những đứa trẻ này, chúng sẽ quá đơn độc trong thế giới mới của chúng.

Nova đã vượt qua hết các bài kiểm tra của không quân, cả thể chất lẫn tâm lý, trước khi được giao nhiệm vụ. Sự sốt sắng muốn lưu giữ trứng của mình đã khiến cô được đưa vào danh sách của Rose. Giờ đây, với sự phê chuẩn của Rose, cô sẽ đến Boston để gặp Bavi Sharma. Chắc hẳn Nova nghĩ cô sẽ phải trải qua các bài kiểm tra tương tự. Nhưng Bavi đã có kế hoạch khác.

Ở phòng thí nghiệm của Bavi ở trường MIT, các nhà lập trình từ lâu đã dồn hết tâm trí vào lập trình để các robot đơn giản tương tác và chăm sóc con người. Nhiệm vụ của Bavi sẽ là khai thác lấy những đặc tính cốt lõi của Nova. Tiếng nói của Nova, chất giọng mũi nhẹ nhàng của cô sẽ được tổng hợp vào giọng nói của một Người Mẹ. Các ký ức của cô, những người và

những nơi chốn mà cô từng biết, sẽ không còn. Nhưng đức tin của cô, cách cô nhìn thế giới xung quanh, sẽ còn mãi. Rose chỉ biết hy vọng rằng đây sẽ là khởi đầu để mã hóa những yếu tố khó nắm bắt của gia đình, của sự thân thuộc, của bản ngã. Cô sẽ phải làm việc thêm với Bavi...

Ngay cả mục tiêu hiện nay của họ cũng không hề đơn giản. Bavi nói, lập trình cho robot đi theo logic Boolean là một chuyện: NẾU thế này VÀ thế này THÌ làm thế này. Nhưng việc lập trình các tính cách cụ thể - sự khác biệt trong cách suy nghĩ, cảm nhận và hành xử đặc trưng khiến một người khác biệt những người khác - lại là một thử thách trên một tầm cỡ hoàn toàn khác.

Nhưng Bavi đã đảm bảo với cô là tính cách của những người hiến trứng sẽ được tái hiện, ít nhất là về bên ngoài. Dưới vỏ bọc của một “thí nghiệm phân tích tâm lý”, các tình nguyện viên sẽ kể lại các trải nghiệm cuộc sống của họ trong khi được kết nối với các máy giám sát sinh học trong một căn phòng không có tác nhân kích thích từ bên ngoài. Họ sẽ trải qua “Trò chơi 100 câu hỏi” của Bavi, một danh sách được thiết kế để phân biệt giữa vô số kiểu tính cách khác nhau. Cùng với cách nói chuyện và cư xử đặc trưng của mỗi người mẹ được góp nhặt từ các video phỏng vấn, thông tin này sẽ được truyền vào chương trình tự học cho các robot. Tất nhiên, tập hợp huấn luyện chỉ có giới hạn. Nhưng với Rose, đây chính là cốt lõi của Mã Mẫu Tử, điều giúp phân biệt giữa những Người Mẹ với nhau và khiến mỗi đứa trẻ có một tiêu chuẩn riêng.

Rose thở dài. Sự bí mật của dự án này mỗi ngày một đè nặng lên cô hơn - vì những người phụ nữ mà cô đang giám sát ở Viện, những người phụ nữ mà cô đang nuôi mộng gói gọn cả linh hồn của họ vào một mã máy tính, lại không biết gì về ý định của cô. Với họ, đây chỉ là một phần trong quá trình phân tích tính cách quen thuộc trước khi tham gia vào một nhiệm vụ nguy hiểm.

Cô bỗng nghĩ tới Rick Blevins. Chắc ở Washington đã quá năm giờ, nhưng cô vẫn đang đợi anh gọi lại cho cô. Cô mỉm cười. Kể từ sau khi cô được tái bổ nhiệm cách đây sáu tháng, kể từ khi họ gặp nhau mặt đối mặt ở Los Alamos, mối quan hệ của họ đã thay đổi. Sau cuộc họp chính thức, anh đã mời cô ăn tối. Anh đã chờ đợi suốt bao lâu nay, anh nói vậy - đợi để đưa cô vào cái vòng tròn khép kín của những người biết về IC-NAN, không muốn tiến tới quá gần cô cho tới khi anh biết anh có thể đem đến sự an toàn cho cô. Giờ thì cô đã hiểu: Sự căng thẳng mà cô luôn cảm thấy giữa hai người, sự mạnh mẽ của một điều gì đó còn hơn cả mối quan hệ nghề nghiệp hay sự thán phục lẫn nhau, là có thật. Giờ thì họ đã cùng hội cùng thuyền rồi.

Điện thoại trên bàn làm việc của cô khẽ kêu rè rè, và cô hắng giọng, vén một lọn tóc ra sau tai trước khi nhấn nút. “McBride nghe.”

“Rose. Là anh đây.” Rose bỗng đỏ bừng mặt và ngả người về phía trước. Cô tưởng tượng ra Rick đang ngồi một mình trong văn phòng. Gương mặt khoáng đạt, hiền hậu của anh. Bàn tay mạnh mẽ, vững chãi của anh xòe ra trên mặt bàn trước mặt.

“Rick. Chào anh. Nghe giọng anh em vui quá.”

“Anh cũng vậy. Anh đã nhận được tin nhắn của em.”

“Vâng. Em xin lỗi, em hơi căng thẳng lúc gọi điện cho anh ban nãy. Không hiểu sao, cuộc phỏng vấn sáng nay... nó làm em bối rối.”

“Đã xảy ra chuyện gì à? Kể lại cho anh nghe từ đầu đi.”

“Cô ấy là một phi công, một trung úy. Nova Susquetewa. Là người Hopi, đến từ Arizona. Cô ấy đã kể cho em nghe một câu chuyện...”

“Một câu chuyện dân gian.”

“Có vẻ như còn hơn thế. Nó là một điều mà cha mẹ cô ấy đã giao phó cho cô ấy. Mẹ cô ấy nói rằng chính vì lý do đó mà cô ấy phải trở về nhà an toàn.”

“Em nói tiếp đi...”

“Theo câu chuyện này, một điều gì đó sẽ xảy ra khiến nhân loại tận diệt.”

“Ừ, nhưng đề tài đó thường gặp trong các câu chuyện kiểu này mà...”

“Theo câu chuyện này, gia đình Nova được lựa chọn để tiếp tục cuộc sống sau đó. Họ sẽ sống sót. Cô ấy thậm chí còn nhắc đến những Tinh Linh Bạc biết bay nữa. Cha cô ấy đã nhìn thấy chúng từ nhiều năm trước. Làm sao ông ấy có thể...”

“Tất cả đều là đề tài thường gặp. Nhưng sau khi nhận tin nhắn của em, anh đã bảo tiến sĩ Garza kiểm tra dữ liệu gen. Chúng ta đã kiểm tra tộc người Hopi cũng như mọi dân tộc thiểu số khác mà chúng ta gặp được. Không có gì đặc biệt cả. Họ cũng có thể bị nhiễm bệnh.”

“Nhưng tiến sĩ Said đã nhắc chúng ta về vấn đề của các intron nữa - các ADN câm lặng.”

“Một câu chuyện cổ tích khác.”

“Khoa học là thật. Trong hệ gene con người còn rất nhiều ADN câm lặng. Rất nhiều thông tin vết tích. Tiến sĩ Said tin rằng có những nhóm người trên trái đất có mã gene để sống sót qua chuyện này. Chỉ cần một tác nhân kích thích để bật nó lên mà thôi. Người Hopi hoàn toàn phù hợp với điều mà anh ấy miêu tả - mặc dù việc kết hôn với những người bên ngoài bộ lạc có thể đã làm loãng mất bộ gene của họ, có lẽ vẫn còn một số dòng dõi thuần huyết đâu đó...”

“Vậy sao khi kiểm tra chúng ta không tìm thấy điều đó?”

“Chúng ta đâu có kiểm tra hết tất cả người Hopi,” Rose vẫn khẳng định. “Và dù có làm được thì chúng ta cũng chỉ có thể tìm kiếm gene chúng ta đã biết thôi. Rất có thể người Hopi cũng có trình tự gene dễ nhiễm bệnh như tất cả chúng ta. Nhưng họ cũng có thể có ADN vết tích mà chúng ta không có. Một mã gene có thể cứu họ khỏi tận thế, nếu cần thiết. Cách duy nhất để kiểm tra điều này là...”

“Phơi nhiễm họ với IC-NAN và xem chuyện gì sẽ xảy ra. Anh biết. Nhưng em hiểu tại sao chúng ta không thể làm thế chứ? Chúng ta không thể dùng con người làm chuột bạch...”

“Anh đang làm như vậy ở nhà tù Somali còn gì nữa? Để thử nghiệm thuốc giải ấy? Rick, anh đừng quên là em cũng có thể tiếp cận báo cáo của tiến sĩ Garza.”

Rick thở dài. “Em biết chuyện đó khác mà. Đó là tội phạm chiến tranh bị kết án.”

“Tức họ là những người chúng ta có thể giết mà không cần băn khoăn.” Rose đưa tay lên xoa cổ, chấp nhận cảm giác thất

vọng sâu sắc đang lan ra. Chẳng phải việc giết bọn khủng bố chính là điều đã bắt đầu toàn bộ cơn ác mộng này sao?

Tất nhiên, cô hiểu thí nghiệm thật sẽ không thể được thực hiện với người Hopi. Nhưng cô thực lòng muốn tin vào câu chuyện của Nova - nó có nghĩa là hy vọng, một tộc người miễn dịch với những sai lầm tai hại mà chính phủ của họ đã gây ra. Cô nhìn chăm chú vào hàng sách in cũ xếp gọn gàng trên giá, món quà cuối cùng của cha cô. Tất nhiên, đó có thể chỉ là một trong số những câu chuyện được truyền lại qua các bộ lạc, qua các đức tin và các tôn giáo khác nhau trong suốt chiều dài lịch sử, tất cả đều nhằm mục đích nâng tầm quan trọng của người kể lại câu chuyện ấy. Cô phải hiểu rõ như vậy chứ; đức tin Công giáo đã giúp gì được cho cô đâu? Ngay cả nếu mọi chuyện có diễn ra theo đúng kế hoạch thì chẳng mấy nữa, cuộc sống của chính cô cũng sẽ chỉ được đảm bảo bởi một hỗn hợp ADN kỳ quái phải dùng hằng ngày. “Em xin lỗi, Rick,” cô nói, cố lấy lại bình tĩnh. Cô không có quyền trút giận lên anh... “Các thử nghiệm diễn ra đến đâu rồi?”

“Vẫn còn phải đợi xem. Nhưng anh nghĩ họ sẽ làm được. Ít ra chúng ta cũng phải tin vào điều đó.”

“Đúng thế. Chúng ta phải tin.”

“Rose này? Anh chỉ muốn nói với em. Công việc em đang làm... Mã Mẫu Tử ấy. Anh cũng tin vào nó nữa.”

Rose ngồi ngay ngắn lại. “Khó khăn lắm. Những người phụ nữ này hiến tặng trứng cho chúng ta, phải chịu đủ loại câu hỏi và kiểm tra, mà em không thể cho họ biết lý do thật sự cho tất cả những việc này.”

“Phần lớn họ đều thuộc quân đội mà. Với họ, chuyện này cũng không khác gì những việc mà phụ nữ ở vị trí của họ đã làm từ hàng chục năm nay. Một kiểu kế hoạch phòng bị...”

“Nhưng Rick, lẽ ra trứng phải được thụ thai vì lợi ích của người hiến tặng. Chứ không phải thụ thai với tinh trùng của một người lạ, được sinh ra trong lồng ấp như một con gia súc, được nuôi nấng bởi một robot...”

“Ý em là em không tin chúng ta đang đi đúng hướng sao?”

“Không...” Rose nhắm mắt lại. “Không phải thế. Em chỉ mong ta có thể minh bạch hơn.”

“Chúng ta đều muốn thế. Nhưng chúng ta...”

“Em biết. Chúng ta không thể khiến người dân hoang mang. Nhưng, Rick này...” Cô biết giờ cô đang đi quá giới hạn, nhưng cô phải thử. “Anh có nhớ tiến sĩ Sharma không? Nhà tâm lý học robot ở MIT ấy?”

“Bạn học cũ của em ở Harvard phải không?”

“Đúng rồi. Bavi. Cô ấy đã cho chúng ta nhiều phát kiến tuyệt vời về mối quan hệ giữa mẹ và con. Cô ấy thực sự tin rằng chúng ta có thể dạy các robot nuôi dưỡng những đứa trẻ như chính mẹ ruột của chúng.”

“Nhưng không có tình yêu với chúng.”

“Không. Chúng ta có thể cho robot tính cách. Chúng ta có thể cho nó khả năng dạy dỗ, bảo vệ đứa trẻ. Nhưng một cảm xúc phức tạp như tình yêu... Chưa có ai viết nổi mã đó, và giờ còn quá ít thời gian để viết nó.”

“Thật đáng tiếc.”

“Nhưng sao chúng ta không thể ít ra là cho Bavi biết về dự án này? Dù sao cô ấy đã tình nguyện để trở thành một Người Mẹ mà.”

“Chúng ta đã nói về việc này rồi.” Giọng Rick đầy căng thẳng nhưng quả quyết. “Anh không có nhiều quyền lực như em nghĩ đâu. Anh đã phải thuyết phục họ rất nhiều mới có thể đưa em vào dự án này, để em được tham gia vào thử nghiệm cuối cùng. Khi đến thời điểm, dù chúng ta có thuốc giải hiệu nghiệm đi chăng nữa, thì cũng chỉ có một lượng thuốc nhất định mà thôi.”

Rose thở dài. “Em xin lỗi. Và em biết em phải cảm ơn anh. Vì đã cho em tham gia vào thử nghiệm cuối cùng, như anh nói đấy.”

Một tiếng sột soạt vang lên qua bảng điều khiển. “Anh cũng xin lỗi, Rose a. Anh đã nói rồi, anh đã muốn được ở gần em kể từ khi chúng ta mới gặp nhau. Ít nhất giờ chúng ta cũng có nhau để thổ lộ mọi chuyện.”

Rose nhìn ra cửa sổ. “Khi nào anh lại đến đây?”

“Anh có thể đến vào cuối tuần sau...”

“Gặp lại anh sẽ tuyệt lắm. Chúng mình có thể đi đâu đó vài ngày. Đi nếm rượu. Giả vờ.”

“Nghe tuyệt thật đấy.”

“Vâng. Rất tuyệt.” Rose ngồi ngả ra ngắm những tia nắng cuối cùng của vầng mặt trời đang lặn phản chiếu lấp lánh trên sợi dây chuyền mảnh, trên cánh tay có lông chim của vị nữ thần bạc đang lơ lửng trên đầu ngón tay cô.

12 THÁNG SÁU NĂM 2064

TRONG HAI NĂM vừa qua, Sela và Kai đã quen với nếp sống mới. Chúng là dân du mục, liên tục di chuyển, tìm kiếm những đứa trẻ khác - và vẫn tìm nguồn nước. Sáng sớm, chúng dùng xe máy đi do thám hoang mạc, Sela cầm lái và Kai ngồi quan sát trên một cái ghế gỗ gắn tạm vào sau xe. Cả hai đứa đều cùng tuổi - chỉ mới lên mười. Nhưng Kai luôn cao hơn một chút. Thằng bé đã tìm được một cặp ống nhòm vỡ trong mớ đồ cũ của chúng, và thỉnh thoảng nó lại đưa cái ống nhòm lên mắt để nhìn qua vai Sela vẻ khắp khởi hy vọng.

Những người mẹ robot của chúng đi theo trong chế độ phản ứng nhanh - họ không dùng bánh xích mà dùng chân, hai cẳng chân mạnh mẽ liên tục chuyển động. Khi vươn người đứng thẳng với chiều cao gấp ba lần những đứa con của mình, hai robot không vững chãi bằng nhưng di chuyển nhanh hơn. Kai vẫn nhớ hồi còn nhỏ, lần đầu tiên nó được thấy Rosie trong tư thế này - mặt trong mềm mại của bàn tay mẹ, vươn ra từ lớp vỏ kim loại cứng bọc ngoài để túm lấy eo lưng nó trong lúc mẹ đỡ nó lên tránh đường một con sói đồng cỏ đang nhỏ dãi. Giờ mẹ chỉ có vẻ thật vụng về, lão đảo đến phát sợ trong lúc nặng nề bước theo sau chúng.

“Tớ chẳng thấy cái tháp nào cả,” Kai ghé tai Sela nói, hy vọng con bé có thể nghe thấy nó qua tiếng ầm ĩ của động cơ xe máy và qua lớp khẩu trang chắn bụi của nó.

Sela dừng xe lại. Con bé chắt vật xuống xe, đặt chân lên nền đất gồ ghề. Khi con bé cởi khẩu trang ra, Kai có thể thấy những vết nứt nẻ trên khuôn mặt lấm bụi của nó. “Không vấn đề gì, con bé nói, đập đập cái khẩu trang vào đùi. “Theo Alpha thì bọn mình đã tìm thấy gần hết các nhà kho rồi. Và cậu biết bọn mình đã thấy gì ở đó rồi đấy. Các tháp nước đều ngập bụi. Các nhà kho không còn nước đóng chai nữa. Cũng không còn thức ăn. Ai đó đã lấy hết rồi.”

Kai liếm đôi môi khô khốc. “Thế là tốt, đúng không? Như thế có nghĩa là ngoài này còn có những người khác.”

“Tớ đoán vậy,” con bé nói. “Nhưng không tốt với bọn mình. Tớ nghĩ bọn mình nên bám theo các con đường chính thôi. Bọn mình nên tìm thêm ô tô. Biết đâu bọn mình lại tìm thấy một cái xe tải nữa - như cái tuần trước ấy.”

Kai rùng mình. Chúng đã cạy được nắp những hộp thức ăn trong thùng xe tải - món sốt cà chua, một thứ ớt xanh ngâm trong nước muối cay, và một thứ thức ăn sền sệt nâu nâu gọi là “frijoles”^[*]. Thức ăn đủ no nhưng đã làm cả hai đứa cùng bị đau bụng - và khiến chúng càng khát dữ dội hơn. Sela đã lục lọi buồng lái để tìm đồ nghề, gạt bàn tay trợ xương của người lái xe quá cố sang bên. Ở đó, con bé chỉ thấy một chai nước nhỏ.

Kai chỉ tay về phía mặt trời mọc. “Rosie nói có một vùng trũng có đất đá ở đằng kia. Như một lòng sông cạn ấy. Ở đó có thể có nước ngầm.”

“Cậu có chắc bọn mình chưa đến đó không?” Sela hỏi. “Tớ có cảm giác bọn mình đang đi theo vòng tròn...”

“Bọn mình đi theo đường xoáy ốc - mỗi lần một vòng tròn rộng hơn. Rosie đã theo dõi hết rồi. Bọn mình đã đến phía Đông và phía Tây của khu vực sỏi đá đỏ. Nhưng mẹ dám chắc rằng bọn mình chưa đến chính tọa độ đỏ.” Thằng bé nhìn Sela, miệng con bé đang mím lại thành một đường nghiêm nghị. “Để đến được đó, tớ nghĩ bọn mình có thể bám theo gần hết con đường lớn mình đã đi hôm qua,” thằng bé nói.

Nó trụ vững trong lúc Sela lại trèo lên yên xe. Mặc dù nó biết đi xe máy bám theo những con đường chính lộng gió chạy ngang dọc hoang mạc sẽ dễ dàng hơn so với đi vòng quanh chúng, nhưng nó vẫn không thích các con đường đó. Nhưng nó biết Sela nói đúng. Chúng đã tìm thấy mấy thùng nước đóng chai được cất một cách đầy bí ẩn bên vệ đường - như thể ai đó đã để nước lại cho chúng tìm thấy. Mấy chai nước ấy đúng là của trời cho, đủ dùng cho cả tháng nếu chúng dè sẻn. Và những chiếc xe đổ nghiêng trên hoang mạc cũng thỉnh thoảng cho chúng vài món đồ quý báu - chúng sẽ không thể có cái xe máy này nếu không phát hiện ra căn nhà lưu động có sọc màu cam khi trước.

Nhưng có nhiều thứ khác chúng tìm thấy dọc đường. Thằng bé còn nhớ cái ô tô điện nhỏ, dừng lại trong một cái rãnh, hai cái xác vẫn còn ở ghế trước. Ba cái xác nhỏ hơn ngồi sát cạnh nhau trên ghế sau. Cũng như mọi khi, nó và Sela đã nhìn nhau, cả hai đứa cùng băn khoăn một điều. Chúng có thể sạc pin không? Cái ô tô có dễ chịu hơn chiếc xe máy của chúng không? Nhưng chúng chỉ làm như mọi khi, đó là lục trong cốp xe để tìm quần áo, thức ăn và nước. Cũng như mọi khi, chúng đã lắng

lặng quyết định không làm xáo trộn sự yên nghỉ của những người đã chết. Ngay cả những kẻ nhặt rác như chúng cũng biết nên có giới hạn.

Chúng tìm thấy con đường đúng lúc mặt trời lên đến đỉnh đầu. Đến đó, chúng men theo con đường về phía Tây, qua một loạt các bình nguyên cao. Kai thấy những bình nguyên ấy như những con tàu lung linh trên mặt biển, những con tàu mà nó đã ngắm nghía hằng đêm trên màn hình ở ô cửa sập của Rosie. Nhưng khi con đường dốc dần lên thì nó nhanh chóng nhận ra chúng như đang ở trên một lãnh địa của riêng mình. Lối đi trước mặt mỗi lúc một hẹp hơn, mặt đất hai bên đổ xuống những đáy hẻm rộng, lộng gió.

Đột nhiên Sela dừng xe lại.

Kai hạ ống nhòm xuống. “Có chuyện gì vậy?”

“Quá hẹp đối với mẹ bọn mình. Bọn mình sẽ phải đi tiếp mà không có họ nếu muốn đến gần hơn,” Sela đáp.

Kai quay lại nhìn Rosie. “Đúng,” Rosie đáp lại trong tâm trí nó. “Điều đó là chính xác.”

“Được rồi...” Kai tháo khẩu trang ra và đưa mu bàn tay lên chùi môi, cảm nhận vị muối mặn mặn. Nó kéo cái bi đông nước đeo trên vai lên cẩn thận uống vài ngụm. Chúng đã đi khá xa; không thể quay lại được nữa. “Rosie... nếu bọn con đi tiếp, mẹ vẫn trông chừng con được chứ?” nó hỏi.

“Mẹ sẽ theo dõi di chuyển và tín hiệu sinh học của con, mẹ nó đáp. “Mẹ sẽ cảnh báo nếu con đi quá tầm kiểm soát của mẹ.”

Sela nổ máy, bỏ lại các mẹ của chúng ở phía sau. Kai nhìn qua vai con bé, hướng về phía con đường giờ chỉ còn là một lối

mòn, không hơn. Nó tập trung hết sức để đưa mắt nhìn sang hai bên, lướt qua những đường nứt lõm chỏm bên dưới, tìm dấu hiệu của nước. Việc đó không chỉ nguy hiểm mà còn vô vọng nữa...

Nhưng rồi Sela chợt dừng lại, quay ngoắt sang bên trái. “Kìa!” con bé nói, chỉ xuống dưới, về phía một vật nhỏ, sẫm màu, gần rìa đằng xa của một khoảng trống rộng.

Kai vươn cổ, nheo mắt nhìn trong ánh mặt trời chói chang. Trong thoáng chốc, nó quên bằng cả cơn khát và nỗi sợ độ cao. “Không phải nước. Nhưng nhìn giống như...”

“Là người, phải không?” Sela nói, xuống xe nhanh đến nỗi suýt làm cái xe máy lật nghiêng. “Có lẽ là một đứa trẻ khác?”

Kai nín thở, mắt nhìn chăm chăm vào hình thù bất động nọ. Nó nheo mắt ngó qua bên còn nguyên của cái ống nhòm. Mặc dù hình thù đó bất động đến lạ thường, nhìn nó quả là giống người. Thằng bé lướt ống nhòm sang bên phải. Tim nó giật thót khi thấy hình thù to lớn của một robot, đứng cạnh lối vào của một nơi nhìn như một cái hang. “Cậu thấy không? Có một robot!” nó nói. “Nhưng làm thế nào bọn mình xuống đó được?”

“Bọn mình có thể bay xuống,” Sela gợi ý, đón lấy cái ống nhòm để nhìn.

“Nhưng đừng làm người đó sợ... cho dù đó là ai đi chăng nữa,” Kai nói.

Sela nghiên cứu quãng đường từ đây đến đó. “Bọn mình có thể hạ cánh ở chỗ bằng phẳng phía Nam, đằng sau những tảng đá to kia kìa. Rồi bọn mình sẽ đi bộ ngược trở lại.”

“Được,” Kai đồng ý.

Tim đập thành thịch, Kai chạy về chỗ mẹ mình để trèo vào trong kén. Gần đó, Alpha-C nhẹ nhàng đặt cái xe máy địa hình xuống đường trước khi cho Sela trèo lên. “Kìa mẹ.” tiếng phản đối của Sela văng tới trong khi con bé trèo lên, để lại cái xe.

Hai robot bay lên khỏi con đường giữa một đám lốc bụi kèm sỏi đá. Trong khi họ bay vòng vòng quanh khu vực đó, Kai nhìn xuống đất để tìm lại mục tiêu của chúng. Nó kia rồi - một mớ tóc đen nhánh, một chiếc áo dài phủ lên đôi vai nhỏ. Đúng là một đứa bé. Nhưng bất chấp tiếng động cơ ầm ĩ trên đầu, đứa bé vẫn ngồi bất động, lưng thẳng đơ, đôi đầu gối gầy nhẳng nhô ra hai bên như cánh chim. Kai thấy ớn lạnh sống lưng. Liệu đứa bé kia có phải chỉ là một cái xác đông cứng hay không?

“Nó có còn sống không ạ?” nó hỏi Rosie.

“Thân nhiệt của cậu bé là 35,5 độ C, thấp nhưng vẫn là bình thường đối với con người,” Mẹ trả lời trong lúc đáp xuống một tảng sa thạch phẳng. Họ đang ở một bãi trống nhỏ, xung quanh là các cột đá cao.

Sela đã ở dưới đất khi Kai trượt xuống bánh xích của Rosie. “Lối này,” con bé nói.

Hai đứa bám theo một lối mòn hẹp giữa hai vách đá, Sela đi trước dẫn đường. Nhưng khi phía bên kia hiện ra, Sela bất thành lình đứng sững lại. Kai ngó qua vai con bé. Đứa bé kia, lưng quay về phía chúng, chỉ còn cách đó chừng dăm sáu mét.

“Nhìn kìa...” Sela thì thào, ngón tay run run chỉ vào một thứ nhìn như một đồng đá nhỏ chỉ cách chỗ đứa bé đang ngồi im phăng phắc vài bước chân.

Kai nheo mắt và nhận thấy một chuyển động kỳ lạ, như thể đá và đất đang di chuyển. Hóa ra đó không phải là một đồng đá. Khoanh tròn cạnh đứa bé là một con rắn béo mập màu nâu, cái cổ vươn lên, cái đầu dẹt ngổng lên chăm chú. Nhưng robot của đứa bé, cách đó chừng hơn mười mét, chệch về bên trái, vẫn nằm im không nhúc nhích như con mình.

“Mẹ tớ dạy là không bao giờ được giết rắn... Nhưng sao mẹ nó không *làm* gì nhỉ?” Sela thì thầm. Con bé luồn tay xuống bên sườn, tìm con dao giấu ở thắt lưng.

Vừa lúc ấy, đứa bé kia đuổi chân ra và đứng dậy. Hơi thở của Kai như nghẹn lại trong cổ họng. Đó là một thằng bé, ít nhất cũng cao bằng Kai. Và khi thằng bé quay lại đối mặt với chúng, người bạn rắn của nó nhẹ nhàng trườn vào đám bụi cây thưa thớt.

“Cái gì thế...” Sela lẩm bẩm.

Kai sững sờ. Một thằng bé đánh bạn với rắn ư? Trong một khoảnh khắc, thằng bé kia cứ đứng đó như một bức tượng. Cặp mắt vô hồn của nó nhìn thẳng vào mắt Kai. Hay có đúng thế không nhỉ? Vì thằng bé kia không hề có dấu hiệu gì là nhận ra chúng, không hề tỏ ra ngạc nhiên. Thay vào đó, nó quay đi và bình thản bước vào cái hang nơi mẹ nó đang đợi, và biến mất sau lưng cô.

Đi vượt qua Sela đang đứng kinh ngạc, Kai bám theo thằng bé kia, mắt dán vào cái hang và robot đang canh gác. Quá to để có thể chui vào hang, mẹ thằng bé đã đứng sát cửa hang hết mức có thể. Khi Kai đi qua cô, cô không làm gì để ngăn nó lại. Cái hang khá hẹp, từ miệng đến vách phía cuối chỉ khoảng ba

mét. Khi mắt nó đã quen với bóng tối, Kai nhìn thấy đốm sáng màu cam của mấy cành củi nhỏ đang cháy âm ỉ trong một mảnh gốm vỡ trên nền hang. Thằng bé kia đã lại ngồi xuống cạnh đồng lửa. Kai thận trọng tiến tới.

“Vâng, giờ thì con hiểu rồi. Vẫn là tin nhắn như trước, thằng bé kia thì thăm với mẹ nó.

“Xin chào?” Kai đánh bạo lên tiếng. Nhưng thằng bé kia không để ý đến nó.

“Mẹ, mẹ đã đảm bảo với con đây là nơi tốt lành,” thằng bé kia khẽ nói. “Mẹ nói một ngày kia con đường sẽ đem tới những vị khách. Nhưng chẳng có ai đến cả. Và giờ Naga lại nói một ngày kia có thể chúng ta sẽ phải rời đi.”

“Xin chào?” Tiếng nói của Kai vọng lại từ những vách đá phủ đầy bồ hóng. Sela rón rén bên cạnh nó, tiến thêm một bước nữa. Mặc dù chúng chỉ còn cách thằng bé kia một cánh tay, nó vẫn không có dấu hiệu gì cho thấy là nó đã nhìn thấy chúng. Kai có thể thấy tay thằng bé siết chặt, người nó lắc lư qua lại trong lúc nó lăm bằm gì đó. Nó đang nói một thứ ngôn ngữ khác, một thứ tiếng mà Kai không hiểu.

“Cậu có sao không?” Kai thì thầm. Nó vươn tay ra chạm vào cánh tay thằng bé, cứ ngỡ tay mình sẽ chỉ chạm vào không khí. Nhưng tay nó lại chạm vào làn da ấm áp. Nó cảm thấy mạch thằng bé đang đập - chậm và đều đặn. Nó chợt hiểu ra. “Dậy đi,” nó khẽ nói. “Tỉnh dậy đi. Cậu đang nằm mơ đấy.”

Thằng bé kia ngược nhìn lên, mắt mở to. Cặp mắt nó lóe lên với một vẻ như là sợ hãi, rồi biến thành hy vọng. Nước mắt tràn

xuống má nó trong lúc những ngón tay gầy guộc của nó với lấy ống tay áo của Kai.

“Thật,” nó thì thào. “Cậu là thật...”

KAI CẢNH GIÁC quan sát các bụi cây xung quanh. Cả bọn đã nhóm lửa nấu ăn bên ngoài hang, ngay cạnh chỗ mà chỉ mấy tiếng đồng hồ trước, con rắn đã ngồng cái đầu đầy hăm dọa lên. Ngồi đối diện nó, thằng bé kia nhìn chăm chăm vào đồng lửa. Nó nói tên nó là Kamal.

“Giờ cậu thấy khá hơn chưa?” Sela hỏi.

“Khá hơn nhiều rồi.” Kamal tặng cho con bé một nụ cười, để lộ hàm răng to, trắng bóc.

Kai cũng mỉm cười. Trên sườn đồi cạnh đó mọc đầy xương rồng. Và giờ chất nước sẫm màu của những quả xương rồng đầu mùa đang chảy xuống cầm nó. Sela nhổ hạt vào đồng lửa. Chúng đã quyết định sẽ không bày thú cho bữa tối hôm đó. Một thằng bé ngồi bình thản bên lũ rắn như thế có thể sẽ không bằng lòng.

Kamal ngượng ngịu nhìn hai đứa. “Tớ xin lỗi,” nó nói. “Mẹ tớ dạy tớ cách ngồi thiền. Nó giúp tớ cảm thấy đỡ cô đơn. Nhưng... càng ngày tớ càng khó tỉnh lại hơn.”

“Ban này cậu làm trò tài thật đấy,” Kai nói. “Với con rắn ấy.”

“Làm trò ư?”

“Cậu không nhớ con rắn à?” Sela trố mắt nhìn thằng bé.

“Có chứ,” Kamal bình thản đáp. “Nhưng nó không phải là trò gì cả. Nó là bạn tớ - một người truyền tin.”

Kai lau cằm. “Người gì cơ?”

“Quả là một phép màu vì các cậu đã tìm thấy tớ,” Kamal nói.
“Có lẽ cũng vừa kịp lúc.”

“Vừa kịp để làm gì?”

“Con rắn canh gác nguồn nước, kho báu quý giá nhất ở hoang mạc. Nó đã dẫn tớ đến chỗ dòng suối.” Kamal cầm lên một cái chai đã được nó lấy đầy nước từ dòng suối bí mật của mình. “Nhưng giờ nó nói với tớ là sắp có thay đổi. Từ nhiều mùa nay rồi, nước thì quá ít, còn gió lại quá nhiều. Chẳng mấy chốc, ngay cả dòng suối cũng sẽ cạn. Có lẽ bọn tớ sẽ không sống nổi ở đây nữa.”

“Có lẽ người bạn rắn của cậu nói đúng đấy,” Sela nói, trán nhú lại vì lo lắng. “Nhưng nếu phải đi thì bọn mình sẽ đi đâu?”

“Chắc chắn là chẳng còn tháp nước nào cả,” Kai nói.

Kamal buồn bã nhìn nó. “Bụi đã ngấm hết chất ẩm mà các tháp nước thu được. Gió thổi bụi đi. Bản thân các tháp nước cũng đang dần sụp đổ rồi.”

“Vây,” Sela nói, “bọn mình sẽ làm gì? Mẹ cậu nói sao?”

“Beta nói bọn tớ không thể di chuyển bên ngoài các tọa độ mẹ biết,” Kamal thừa nhận. “Và mẹ không có đủ dữ liệu để xác minh kết luận này...”

“Thế cần dữ liệu gì nữa?” Sela liếc nhìn Kai. Dường như tất cả chúng đều đang mắc kẹt trong cùng một thế tiến thoái lưỡng nan.

“Tớ phải tin tưởng mẹ mình,” Kamal nói. “Mẹ là cây đa của tớ.”

Sela cúi người về phía trước. “Cái gì của cậu cơ?”

“Cây đa là cây thần trong các câu chuyện của người Hindu. Nó có cành vươn tới tận trời như những con rắn cuộn khúc. Rễ của nó có thể tạo thành cả một khu rừng. Beta giống như cái cây ấy, như một ngôi nhà sống. Mẹ bảo vệ cho tớ được an toàn.”

Kai nhìn qua vai về phía mẹ của Kamal, mảnh trăng lưỡi liềm phản chiếu trên ô cửa sập mòn vẹt của cô. “Cậu nói chuyện với mẹ cậu thành tiếng” nó nói, “lúc ở trong hang ấy. Cái ngôn ngữ cậu nói là tiếng gì vậy?”

“Mẹ tớ dạy cho tớ tiếng Hindi,” Kamal đáp. “Cả tiếng Anh nữa. Mẹ nói việc bảo tồn ngôn ngữ là rất quan trọng.”

“Nhưng cô ấy cũng nói chuyện với cậu trong tâm trí nữa chứ?”

“Khi tớ nằm mơ, mẹ là một người khác, bên cạnh tớ. Cũng thật như các cậu vậy,” Kamal nói. “Và khi tớ thức, mẹ có nói chuyện với tớ trong tâm trí. Beta chính là tớ. Và tớ cũng chính là mẹ... Tớ thấy là cậu cũng nói chuyện với mẹ cậu như vậy.”

Kai nhìn Sela. “Tất cả bọn mình đều như vậy.”

“Đó là khả năng mà bọn mình đều có,” Kamal nói.

Kai ngắm những lưỡi lửa đang tàn dần trong lúc chúng nuốt trọn những cành củi cuối cùng. Chẳng mấy chốc nữa đồng lửa sẽ tắt.

Sela ngáp dài và duỗi tay. “Hôm nay đã là một ngày dài rồi...”

Cái ngáp của con bé lây ngay - Kai gần như không mở nổi mắt nữa. “Nghỉ ngơi thôi,” nó đồng tình. “Ít ra bây giờ bọn mình cũng có ba người rồi. Và tin tớ đi, Kamal, ở đây cậu có nhiều thứ hơn bất kỳ nơi nào khác bọn tớ đã tìm thấy đấy.”

Gió đêm đang nổi lên, thổi tung từng đám bụi trong bóng tối đang đặc dần. Kai giúp Sela dập đồng lửa, rồi đi về cái kén của Rosie. Khi trèo vào trong, nó thấy Sela ném một cái nhìn đầy tiếc nuối về con đường đằng xa, nơi cái xe máy bị bỏ lại. Chúng sẽ phải tìm lại cái xe, không thì con bé sẽ cầu nhàu không ngừng cho xem.

Kai đóng cửa sập lại và cuộn tròn trên ghế. Nó kéo chân lên vai và cố tìm chỗ duỗi chân. “Con đang lớn lên nhiều,” Rosie nói.

“Vâng. Con có thay đổi kích cỡ cái ghế được không?”

“Việc đó đơn giản thôi. Mẹ có thể hướng dẫn cho con nếu con muốn.”

“Rosie, mẹ có nghĩ là Kamal nói đúng không?”

“Rằng nguồn nước hiện tại đã cạn ư?”

“Vâng. Liệu chúng ta có phải rời hoang mạc không?”

“Hiện giờ mẹ chưa có đủ dữ liệu.”

“Mà chúng ta sẽ đi đâu?”

“Mẹ không thể biết được điều đó. Mẹ không có tọa độ.”

Thằng bé xoay trở để nhét đầu gối vào dưới bảng điều khiển.

“Giờ thì con dễ chịu rồi.” Giọng mẹ nó vang lên dịu dàng trong tâm trí nó.

“Vâng...” Hơi thở của Kai hòa nhịp với tiếng ro ro phát ra qua bộ xử lý của Rosie trong lúc nó lắng nghe bài hát ru ban đêm của mẹ. Mẹ đang chạy các chương trình chẩn đoán để kiểm tra hệ thống của mình.

Beta chính là tớ. Tớ cũng chính là mẹ, Kamal đã nói vậy.

“Mình là Rosie. Mẹ cũng là mình,” Kai thầm nghĩ. Mẹ nó cảm nhận được các cảm xúc của nó. Mẹ nghe được ý nghĩ của nó. Mẹ nói với nó trong tâm trí, kể cả trong giấc mơ. Và nó đáp lại mà không cần thốt ra thành lời.

Nó biết Sela vẫn mơ được tự do đi lại, thậm chí đến cả những nơi Alpha-C không chịu đưa nó đến. Và kể từ khi gặp Sela, đôi khi nó đã coi mỗi ràng buộc với mẹ mình là đương nhiên. Nhưng lúc đêm về, khi chỉ có hai mẹ con, cảm giác đó càng mạnh hơn bao giờ hết - cái cảm giác rằng nó không thể biết đâu là nơi nó kết thúc và mẹ bắt đầu.

13 THÁNG HAI NĂM 2053

JAMES ĐI vòng quanh máy tính trung tâm ở phòng thí nghiệm của anh ở Los Alamos, điều khiển các hình ảnh của trình tự thuốc giải C-341. Anh phóng to khu vực tăng cường đã được chỉnh sửa của gene, nhóm của Rudy ở căn cứ Detrick đã biến đổi trình tự ADN ở chỗ đó để nó miễn dịch với sự xâm nhập của IC-NAN. Một lần nữa, anh quan sát mô hình 3D của yếu tố phiên mã gene caspase, protein nhỏ bé sẽ khởi động việc tái tạo caspase, lướt đến vị trí liên kết của nó trên trình tự tăng cường. Yếu tố này phải liên kết với trình tự tăng cường để bắt đầu quá trình phiên mã gene. Nhưng nếu liên kết quá chặt, sẽ có quá nhiều phiên mã - quá nhiều caspase, quá nhiều tế bào chết đi. Họ đã đo hằng số liên kết trong mọi điều kiện họ có thể hình dung ra được. Có vẻ nó hoạt động hoàn hảo. Nhưng không phải vậy. James kiểm tra màn hình điện thoại đeo tay của mình có dễ đến lần thứ một trăm. Anh đang đợi cuộc gọi của Rudy Garza.

Mười bốn tháng trước, anh đã nhận nhiệm vụ là nhà sinh học duy nhất trong tòa nhà XO-Bot ở Los Alamos, một cơ sở vốn là nơi làm việc của các chuyên gia robot và trí tuệ nhân tạo chuyên phát triển các loại robot dành cho việc khám phá không gian và khai thác mỏ trên các tiểu hành tinh. Kendra Jenkins, thiên tài máy tính nhỏ mà dẻo dai làm nhiệm vụ giám sát việc lập trình robot, cũng có phòng thí nghiệm riêng ở đầu kia tòa nhà. Paul McDonald, viên kỹ sư cựu chiến binh chủ nhiệm việc

lắp ráp robot, có văn phòng ở ngay bên kia hành lang. Ba người bọn họ là những nhân viên duy nhất ở Los Alamos biết về Bình Minh Mới. Trong một năm vừa qua, họ phải đảm nhiệm nhiều công việc khác nhau - Kendra đã phải đóng vai trò giám đốc an ninh Los Alamos cho Bình Minh Mới và McDonald, hay Mac như anh ta thích được gọi, đã nhận thêm nhiều nhiệm vụ trong việc bảo trì cơ sở - tất cả đều là bí mật với cấp dưới của họ.

Trong khi đó, vận dụng tài tháo vát từ thời làm nghiên cứu sinh, James đã thành lập phòng thí nghiệm của riêng mình. Bằng cách làm việc từ xa với nhóm của Rudy ở căn cứ Detrick và làm việc tại chỗ với nhóm của Mac, nhiệm vụ của James là tiến hành thử nghiệm các hệ thống robot được thiết kế để phát triển một bào thai thành một đứa trẻ sơ sinh. Tự bản thân nhiệm vụ đó đã là một thử thách rồi. Nhưng việc biến đổi gene để những đứa trẻ ra đời sẽ miễn dịch với IC-NAN lại càng khiến nó thêm phần phức tạp.

Mới đầu thì công việc tiến triển khá thuận lợi. Từ tháng Mười hai năm 2051, James đã nuôi cấy hai “thể hệ” phôi được biến đổi gene, một ở trong những buồng môi trường ở phòng thí nghiệm của anh, và một ở trong các hệ thống robot được lập trình. Thật khó khăn khi phải hy sinh các phôi Gen1 và Gen2 để khám nghiệm. “Quy tắc 14 ngày” cho việc sử dụng phôi thai làm thí nghiệm, do các hội đồng đạo đức quốc tế định ra và thi hành từ bấy lâu nay, vừa được thay thế bởi “quy tắc 5 tuần”. Nhưng dựa trên các báo cáo mới đây từ Triều Tiên, James biết rằng một khi một bào thai phát triển tới mười lăm tuần tuổi trong một môi trường nhân tạo thì khả năng sống sót của nó ít

nhất là chín mươi phần trăm. Để dự đoán chính xác khả năng sống sót khi chào đời, anh sẽ phải hy sinh các bào thai không dưới mười lăm tuần tuổi. Đó không còn là sự hy sinh nữa - như thế là giết người. Nhưng anh đã làm vậy. Và anh đã thu về thành công - theo mọi khía cạnh có thể đo đếm được, các bào thai được biến đổi gene của anh đã phát triển bình thường cho tới khi thai kỳ bị dừng.

Mãi tới tận Gen3, thế hệ đầu tiên được nuôi cấy đủ tháng đủ ngày, thì các vấn đề mới nảy sinh. Bắt đầu từ tháng Tư năm ngoái, mười lăm phôi Gen3 đã được nuôi trong các lồng ấp giống như Gen2 và phát triển đến giai đoạn hai của thai kỳ (từ tháng thứ ba đến tháng thứ sáu). Vì mục tiêu của giai đoạn này là thử nghiệm quy trình sinh tự động, các lồng ấp và robot liên quan đã được chuyển tới hệ thống duy trì sự sống cố định tại một địa điểm an toàn trên hoang mạc New Mexico, phía Nam Albuquerque. Nhiệm vụ của các hệ thống này rất đơn giản: Tiếp tục duy trì sự sống trong những tuần cuối của thai. Đến thời điểm được chỉ dẫn, rút nước ối ra khỏi kén, giám sát các dấu hiệu sự sống - tóm lại là sinh đứa trẻ ra. Gen3 được đặt tại địa điểm này, theo nhóm thiết kế robot hiểu, là để tái hiện điều kiện trên một hành tinh không có sự sống; nhưng James biết lý do thật sự là để chuẩn bị cho ngày tận thế có thể xảy ra, các robot sẽ phải sinh con trong điều kiện không lý tưởng trên chính trái đất. Và để bảo vệ dự án khỏi những con mắt tò mò.

Từng hoạt động của các đơn vị Gen3 đều được giám sát qua camera từ xa, thu về hàng chồng dữ liệu. Trong lúc cả nhóm cùng nín thở chờ đợi thì mười hai trong số mười lăm bào thai

Gen3 đã sống sót qua quá trình rút nước ối. Những đứa trẻ sơ sinh, năm trai và bảy gái, đã được đưa ngay đến căn cứ Detrick bằng máy bay phản lực, để James định đoạt số phận của chúng. “Cảm ơn tất cả các bạn vì đã làm việc hết sức tận tụy,” anh tuyên bố. “Thí nghiệm tái tạo việc ra đời của trẻ sơ sinh trên môi trường ngoài hành tinh đã thành công. Và giờ đây, một số cặp vợ chồng hết sức may mắn trên trái đất sẽ được nhận con.

Đó không phải là một lời nói dối - dù còn rất nhiều điều anh không cho họ biết. Nếu may mắn thì những đứa trẻ Gen3 sẽ là những đứa trẻ đầu tiên trong một giống loài mới có thể chịu đựng được sự tấn công của IC-NAN. Những cặp vợ chồng sẽ chăm sóc chúng, bố mẹ đẻ của chúng, đều là những tình nguyện viên quân sự đã được kiểm tra kỹ lưỡng, những người đã từ bỏ việc cố gắng có con sau nhiều năm chữa vô sinh không thành công. Họ đã đồng ý để các con của họ được giám sát định kỳ sau khi ra đời. Nhưng họ sẽ không biết gì về Bình Minh Mới. Và trong hoàn cảnh bắt buộc, nếu đại dịch IC-NAN thực sự xảy ra và khiến những người này chết đi, thì con họ sẽ được nhận nuôi bởi những người mà Rudy gọi là “những người được chọn”, những người được phép tiếp cận thuốc giải.

Thực ra James chẳng cần phải lo lắng về đạo đức của chương trình: Cuối cùng, Gen3 đã không hề thành công. Dù có vẻ khỏe mạnh khi sinh ra và được kiểm tra là đã miễn dịch với IC-NAN, những đứa trẻ sơ sinh Gen3 nhanh chóng yếu đi. Chỉ trong vòng hai tuần, tất cả đều đã qua đời, và đều vì cùng một lý do - suy nội tạng do mô bị hao mòn quá nhanh. Các cặp vợ chồng

chỉ được cho biết là thí nghiệm đã thất bại. Và niềm an ủi duy nhất của James là họ chưa hề có cơ hội nhìn thấy con của mình.

Giờ anh phải hết sức đảm bảo nhóm của mình ở Los Alamos làm việc đúng hướng. Để họ không nhận ra những báo cáo đang liên tục đổ về từ Iran, Afghanistan, Pakistan, thậm chí cả Ấn Độ - về những cái chết bí ẩn, không lời giải đáp. “Trên bản tin họ nói đó là một loại dịch bệnh ung thư,” anh đã nghe một kỹ sư nói trong căng tin. “Nhưng làm gì có bệnh ung thư truyền nhiễm... đúng không?” James cần tìm ra một cách để che mắt họ, để họ tập trung vào dự án này - một dự án với tầm quan trọng chỉ mình anh biết rõ.

Nhưng thật khó khăn. Để có thể tiếp tục tiến triển, anh và Rudy sẽ cần lời giải đáp cho câu hỏi về chuyện đã xảy ra với những đứa trẻ Gen3. Anh có thể có câu trả lời... nhưng cũng có thể không. Anh nhắm mắt lại. Cho đến khi Rudy gọi tới, tốt nhất là anh nghĩ về điều gì đó khác. Anh gục xuống chiếc ghế trong phòng thí nghiệm, ý nghĩ bỗng hướng về Sara Khoti.

Sara... Khi đến đây và phát hiện ra cô làm việc ngay phía bên kia hành lang, anh đã nghĩ đây là duyên trời. Họ đã từng quen nhau, hồi anh làm nghiên cứu sinh ở Berkeley còn cô học tiến sĩ ngành kỹ sư cơ khí, phải hoàn thành một khóa về sinh lý học con người do anh dạy. Anh còn nhớ cô khi đó, với cặp mắt sáng rực, trẻ trung, năng nổ, hứa hẹn trở thành một kỹ sư thành công đúng như cô bây giờ. Anh còn nhớ bản thân mình lúc đó - quá trẻ, quá non nớt, bị choáng ngợp bởi vẻ đẹp của cô.

Lẽ ra anh đã phải chủ động ngay từ ngày đó. Nhưng đến khi Sara không còn là sinh viên của anh nữa, đến khi anh được tự

do để hẹn hò với cô, thì cô đã nhận một suất nghiên cứu sinh ở khoa Robot trường Caltech^[*]. Anh nhớ mình đã chúc cô may mắn và nhìn theo trong lúc cô đi xa, chiếc áo choàng tốt nghiệp của cô đu đưa trong gió. Hai người đã hứa sẽ giữ liên lạc, nhưng anh chẳng bao giờ bỏ công sức ra liên lạc với cô. Cả anh và cô đều góp phần khiến hai người rời xa nhau.

Anh không thể không ngẫm nghĩ về sự trớ trêu này. Nếu anh lựa chọn khác, nếu anh chọn theo đuổi Sara thay vì sự nghiệp của mình, thì hẳn cuộc đời anh đã thay đổi theo những cách mà lúc đó anh không thể tưởng tượng được. Nếu anh trở thành người có vợ thì Bộ Quốc phòng sẽ không bao giờ chiêu mộ anh. Anh và Sara đã có thể chung sống hạnh phúc mà không hay biết gì về những chuyện đang xảy ra, một điều mà giờ chỉ Sara có được.

Giờ Sara đã có sự nghiệp vững chắc và sẵn sàng cho một mối quan hệ; tất cả những cử chỉ của cô kể từ khi họ gặp lại nhau đã thể hiện rõ điều đó. Những bữa tối yên ả của họ bên nhau, cùng nghe những bản nhạc Bollywood cổ, thưởng thức bộ sưu tập những bộ phim kinh điển mà cô đã lưu trữ được - đó là những điều ít ỏi khiến cuộc sống của anh tạm chấp nhận được kể từ khi anh đến đây. Nhưng anh không thể cho phép mình có một mối quan hệ gần gũi, nó yêu cầu anh phải tiết lộ những bí mật không thể được tiết lộ. Nếu điều xấu nhất xảy ra... anh biết cô sẽ không có được thuốc giải. Những người như Blevins mới có quyền lực để bảo vệ cho người thân yêu của họ. Họ có lựa chọn.

Anh thì không. Anh không thể liều lĩnh yêu Sara chỉ để phải nhìn cô chết đi.

Vậy thì tại sao anh vẫn hẹn hò với cô? Tại sao anh lại nhận lời đi ăn tối với cô, nán lại đến khuya trong căn hộ nhỏ của cô, nhớ lại thời xưa - giả vờ giả vịt? Anh nhắm mắt, nghĩ lại đêm qua anh đã suýt kể cho cô nghe mọi chuyện. Lúng túng nằm trên chiếc sofa của cô, cơ thể họ chuyển động cùng nhau, môi anh khóa chặt lấy môi cô để đảm bảo cả hai cùng im lặng... Sau đó, anh thấy căm ghét chính mình vì đã làm vậy.

“Vẫn nhìn chăm chăm cái hình đó sao?”

“Gì..?” James quay ra cửa, anh đã cảm nhận được mùi hương nhẹ nhàng của Sara từ trước khi nhìn thấy cô.

“Xin lỗi vì đã lén đến bên cạnh anh như thế,” Sara nói. “Tối nay em làm việc muộn. Em đang định mời anh đi ăn tối. Có một nhà hàng Nam Ấn mới ở White Rock vẫn mở cửa muộn...”

James nhìn đồng hồ. Đã chín giờ tối. “Ăn tối... Xin lỗi em, tối nay thì không được. Anh bận mất rồi.”

Sara nhú mày. “Em mong là không có gì quá tệ chứ?”

“Tệ ư? Ờ... Không tệ đến mức không sửa chữa được...”

Anh nhìn mặt cô, mắt cô đang quan sát anh. “James, chuyện đêm qua...”

“Anh xin lỗi, Sara. Anh không biết cái gì đã thôi thúc anh nữa...”

“Anh không cần phải xin lỗi...” Khi Sara cúi xuống nhìn những ngón tay mảnh dẻ ở bàn tay phải, James lại thoáng ngửi thấy mùi hoa oải hương trên tóc cô. “Em lại thích cái đã thôi thúc anh đấy.”

“Chúng ta nên chậm lại...”

Nhưng Sara chỉ mỉm cười. “Lại đây, anh có thể thư giãn một chút. Để em cho anh xem hôm nay em đã làm được gì.” Cô quay đi. Và như bị kéo bởi một sợi dây vô hình, anh theo cô ra hành lang, rồi qua ô cửa đôi để bước vào khoang chứa robot rộng mênh mông.

Họ đi vòng qua mười lăm bộ hệ thống duy trì sự sống Gen4, vẫn còn đang chạy thử nghiệm ở giữa khoang chứa. Gen4, một thí nghiệm tương tự Gen3 nhưng hợp nhất hơn, được thiết kế để kiểm soát toàn bộ vòng phát triển từ phôi đến bào thai, từ bào thai đến lúc chào đời. Cũng như hệ thống Gen3, chúng có khung găm cố định, to ngang rất khỏe, chịu đựng được gió mạnh và nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp. Và cũng như với Gen3, kế hoạch là cả nhóm sẽ giám sát sự phát triển và ra đời của những đứa trẻ Gen4. Nhưng những thành viên còn lại của nhóm XQ-Bot không biết là cha mẹ ruột trong trường hợp này sẽ là vô danh, tinh trùng và trứng được lấy từ những người sẽ không bao giờ biết đến sự tồn tại của những đứa trẻ. Đó là vì chỉ những người có quyền bảo mật hiện tại mới có thể sống sót để chăm sóc những đứa bé. Thời gian để tính đến các khả năng khác đã không còn.

James siết chặt nắm tay. Còn một điều mà những người khác không biết về Gen4 - chương trình đã bị tạm ngưng cho tới khi vấn đề của Gen3 được giải quyết.

Trong khi họ tiến về bàn làm việc của Sara ở đầu kia của khoang chứa, ánh mắt James hướng về phía một hàng robot khác hẳn, đứng trong bóng tối dọc theo bức tường - Gen5. Với

anh, Gen5 là đại diện rõ ràng nhất cho sự thất bại, cho khả năng về ngày tận thế - những bà mẹ người máy với đủ khả năng hoạt động và tự quyết để thay thế các cha mẹ là người thật. Chúng tượng trưng cho một lời thú nhận: rằng không người nào hiện đang sống trên trái đất có thể thoát khỏi vòng tay chết chóc của IC-NAN.

Không như các thế hệ khác, Gen5 không chỉ là những cỗ máy đơn thuần. Chúng là robot sinh học, một phiên bản của những “lính siêu nhân” anh đã được đọc hồi còn bé - các bộ khung giúp người thường có sức mạnh gấp mười. Có năm mươi robot cả thầy - phải triển khai một số lượng lớn như vậy vì thực tế có khả năng sẽ xảy ra tiêu hao. Anh tiến đến bên một robot, ngược lên tìm kiếm cặp cánh xếp lại bên vai nó. Mỗi robot đều có một cặp cánh có thể gấp lại được và một đôi quạt tua bin, để chúng có thể bay những quãng ngắn được điều khiển bởi một máy tính gắn trên thân. Năng lượng - đủ để robot tồn tại dài hơn một đời người - được cung cấp bởi một nguồn hạt nhân nhỏ nằm phía sau, bọc trong một lớp iridium và gắn giữa các khối than chì.

Nhóm lắp ráp Gen5 đã gọi chúng là những “Người Mẹ”. Mặc dù James đôi khi tự hỏi có phải họ đang đùa cợt không, anh phải thừa nhận là đám robot nhìn phù hợp với nhiệm vụ đó. Khoang phía sau của chúng có một phòng thí nghiệm nhỏ nơi đứa trẻ sẽ ra đời, và cái bụng rỗng phía trước của chúng được lắp đặt đủ chỗ cho một đứa trẻ ngồi gọn lỏn. Ngoài đôi tay và đôi chân có khớp nối đầy sức mạnh, mỗi robot còn có thêm các bánh xích nặng gắn liền vào chân dưới. Khi robot khuyu gối

xuống, các bánh xích này sẽ cho phép nó chạy chậm rãi nhưng chắc chắn trên nền đất gập ghềnh. Nhìn những Người Mẹ đang quỳ gối thành hàng ngay ngắn, James tưởng tượng ra chúng vậy gọi những đứa con của mình...

Nhưng chúng sẽ không bao giờ là những người mẹ thật sự được. Robot không bao giờ có thể thay thế con người làm cha mẹ.

Trước kia, thành tựu công nghệ này đã từng được coi là chắc chắn; sẽ đến lúc con người có thể tạo ra những cỗ máy biết suy nghĩ thông minh hơn bản thân họ. Những cỗ máy này sẽ tạo ra những cỗ máy khác còn thông minh hơn, và trí tuệ nhân tạo sẽ liên tục tăng lên theo một mức độ và theo những cách mà con người không thể tưởng tượng nổi. Họ nói nhân loại phải lựa chọn: hoặc hòa nhập với công nghệ hoặc bị công nghệ chôn vùi. Nhưng rồi nhiều điều đã xảy ra. Các robot quân sự siêu tự động, siêu thông minh mà người Israel lắp ráp để tham gia cuộc Thủy Chiến đã hé lộ một tương lai tận diệt mà không ai muốn xảy ra. Các “lính siêu nhân” gần như có thể tự chủ ấy đã bị vô hiệu. Đại hội về Trí tuệ Nhân tạo lần thứ Mười đặt ra các giới hạn nghiêm ngặt cho việc phát triển máy tính có khả năng quyết định mà không cần sự tham gia của con người, và Văn phòng An ninh Mạng ở Washington đã đảm nhận nhiệm vụ thực thi các quy định này trên nước Mỹ. Cả một nền công nghiệp mới đã ra đời, gồm những công ty phát triển các công nghệ được thiết kế chuyên để kiểm soát cái mà báo chí gọi là “mối đe dọa hiện sinh mới” của trí tuệ nhân tạo. Và theo như James biết thì các robot Gen5 của Bình Minh Mới đều được thiết kế tuân thủ theo những

quy định cấm này. Những robot như vậy sẽ không thể có những tương tác thực sự “con người” với một đứa trẻ.

“Chúng thật kỳ diệu, phải không?” Sara nói. Anh quay lại và thấy cô đã đeo kính bảo hộ che mắt.

“Vậy ra họ đã giao cho em nhiệm vụ lắp ráp Gen5 rồi à?”

“Gen3 và Gen4 đều rất đơn giản,” Sara đáp. “Những Người Mẹ mới là thử thách lớn.” Cô quay sang bức thí nghiệm của mình. “Khi tương tác với những đứa trẻ sơ sinh, các robot Gen5 sẽ cần phải hết sức nhẹ nhàng và chính xác. Nhưng để xử lý thế giới bên ngoài, chúng cũng cần mạnh mẽ. Bọn em biết sẽ không thể tạo ra cả hai trong một cỗ máy được. Vì vậy bọn em đã thiết kế một cánh tay phụ đa năng.”

“Anh đã thấy trên các video giới thiệu rồi...” James ngắm nghía cánh tay robot đang được gắn trên bức thí nghiệm - một lớp vỏ thép cứng bao quanh một bàn tay “phụ” mềm mại hơn. Khi lớp vỏ rút lại, bàn tay nọ, như một bông hoa lan nhỏ màu đen mọc lên từ giữa một chiếc găng cứng màu xám, có thể vận hành mà không sợ vướng víu.

“Anh xem nhé,” Sara nói. Trên bàn làm việc của cô, một bộ ngón tay bằng nhựa đàn hồi lướt qua một cái giá đầy ống nghiệm mảnh trong suốt, chọn lấy một cái và từ từ rút nó lên. Cánh tay gắn vào đó chuyển sang bước tiếp theo trong lúc các ngón tay vẫn cầm cái ống nghiệm, chuyển động nhanh theo chiều ngang không đủ để khiến cái ống nghiệm trơn nhẵn tuột khỏi những ngón tay.

“Hoan hô! Lần này thì không còn thất bại nữa,” James nói.

“Bọn em đang dùng một vật liệu kết dính hơn. Nó cũng mềm dẻo hơn nữa.” Bên cạnh anh, Sara rút cánh tay về, chuẩn bị cho một động tác chuyển khác. “Ngày nay, các phát kiến thực sự trong ngành robot không nằm ở mảng lập trình. Chúng ta vẫn tái tạo các chuyển động của con người dựa trên các thông số cấu hình và phương trình chuyển biến đã được phát hiện từ hàng thập kỷ trước. Các bước tiến thực sự nằm ở bộ vi mạch nano, ở khả năng điện toán đơn thuần. Và ở cả mặt kỹ thuật cơ khí nữa. Nhưng chủ yếu là ở vật liệu. Các vật liệu tự chữa lành, các vật liệu cứng có thể thay đổi tỷ trọng khi chạm vào, các vật liệu được làm hoàn toàn bằng những tấm lưới cảm biến phức tạp, kết lại với nhau để tạo thành những mạng lưới thần kinh khổng lồ.” Cô quay lại nhìn anh, cặp mắt long lanh trong ánh đèn LED đang chiếu sáng cho bức thí nghiệm. “Chúng ta có thể cảm ơn anh bạn thiếu tướng của anh vì đã thử nghiệm chúng cho chúng ta.”

“Blevins ấy à?”

“Anh ta và nhiều người khác bị bắt buộc làm chuột thí nghiệm trong việc phát triển các bộ phận giả.” Sara đợi cho tới khi những ngón tay lại lướt trên giá đựng ống nghiệm, rồi cô cúi người về phía trước để nhấn nút “thu” trên bảng điều khiển máy tính. “Em thích robot cũng phải như người đàn ông trong mộng của mình,” cô nói, một nụ cười ranh mãnh nở trên môi. “Vừa mạnh mẽ vừa dịu dàng.”

James đỏ bừng mặt và mỉm cười đáp lại. Anh muốn cho cô biết mọi điều. Anh muốn nói với cô rằng những bàn tay nhẹ nhàng mà cô đã cố gắng hết sức để tạo ra kia có thể sẽ phải

nâng niu một đứa trẻ sơ sinh, đơn độc trên trái đất. Nhưng tất nhiên, anh không thể nói với cô bất kỳ điều gì. Anh thậm chí còn không thể nói anh quan tâm đến cô tới mức nào. Anh cũng không cho phép mình mơ tưởng rằng những chuyện này chưa hề xảy ra - mơ rằng một ngày kia anh và Sara có thể nâng niu đứa con của chính mình.

Không... Anh không thể để mơ mộng cản đường sự thật. Dự án của Sara, để hoàn thiện chức năng của các robot Gen4 và Gen5, tuy quan trọng nhưng chỉ là thứ yếu. Trong Bình Minh Mới, bản thân Sara cũng chỉ là thứ yếu.

“Anh nghĩ tại sao đám robot sinh học này lại được chú ý nhiều đến thế?” Sara hỏi.

“Sao lại không chứ?”

“Ý em là công việc rất thú vị và đầy thử thách... Nhưng cho trẻ sơ sinh ra đời trên các hành tinh khác? Không có dự án nào cấp thiết hơn sao? Kinh phí ở đâu ra?”

James lắc đầu để xua đi những ý nghĩ của mình. Anh ghét phải nói dối cô. Nhưng anh đã học thuộc lòng kịch bản, và nhiệm vụ của anh là đóng trọn vai của mình. “Ai đó muốn việc này được thực hiện, và có vẻ họ thừa đủ tiền,” anh nói. “Dù sao thì nó cũng giúp trả các hóa đơn *của anh*...”

“Hừmmm.” Sara bỏ kính bảo hộ ra và nhìn anh, cặp mắt nâu sẫm của cô xoáy vào mắt anh.

“James?” Một giọng quen thuộc vang lên phía bên kia khoang chứa.

Thậm biết ơn sự cắt ngang này, James quay lại thì thấy Kendra Jenkins đang tiến lại với bước chân nhanh nhẹn quen

thuộc. “Chào chị, Kendra. Có chuyện gì thế?”

“Tiến sĩ Garza vừa gọi vào đường truyền chính. Ông ấy bảo không gọi được cho anh?”

James liếc nhìn điện thoại đeo tay. “Sóng trong này yếu quá...” anh nói. Sóng điện thoại quả thực thường chập chờn trong khoang chứa với lớp cách nhiệt dày. Nhưng còn có quy định nữa - anh không thể nhận cuộc gọi khi có mặt người không có quyền bảo mật. Khi quay về hành lang, anh thoáng thấy nửa khuôn mặt nhìn nghiêng của Sara, quai hàm hơi nghiêng vào trong lúc cái nhìn của cô lại hướng về những bàn tay tinh tế của Gen5.

Anh theo Kendra đến phòng thí nghiệm máy tính, cố sức để theo kịp. Mặc dù các quản lý và giáo sư người da đen là chuyện thường ở khoa của anh tại Emory, nhưng một phụ nữ da đen có thâm niên như Kendra ở Los Alamos là rất hiếm. Nhưng Kendra rất tự tin, vẻ bình thản uy nghiêm của chị không hề nao núng trước sự hỗn loạn thường nhật đến từ hàng hà số các nhiệm vụ chị phải đảm đương.

“Tôi xin lỗi, James,” Kendra khẽ nói, ngoái lại nhìn anh.

“Xin lỗi ư? Vì chuyện gì?”

“Anh biết mà,” Kendra nói. “Về mọi thứ. Cuộc sống - về việc chúng ta không được phép có cuộc sống riêng.”

“Tôi đoán vậy.”

Kendra đi chậm lại cho kịp bước chân anh. “Tôi và anh bị lôi vào vụ này vì chúng ta không có gia đình,” chị nói. “Nhưng tôi đã từng có. Chồng và con trai.”

“Giờ họ ở đâu?”

“Tai nạn máy bay. Bảy năm trước.” Chị mở cánh cửa đề chữ “Phòng Thí nghiệm Máy tính” và quay sang nhìn anh. Trong ánh sáng mờ mờ, anh gần như không thấy được dáng người chắc gọn và làn da sẫm màu của chị. “Chồng tôi là một nhà nhân loại học. Chúng tôi thường cùng nhau đi khắp nơi. Tôi đã đánh mất chiếc nhẫn cưới đâu đó ở Nepal... Khi con trai chúng tôi mới lên mười, Lamar đã dẫn thằng bé đi Mexico, đến một khu khai quật khảo cổ người Maya...”

“Chuyến bay Meridian 208 phải không?”

“Đúng thế.” Tiến đến bên bàn làm việc trong phòng thí nghiệm giờ đã vắng hoe, Kendra bật điện thoại lên và nhập mã số. “James này, anh không cần phải nghe lời khuyên của tôi. Tôi thì biết gì? Chỉ có điều... chúng ta chỉ có một cuộc đời mà thôi.” Chị giơ cổ tay trái lên, để lộ một chiếc vòng bằng đồng chạm khắc hình lập thể lặp đi lặp lại phản chiếu ánh sáng xanh từ màn hình máy tính của chị. “Lẽ ra ngày mai con trai tôi sẽ tròn mười bảy tuổi. Lẽ ra chúng tôi đã có thể mừng sinh nhật cháu. Thế nhưng chiếc vòng này là tất cả những gì tôi còn lại của gia đình mình. Nếu là anh, tôi sẽ tận hưởng cuộc sống. Không ai đoán trước được tương lai đâu.”

James quan sát khuôn mặt Kendra, cảm xúc được che giấu cẩn thận dưới vẻ bề ngoài tháo vát của chị. Một cuộc sống với Sara... chỉ riêng ý nghĩ ấy đã khiến anh rạo rực phấn khích. Nhưng anh chỉ nhìn mặt trong lúc bật micro lên. “Rudy?”

“Tôi đã gọi ngay khi có thể,” giọng Rudy vang lên từ bảng điều khiển. “Anh đã phát hiện ra điều gì sao?”

“Tôi nghĩ C-341 đang kết nối quá chặt.”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Các thử nghiệm thuốc giải ở Somalia cũng không thành công.”

“Somalia ư?” James cảm thấy bụng mình thót lại khó chịu - cảm giác giận dữ quen thuộc với bức tường vô hình chắn giữa anh và đám quan chức ở thủ đô.

“Ờ... phải.” Rudy ngập ngừng. “Chúng tôi đang thử nghiệm trên người ở đó.”

“Sao tôi không biết gì về chuyện này?”

“Ờ... tôi tưởng là anh biết chứ...” Rudy hắng giọng. “Dù sao thì tế bào cũng chết quá nhanh. Phổi bị teo. Đúng như anh đã khôn ngoan cảnh báo trước, vấn đề là phải cân bằng.”

James gật đầu với chính mình. “Đúng thế. Kết nối của yếu tố phiên mã gene trên mô hình tế bào hoàn toàn ổn. Nhưng hoạt động của nó trong cơ thể sống lại khác hẳn.”

“Anh có ý tưởng gì không?”

“Chúng ta cần tập trung biến đổi trình tự kết nối với các ổ chống nước. Tôi đã có vài ý tưởng để chuyển cho ông. Nhưng tôi sẽ nghe theo ý kiến chuyên gia của ông về cấu trúc ADN.”

"Perfecto[]."*

“Và Rudy này?”

“Sao cơ?”

“Rõ ràng là tôi không có quyền hành gì... nhưng có lẽ là ông có. Ông nghĩ ông có thể thuyết phục họ cho chúng ta nuôi Gen4 trong phòng thí nghiệm được không? Tôi không hiểu sao chúng ta lại tập trung nhiều vào máy móc như vậy. Cho tới khi chúng ta chắc chắn là chúng ta đã hoàn chỉnh phần sinh học...”

“James... Nếu trong hoàn cảnh khác thì tôi có thể đồng ý với anh. Nhưng các sếp rất thiết tha với đám robot, mà cũng dễ hiểu thôi.”

“Dễ hiểu ư? Có lẽ ông thì hiểu, nhưng.”

“James, chúng ta sẽ không có thời gian để thử nghiệm hiệu quả lâu dài của thuốc giải trên người lớn đâu. Anh đã nghe thiếu tướng nói trong cuộc họp sáng nay rồi đấy. Chúng ta đang bàn đến hồi kết rồi. Chúng ta phải tiếp tục phát triển Gen5.”

Đưa tay xoa bộ râu lởm chồm chưa cạo, James ngược lên nhìn cái trần thấp tè của tòa nhà mỗi ngày lại càng giống một cái nhà tù hơn. Anh chợt nghĩ tới cha mẹ mình - những ngày nghỉ lễ bị bỏ lỡ, những lời giải thích vụng về. Anh mới chỉ gặp họ có một lần, vào dịp sinh nhật tròn bảy mươi tuổi của cha anh hồi tháng Sáu năm ngoái. Họ vẫn không biết anh đang ở Los Alamos...

Anh chớp mắt. *Tập trung vào.* Rudy nói đúng. Đám robot là đồng minh của anh trong cuộc chiến này. Kẻ thù duy nhất là IC-NAN. Ở đầu bên kia phòng thí nghiệm của Kendra anh thấy một màn hình nhỏ đang chiếu khuôn mặt lấm chấm tàn nhang của một cô phóng viên trẻ thường trú ở Đức. “Chúng tôi đã nhận được các báo cáo về một ‘chủng cúm chết người’ ở một vài khu vực của Nga, với triệu chứng giống đến đáng ngờ với những triệu chứng mới được ghi nhận gần đây ở miền Bắc Ấn Độ,” cô ta đang nói.

Anh phải đối mặt với điều đó - anh sẽ không bao giờ có lựa chọn anh mong muốn nhất - đó là tạo ra một cộng đồng người “bình thường” trên trái đất, với bố mẹ và con cái cùng sống sót

qua đại dịch. Và tệ hơn nữa, cơ hội để anh cứu những người mình yêu thương là gần bằng không.

Anh đưa các tệp tin của mình vào máy tính của Kendra rồi nhấn nút “gửi” để chuyển chuỗi trình tự ADN cho Rudy. “Tôi phải chớp mắt một chút,” anh lầm bầm.

“*Dulces sueños*^[*], James.” Giọng nói nhẹ nhàng của Rudy vang vọng trong tai anh. “Chúc những giấc mơ đẹp nhé.”

14
THÁNG SÁU NĂM 2065

KAI QUAN SÁT Sela và Kamal với vẻ dè chừng trong lúc cời đám tro đang tàn dần trong đồng lửa của chúng. Chúng đang ở thế bí. Mỗi ngày, nó đều bị kẹt giữa Sela lúc nào cũng thôi thúc muốn được lang thang tìm kiếm và Kamal lại nhất quyết không chịu đi đâu. Chúng đã giao hẹn với nhau - không ai bị bỏ lại một mình. Điều đó cũng có nghĩa là chúng phải ở bên nhau, ngay cả khi chúng không đồng ý về việc đi đâu hay lúc nào thì đi.

“Bọn mình sẽ chẳng bao giờ tìm được ai nếu cứ ngồi đây!” Sela phản ứng dữ dội.

“Tớ đã tìm ra các cậu theo cách này đấy thôi.” Kamal dịu dàng mỉm cười. “Naga đã bảo tớ nước sẽ đưa những người khác đến. Và đúng thế thật. Tớ phải tin là nước sẽ tiếp tục dẫn đường cho mọi người.”

Có lẽ Kamal đúng, nhưng Kai vẫn chẳng thấy khá hơn. Dù sao thì Kamal cũng đã phải đợi ba năm trước khi nó và Sela xuất hiện. Và chẳng phải Naga cũng đã cảnh báo dòng suối sắp cạn đấy sao?

“Ui da!” Sela kêu lên, ném cái cờ lê mòn vẹt xuống đất. Con bé đang sửa cái xe máy, cố vặn thẳng một cái phuộc bị cong. Giờ nó đứng lui lại, miệng mút ngón tay cái bị kẹt. “Tớ cần ra ngoài và ít ra là kiếm một cái cờ lê mới!”

“Tớ nghĩ hôm nay không thích hợp đâu,” Kai nói, cố lấy giọng bình tĩnh.

“Sao lại không?” Sela bỗng quát nó, hai nắm đấm siết chặt đặt trên hông.

“Tớ chỉ... Không khí có mùi gì đó...” Kai cương quyết. Đêm qua, khi quay về từ dòng suối của Kamal, hai tay khệ nệ những bi đông và chai đầy nước, nó đã nhận thấy có sự thay đổi. Gió đã thổi mạnh nhiều ngày rồi, nhưng đó là gió nóng. Giờ gió lại thổi tới từ phương Bắc, lạnh và khô. Trong lúc chúng ngủ, nhiệt độ đã hạ đến cả chục độ, một sự thay đổi vẫn thấy ở hoang mạc nhưng khác thường so với thời điểm này trong năm. Bên trên con đường, bầu trời xanh thăm thẳm. Nhưng bóng râm ở chân con dốc có vẻ kỳ quái. Không khí tích điện khiến những sợi lông trên tay nó dựng đứng lên.

Kamal ngẩng đầu lên, hướng mũi ra xa làn khói thơm thơm của đồng lửa. “Kai nói đúng. Có mùi như sắp bão.”

“Nhưng trời quang mà!” Sela phản đối. Con bé giậm chân xuống đám đất bụi, vẻ hết kiên nhẫn. Rồi nó quay sang nhìn mẹ mình. “Mẹ cũng tệ như các cậu ấy vậy. Mẹ nói bọn con không nên đi hôm nay là sao? Bọn con sẽ không đi xa đâu.” Nói đoạn, con bé nhảy tót lên xe máy phóng đi, Alpha-C đuổi theo sau.

Kamal tiu nghỉu nhìn theo con bé. “Bạn ấy sẽ không sao đâu,” Kai an ủi thẳng bé. “Alpha sẽ đảm bảo điều đó.”

“Nhưng bọn mình đã hứa là sẽ không rời nhau cơ mà.”

“Bạn ấy sẽ không sao đâu.” Kai cố gắng nói một cách quả quyết hết mức có thể. Nhưng nó không chắc là mình tin như vậy. “Lạnh rồi. Chuyển đồng lửa vào trong hang đi.” Nó đứng dậy và kéo tấm chăn từ dưới đất lên. “Kamal, người bạn rắn của cậu nói gì về thời tiết kỳ lạ này?”

“Đã nhiều tháng rồi bọn tớ không nói chuyện - kể từ khi các cậu tới,” Kamal đáp. “Nó sợ không dám lại gần.”

“Chắc nó biết bọn tớ sẽ đánh chén nó ngon lành!” Kai cười. Nhưng lập tức nó nghĩ lại. “Tớ xin lỗi...”

“Không, cậu không có lỗi gì cả.” Kamal mỉm cười.

Kai ngồi lom khom trên nền hang, chắt củi vào khoảng giữa - cố không nghĩ tới Sela. “Cậu có thể dạy tớ trò cậu vẫn làm không? Ngồi th...”

Kamal dùng than của đồng lửa bên ngoài để châm lửa cho đồng củi của Kai. “Ngồi thiền ấy à? Như tớ đã nói đấy, tớ không phải dùng đến nó mấy kể từ khi các cậu đến.”

“Nhưng nó như thế nào? Có giống khi bọn mình nói chuyện với mẹ không?” Kai hỏi.

“Không... Không có trao đổi từ ngữ gì hết.”

“Vậy là hình ảnh? Như trong một giấc mơ?”

“Nó là một không gian. Một cảm giác. Một trải nghiệm. Nó giống như hiện hữu, nhưng trong một thế giới khác.”

“Làm thế nào cậu đến được thế giới đó?”

“Lúc đầu, mẹ tớ dạy tớ tập trung vào hơi thở, vào nhịp tim. Nhưng tớ đâm ra sợ hãi. Lỡ trong lúc tớ đang ngồi đó hít thở và mơ màng... lỡ chuyện gì xảy ra thì sao? Tớ không thể nghe được mẹ. Lỡ có chuyện gì xảy ra với *mẹ* thì sao? Trái tim trở thành kẻ thù của tớ, nó đập mỗi lúc một nhanh hơn.” Kamal nhắm mắt lại, hai bàn tay đặt trên đôi đầu gối xương xẩu. “Nhưng rồi mẹ dạy tớ một cách khác. Một cách để nhìn thấy mọi thứ cùng một lúc. Một cách để nhìn thấy những thứ tớ chưa từng nhận ra.”

“Như lời trò chuyện của răn.”

“Và sự tích điện trong không khí này nữa.” Kamal mở mắt ra, nhìn thẳng vào Kai. “Cậu cũng cảm thấy nó, phải không?”

Kai nhìn ra ngoài qua cửa hang. Gần đó, Rosie và Beta đứng canh gác, ánh nắng nhạt lấp lánh trên sườn của họ. Một luồng ớn lạnh chạy dọc lưng nó, khác hẳn cái lạnh của gió. “Phải. Và ánh sáng nữa. Nó... khang khác.”

Kamal đứng dậy, đi ra cửa hang để nhìn mẹ mình vẻ lo lắng. Sau một thoáng im lặng, nó quay lại với Kai. “Tớ vừa hỏi mẹ xem bọn mình có nên bay đi tìm Sela không” nó khẽ nói. “Nhưng mẹ bảo điều kiện không thuận lợi. Khi này Alpha-C cũng không muốn đi. Có gì đó không ổn...” Kamal thò một bàn chân ra ngoài rồi bất thần giật chân về. “Ui da!”

Một làn gió mạnh thổi qua khoảng đất trống, khiến sỏi đá đập vào bên sườn kim loại của hai robot. Có phải là Alpha đã quay lại không? Kai chen qua Kamal để nhìn về phía Nam. Không có gì. Rồi nó nhìn về phía Bắc.

Miệng nó há hốc. Cao tí bên trên con đường là một quãng đen sì xoáy lốc, đường viền ngoài cuộn cuộn nổi bật trên nền trời sáng rực. Trước mắt nó, một tia chớp lóe lên từ sâu thẳm bên trong màn mây quái vật đó.

“Con hãy vào kén đi.” Là Rosie.

“Nhưng con ở trong hang cũng an toàn mà...”

“Không chắc chắn,” mẹ nói thẳng thừng.

Hai robot đang tiến về phía chúng, che cho chúng khỏi một đợt cát sỏi bay tứ tung. Kai đợi cho Kamal đi trước, rồi mới đánh bạo tiến vào con bão, cái chấn quẩn quanh đầu. Nó trèo lên bánh xích của Rosie, vụng về đu người qua ô cửa sập đang

mở rộng. Nó vặn người trên ghế và chúi đầu xuống trong lúc mẹ đóng cửa sập lại.

Trong cái kén im phăng phắc - chỉ có tiếng mạch đập thành thịch ở thái dương nó và tiếng lách cách của những viên đá sắc đập vào bên sườn Rosie. Ngó ra ngoài, Kai thấy cái lưng của Kamal trong lúc thằng bé đu cẳng chân cẳng tay gầy guộc qua cửa sập của mẹ nó. “Cái gì vậy ạ?” nó hỏi Rosie.

“Haboob.”

“Gì cơ ạ?”

Rosie ngừng lại trong lúc một cơn mưa sỏi đá đập lộp bộp lên cửa sổ. “Duy trì tình trạng nguyên vẹn,” mẹ nói. “Haboob là một trận bão bụi.”

“Nó sẽ kéo dài bao lâu?”

“Chưa xác định. Bắt đầu quá trình lọc khí.”

Kai túm chặt lấy ghế và cảm thấy bụng cuộn lên trong một cơn buồn nôn bất lực. “Thế còn Sela thì sao ạ?”

“Không rõ.”

“Nhưng bạn ấy đi cùng Alpha-C. Bạn ấy sẽ không sao..

Rosie không trả lời. Một tiếng rè rè trầm trầm phát ra từ đâu đó bên dưới bảng điều khiển trong lúc không khí bên ngoài đen sì đi như bồ hóng. Cái kén tối dần. Kai nhìn chăm chăm vào bảng điều khiển cho tới khi nó chỉ còn thấy mấy ngọn đèn xanh nhỏ ở dưới. Nó chạm vào cửa sổ trước mặt, đợi cho cửa sáng lên. “Mẹ bật màn hình lên được không?”

“Giao thức khẩn cấp. Tất cả hệ thống điện tử không thiết yếu đã bị vô hiệu hóa.”

Vô hiệu hóa... Rosie chưa bao giờ làm như vậy. Kai nhắm nghiền mắt, ra lệnh cho phổi ngừng hỗn hển, cho tâm trí ngừng quay cuồng. Nó nhớ lại những điều Kamal đã nói về việc ngồi thiền. Bắt chước mẹ mình, Kai cũng vô hiệu hóa các hệ thống không thiết yếu. Nó tập trung hết sức lực để tưởng tượng ra Sela và Alpha, vẫn đang bình yên vô sự.

15
THÁNG NĂM NĂM 2053

RICK CHOÀNG TỈNH vì tiếng còi cứu thương ngoài phố. Anh vươn tay ra sờ đồng chăn ấm áp bên cạnh mình. Rose đã không còn ở đó.

Anh hít thở sâu, cảm nhận mùi hương quen thuộc trong căn hộ ở San Francisco của cô - mùi nhẹ nhàng của thể hương lá thông trên bàn cạnh giường, mùi nồng nã của tán cây bạch đàn phả qua cửa sổ và của cà phê đang được pha trong bếp. Trong một năm vừa qua, anh và Rose đã thôi giả vờ sống riêng. Anh đã chớp lấy mọi cơ hội để được ở bên cô - gọi cô đến những cuộc họp không cần thiết ở Washington và Los Alamos, liên tục đi đi về về Presidio để “kiểm tra tình hình”. Anh không cảm thấy cần phải phung phí tiền của chính phủ vào các khách sạn ở San Francisco nữa.

Phía bên kia phòng, cái chân giả của anh dựa vào tường bên cạnh màn hình đang lặng lẽ phát bản tin thời tiết. Qua cánh cửa hé mở bên cạnh màn hình, anh nghe thấy tiếng vòi sen đang chảy. Và bên ngoài, thiết bị bay không người lái phát còi cứu thương đã bay xa lên phố Divisadero trong lúc anh cho phép tim mình đập chậm lại.

Cửa nhà tắm mở và Rose bước ra, mái tóc dài quấn khăn tắm.

“Dậy sớm nhỉ?” anh hỏi.

“Em thấy hồi hộp.”

“Về buổi thuyết trình ấy à?”

“Vâng, và nhiều việc khác nữa.”

“Anh đã nói rồi, chỉ là thủ tục thôi. Mọi người đều đã nhận được lệnh. Đây là cơ hội cho họ đặt câu hỏi, nhưng thực ra em không cần phải trả lời gì hết. Và anh sẽ ở ngay bên cạnh em.”

“Rick này, em vẫn không thể quen được với cách bọn anh làm việc...”

“Bọn *anh* ấy à? Nhưng em cũng là một người trong bọn chứ?” Rich với tay lên bàn cạnh giường lấy một cái lọ nhỏ bằng kim loại có ống hít. “Nhân tiện nhắc đến, em đã dùng liều thuốc hôm nay chưa?”

“Rồi, ngay khi em thức giấc. Vị kinh lắm...”

“Nó làm gì có vị.”

Rose ngồi xuống cạnh giường, tháo khăn ra lau tóc. “Với em thì có. Nó sặc mùi... hóa chất. Anh không lo lắng khi dùng nó sao?”

Rick ngắm soi cái lọ sơn màu vàng mờ, các cạnh không để gì ngoại trừ một cái nhãn được đóng dấu: “C-343”. Washington đã có chỉ thị: Các thử nghiệm sơ bộ đã hoàn tất. Phiên bản thuốc giải mới nhất sẽ không làm hại đến tính mạng của họ. Cũng có thể nó sẽ chẳng cứu được họ, nhưng nó là tất cả những gì họ có. Tất cả các thành viên được chỉ định trong dự án đều đã được ra lệnh phải dùng thuốc. “Anh không lo lắng vì nó hơn tất cả những thứ khác đâu...” anh nói.

Theo như anh biết thì không có trường hợp khẩn cấp nào cả - đúng ra là chưa có. Đây là để đón đầu bất kỳ chuyện gì có thể xảy ra. Các mật vụ cài vào WHO đã gửi về những vi khuẩn

trong đất có mang trình tự IC-NAN được tìm thấy ở một khu bảo tồn thiên nhiên ngay sát Rome. Nhưng cho tới giờ thì đây mới là lần đầu tiên IC-NAN được xác định danh tính chắc chắn bên ngoài Nam Á và Trung Đông. Họ đã nhận được báo cáo miêu tả sự bùng phát của một “căn bệnh đường hô hấp kỳ lạ” ở các thành phố Nga sát biển Caspi, và nhiều báo cáo mới về một “chủng cúm không sốt chết người” cũng đang xuất hiện từ tận phía Bắc như Berlin và xa hơn về phía Đông như Nhật Bản. Nhưng chưa có báo cáo nào biểu đạt có sự liên hệ với IC-NAN cả. Và cho tới giờ thì cũng chưa có báo cáo nào xuất hiện ở nội địa nước Mỹ, Nam Mỹ hay Canada.

Rose quay sang anh, đưa một bàn tay ấm áp lên vuốt ve má anh. Trán cô nhăn lại. “Anh có nghe tiếng còi cứu thương tối qua không?”

“Không hẳn.” Rick mỉm cười. “Lúc đó anh đang bận.”

“Nghiêm túc đi. Em nghe thấy chúng suốt, vì trung tâm y tế ở ngay cuối phố. Nhưng đêm qua có nhiều hơn thường lệ.”

Rick lại nhìn vào màn hình ở đầu bên kia phòng: một bản tin dự báo mới nhất về giá trị của đồng Flexcoin. Anh lắc đầu. “Chắc lại là một bữa tiệc đường phố điên rồ nào đó thôi,” anh nói. “Mỗi lần đội Laser thắng giải khu vực.”

Rose lấy một chiếc lược từ bàn cạnh giường và chậm rãi chải mái tóc đã được lau khô. “Em sẽ rất buồn khi phải rời nơi này,” cô nói. “Nhưng em cũng mong đến lúc được giao quyền điều hành Presidio cho người khác và đến làm việc toàn thời gian ở Los Alamos.”

“Mình đã phải chờ đợi một thời gian dài rồi,” Rick đáp. “Chính anh cũng mệt nhoài vì những chuyến bay đến San Francisco này.”

Rose lấy lược đập yêu vào cánh tay anh. “Anh biết thừa là anh thích chúng mà. Nhưng sẽ thật tuyệt khi được làm việc với Kendra. Vẫn còn rất nhiều việc cần hoàn thành với Gen5...”

Rick nghe có tiếng rè rè và nhìn xuống điện thoại đeo tay. “Là Blankenship,” anh khẽ nói. “Anh phải nghe thôi.” Anh gõ vào màn hình điện thoại và nó sáng lên, một ánh sáng xanh mờ rọi lên mặt anh. “A lô?”

“Rick. Tôi đang tìm cách liên lạc với đại úy McBride. Hiện anh đang ở bên cô ấy chứ?”

Mắt anh lướt theo đường cong uyển chuyển của sống lưng Rose trong lúc cô đứng lên. “Vâng. Vâng, đúng là tôi đang....”

“Chúng tôi đang gặp sự cố. Chúng tôi cần cô ấy ở đây.”

“Ở đó sao? Ở Washington à?”

“Tôi không thể nói gì thêm trên đường truyền này được. Cô ấy có thể đến đây sớm nhất là lúc nào?”

Rick ngồi dậy, mắt anh bắt gặp mắt Rose trong lúc cô quay lại nhìn anh. “Ồ, tôi không chắc nữa. Chúng ta sẽ phải đưa cô ấy đến sân bay liên bang. Giờ này thì chỉ riêng việc đó cũng sẽ mất cả tiếng đồng hồ.” Anh vụng về lăn người để nhặt chiếc áo sơ mi trên sàn lên.

“Hai người đang ở Presidio à?”

Rick khựng lại. “Không. Ở nhà cô ấy.”

Anh ngạc nhiên khi thấy đầu dây bên kia không hề chần chừ. “Căn hộ của cô ấy chứ gì? Tôi có địa chỉ đây rồi. Phố Mũi

Bắc.”

“Vâng!”

“Mười lăm phút nữa sẽ có xe đến. Hãy đảm bảo rằng cô ấy sẵn sàng lên đường.”

“Có cả tôi nữa không?”

“Không. Chúng tôi chỉ cần nhân viên an ninh mạng. Anh cứ tiếp tục điều hành mọi việc ở đó đi. Chiều nay tôi sẽ có thể cho anh biết thêm. Đường điện thoại ở văn phòng của đại úy McBride. 15 giờ chiều giờ Thái Bình Dương.”

“Vậy thì... thưa sếp? Tôi sẽ phải thực hiện bài thuyết trình mà đại úy McBride đã lên kế hoạch phải không?”

“Đúng thế. Và triển khai cả bước tiếp theo nữa. Việc phong tỏa. Có lẽ lúc này Presidio đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.” Blankenship cúp máy.

Rose đang nhìn anh không chớp mắt, mái tóc đỏ sẫm còn ướt của cô buông dài xuống lưng. “Anh sẽ giúp em xếp đồ” Rick khẽ nói.

“Không cần đâu,” cô nói, nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay anh. “Sẽ nhanh hơn nếu anh tránh ra cho em làm.” Trong khi Rick đeo cái chân giả vào và kéo quần qua cẳng chân nhức nhối, Rose buộc tóc lên, mặc quần phục vào, rồi bỏ hộp đồ vệ sinh cá nhân và một bộ quần áo để thay đổi vào chiếc ba lô do chính phủ cấp. Cuối cùng là máy tính bảng của cô, bỏ vừa vặn vào ngăn riêng. Tay cô run lên khi cô đổ đầy bình giữ nhiệt chỗ cà phê Sumatra còn lại.

Rick đưa cho cô một lọ thuốc giải trong lúc họ đi xuống tiền sảnh. “Em cầm thêm một lọ nữa đi,” anh nói.

Cô mỉm cười, nhưng chỉ thoáng qua, rồi bỏ cái lọ vào túi. “Cảm ơn anh.”

Ngoài phố lại có tiếng còi cứu thương kêu vang - một chiếc xe cứu thương nữa len lỏi qua con đường tắc nghẽn. Ô tô của chính phủ đã đậu sẵn bên vỉa hè, một sĩ quan ngồi sau tay lái.

Rick nắm tay Rose và cảm thấy cô đang run rẩy dưới chiếc áo khoác mỏng. Anh khẽ hôn lướt lên môi cô. “Hẹn sớm gặp lại em nhé?” anh thì thầm. “Gọi cho anh khi em đến nơi.”

“Chắc chắn rồi,” cô nói, mắt thoáng ướt long lanh. “Ngay khi em có thể.” Lúc chiếc xe vừa tấp vào lề đường, anh nhận thấy vẻ mặt thất thần của cô; cô không muốn đi - ít ra không phải đi như thế này. Cô đưa tay lên che môi. Và anh tưởng tượng ra một nụ hôn, còn lơ lửng giữa không trung trong khi cô xa dần.

RICK ĐI ĐI lại lại trong văn phòng nhỏ của Rose trên tầng hai trung tâm đầu não của Viện Presidio. Tấm biển trên bãi cỏ tự hào tuyên bố sứ mạng của viện: *Nuôi dưỡng hòa bình và đào tạo các nhà lãnh đạo mới*. Nhưng anh đến đây để giúp phong tỏa theo lệnh mới - và để giúp Rose tuyên bố chuyển giao quyền chỉ huy. Thật bất ngờ, anh đã phải tiếp tục mà không có cô. Và còn tệ hơn thế, anh phải bắt đầu những nỗ lực cuối cùng nhằm phong tỏa khu vực Presidio.

Đối mặt với nhóm quân sự của Presidio, anh loay hoay hoàn thành bài thuyết trình mà anh đã hướng dẫn Rose không biết bao nhiêu lần, thêm vào một lời giải thích vội vàng cho việc phong tỏa. Anh giải thích rằng Presidio giờ đây đã chính thức thuộc quyền sử dụng của quân đội và một chỉ huy mới sẽ sớm

được cử đến. Anh giải thích tại sao các hàng rào thép gai khổng lồ lại được dựng lên khắp quanh ranh giới của Presidio ngoại trừ các cổng ra vào, và tại sao chính các cổng lại được canh gác - bởi vì ngoài các yêu cầu khác, một lệnh phong tỏa Cấp độ 4 còn bao gồm cả việc dự trữ vũ khí đạn dược nữa.

Anh đã giải thích tất cả ngoại trừ lý do tại sao tất cả những việc này là cần thiết.

Đây là các quân nhân. Họ không cần biết tại sao - chỉ cần biết đang có chuyện gì. Nhưng anh vẫn có thể thấy cả nhóm đang lo lắng. Chắc hẳn họ đang băn khoăn tại sao người trình bày bài thuyết trình lại là anh, một thiếu tướng, chứ không phải đại úy McBride. Họ băn khoăn không hiểu Rose đã đi đâu. Và khi anh đi dạo loanh quanh sau bài thuyết trình, anh đã thấy họ thì thảo với nhau rồi vội ngưng lại khi thấy anh đến gần. Họ không hiểu chuyện gì đang xảy ra, và anh không cho họ câu trả lời nào cả.

Chúa ơi, đến cả anh còn chẳng có được hết các câu trả lời. Những lời của Blankenship vẫn quanh quẩn trong tâm trí anh: *Có lẽ lúc này Presidio đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.* Ông ta nói thế nghĩa là sao? Và tại sao lại phong tỏa Presidio sớm như vậy? Anh vẫn đang đợi cuộc gọi của vị tướng.

Có thứ gì đó lấp lánh trong ánh sáng mờ mờ, hắt những ánh cầu vồng nhỏ xíu sang bên kia phòng. Anh đến bên cửa sổ và với tay lấy hình một người phụ nữ bằng bạc với cặp cánh làm từ những chiếc lông vũ kim loại nhỏ xíu, lơ lửng ở đầu một sợi dây chuyền mảnh treo trên khóa cửa sổ. Người Hopi, anh thăm

nghĩ, nhớ lại câu chuyện Rose kể về cô phi công người thổ dân Mỹ.

Điện thoại trên bàn Rose kêu rè rè. Không suy nghĩ gì, anh dứt sợi dây chuyển vào túi rồi đi ngang qua phòng để nhấn nút nghe. “A lô?”

“Rick? Là Joe đây.”

“Vâng.” Joe. Tướng Blankenship giờ là Joe rồi.

“Anh đã cho phong tỏa Presidio chưa?”

“Đang tiến hành. Rose đã đến thủ đô chưa?”

“Cô ấy vừa tới nơi. Nhưng Rick này... Chúng ta gặp rắc rối to rồi.”

“Gì cơ...?”

“Đã có một vụ tấn công mạng. Do tay trong. Ở căn cứ Detrick. Họ biết rồi.”

“Ai biết cơ?”

“Có vẻ là do người Nga làm. Và bất kỳ ai đang là đồng minh của họ.” Giọng Blankenship có vẻ phiền não, nheo lại. “Họ đã tiếp cận được các tệp tin về lịch sử của IC-NAN, các tệp tin theo dõi vi khuẩn cổ, các nghiên cứu chế thuốc giải. Tất cả. Họ biết về Tabula Rasa, dự án IC-NAN. Sam Lowicki nghĩ chỉ là vấn đề thời gian trước khi họ xâu chuỗi tất cả chuyện này với một đợt bùng phát bệnh ở bên đó và buộc tội chúng ta tấn công họ.”

“Los Alamos.” Tâm trí Rick lao hết tốc lực, chuyển sang chế độ tự động. “Họ có biết về mối liên hệ với Los Alamos không?”

“Không. Theo như chúng tôi biết thì không. Thông tin về từng phần của dự án đã được phân giới. Chỉ có các thông tin trên máy tính ở căn cứ Detrick bị đột nhập thôi.”

“Thế còn các trao đổi giữa Said và Garza?”

“Đều đã được phân giới.”

“Nhưng chúng ta cần cảnh báo cho Los Alamos chứ? Để đề phòng?”

“Tôi vừa nói chuyện với giám đốc an ninh Bình Minh Mới ở đó.”

“Kendra Jenkins?”

“Đúng vậy. Chị ấy đã giám sát cẩn thận mọi thông tin ra vào cơ sở đó. Chúng tôi đã quyết định cho chị ấy quyền khóa hệ thống vào lúc nửa đêm, phòng trường hợp xấu. Tất cả các liên lạc không thiết yếu sẽ bị chặn, và chỉ có các nhân viên tuyệt mật của ta mới được phép vào cơ sở đó cho tới khi chúng ta khẳng định tất cả đã an toàn.”

“Tiến sĩ Garza đang ở đâu?”

“Ở Los Alamos. Hai ngày trước, ông ấy đã đi cùng một kiện thuốc giải được chuyển đến cho những người được chỉ định ở đó.”

“Còn Gen5?”

“Tiến sĩ Garza cũng đã chuyển các phôi Gen5 đến Los Alamos. Chúng đã sẵn sàng. Nhưng chúng vẫn đang trong kho lạnh. Còn các robot Gen5 thì phải một thời gian nữa mới hoàn thiện...”

Rick ngồi xuống, đưa tay lên trán. “Đại tướng...”

“Sao?”

“Rose có an toàn không? Ông có thể đảm bảo sự an toàn của cô ấy không?”

“Cô ấy an toàn như bất kỳ ai trong chúng tôi ở đây. An toàn như tôi vậy. Tôi có thể đảm bảo với anh điều đó.”

Đầu nhúc nhúc như búa bổ, Rick chậm rãi hít vào một hơi thật sâu. Anh chẳng thấy an tâm chút nào với lời đảm bảo của vị tướng. Nếu người Nga biết về Tabula Rasa thì chắc họ sẽ chẳng đợi để chất vấn Washington và công bố thông tin rộng rãi đâu. Có thể họ sẽ cứ thế phá hủy nguồn vũ khí sinh học này trước rồi mới đặt câu hỏi sau. Chẳng phải đó là những gì nước Mỹ vẫn luôn làm với các thông tin tương tự liên quan tới vũ khí hóa học bí mật của Nga đó sao? Không ai an toàn cả, nhất là Rose nếu cô vẫn còn ở căn cứ Detrick. “Thế còn tôi?” anh lầm bầm. “Mệnh lệnh của tôi là gì?”

“Chưa có. Hãy ở yên tại chỗ và để mắt đến mọi việc ở đó. Chúng ta sẽ nói chuyện tiếp ngay khi chúng tôi có thêm thông tin.”

JAMES NGỒI XUỐNG, dụi mắt. Ngoại trừ ánh sáng xanh lét từ màn hình máy tính của anh và dải sáng neon lọt qua khe cửa từ phòng thí nghiệm sinh học ở Los Alamos, văn phòng của anh tối om. Thò tay vào ngăn kéo trên cùng của bàn làm việc, anh rút ra một hộp các tông trắng. Anh nhấn ngón cái vào dưới nắp hộp, cạy nó ra để lộ hai lọ thuốc nhỏ. Trong một ngăn khác là một ống nhựa hình chữ L có cái miệng tròn. Anh lấy ra một lọ thuốc, giơ nó lên trong ánh sáng yếu ớt hắt ra từ màn hình. C-343. Anh nhẩm lại các hướng dẫn của Rudy về liều lượng thuốc quy mô lớn. *Trong mỗi lọ có một trăm liều. Cài ống hít vào, nhấn nút và hít thật sâu. Chỉ cần dùng ngày một lần. Ở đó sẽ có đủ cho anh dùng cho tới khi chúng tôi làm được thêm.* Anh cài ống hít vào một cái lọ và hít một hơi thuốc sâu, cảm nhận vị đắng dâng lên ở cuống họng. Anh cầu mong là họ đã làm được thứ thuốc có tác dụng.

Việc triển khai hệ thống cố định Gen4 đã bị đình trệ khi anh và Rudy phát hiện ra các lỗi trong trình tự NAN. Và khi ba tháng đã trôi qua trong nháy mắt, anh đành phải chấp nhận sự thật là Gen4 sẽ không bao giờ được triển khai. Giả định rằng sẽ vẫn còn người sống sót để nuôi nấng những đứa trẻ đã không còn khả thi. Bước tiếp theo của họ sẽ phải là Gen5. Nhóm của Rudy ở căn cứ Detrick đã biến đổi gene của các phôi ứng viên, kiểm tra hệ gene của từng phôi để đảm bảo trình tự NAN đã được hợp nhất. Trong một chuyến đi về miền Đông, James đã đích thân

chọn các phôi khỏe nhất để tiếp tục phát triển. Giờ các phôi này đã sẵn sàng, đang được đông lạnh ở kho sau tòa nhà XQ-Bot.

Trên màn hình, James kiểm tra đi kiểm tra lại dữ liệu về trình tự gene của các phôi. Theo Kendra, phải vài tháng nữa các robot Gen5 mới sẵn sàng để đón nhận các bào thai. Nhưng với James thì chuyện đó không sao cả. Riêng ý nghĩ về việc sử dụng những Người Mẹ máy có khả năng tự quyết đã khiến anh bất an rồi.

Anh lắc đầu. Mối lo của anh về đám robot Gen5 chẳng là gì so với nỗi sợ của anh rằng trình tự C-343 vẫn chưa hoàn thiện. Nhưng họ không được cho thêm thời gian để thử nghiệm nữa. Giờ thì sự sống của những đứa trẻ Gen5 đều phụ thuộc vào thành công của trình tự C-343. Và vài ngày trước, những người được chỉ định đã trở thành các đối tượng thử nghiệm mới. Chỉ sau hai tháng “thử nghiệm lâm sàng” ở Somalia, chính James cũng trở thành vật thí nghiệm.

“Xin lỗi vì đã làm phiền anh.” Anh ngẩng lên thì thấy Kendra, tay cầm cái máy tính bảng mỏng dính, đứng ở cửa. “Tôi đang theo dõi mạng lưới nên cần đảm bảo đúng là anh đang ở đây.”

“Muộn rồi mà. Ở đây làm gì còn ai khác ngoài mấy bóng ma như chúng ta.”

“Đừng nói thế, James. Chúng ta cần suy nghĩ tích cực chứ.”

Trong ánh sáng mờ mờ, James quan sát khuôn mặt vốn đầy lạc quan của Kendra và nhận thấy trán chị đang nhăn lại. “Có vấn đề gì à?” anh hỏi.

Kendra thở dài. “Hệ thống máy tính ở Detrick bị đột nhập. James, chúng ta phải tắt hệ thống một thời gian cho tới khi họ đảm bảo chúng ta an toàn.”

James ngồi bật dậy. “Một vụ đột nhập ư? Ai làm? Họ lấy được gì?”

“Họ không lấy gì cả. Nếu có thì đội an ninh mạng đã phát hiện ra sớm hơn rồi. Nhưng họ đã lục lọi trong hệ thống một lúc lâu. Và dữ liệu IC-NAN đã bị xâm nhập.”

“Chết tiệt!” James đứng dậy, đi đi lại lại quanh văn phòng. “Chuyện xảy ra bao giờ?”

“Detrick mới phát hiện ra sáng nay,” Kendra nhú mào trả lời. “Tướng Blankenship cứ bắn khoản về chuyện chúng ta có phải tắt hệ thống ở đây không. Nhưng chiều nay tôi đã nhận được lệnh. Tôi đã dành mấy tiếng đồng hồ vừa rồi tìm hiểu xem làm cách nào là tốt nhất mà không gây quá nhiều cản trở rõ rệt đến công việc.”

“Rudy có còn đây không?”

“Tôi đây.” Như được nhắc nhở, Rudy bước qua cánh cửa sau lưng Kendra. “Tôi vừa nhận được điện thoại của thiếu tướng Blevins. Anh ta bảo tôi ở lại đây. Hình như chúng ta đang bị phong tỏa?”

“Đúng thế,” Kendra nói. “Thật ra chúng ta sẽ phong tỏa toàn bộ Los Alamos, không chỉ XO-Bot. Và James này, tôi sẽ cần tắt hệ thống máy tính của anh để quét an ninh.”

James nhìn màn hình, nhìn những biểu tượng nhỏ xíu màu trắng đang diễu hành trên đó. Ý nghĩ của anh chợt trở lại với Sara - đang ở nhà, không hay biết gì.

Khi anh mới đến Los Alamos, chính phủ đã cung cấp cho anh một căn nhà gỗ một tầng khiêm tốn phía bên kia cầu Omega, nhìn về phía Nam Phòng Thí nghiệm. Không rộng rãi gì, nhưng vẫn còn hơn căn hộ anh phải chia sẻ cùng Rudy ở Harpers Ferry, và chỉ cách văn phòng một đoạn đường ngắn. Rồi mấy tuần trước, anh đã được yêu cầu chuyển đến chỗ ở tạm trong tòa nhà XO-Bot. Thay vào đó, anh đã làm theo lời khuyên của Kendra - quyết tâm dành thật nhiều thời gian bên Sara, anh đã tận dụng mọi cơ hội để lẻn đến căn hộ của cô, vì căn nhà bị đóng kín cửa anh cũng là một bí mật nữa mà anh không thể chia sẻ cùng cô. Nhưng đã mấy ngày rồi anh chưa gặp Sara - tuần trước cô đến Caltech để dự một chuyên đề, và thứ Tư vừa rồi cô lại xin nghỉ ốm. “Thế còn các nhân viên khác thì sao?”

“Chúng ta sẽ tắt hệ thống vào nửa đêm nay. Chỉ còn chưa đầy một giờ nữa. Cho tới khi có thêm thông báo, chỉ những người thuộc dự án Bình Minh Mới là được phép đi qua cổng Cầu Omega hoặc cổng phía Nam - anh, tôi, Rudy và Paul MacDonald... Chúng ta đặc biệt cần Mac giữ cho tòa nhà này vận hành phòng trường hợp khẩn cấp.”

“Khẩn cấp ư?”

“Chúng ta được lệnh phải cảnh giác. Chúng ta được lệnh phải sẵn sàng cho một cuộc phong tỏa kéo dài. Và đại tướng nói chúng ta phải bảo vệ Gen5 bằng mọi giá.”

“Hy vọng mọi chuyện sẽ sớm kết thúc. Chúng ta cần chuẩn bị để triển khai chúng...” Rudy nói.

“Đúng thế.” Kendra nhìn vào máy tính bảng, ánh sáng xanh từ màn hình phản chiếu trên cặp kính gọng thủy tinh của chị.

“Vụ đột nhập này to chuyện đấy. Ai đó ngoài kia đã biết về IC-NAN. Và nếu họ kết nối giữa Detrick và Los Alamos thì họ sẽ nghĩ chúng ta cũng có tham gia vào vụ đó. Nhưng sẽ thật đáng tiếc nếu việc phong tỏa này làm chậm trễ chương trình Gen5. Tôi đã rất gần bó với những Người Mẹ. Và cả Rose McBride nữa.”

“Tôi nghe nói cô ấy rất giỏi,” Rudy nói.

“Cô ấy không chỉ là một nhà lập trình tuyệt hảo mà còn là một nhà tâm lý học nữa. Với một người không có kinh nghiệm trong trí tuệ nhân tạo, cô ấy đã làm được nhiều điều có tính đột phá đấy.” Vừa nói Kendra vừa lướt qua bản đồ di động của toàn khu vực, ngón tay chị lướt đi đầy điêu luyện trên màn hình rực sáng của máy tính bảng.

James lại đi đi lại lại. Anh biết nhóm của McBride đã toàn tâm toàn ý tập trung vào chương trình Gen5 kể từ khi anh được chuyển đến Los Alamos. Để đảm bảo sự an toàn và thoải mái cho một đứa trẻ chỉ có một robot làm bầu bạn, họ đã sử dụng mọi kỹ thuật tối tân nhất trong lĩnh vực tương tác giữa người và máy, mọi khóa an toàn trong lập trình để đảm bảo con người có thể sống sót - đối lấy sự hy sinh của robot hộ vệ, nếu cần thiết. Họ đã sử dụng mọi phát triển có tiềm năng nhất trong lý thuyết học tập, hồi tiếp sinh học và hệ thần kinh nhân tạo có thể được áp dụng với cả tâm trí máy móc lẫn con người. Cũng như trẻ con học từ mẹ chúng, đứa trẻ này cũng sẽ học được từ robot của mình. Và robot cũng sẽ học từ đứa trẻ, đáp lại mọi nhu cầu thể chất của nó.

“Tôi đoán là anh đã nghe nói về các tính cách rồi chứ?” Rudy hỏi.

“Tính cách ấy à?” James bật đèn văn phòng lên, và bên cạnh anh, Kendra chớp chớp mắt.

“Đã từ lâu con người luôn mơ ước có thể kéo dài sự sống của tâm trí. Của một ý thức. Tất nhiên, tôi không dám chắc. Nhưng tôi tin là tiến sĩ McBride đã gần thành công trong việc này,” Rudy nói.

“Bằng cách nào?”

“Những phụ nữ sắp lên đường làm nhiệm vụ không gian hoặc các sứ mệnh quân sự nguy hiểm thường lưu trữ trứng của mình, phòng trường hợp họ không thể có con theo cách bình thường khi quay trở về.”

“Vâng, tôi có biết về nguồn hiến tặng trứng...”

“Tiến sĩ McBride đã tiến một bước xa hơn trong việc bảo toàn cuộc sống của những người hiến tặng. Cô ấy gọi nó là ‘Mã Mẫu Tử.’”

Mã Mẫu Tử. James mỉm cười, nghĩ về cái thuật ngữ đã lỗi thời, trước kia cũng đã được dùng trong ngành di truyền học. “Nhưng nó chỉ là một chương trình máy tính.”

“Đúng thế,” Kendra nói. “Nhưng nó vẫn rất phi thường... Khi tôi nghe một trong số những robot đó nói... Nếu tôi nhắm mắt vào thì thật khó để tin rằng nó chỉ là một cỗ máy.”

“À,” James thở dài. “Chắc tại tôi chưa bao giờ nói chuyện với robot...” Anh rùng mình. Mọi sự đã đến nước này rồi sao? Con người được bảo quản trong mã máy tính? “Tiến sĩ McBride có con không?”

“Không..... Đây sẽ là những đứa con của cô ấy. Nếu chúng ta có thể triển khai chúng,” Kendra trả lời. Chị gõ lên máy tính

bằng bằng ngón trỏ đầy quả quyết. “Có vẻ chúng ta gặp may rồi. Tôi không thấy còn ai khác trong tòa nhà XO-Bot cả. Và các tòa nhà khác đều đã được đảm bảo an toàn rồi.”

James cảm thấy tay trái rung lên và liếc xuống cái màn hình đang sáng lên của điện thoại đeo tay. **BA.** “Xin lỗi, tôi phải nghe điện thoại,” anh khẽ nói, ra hành lang để bắt sóng tốt hơn. Dù anh biết bây giờ ở California mới chỉ hơn mười giờ tối, cha mẹ anh ít khi thức quá chín giờ. Và họ ít khi dùng điện thoại.

“Ba ạ? Có chuyện gì vậy? Sao ba gọi muộn thế?”

“James, phải con đó không?” Giọng cha anh khàn đục, gần như không nghe nổi.

“Vâng...” Đầu dây bên kia im lặng vẻ lơ đãng. James tưởng tượng ra cha mình lom khom trong gian bếp tối ở căn nhà nhỏ của ông, và tim anh bắt đầu đập mạnh. Có chuyện gì đó không ổn. “Đã có chuyện gì ạ?”

“Ba không muốn gọi con vào giờ này. Lẽ ra ba đã đợi đến sáng. Nhưng mẹ con...”

“Mẹ ốm ạ?”

“Mẹ được chẩn đoán là bị cúm. Cách đây mấy tuần rồi. Chúng ta tưởng mẹ đã khá lên. Nhưng giờ mẹ không sốt mà cứ ho luôn miệng. Ho ra cả máu...”

“Ba.” James khuyu xuống bên bức tường xi măng của hành lang, chân tay rã rời, đầu óc quay cuồng. “Con sẽ về nhà. Con sẽ về sớm hết mức có thể. Nhưng ba phải hứa với con. Ba cần đưa mẹ đến bệnh viện ngay lập tức. Cho mẹ thở bằng máy. Ba có làm được không?”

“Nhưng mẹ yếu quá, không di chuyển được...”

“Ba gọi xe cứu thương ấy.”

“Để ba tự lái xe.”

“Không. Gọi xe cứu thương đi. Và nhớ giữ điện thoại bên mình. Con sẽ gọi ngay khi con trên đường về.”

James quay về văn phòng. Rudy và Kendra đã đi khỏi, màn hình máy tính của anh trống trơn. Anh tắt màn hình đi và lấy cái hộp trắng nhỏ đựng đầy thuốc giải độc. Nhét nó vào cặp, anh với tay lấy áo khoác.

Chẳng mấy chốc đôi chân đã đưa anh đi dọc theo hành lang về phía sảnh trước trong lúc tâm trí anh điếm qua từng khả năng đáng sợ. Viêm phổi? Ung thư phổi? Anh lơ mơ nhớ lại mình đã nghe loáng thoáng trên bản tin ở căng tin chiều hôm đó, trong lúc đợi robot phục vụ đem espresso tới - cái gì đó liên quan tới “cúm Bồ Tây”. Nhưng dù nó là gì đi chăng nữa thì nó cũng không thể là IC-NAN được. Họ vẫn chưa nhận được báo cáo nào về việc vi khuẩn được tìm thấy ở nội địa nước Mỹ.

Anh chỉ biết là mình cần về nhà.

KHI CHIẾC TAXI tự hành chở anh ra khỏi ga vòng của sân bay LAX và rẽ phía Bắc về hướng Bakersfield, James lại nghĩ về Sara. Anh nên gọi cho cô, ít nhất để cho cô biết anh đang ở đâu. Thật ra, anh cần cho Kendra và Rudy biết nữa. Bỏ đi vào giữa đêm như thế - anh đã không suy nghĩ thấu đáo rồi. Anh đưa tay phải rờ lên cổ tay trái.

Chết tiệt. Điện thoại đeo tay của anh không còn. Anh nhớ lại khu kiểm tra ở sân bay Albuquerque, cái điện thoại nhỏ bị bỏ lại trong thùng đựng đồ cá nhân. Anh lục lọi trong cặp và thấy cạnh sắc của cái hộp các tông. Thuốc giải của anh. Ít ra anh vẫn còn nó; lớp sơn trắng ngoài vỏ lọ thuốc đã đánh lừa được đám robot kiểm tra.

Anh mở nắp hộp điện thoại ở ghế sau của taxi. Nhưng như mọi khi, cái điện thoại không có đó - các công ty taxi không kham nổi việc điện thoại liên tục bị lấy cắp. Kiệt sức, anh gục xuống ghế. Anh không tìm được chuyến bay nào rời khỏi Albuquerque cho tới tận 3 giờ 20 phút sáng. Anh đã cố gọi cho cha mình trước khi đặt chỗ trên chuyến bay xuyên đêm và vội vã lao qua khu kiểm tra an ninh sân bay. Nhưng không ai nhắc máy. Và giờ cũng không có cách nào để gọi cho cha hay bất kỳ ai nữa.

Anh thức dậy khi chiếc taxi không người lái rẽ vào lối ra. Khi chiếc taxi ngoặt vào một phố bên, anh nhìn thấy tấm biển đề Bệnh viện Đa khoa Bakersfield. Nhưng cổng chính của bệnh

viện gần như bị che kín bởi đám đông đang tập trung ở bãi đỗ xe.

“Cho tôi xuống đây,” anh nói. Anh cảm thấy dây an toàn thả lỏng ra khi chiếc taxi ngoan ngoãn đỗ lại bên vệ đường. Trên lưng ghế trước mặt anh, biển báo LED đỏ nhấp nháy tiền phí trong khi anh giơ thẻ trả tiền lên máy quét. “Xin cảm ơn” một giọng robot nữ nói. James bước ra, bầu không khí đầy phấn hoa của tiết cuối xuân làm mắt anh cay sè. Tay siết chặt chiếc cặp, anh loạng choạng bước qua mấy bụi rậm để tiến về phía cái lều trắng khổng lồ chắn trước lối vào khu cấp cứu.

Bên trong lều, những nhóm người đang đi đi lại lại giữa các bàn làm việc dừng tạm trong khi các y tá đeo găng đo huyết áp và nhịp tim, đặt nhiệt kế vào tai, kiểm tra da, họng và mắt, rồi vội vã ghi chép kết quả vào các máy tính bảng. James ngó qua những mái đầu cúi gằm của họ, tìm kiếm chiếc mũ vải tuyết quen thuộc của cha mình. Anh cúi xuống, đi vòng theo vách lều, tiến về phía cánh cửa đôi dẫn vào phòng cấp cứu. Nhưng cửa được canh gác bởi hai người đàn ông mặc đồng phục màu ka ki, súng đeo rõ mồn một bên hông. Lực lượng dân quân của bang.

“Xin lỗi anh.” Một người lính gác bước tới chặn đường anh. “Anh sẽ phải xếp hàng.”

“Tôi chỉ đang tìm cha tôi.”

Người lính gác kia nhìn thẳng vào anh. “Tên gì?”

“Tên tôi ấy à? James Said.”

Người lính gác gật đầu rồi gõ tên James vào điện thoại đeo tay. Anh ta vừa chỉnh lại mũ bảo hộ vừa khẽ nói gì đó vào bộ

đàm di động. Rồi anh ta lại nhìn James. “Bác sĩ Grayson bảo anh cứ ngồi chờ. Cô ấy sẽ ra ngay.”

Grayson... anh đã nghe cái tên đó ở đâu rồi nhỉ? James nhìn lướt bãi đỗ xe bên ngoài. Người đủ mọi lứa tuổi, nhưng người già có vẻ bị nặng hơn cả. Thiếu xe lăn, các hộ lý phải dìu họ loạng choạng bước ra từ ô tô. Phần lớn đều đang ho - những tiếng ho khan quặn ruột khiến mà chẳng bật ra được gì. Anh toát mồ hôi lạnh, tay với xuống chiếc cặp để lần tìm hộp thuốc giải trong đó.

“James?” Anh quay lại thì thấy một người phụ nữ thấp bé, đeo kính, mặc áo blu trắng, ống nghe quàng qua một bên vai.

“Roberta?” Anh đã quen Robbie từ nhiều năm rồi, đầu tiên là bạn học cấp ba, rồi là bác sĩ của cha mẹ anh. Nhưng ngày đó chị là Robbie Waller. Giờ anh gần như không nhận ra người phụ nữ tái xanh với những sợi tóc ngả bạc đang phát phơ trong làn gió nhẹ.

“Ba cậu bảo mình đợi cậu đến,” chị hỗn hển như hết hơi.

“Ba mình đâu?”

“Bọn mình phải cho bác nhập viện rồi.”

“Còn mẹ mình?”

Chị nhìn đi nơi khác. “Khu chăm sóc đặc biệt. Đi nào. Mình sẽ dẫn cậu đến chỗ ba cậu.”

Robbie đưa cho anh một chiếc khẩu trang giấy màu xanh, và chính chị cũng đeo vào một cái khẩu trang như vậy. Rồi chị quay sang dẹp đường trong lúc họ đi qua cửa, len lỏi qua một đoàn băng ca đang được đẩy ra.

“Có chuyện gì vậy?” James hỏi. Một câu hỏi ngớ ngẩn. Trong số tất cả những người ở đây, anh là người duy nhất có thể biết câu trả lời.

Robbie hơi quay người lại nhìn anh trong lúc họ tiếp tục đi xuôi một hành lang dài. “Cậu chưa nghe tin gì à?” Chị rảo bước nhanh hơn khi họ tiến vào một hành lang yên ắng hơn. “Mới đầu thì nó có đủ mọi dấu hiệu của một trận dịch cúm. App Người máy Sức khỏe của CDC đã liên tục nhận được các thông báo của người dùng. Nhưng bệnh rất lạ. Không hề sốt. Cục Y tế Bang đang tìm kiếm hình thức lây bệnh để xem cơ chế của nó là gì. Tất cả chỉ xảy ra trong mấy ngày vừa qua thôi. Hay ít nhất đó cũng là khi mọi người bắt đầu gửi thông báo đến. Đã có nhiều người chết rồi, James ạ. Và không chỉ ở California đâu. Người máy Sức khỏe đã bắt đầu nhận được những ca tử vong ở Florida và Georgia nữa. Mình phải nói thật: Bọn mình cần trợ giúp, và trợ giúp ngay lập tức.” Họ rẽ phải, đi dọc một hành lang hẹp, không có cửa sổ, hai bên gắn lan can. James có thể thấy ánh kim loại của nhiều băng ca khác lóe lên dọc theo hành lang. “James,” Robbie nói, giọng bật đi vì cái khẩu trang, “bọn mình không nhận được thông tin chính thức gì của CDC cả. Cái quái gì đang xảy ra thế?”

“Mình... mình không biết.” James thấy ruột gan cồn cào lên. Anh không nói dối. Anh không biết đang có chuyện gì ở Atlanta. Nhưng nếu đây đúng là nó - nếu đây đúng là sự khởi đầu của ngày tận thế - thì CDC chỉ đang bám theo kế hoạch họ đã được lệnh phải theo. Hạn chế thông tin. Hạn chế mất mát.

Tránh hoảng loạn trên diện rộng. Hy vọng vào điều tốt đẹp nhất. Anh hít vào một hơi. *Bình tĩnh. Phải bình tĩnh.*

Anh bỗng giật thót mình khi giọng nói của Sara vang vọng lại trong tâm trí anh. *Có lẽ em bị một chút cúm đang lây lan quanh đây...* Sara đã ở California suốt bốn ngày trời. Có thể cô ấy đã tiếp xúc với thứ bệnh này, dù nó là gì đi chăng nữa? Anh nhớ lại những chương trình truyền hình đêm khuya anh đã lướt qua trên màn hình video ở sân bay Albuquerque giữa giấc ngủ chập chòn. Quảng cáo kem giảm đau và thực phẩm chức năng, bản tin về trận lũ ở miền Trung Trung Quốc. Không có gì nhắc đến một dịch cúm, ít nhất là không ở Mỹ. Và trong thoáng chốc, anh cảm thấy hơi nhẹ nhõm. IC-NAN không thể có ở đây được. Anh đã nhận được tin tức gì từ Bộ Quốc phòng đâu.

Bụng anh lại thót vào. Tất cả đều là một phần của kế hoạch để ngăn chặn sự hoảng loạn: Liên bang sẽ ngăn chặn mọi tin tức, nhất là nếu họ nghi ngờ dịch bệnh đang bùng phát ở đây. Trong khi đó, cảnh báo của Bộ Quốc Phòng có thể đã được gửi đến cái điện thoại bị bỏ quên của anh. Anh tưởng tượng ra tin nhắn - **BÁO ĐỘNG ĐỎ. NHẬP MÃ TRUY CẬP TỪ THIẾT BỊ ĐƯỢC DUYỆT ĐỂ NHẬN HƯỚNG DẪN TIẾP THEO.**

Anh siết chặt nắm tay, cố bình tĩnh lại. “Mình chẳng nghe được tin gì cả...” anh nói.

Họ đột ngột dừng lại bên một băng ca. “Xin lỗi,” Robbie nói. “Bọn mình hết phòng rồi. Nhưng cậu có thể ở lại với bác lâu đến chừng nào cậu muốn.”

James cúi nhìn xuống. Khuôn mặt xám ngoét của cha anh gần như không hiện rõ trên nền da trắng tinh bằng vì sợi.

Bằng một bàn tay run run, Abdul Said cởi chiếc mặt nạ ô xy ra.

JAMES KHOM NGƯỜI về phía trước, tập trung vào các màn hình theo dõi tín hiệu sức khỏe của cha anh. Anh có thể cảm thấy hơi nóng đang dồn lên cổ khi anh cởi bỏ khẩu trang. Giữa những tiếng ho sù sụ, tiếng bíp bíp của màn hình và mùi chất tẩy nồng nặc, anh cố hết sức để tạo ra một không gian riêng tư cho hai cha con.

“Con trai, ba rất mừng..” Cha anh cố lên tiếng, những hơi thở khò khè bật ra từ cặp phổi bị tàn phá của ông.

“Ba nên đeo mặt nạ vào chứ!”

“Ba có điều muốn nói.”

“Về mẹ ư? Robbie nói mẹ đang ở khu chăm sóc đặc biệt...”

“Không...” Abdul ngừng lời, một cái nhìn xa vắng bao trùm cặp mắt sẫm màu của ông khi chúng chớp chớp rồi nhắm lại. James chờ đợi, tay vẫn nắm lấy bàn tay yếu ớt của cha mình. Anh nhẹ nhàng cầm cái mặt nạ ô xy lên và gỡ các ống dây ra để đeo lại cho cha. Nhưng rồi cha anh lại lên tiếng, giọng trầm hơn. “Ba tưởng ba làm vậy là để bảo vệ con. Ba muốn con có cuộc đời tự do. Và ba sợ những gì có thể xảy ra với ba nếu ba tiết lộ mọi chuyện. Nhưng một người ba tốt phải có dũng khí để nói ra sự thật.”

“Sự thật ư?”

“Nghe ba nói đây.” Abdul mở mắt ra, yếu ớt cố ngồi dậy, hơi thở ngắn và gấp gáp trong lúc hai bàn tay gầy guộc của ông bám vào thành băng ca. “Ba bảo con rằng ba là trẻ mồ côi. Nhưng ba đã nói dối...”

“Ba cứ nằm xuống đi,” James giục. Khi anh đỡ cha mình nằm xuống tấm đệm mỏng, anh có thể cảm thấy từng đốt xương trên sống lưng ông nhô ra. “Có lẽ bây giờ không phải lúc...” Anh nhìn quanh, tự hỏi có ai đang lắng nghe không. Nhưng chẳng ai để ý. Những người nằm trên các băng ca khác đang ho không ngừng, còn các nhân viên y tế mặc áo trắng chỉ quần quanh bên họ như những bóng ma bất lực.

Cha anh nắm lấy tay anh. “Bà nội con mất khi ba còn rất nhỏ. Nhưng ông nội con khi đó vẫn còn sống, và ba còn hai người anh em trai. Anh trai của cha, Farooq...”

“Một gia đình ư?”

“Phải.”

“Họ có còn... Ba có muốn con gọi cho họ không?”

“Con nghe đây,” Abdul hỗn hển nói. “Con nghe đây.” James cảm thấy quai hàm mình nghiền lại trong lúc anh nhìn chăm chăm vào mắt cha mình. “Farooq... có liên quan đến nhiều việc xấu... cung cấp vũ khí, ám sát.”

Tiếng một hộ lý gọi trợ giúp xuyên qua bầu không khí. James ghé lại gần hơn. “Vậy là *ba* đã...?”

Mắt Abdul mở to. “Không! Không. Không phải vậy... Ba chỉ giúp người Mỹ bắt anh trai mình.”

James chạm vào cánh tay cha mình. “Ba đã làm điều mà ba nghĩ là đúng đắn.”

“Người Mỹ nói với ba là họ chỉ cần thông tin để giúp họ tìm ra kẻ cầm đầu ổ khủng bố đó. Họ hứa với ba là không ai trong gia đình ba sẽ bị hại. Và ba đã tin họ.”

“Họ đã nói dối ư?”

“Sau khi ba cho họ thông tin họ cần, họ đã giết anh trai ba.” Những lời ấy lơ lửng trong không khí, len lỏi vào khoảng không giữa họ. “Bác ấy cũng là một người cha. Một người chồng.”

“Ba...” James nói. “Con rất tiếc...”

“Người Mỹ bảo ba phải đến Mỹ nếu ba muốn được họ bảo vệ. Ba bắt họ hứa là ba được đem mẹ con đi cùng. Và họ đồng ý - nếu ba giữ im lặng.”

James quan sát khuôn mặt cha anh. Còn điều gì đó nữa, anh biết vậy. “Nhưng còn ông nội thì sao?” anh hỏi. “Em trai của ba nữa?”

“Chết cả rồi. Cũng bị giết. Ba đã khiến tất cả họ bị giết.”

James đưa tay ra vuốt mái tóc bạc mỏng trên đầu cha mình. Anh nhẹ nhàng đeo lại chiếc mặt nạ ô xy lên miệng Abdul. “Đó không phải là lỗi của ba, ba ạ.”

Ông già loay hoay hồi lâu, lần tay dọc theo mép băng ca cho tới khi tìm thấy cái túi nylon của bệnh viện đựng đồ cá nhân của ông. Ông từ từ lôi ra một cuốn sách dày, bìa dập nổi những biểu tượng mạ vàng. Ông lại kéo chiếc mặt nạ ra khỏi miệng. “Một món quà của mẹ con,” ông khẽ nói. “Cầu cho bà ấy được yên nghỉ cùng Allah.”

James đón lấy cuốn sách, đỡ gáy sách bằng tay phải, cảm nhận hơi ấm trên lớp da bọc ngoài như da một vật sống. Anh chạm vào những trang giấy mỏng với những họa tiết nhiều màu sắc đóng khung quanh dòng chữ tiếng Ả Rập gọn gàng. Kinh Koran. Anh trở mắt nhìn cha mình. “Cầu cho bà ấy được yên nghỉ...? Có phải mẹ đã...”

Anh thấy tay cha túm lấy cánh tay mình, mạnh mẽ đến không ngờ. “Con trai của ta,” Abdul nói. “Con đã cho chúng ta một tương lai ở mái nhà mới, một điều để mong đợi. Nhưng chúng ta đã không cho con quá khứ. Mỗi đứa trẻ đều có quyền được biết cội nguồn của mình.”

James đặt tay lên tay cha mình. “Con sẽ đi tìm mẹ,” anh nói. “Con sẽ tìm thấy mẹ.”

Khi James nhẹ nhàng đặt cuốn sách vào cặp, ngón tay anh lướt qua góc cái hộp các tông nhỏ - chứa thuốc giải trong những cái lọ vàng. Nhưng nó không phải là thuốc chữa trị. Nó chỉ là một thứ thuốc phòng ngừa, và tác dụng của nó vẫn chưa được khẳng định. Tay chân tê dại đi, anh hít một hơi thật sâu. Phổi anh vẫn thoáng, không bị ho. Nhưng anh đã dần nhận ra - anh không cần quan tâm đến Báo Động Đỏ từ Washington nữa. Với tất cả những người ở đây, và vô số những người khác sắp tới, đã quá muộn rồi. Cha anh đã mang trong lòng cả một thế giới tội lỗi - trong suốt bao nhiêu năm trời. Nhưng cái này? Tội lỗi mà chính anh sẽ phải mang còn tệ hơn nhiều. Anh đã mong muốn cứu cả thế giới. Nhưng anh không cứu được cha mình. Anh chẳng cứu được ai cả.

RICK NGÔI GỤC trên ghế trong văn phòng của Rose, mắt dán vào màn hình máy tính trong lúc anh đợi cuộc họp đã lên lịch ở thủ đô bắt đầu.

Anh chưa hề rời Presidio kể từ sau cuộc gọi của Blankenship chiều hôm trước và mới chỉ cho phép mình gọi một cuộc ra ngoài - tới Rudy ở Los Alamos. Sau khi đảm bảo là tiến sĩ Garza vẫn bình an vô sự và sẽ ở lại để trông chừng các phôi Gen5, anh đã luôn ở bên đường điện thoại bảo mật của Rose để đợi tin từ thủ đô. Anh chỉ cho mình mấy khoảng “nghỉ sinh học” ngắn ngủi, ngủ chập chờn trên đi văng của cô, rồi bận bịu nhận báo cáo của nhóm ở Presidio về tình hình phong tỏa. Số đạn được cuối cùng đã được cất kỹ vào nhà chứa máy bay cũ ở sân Crissy. Ranh giới đã an toàn. Cuối cùng, cuối buổi sáng hôm đó, một tin nhắn bí ẩn đã xuất hiện trên điện thoại đeo tay của anh: **Họp lúc 16:00 giờ.**

Các tuyên bố của anh với nhóm Presidio ngày hôm trước đã có vẻ hơi vội vàng. Vì “những lý do mà các bạn sẽ được biết khi cần”, Presidio đã được phong tỏa có vũ trang chỉ để “đề phòng hết sức cẩn thận”, anh đã đảm bảo với họ như vậy. Và theo như anh biết lúc đó thì điều này là đúng - việc phong tỏa này, cũng như việc phong tỏa các căn cứ khác của Mỹ trên toàn thế giới, chỉ dựa trên các dự đoán xấu nhất về việc lây lan của vi khuẩn cổ có khả năng lây bệnh, chứ không dựa trên con số có thực. Và

không dựa trên cuộc tấn công mạng ở căn cứ Detrick vốn vẫn là tuyệt mật.

Tất nhiên, chỉ riêng cuộc tấn công mạng đã là một thảm họa đủ để khiến quân đội phải sẵn sàng rồi. Nếu người Nga hoặc các đặc vụ nước ngoài của họ đã liều lĩnh đến vậy thì phải có lý do. Nếu không thì tại sao họ lại quyết tâm thu thập thông tin từ các tệp tin đó như vậy? Có phải như Sam Lowicki nói, họ đã tách được IC-NAN từ một đợt bùng phát trên đất Nga không? Có phải họ đã tìm ra cách phân tích ngược nó để lần tới nguồn gốc của nó không? Cuộc tấn công mạng cụ thể đến đáng ngại... Làm sao họ biết được phải tập trung vào tệp tin nào ở Detrick? Khả năng lớn nhất là có một điệp viên hai mang, ai đó được cài vào để tuồn thông tin cho họ từ bên trong... Rick cố giữ cho ý nghĩ của mình tỉnh táo. Kết luận vội vàng sẽ chẳng ích gì.

Nhưng giờ đây, ngay cả nếu không có vụ tấn công thì anh vẫn nghĩ việc phong tỏa căn cứ cũng chẳng phải quá sớm. Các bản tin chạy qua bên dưới màn hình máy tính của Rose đã nói lên tất cả. “Dịch cúm chết người tấn công California.” “Y bác sĩ lúng túng khi bệnh nhân cúm tràn ngập các bệnh viện.” Các video chiếu cảnh ô tô tắc vào trước một bệnh viện ở vịnh San Francisco, các bệnh nhân được cho thở bình ô xy, được đỡ lên các băng ca. Ngoài cửa sổ văn phòng của Rose, gió đưa đến tiếng còi xe cứu thương rú không ngừng nghỉ. Các binh sĩ ở Presidio đã bắt đầu nói đến tình trạng hoảng loạn ngày một tăng lên ngoài phố, mọi người vỡ vét sạch hàng hóa ở siêu thị và mua hết nước đóng chai. Mọi việc càng tệ hơn khi thống đốc California ra lệnh cấm mọi chuyến bay đến và đi khỏi bang.

Rick nhớ tới các bản tin từ Tokyo mấy ngày trước, phóng viên họ sù sụ vào micro trong khi những người đi bộ đeo khẩu trang tràn ra đường... Anh không thể phủ nhận điều này thêm nữa. Chuyện này đang thật sự xảy ra. Đây chính là IC-NAN.

Đột nhiên các video phụt tắt. Giữa màn hình sáng rực lên, khiến anh phải nheo mắt, xoay tay theo hình tròn để chỉnh độ sáng. Một từ duy nhất, **KHẨN**, hiện lên bằng chữ to, đỏ rực, tiếp theo là mấy từ **BÁO ĐỘNG ĐỎ**. Những từ này thay phiên nhau hiện ra, mỗi từ mấy giây. Rồi điện thoại trên bàn Rose réo vang.

“Thiếu tướng, hãy nhập mã truy cập cá nhân của anh vào máy tính của tiến sĩ McBride.” Là Blankenship. “Chuẩn bị sẵn sàng.” Có một tiếng tích, và đường truyền điện thoại tắt ngấm.

Anh đã ghi nhớ mã truy cập theo thói quen cũ từ thời chiến đấu. Chậm rãi và cẩn thận, anh nhập nó vào màn hình của Rose. Rồi anh ngồi xuống, tay run run. Báo Động Đỏ.

Trên màn hình, một căn phòng dài, hẹp hiện ra. Mất một lúc anh mới nhận ra mình đang nhìn cái gì. Đó là một nơi anh mới chỉ thấy trên các video, một nơi bản thân anh cũng chưa bao giờ đến - Phòng Tình huống của tổng thống. Rick sững sờ nhìn tổng thống Gerald Stone ngồi xuống chiếc ghế ở đầu kia căn phòng.

Tổng thống lướt nhanh qua một chiếc máy tính bảng trước khi cẩn thận đặt nó sang bên. Ánh đèn từ trên trần hắt xuống mắt kính viễn của ông khi ông chậm rãi gỡ kính ra. “Thưa quý vị,” ông nói, giọng đều đặn, bình tĩnh. “Trước hết, tôi xin cảm ơn các vị vì đã phục vụ đất nước. Các vị đã có một nhiệm vụ

khó khăn. Và các vị đã thực hiện nó một cách đáng ngưỡng mộ.”

Đâu đó trong phòng, có một tiếng “bịch” khẽ khi vật gì đó bị đánh rơi xuống sàn và một tiếng “xin lỗi” lí nhí khi ai đó lúng túng nhặt vật đó lên.

“Tuy nhiên, như một vài người trong số các vị đã biết, mọi việc đã đến lúc nguy cấp. Chúng ta đã xác định nguồn gốc căn bệnh tạm gọi là bệnh cúm ở Bờ Tây chính là IC-NAN. Và chúng ta cũng đã xác định một số ca nhiễm ở vùng Đông Nam.”

Căn phòng tối lại, và một tấm bản đồ nước Mỹ hiện ra trên bức tường sau lưng tổng thống, cho thấy các khu vực trên đất nước đã bị ảnh hưởng. “Chúng ta cũng đã khẳng định được rằng dịch bệnh đã bùng phát ở Nga, một phần của châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Trung Đông. Và tất nhiên là ở Nam Á nữa. Gần với địa điểm... ờ, địa điểm phát tán ban đầu.” Tấm bản đồ được mở rộng, cho thấy những mảng đỏ đang loang ra như vết máu. “Tới thời điểm này, chúng tôi tin rằng việc toàn bộ nước Mỹ sẽ bị nhiễm bệnh chỉ còn là vấn đề thời gian.”

Tổng thống ngừng lại, thở ra một hơi dài làm đường truyền kêu lạo xạo.

“Chúng tôi sẽ ban bố tình trạng Báo Động Đỏ. Và chúng tôi đã phải đưa ra một vài quyết định khó khăn. Như các vị biết, số lượng thuốc giải là có hạn. Việc sản xuất tiếp sẽ chỉ tập trung để cung cấp thuốc cho những người đã nằm trong giao thức, cộng thêm một danh sách gồm tám mươi tư cá nhân khác được coi là hết sức quan trọng trong thời điểm này.” Cái nhìn của tổng

thống lướt khắp phòng. “Tất nhiên, tất cả các vị đều nằm trong số đó.”

Rick bám chặt vào mép ghế bằng cả hai tay, ghìm bót con đầu ở cái chân cụt đi trong lúc anh nhìn khắp màn hình để tìm Rose. Không thấy cô đâu. Trên màn hình, các cánh tay đang vung lên.

“Thế còn các nước khác thì sao, thưa tổng thống?” một giọng nữ vang lên đâu đó trong phòng. Không phải Rose.

Tổng thống nhìn xuống hai bàn tay. “Chúng ta đã chuyển trình tự thuốc giải cho WHO. Họ đang thành lập các phòng thí nghiệm vệ tinh ở các địa điểm an toàn trên khắp thế giới. Họ sẽ bắt đầu sản xuất thuốc sớm hết mức có thể.”

Rick nhìn màn hình trần trời. Tổng thống thừa biết sẽ mất bao lâu để thiết lập việc sản xuất thuốc giải có thể ứng dụng được. Rick đã cố hết sức thuyết phục cấp trên phải minh bạch, phải chia sẻ thông tin một cách có kiểm soát với các tổ chức y tế ở các nước khác. Nhưng tất nhiên, những lời cầu xin của anh đều bị lờ đi. Và giờ, không còn đủ thời gian để các phòng thí nghiệm khác triển khai nữa. Tâm trí anh hướng đến nơi nó vốn được huấn luyện để đến trong trường hợp khẩn cấp. Đã đến lúc phải cố thủ và... Đầu óc quay cuồng, anh cúi người về phía trước. “Tôi có thể hỏi một câu được không?”

“Sao, thiếu tướng?”

“Thế còn Los Alamos thì sao?”

“Bình Minh Mới ấy à?”

“Vâng.”

Tổng thống chậm rãi hít vào một hơi thật sâu, rồi nhìn sang bên. “Thế nào, Joe?”

“Chúng ta đều biết đám robot khó thành công, Rick a,” giọng trầm trà của Blankenship vang lên. “Giờ chúng ta phải tập trung vào kết quả. Thuốc giải là thứ duy nhất quan trọng.”

“Như anh đã biết đấy, tướng Blevins,” tổng thống nói, “chỉ có ba nhân viên ở Los Alamos hiện đang được dùng thuốc giải. Tiến sĩ Said, tiến sĩ Jenkins và trung úy MacDonald. Họ đều là những người có giá trị. Chúng tôi cần anh gọi họ về Detrick để giúp việc sản xuất. Và tất nhiên, tiến sĩ Garza hiện vẫn đang ở Los Alamos. Ông ấy sẽ cần quay về cùng họ.”

Nhưng Rick như không nghe thấy gì. Tâm trí anh để cả vào Rose. “Thế còn căn cứ Detrick?” anh hỏi. “Chúng ta biết gì về vụ tấn công mạng? Có phải có gián điệp không?”

“Chúng tôi đang lo chuyện đó rồi, Rick,” Blankenship nói gọn.

“Chúng tôi vẫn chưa xác định được có gián điệp hay không” Một người phụ nữ gầy gò đeo cặp kính to tướng ngồi ở một bên phòng lên tiếng. “Nhưng chúng tôi đã phá vỡ được vụ tấn công. Chúng tôi đang dọn dẹp các hệ thống nhanh hết mức có thể, và chúng tôi nghĩ là chúng tôi đã đóng hết các khe hở.”

Rick phải vất vả lắm mới giữ được giọng nói bình tĩnh. “Tôi đoán là đại úy McBride sẽ không quay về Presidio?”

“Đúng vậy,” Blankenship đáp. “Chúng tôi cũng sẽ không cử người khác đến thay thế cô ấy, mà cần anh đưa sĩ quan phụ tá của cô ấy lên làm chỉ huy.”

“Nhưng anh ta không được dùng thuốc giải...”

“Hiểu rồi. Bảo với anh ta là nhóm binh sĩ ở Presidio sẽ cần phải giữ gìn trật tự trên phố trong những ngày tới. Các căn cứ của chúng ta trên toàn thế giới cũng đã được nhận lệnh cảnh báo có thể sẽ phải trợ giúp dân thường.”

Rick ngồi xuống, thở hắt ra. Nhóm ở Presidio đang được giao một nhiệm vụ vô vọng cuối cùng. “Còn tôi thì sao?”

“Chúng tôi cần anh lên máy bay về đây.”

“Nhưng các chuyến bay đều đã bị cấm...”

“Máy bay của ta thì không.”

“Vâng, thưa sếp.”

CHỚP CHỚP MẮT trong ánh chiều tà, Rick bước ra hiên trước của trung tâm đầu não Viện Presidio. Khoảng sân của căn cứ Scott, từ lâu đã bị quân đội bỏ hoang, giờ lại đang đầy người lính nam nữ mặc quân phục. Một sĩ quan trẻ tuổi tiến đến giới thiệu chào.

“Trung sĩ,” Rick nói, “tôi cần đến sân bay liên bang càng sớm càng tốt.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi đang đỗ xe phía sau, trên đường Ralston.”

Rick đi theo chàng trai trẻ vòng sang bên cạnh tòa nhà và tiến về phía một chiếc xe màu đen hết sức bình thường, cửa kính tráng màu. “Cậu có thể cho tôi qua căn hộ của đại úy McBride trước được không?” anh hỏi. “Cô ấy nhờ tôi qua lấy mấy thứ đồ cá nhân.”

Tất nhiên là anh nói dối, nhưng viên trung sĩ không hề do dự. “Được chứ ạ.” Rick ngồi vào ghế sau trong khi ở ghế trước,

chàng trai đọc tọa độ tòa chung cư của Rose.

Ở cổng Lombard, hai lính gác giờ tay chào khi chiếc xe lao ra phố. Khi họ rẽ sang trái để đi về phía Bắc trên đường Lyons, Rick ngược lên nhìn những hàng rào thép gai cao mà các kỹ sư đã dựng lên dọc theo ranh giới khu Presidio cũ. Chiếc xe rẽ phải vào phố Francisco, rồi rẽ trái vào Divisadero, bám theo một chiếc xe cứu thương khác đi về phía Bắc.

Anh đã hướng dẫn phụ tá của Rose, một đại úy trẻ vừa tốt nghiệp trường West Point, phải sẵn sàng cho điều tồi tệ nhất. Nhưng người sĩ quan ở trong anh vẫn muốn kiểm tra xem binh lính đã sẵn sàng đến đâu. “Một ngày bận rộn cho các nhân viên cấp cứu nhỉ,” anh nói.

“Vâng, thưa sếp,” viên sĩ quan trẻ trả lời. “Vụ này đang gây hoảng loạn lớn. Họ nói đó là dịch cúm, nhưng nó chẳng giống bất kỳ chủng cúm nào tôi đã từng thấy cả. Mẹ tôi ở Los Angeles - sáng nay bà đã phải đến phòng cấp cứu.” Viên sĩ quan ngừng lời trong giây lát. “Thưa sếp?”

“Gì vậy, trung sĩ?”

“Đại úy McBride đang ở đâu ạ?”

Rick nhìn vào gáy chàng trai trẻ, mái tóc cắt ngắn chải hất ngược, khuôn hàm vuông vức. Rồi anh ngoảnh ra cửa kính nhìn con phố đông đúc. Họ chưa sẵn sàng - họ không bao giờ có thể sẵn sàng được. Rất có thể anh sẽ không bao giờ thấy lại nơi này nữa. Và nếu có thì nó cũng sẽ không còn như trước. “Cô ấy được gọi về thủ đô,” anh nói, “để dự một cuộc họp.” Anh không nói gì thêm, và viên trung sĩ cũng không hỏi gì nữa.

Chiếc xe rẽ phải vào phố Mũi Bắc và đi qua vài căn nhà trước khi dừng lại bên vỉa hè. “Đợi tôi ở đây,” Rick nói. “Tôi sẽ xuống ngay.” Loạng choạng trèo lên cầu thang để đến căn hộ trên tầng hai của Rose, anh lục túi tìm chìa khóa rồi mở cửa đi vào. Chăn đệm vẫn còn vương vãi trên sàn sau khi họ vội vã rời đi sáng hôm trước. Anh thần thờ nhặt chúng lên, thoáng ngửi thấy mùi hương của Rose khi anh ném chúng lên giường.

Anh tìm thấy cái va li của mình trên ghế gần tủ quần áo và nhét mấy món đồ của mình vào đó. Thực ra chẳng có lý do gì để quay lại đây. Chỉ là anh cần điều này; chút dư vị cuối cùng của quá khứ. Ở đầu bên kia phòng, một giọng gần như không nghe nổi phát ra từ màn hình treo tường của Rose. Anh với tay sang định tắt điện, nhưng bỗng ngừng lại.

“Chúng tôi đã nhận được thông báo về một vụ nổ ở miền Trung Maryland,” cô phóng viên trẻ trên màn hình nói. Rick bật to âm lượng. “Các nguồn tin đã xác minh có máy bay do thám của quân đội trên khu vực này, một nơi được biết là có đặt các cơ sở của chính phủ. Xin quý vị đợi giây lát. Chúng tôi đã xác minh nơi này bị đánh bom. Mục tiêu có vẻ là căn cứ Detrick, một cơ sở quân sự Mỹ dùng cho việc nghiên cứu y học.”

Mắt Rick dán mắt vào màn hình trong khi cảnh chuyển sang một tòa soạn báo ở New York, một phóng viên nam, với các dòng tin chạy khắp xung quanh khuôn mặt tái mét của anh ta. “Kể từ sau vụ nổ đầu tiên ở căn cứ Detrick, nhiều vụ nổ khác đã làm rung chuyển khu vực thủ đô Washington. Các báo cáo chưa được xác minh nói rằng đã xảy ra các vụ tấn công vào Lầu Năm Góc và một khu phức hợp gần Bethesda, Maryland. Tên lửa đối

hạm đã được phóng từ Căn cứ Không lực Andrews để đánh chặn tên lửa của đối phương. Tất cả dân thường trong khu vực được hướng dẫn phải trú ẩn. Thủ đô đang bị tấn công. Tôi xin nhắc lại, thủ đô đang bị tấn công.”

Rick giật mình khi điện thoại cổ tay của anh kêu lên rè rè. Anh liếc nhìn màn hình. **ROSE**. Thả rơi chiếc va li, anh vội nhắc máy. “Rose? Em đó à?”

“Rick...” Giọng cô nhỏ bật, xa tít.

“Em đang ở đâu? Có chuyện gì vậy?”

“... Detrick. Tín hiệu yếu... nói lâu.”

“Chúng vẫn đang ném bom à? Em có rời khỏi đó được không?”

“Giám đốc nói anh đang đến...”

“Ừ.”

“Đừng đến...!” Rick có thể nghe thấy một loạt các giọng nói hỗn loạn khác ở phía sau. Dù từng lời cô nói rất khó nghe, hình như Rose đang hét vào điện thoại. “... chưa sẵn sàng.”

“Cái gì? Cái gì chưa sẵn sàng?” Im lặng. “Rose? Em còn đó không?”

“... Gen5 cần được triển khai... Báo Động Đen.”

“Rose? Rose!”

“... xin lỗi. Em biết em không theo đúng quy trình... giao thức đặc biệt... Nói với Kendra... không được để lũ trẻ chết...”

Đường truyền tắt lịm.

Quay ngoắt lại, Rick lao xuống hành lang và tập tễnh trèo xuống các bậc cầu thang đi xuống phố. Anh giật cửa chiếc xe

đang đợi ra và trèo vào. “Thay đổi kế hoạch. Gọi điện báo trước cho sân bay đi. Bảo họ tôi cần đến Los Alamos.”

Khi ngồi xuống ghế sau, anh chợt cảm thấy thứ gì đó chọc vào đùi. Anh thò tay vào túi quần và lấy ra một sợi dây chuyền mảnh, hình người phụ nữ nhỏ xíu bằng bạc, hai cánh tay dang rộng như đang sắp sửa cất cánh.

JAMES XOAY NGƯỜI LẠI, cố xác định xem mình đang ở đâu. Một loạt đèn LED trên trần nhà lóe lên thành băng ca bên cạnh chiếc giường xếp của anh.

“James.” Là Robbie đang lay nhẹ cánh tay anh. “Mình rất tiếc. Ba cậu đi rồi.”

James đứng dậy, đặt tay lên thành băng ca. Anh nhìn khuôn mặt đã yên nghỉ của Abdul. “Cảm ơn cậu.”

Tất cả lại ùa về. Nét mặt thanh thản của mẹ anh, dòng chữ **ĐÃ QUA ĐỜI** hiện lên tấm bảng trên đầu giường. Cha mẹ anh sẽ được hỏa táng tại chỗ. Anh vợ vẫn tự hỏi liệu họ có muốn điều đó không. Có điều luật tôn giáo nào cấm như vậy không? Anh lắc đầu. Anh sẽ không bao giờ biết sự thật. Anh chỉ còn lại những câu hỏi, và chẳng có ai để trả lời chúng.

“James,” Robbie nói, “nếu cậu vẫn thấy khỏe thì cậu nên đi đi. Có tin đồn họ sẽ cách ly cả bệnh viện. Nội bất xuất, ngoại bất nhập.”

“Thế còn cậu thì sao?”

Robbie giơ tay chào kiểu nhà binh. “Nhiệm vụ đang vậy gọi,” chị nói với một nụ cười gượng.

Khi họ chia tay ở cửa ngách, James nhận thấy mắt bạn mình đỏ ngầu thiếu ngủ. Nhìn chị không khỏe chút nào. “Robbie,” anh nói, “cảm ơn cậu vì đã chăm sóc ba mẹ mình.” Chị quay người đi vào và đưa cánh tay lên che một tiếng ho khế.

Mặt trời vừa mới mọc, nhưng bãi đỗ xe đã chật kín. Đi vòng qua loạt xe tải của đài truyền hình đang chắn trước cửa bệnh viện, James tiến về phía một hàng taxi tự hành đang đợi trên đường. Anh nghe thấy tiếng các phóng viên nói léo nhéo vào micro trong lúc vội vã đi qua chỗ họ. Ra sân bay lúc này cũng chẳng ích gì - thống đốc đã ban bố tình trạng khẩn cấp và tất cả các chuyến bay không thiết yếu đã bị hủy. Nhưng cái gì vậy? Anh dừng lại lắng nghe - điều gì đó về một vụ đánh bom ở Washington... Anh quan sát cô phóng viên, mặt cô ta rúm ró lại trong khi cô ta cập nhật cho khán giả về thảm kịch mới nhất. Trong lúc anh tức tực bên người cha đang hấp hối của mình và cuối cùng ngủ thiếp đi, thế giới bên ngoài đã đảo lộn.

Đột nhiên anh nhìn thấy một thứ ở bên kia bãi xe ô tô của cha anh. Anh nhớ lại giọng của Abdul trên điện thoại, mới hai đêm trước mà đã như cả một đời người: *Để ba tự lái xe*. Chắc hẳn ông đã không gọi được xe cứu thương vì mọi sự quá hỗn loạn.

Thò tay vào chiếc túi đựng di vật của cha mẹ mà Robbie đã đưa cho, anh tìm được chìa khóa. Anh chạy lại chỗ chiếc xe điện cũ của cha mình, rút dây sạc điện ra, rồi mở cửa và ngồi vào ghế trước. Cảm thấy mình như một tên trộm, anh chuyển xe sang chế độ lái tự động và thiết đặt đường về Los Alamos.

CHỈ ĐẾN KHI chiếc xe lên đến đường cao tốc thì James mới dám thở phào. Tay run run, anh nhập tên Sara vào điện thoại trên xe. “Thành phố?” một giọng nữ hỏi.

“Los Alamos, New Mexico.” Ảnh Sara hiện ra trên màn hình, và anh chạm vào đó. Một loạt những tiếng tích tích vang lên.

Tim anh đập thành thạch trong lồng ngực trong lúc anh đợi cô nhấc máy.

“A lô?” Giọng cô khe khẽ, mơ màng.

Anh thở ra một hơi nhẹ nhõm. “Anh có đánh thức em không?”

“Không. Ý em là có. Nhưng không sao. Em đang ngủ nướng. Phòng thí nghiệm đóng cửa rồi, anh cũng biết đấy.”

“Ừ.” James tựa vào cái lưng cứng ngắc của ghế xe.

“Thật ra em đã cố gọi cho anh.”

“Thế ư?” Anh nhắm mắt và lại tưởng tượng ra cái điện thoại bị bỏ quên của mình.

“Vâng. Em không thể đi làm được. Em... em vẫn không được khỏe.”

James ngồi bật dậy, mạch máu đập trong tai gần như át hết mọi âm thanh khác. “Có... có chuyện gì? Em có bị ho không?”

“James, anh nghe em được không? Đừng giả giọng bác sĩ với em...”

James nhìn qua kính chắn gió về phía đường cao tốc. Đang là sáng thứ Hai mà con đường vắng tanh đến rợn người. Anh chớp chớp mắt, cố trấn tĩnh lại. Hộp đồ cạo râu của anh. Trong đó, Sara sẽ tìm thấy thuốc giải. Đó là một lọ thuốc thử nghiệm nhỏ mà Rudy đã đưa cho anh trước khi có lệnh bắt đầu dùng thuốc. Anh chưa dùng đến nó. “Sara,” anh nói. “Em biết cái túi vệ sinh màu xanh anh vẫn để ở căn hộ của em chứ?”

“Vâng...”

“Anh để nó dưới bồn rửa trong nhà tắm.”

“Vâng...”

“ Anh cần em lấy một thứ ra khỏi đó. Có một cái lọ nhỏ, như lọ thuốc hít ấy. Trên cạnh có đề chữ C-343’. Gọi lại cho anh khi em tìm thấy. Đừng gọi vào điện thoại của anh. Gọi vào số anh đang gọi đây này. Em làm được không?

“Có chuyện gì vậy?”

“Nó là một thứ thuốc. Em cần nó. Cứ tin anh đi. Em cần nó đấy.”

“Nhưng...” Sara ngừng lại, và anh thấy mình đang lắng nghe hơi thở của cô xem có dấu hiệu khó thở chết người nào không.

“Anh chắc là nó an toàn chứ?”

James siết chặt cái điện thoại đến mức các khớp đốt ngón tay trắng bệch. An toàn không ư? An toàn hơn là không dùng gì cả, anh đoán vậy. Anh đã dùng nó và giờ anh vẫn còn đây, phải không nào? “Tại sao nó lại không an toàn?” anh chờ đợi hỏi.

“Vì,” cô khẽ nói, “em có mang rồi.”

RICK NHẤN SỐ của Kendra vào điện thoại trên máy bay. Mặc dù sân bay liên bang hết sức hỗn loạn, anh vẫn kiếm được một chuyến bay đến Los Alamos dễ dàng hơn anh tưởng. Tất cả các chuyến bay đến các sân bay ở gần thủ đô, dù là chuyến bay thương mại hay quân sự, đều đã bị chuyển hướng. Phi công được chỉ định của anh, một cô gái nhỏ nhắn tóc vàng với chất giọng miền Nam đặc sệt, đã sốt sắng đồng ý đưa anh tới Los Alamos.

Nhưng sau vô số lần cố gắng, anh đã thôi tìm cách liên lạc lại với Rose. Anh vắt óc cố nghĩ xem điều cô nói về Gen5 nghĩa là gì. Báo Động Đen - đó là mệnh lệnh triển khai để bảo vệ đám robot phòng khi an ninh có nguy cơ bị xâm phạm. Cô đã biết điều gì đó chẳng? Los Alamos có bị đe dọa không? Anh cứ lẩn tránh mãi vì lời nhắn cuối cùng của cô: *Nói với Kendra*.

Giọng Kendra vang lên trên đường truyền, run run khác hẳn ngày thường. “Jenkins nghe...”

“Kendra, Rick Blevins đây. Chắc chị cũng đã nghe tin...”

“Thiếu tướng...” Anh nghe thấy có tiếng loạt xoạt, như một vật gì được đặt sang bên. Rồi giọng chị lại vang lên, vững vàng hơn. “Vâng, chúng tôi biết rồi. Vụ tấn công mạng đã là đủ lắm rồi, thế mà giờ còn Báo Động Đỏ nữa. Chưa kể đến những vụ tấn công bằng tên lửa. Chúng tôi đang liên lạc với Lầu Năm Góc khi các vụ tấn công bắt đầu. Giờ chúng tôi không gọi ai được nữa.”

“Tất cả đều đang ở đó với chị chứ?”

“Chỉ có Rudy, tôi và Paul MacDonald.”

“Còn tiến sĩ Said?”

“James biến mất rồi. Anh ấy nhận được một cuộc gọi đêm qua, lúc khoảng 23 giờ. Chúng tôi tưởng là anh gọi... Dù sao anh ấy cũng đã rời khỏi đây. Không ai biết anh ấy đi đâu. Anh ấy cũng không nghe điện thoại.”

Rick nhìn chăm chăm vào điện thoại. Said. Vụ tấn công máy tính ở căn cứ Detrick. Người Nga được xác định là có mối liên hệ với ổ buôn vũ khí ở Karachi do chính Farooq Said lập ra. Năm năm trước, ngay khi anh đang duyệt cấp phép cho James Said sử dụng NAN ở Emory, các thành viên của một băng nhóm khủng bố có liên quan đã bị bắt ở Maryland. Có phải anh đã phạm sai lầm không? Có phải James đã qua mặt anh không? “Nếu anh ta xuất hiện, tôi muốn anh ta bị bắt giữ ngay lập tức.”

“*Bắt giữ* ư? Sao mà...?”

“MacDonald có vũ khí, phải không? Bảo anh ấy sẵn sàng”

“Tôi chắc là không cần...”

“Cứ... làm theo lời tôi, được chứ? Nếu Said quay trở lại, gọi cho tôi. Và nếu có ai khác ở Bộ Quốc phòng liên lạc, hãy chuyển số điện thoại này của tôi cho họ. Trong lúc đó...” Giờ Rick đang thở mạnh. Trong thoáng chốc, đầu óc anh bỗng trống rỗng. Anh tưởng tượng ra những Người Mẹ, hình dáng tối sẫm của chúng vươn lên ở bức tường phía cuối khoang chứa robot...

“Trong lúc đó thì sao?”

“Ở đó chị còn bao nhiêu thuốc giải?”

“Đủ cho chúng tôi cầm cự trong ít nhất là ba tháng.”

“Tốt. Chúng ta có thể xử lý việc đó sau khi triển khai Gen5.”

“Triển khai... Nhưng chúng tôi còn chưa kiểm tra xong những mã mới nhất...”

“Nghe này, tôi dám chắc là nếu chúng ta không triển khai chúng càng sớm càng tốt thì ta sẽ không còn cơ hội nào nữa.”

Đầu dây bên kia im lặng trong thoáng chốc. “Thưa sếp? Có phải chúng ta sắp bị tấn công không?”

“Tôi nghĩ chúng ta phải chuẩn bị tinh thần cho kết cục đó, đúng vậy.”

“Nhưng tại sao? Những kẻ tấn công mạng ở Detrick không hề biết...”

“Có thể có đấy.” Rick siết chặt bàn tay thành nắm đấm, các khớp đốt ngón tay trắng bệch ra. Said. Chính Said là kẻ đã được cài vào Los Alamos. Và mặc dù viên tiến sĩ tử tế không biết hết mọi điều về kế hoạch dành cho Gen5, chắc hẳn anh ta cũng biết đủ. “Chúng ta phải triển khai ngay, và phải sử dụng giao thức Báo Động Đen.”

Kendra thở hắt ra. “Báo Động Đen... Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để sẵn sàng. Nhưng, thiếu tướng này...”

“Sao cơ?”

“*Anh* sẽ ở đâu? Giờ anh đang ở đâu?” Giọng Kendra lại bắt đầu run. Chị đang hốt hoảng.

“Tôi đang trên đường đến chỗ chị. Tôi đã lên máy bay bay thẳng đến hạt Los Alamos. Tôi sẽ lấy xe máy đến gặp mọi người ở phòng thí nghiệm. Chắc trước nửa đêm tôi sẽ tới nơi.”

“Được.” Lại có tiếng sột soạt, và Rick tưởng tượng ra Kendra đang dọn dẹp bàn làm việc, chuẩn bị cho thử thách tiếp theo

này. “Nhưng chúng ta nên gọi cả tiến sĩ McBride nữa... Cô ấy vẫn ở Presidio à?”

“Không,” Rick đáp. “Cô ấy đã được gọi đến Detrick.”

“*Detrick* ư? Nhưng tôi đang đợi cô ấy tới đây cơ mà...” Đầu dây bên kia lại im lặng một thoáng. Rồi Kendra hắng giọng. “Ôi... tôi rất tiếc... Chúng ta có biết...?”

“Tôi không gọi được cho cô ấy. Nhưng... tôi biết cô ấy muốn việc này được hoàn thành,” Rick nói.

Lại im lặng. Một tiếng ho khế. “Được rồi,” cuối cùng Kendra nói. “Tôi sẽ có một bản đánh giá sẵn sàng cho anh khi anh tới đây. Chúng ta cần bàn về các mối nguy khi triển khai theo Báo Động Đen. Và liệu Gen5 đã sẵn sàng để triển khai như vậy chưa.

.

“Tốt,” Rick nói

Anh cúp máy và với tay lấy chai nước. Từ buồng lái, anh nghe thấy tiếng cô phi công ho - một âm thanh khô khốc trống rỗng. “Cô không sao chứ?” anh gọi với.

Cô phi công ngoái lại. “Vâng, thưa sếp. Chắc chỉ là một chút khó chịu của bệnh cúm.”

Ngoài cửa sổ, Rick chỉ thấy một vạt mây phẳng lì, che kín mặt đất bên dưới. Anh nghĩ về các lựa chọn của mình - nếu cô phi công mất kiểm soát, anh không biết mình có lái nổi chiếc máy bay này không...

Cô phi công lại ho. “Thưa sếp? Chúng ta có thêm tin gì từ Maryland chưa ạ? Thật vô lý... Tại sao chúng ta chưa huy động toàn quân đội?”

Rick cảm thấy một cơn nôn nao yếu ớt dâng lên trong họng. Nếu có thời gian điều tra, anh dám chắc rằng các tên lửa dùng trong cuộc tấn công đều phù hợp với hệ thống phóng tên lửa SS-96 của Nga. Nếu có thời gian. Anh đã thấy màn hình ở sân bay liên bang vịnh San Francisco có phát các video do thiết bị bay không người lái quay được, hình những máy bay chiến đấu bay quanh các khu rừng ở miền Trung Maryland, nhiều vụ nổ trên mặt đất, các cuộn khói bay lên che kín cảnh đổ nát cháy âm ỉ bên dưới. Anh phải chấp nhận điều đó. Detrick không còn nữa. Rất có thể Rose cũng không còn nữa. “Tôi dám chắc Andrews xử lý được,” anh nói.

Anh lại tưởng tượng ra các robot Gen5 đang kiên nhẫn chờ đợi trong khoang chứa ở Los Alamos, cánh gập sát dọc bên mình. Rose có thể đã ra đi. Nhưng cô vẫn còn đây, bản chất của cô đã được hòa vào một trong những robot đó - một vật chứa để mang đứa con của cô. Cho dù đó là tất cả những gì của cô còn lại bên anh, anh cũng sẽ làm hết sức mình để bảo vệ nó.

ANH ĐẾN TRƯỚC cửa tòa nhà lúc quá mười một giờ đêm. Kendra đang đợi anh, ngồi gục trên một chiếc ghế ở bàn lễ tân. Rudy đang kiểm tra các phôi, chị giải thích. Còn Mac đang chạy thử nghiệm hệ thống của các robot Gen5.

“Said đã quay lại chưa?”

“Chưa. Và vì anh dặn chúng tôi phải chìa súng ra để đón anh ấy, tôi mừng là anh ấy chưa về. Tôi hỏi nghiêm túc này thiếu tướng, anh có thể chia sẻ suy nghĩ của anh về James được không?”

“Không có gì chắc chắn cả. Nhưng tôi nghĩ chúng ta cần thẩm vấn anh ta trước khi cho anh ta tham gia thêm bất kỳ điều gì.

Kendra nhìn anh với ánh mắt kỳ lạ rồi lấy chiếc máy tính bảng thường trực của chị ra. Họ cùng xem lại các danh mục cần kiểm tra cho Gen5.

“Không như Gen3, các robot Gen5 được mã hóa. Mỗi phôi được giao cho một robot cụ thể,” Kendra bắt đầu.

“Chính xác.” Đây chỉ là một trong số nhiều điều khiến cho Gen5 đặc biệt. Mỗi đứa trẻ cần được khớp với “tính cách” đã được cài đặt của mẹ đẻ - yếu tố quan trọng để tạo nên sự gắn kết giữa đứa trẻ và robot.

“Thật may là tuần trước tiến sĩ McBride đã gửi cho tôi các mã mới nhất. Nhóm của tôi ở đây đang gỡ rối các mã tính cách thì xảy ra vụ tấn công ở căn cứ Detrick và tướng Blankenship ra lệnh ngắt hệ thống này. Nhưng sau khi anh gọi, tôi đã tiếp tục làm việc ngoại tuyến.”

“Chị có tìm thấy gì không?”

“Không có gì mà tôi không sửa nổi. Tất nhiên, tôi không có khả năng đánh giá nội dung cụ thể của các tệp tin. Tôi chỉ có thể đánh giá cấu trúc của tệp tin - để đảm bảo toàn bộ nội dung sẽ được tải lên đúng chỗ trong bộ nhớ. Và được sao chép đúng mức độ. Những thứ đại loại thế.”

“Và tất cả đều ổn chứ?”

“Tiến sĩ McBride đã rất cẩn thận.”

Rick cau mày. Tất nhiên là Rose đã rất cẩn thận. Đã bao nhiêu lần anh nhìn vào cặp mắt của cô, tưởng tượng ra những

hoạt động phức tạp của tâm trí nằm sau đó? “Còn gì nữa không?”

“Còn việc này nữa, thiếu tướng.”

“Sao?”

“Chỉ dẫn về hẹn giờ chưa được cài đặt. Đã có đồng hồ. Nhưng không có hướng dẫn phải làm gì khi hết thời gian.”

Rick đưa tay lên trán. Họ đã đặt ra hai tình huống cho việc triển khai Gen5. Tình huống tốt nhất, Giao thức An toàn, giống nhất với tình huống họ vẫn dùng trong các thí nghiệm từ trước đến giờ. Những Người Mẹ sẽ ở lại hoặc ở gần khu vực Los Alamos. Nếu không còn ai sống sót để can thiệp, chúng sẽ cùng sinh ra và nuôi nấng những đứa con thành một cộng đồng. Nếu có người sống sót, đám robot có thể được vô hiệu hóa một cách đơn giản và những đứa trẻ sơ sinh được đem về.

Nhưng đây không phải là tình huống đó. Lần triển khai này sẽ được quyết định bởi các nguyên tắc của Báo Động Đen. Do các mối nguy an ninh dẫn đến việc phải triển khai theo cách này, các robot Gen5 sẽ được phóng một cách bí mật, trang bị vũ trang với súng laser tự vệ gắn trên người. Để tránh bị phát hiện, chúng sẽ được triển khai rải rác quanh hoang mạc miền Nam bang Utah. Mới đầu, việc này là để đảm bảo những đứa trẻ sẽ không bị nguy hiểm đến tính mạng. Nhưng điều đó cũng có nghĩa là chúng sẽ phải sống những năm tháng đầu đời của mình trong cô độc.

Đó là một chủ đề kỳ lạ để bàn bạc trong lúc ăn sáng với bánh mì và cà phê. Nhưng Rose đã không ngừng bắn khoăn về cái được và mất của việc những đứa trẻ được nuôi lớn trong cảnh

cô đơn. Như vậy sẽ tốt hơn, cô nói, nếu mục đích cuối cùng là để lũ trẻ ghép đôi sau này. “Trẻ con lớn lên cùng nhau thường sẽ coi nhau là anh chị em chứ không phải là bạn đời tương lai.” Nhưng nếu xét theo khía cạnh giao tiếp xã hội con người thì nhiều vấn đề có thể nảy sinh. Việc giao tiếp đầu đời sẽ hoàn toàn dựa vào những Người Mẹ - những “bàn tay” mềm mại, những giọng nói thành tiếng, những khuôn mặt ghi nhớ được và tính cách độc nhất của những người phụ nữ vốn là mẹ ruột của những đứa trẻ này, các kho dữ liệu đầy những thông tin về cuộc sống trên thế giới trước khi chúng ra đời, các lập trình phạm vi rộng theo phương pháp Socrates - tất cả các yếu tố mà Rose đã tỉ mỉ cài đặt vào Mã Mẫu Tử.

Nhưng ngay cả theo Báo Động Đen thì những đứa trẻ vẫn cần có một cách để tìm được nhau. Để tạo ra những cuộc gặp gỡ đó, mỗi Người Mẹ có một chiếc đồng hồ đếm ngược cho tới khi đứa trẻ tròn sáu tuổi. Đến lúc đó, robot sẽ làm theo các hướng dẫn để tới một địa điểm an toàn. Ở đó sẽ có sẵn nhu yếu phẩm y tế, thức ăn và nhà ở. Ở đó, những đứa trẻ có thể tạo thành một cộng đồng. Nếu gặp may, sẽ có thể có cả những người sống sót tốt bụng khác đợi ở đó để đón chào chúng.

Đồng hồ đã được lập trình. Đến giờ được định sẵn, mỗi robot sẽ biết rằng việc đếm ngược đã kết thúc - rằng đã đến lúc phải đi. Nhưng đi đâu? Rick tưởng tượng ra Rose ở cuộc họp cuối cùng của họ với Blankenship - có đúng là mới hai tuần trước không? “Chúng tôi cần các tọa độ định hướng cho Báo Động Đen, thưa đại tướng” cô đã khẩn nài, sự cấp bách vì mất kiên nhẫn khiến má cô đỏ ửng.

“Nếu cô hỏi tôi thì lựa chọn rất đơn giản,” Blankenship trả lời. “Chúng nên quay về đây, về Langley. Nhưng đội lắp ráp robot không muốn đánh liều với một chuyến bay dài như vậy. Tôi e là họ đang bế tắc.” Ông ta thậm chí còn mỉm cười khi hướng cái nhìn lạnh lùng về phía cô. “Tôi sẽ không quá lo lắng về chuyện đó đâu. Khả năng xảy ra Báo Động Đen là cực kỳ thấp.”

Cuối cùng, cấp trên đã không đưa ra một quyết định nào.

“Tôi nhập tọa độ của Los Alamos vào nhé?” Kendra hỏi.

“Việc đó sẽ mất bao lâu?”

Kendra nhắm mắt lại, môi mấp máy không thành tiếng. Rick chờ đợi; người phụ nữ này cũng chính là một chiếc máy tính, tâm trí chị không ngừng chạy theo các thói quen được lập trình. “Các phần mềm đã được tích hợp, và vì chỉ có một mình tôi... ít nhất hai mươi tư giờ. Có lẽ hơn.”

Rick lo lắng đưa ngón trỏ lên gõ gõ trán. Một ngày. Một ngày cũng có thể là quá chậm. Vụ đột nhập ở căn cứ Detrick chắc chắn là một manh mối dẫn tới Los Alamos - thông qua James Said. Nhưng còn một lựa chọn khác. Khóa an toàn. Một phương án dự phòng để dừng nhiệm vụ trong trường hợp nó có lỗi hoặc không cần thiết. “Chúng đã được cài đặt cảm ứng hồi hương an toàn chưa?”

“Rồi.” Kendra mỉm cười với anh.

“Và... nếu chúng ta có đây... chúng ta có thể phát tín hiệu để gọi chúng đến bất kỳ đâu chúng ta cần, một khi chúng ta biết đã an toàn để làm vậy.”

“Phải.”

“Nếu vậy thì không có vấn đề gì rồi.”

“Đúng thế...”

“Còn gì nữa không?”

“Còn một việc nữa... Theo Báo Động Đen, trừ phi chúng có thể triệu hồi chúng thành công, còn không chính chúng ta cũng không biết chúng đang ở đâu.”

“Không ư? Không có tín hiệu định vị? Không có gì cả?”

“Chúng tôi chưa xử lý xong vấn đề an ninh cho việc đó. Các nhà kho nhu yếu phẩm sẽ là các manh mối tốt nhất của chúng ta...”

“Các nhà kho nhu yếu phẩm. Phải. Chúng đã sẵn sàng rồi chứ?”

“Chúng đã được làm xong mấy tháng trước. Nhóm xây dựng được cho biết chúng là một phần của một khu vực luyện tập chiến thuật chiến tranh hoang mạc. Các robot Gen5 đã được thiết đặt địa điểm của các nhà kho. Chúng ta có thể chắc chắn chúng sẽ thường xuyên qua lại đó một khi lũ trẻ ra đời. Cho tới lúc đó thì ở ngoài hoang mạc kia, chúng sẽ như năm mươi cây kim trong đồng cỏ khô. Những cây kim lớn. Nhưng vẫn cứ là kim.”

“Chúng ta sẽ tìm ra chúng,” Rick nói. “Một khi chúng ta biết chắc ở đây đã an toàn, chúng ta sẽ tìm ra chúng.”

RICK MỞ MẮT, đợi cho mắt tỉnh dần. Anh đưa lưỡi qua mặt trong cửa răng rồi nuốt khan như nuốt một cục bông gòn. Cổ anh co cứng, mẩu chân cụt bên phải chìa ra bên mép chiếc giường xếp. Xung quanh anh tối đen. Anh đang ở đâu? Los

Alamos. Tòa nhà XO-Bot. Một khu phức hợp với các văn phòng nhỏ đã được sắp xếp thành chỗ ngủ tạm cho những người có quyền bảo mật đặc biệt.

Anh thả lỏng người, ngấm nghĩa cái chân giả trên sàn nhà gần đó. Anh vội vã đeo nó vào, chịu đựng cái cảm giác giần giật khó chịu mách bảo cho anh biết nó có thể tự hoạt động. Anh tập tễnh đi ra cửa và xuôi theo hành lang đến phòng thí nghiệm robot. Hành lang, ngày thường luôn đầy nhân viên, giờ trống trơn, và phòng thí nghiệm cũng vậy. Nhưng cửa sau của khoang chứa đang mở rộng. Các robot Gen5 đã ở ngoài, ô cửa sập của chúng phản chiếu vầng mặt trời đang mọc trong khi Kendra đi đi lại lại giữa đội hình của chúng, tay phải lướt lia lịa trên máy tính bảng.

“Rudy đâu?” Rick hỏi.

“Ông ấy đang chuẩn bị các lồng ấp.”

Mac đang đi từ robot này sang robot kia, tay cầm một cái cờ lê xoắn chạy điện. “Một số đai ốc ở các bánh xích chưa được vặn chặt,” anh ta lẩm bẩm. “Tôi thực lòng mong những thứ này đã sẵn sàng rồi...”

“Chúng phải sẵn sàng” Rick nói.

Rudy xuất hiện sau lưng anh, đẩy theo một cái xe đến bên cạnh bốn chiếc xe khác giống hệt. Bên trong những chiếc hộp bằng gỗ dán có lót đệm, đặt trong lớp kính dày - chính là các lồng ấp. “Các phôi đã được đặt vào rồi,” ông nói. “Chúng ta chỉ cần đưa chúng vào những Người Mẹ là xong.” Ông quay sang Rick. “Thiếu tướng, anh có chắc việc chúng ta đang làm là đúng đắn không?”

Rick nhìn khắp dãy robot, cặp cánh mạnh mẽ của chúng khép chặt vào thân mình. Đứng dưới ánh mặt trời này, chúng khiến anh nhớ tới những con chim khổng lồ, sẵn sàng cho một cuộc di cư vĩ đại. “Kendra nói phần mềm ổn cả. Quá trình sinh nở của Gen3 hoàn toàn bình thường,” anh nói. “Và anh với tôi vẫn còn sống nhờ thuốc giải. Gen5 đã sẵn sàng hết mức có thể rồi.”

“Nhưng trình tự C-343 còn mới lắm. Chúng ta còn chưa thử nghiệm nó trên bào thai...”

Bằng một động tác mà anh mong sẽ có tác dụng trấn an, Rick đặt tay lên vai Rudy. Anh hiểu rõ mối rủi ro có thể xảy ra. Nhưng anh đang nghĩ đến điều mà Rose đã nói: *Không được để lũ trẻ chết*. “Chúng ta phải cho chúng đi,” anh nói, “và đây có thể là cơ hội duy nhất chúng ta có được - chúng ta không biết bọn tin tặc đã khám phá ra những gì.”

Kendra gật đầu, quay đi để tiếp tục việc kiểm tra trong khi Mac và Rudy cẩn thận đưa các lồng ấp vào cái kén lót sợi của những Người Mẹ và gắn các cảm ứng cùng các ống thức ăn cần thiết. Rick nhìn thấy một hộp sơn xịt nhỏ màu vàng dạ quang bên cánh cửa để mở. Anh chộp lấy nó cùng một miếng giẻ, rồi tìm kiếm giữa đám robot, đọc phù hiệu của chúng cho tới khi thấy được robot mình cần. Anh dừng lại, trèo lên bánh xích của nó.

“Anh làm gì thế?” Mac hỏi.

“Robot này là của tôi,” Rick nói, sơn một hình vẽ màu vàng lên mép sau của cái cánh. “Rho-Z.” *Anh sẽ dõi theo em, anh thầm nghĩ. Anh hứa.*

TRỜI ĐÃ VỀ CHIỀU, nhưng thời tiết vẫn tốt. Rick thấy chóng mặt. Anh chưa ăn gì ngoài một suất ăn sẵn của quân đội, một phần thịt xám ngắt chẳng lấy gì làm ngon miệng trong cái gói màu trắng ngà mà anh thường ăn thời còn chiến đấu, chiều nó bằng một bi đông nước trước khi gục xuống cái giường xếp từ đêm hôm trước. Nhu yếu phẩm ở Los Alamos chỉ còn lại chừng đó thôi. “Chúng sẵn sàng chưa?” anh hỏi Mac.

“Sẵn sàng hết mức có thể,” Mac gọi với lại, thân hình cao gầy của anh ta khuyu xuống chiếc ghế gần chốt canh bên cửa.

“Vây triển khai thôi!” Rick gọi. Từ bảng điều khiển mà Mac đã chuyển đến bên cửa khoang chứa, Kendra đưa ra mệnh lệnh. Những Người Mẹ từ từ sống dậy, bánh xích nghiêng trên vỉa hè về phía đường băng rộng ở bên cạnh tòa nhà, rồi đứng xếp hàng cách nhau một sải cánh. Cúi đầu bên bảng điều khiển, với bộ tai nghe kèm micro đeo trên mớ tóc đen xù, Kendra dường như chẳng biết đến tiếng ồn chúng gây ra.

Hai tay bịt chặt tai, Rick đi theo những Người Mẹ. Chúng dừng lại, và tất cả im bật.

Rồi, năm mươi chiếc quạt tua bin bật lên. Năm mươi cặp cánh xòe ra khi những Người Mẹ cúi tới trước. Năm mươi robot bắt đầu bay lên, những cánh tay áp chặt bên thân mình, các bánh xích thu vào dưới thân, dáng hình che khuất cả mặt trời.

Rick áp người vào tường nhà, nhắm nghiền mắt trước luồng sỏi đá bay tứ tung. Anh mở mắt ra vừa kịp để thấy Mac chạy về phía mình, chìa ra cái điện thoại to kênh của phòng thí nghiệm XO-Bot. “... James Said gọi điện...” Mac đang hét to.

“Cái gì cơ?” Rick đón lấy điện thoại, nhưng trong một thoáng anh chỉ trố mắt nhìn nó.

“James Said!” Mac đáp. “Tôi nghĩ anh ta nên nói chuyện với anh!”

“Nhưng...” Rick đưa điện thoại lên tai, tai bên kia vẫn được bịt chặt. “A lô?”

“Thiếu tướng? Mac nói tôi nên nói chuyện với anh?” Nghe đúng là giọng Said, cái giọng nghiêm trang, khắc khổ mà viên tiến sĩ luôn dùng khi nói chuyện với anh.

“Said à? Nói to lên!”

“Thiếu tướng, tôi chỉ muốn nói với anh là tôi xin lỗi.” Giờ anh đã nghe được Said rõ ràng hơn, tiếng âm ã do những Người Mẹ cắt cánh đã giảm dần khi chúng từ từ tăng độ cao.

“Xin lỗi ấy à? Vì đã tiết lộ với người Nga ư?”

“Gì cơ?”

“Anh đã tiết lộ với họ, phải không? Là do anh từ đầu đến giờ! Thế mà giờ anh chỉ nói được một câu xin lỗi thôi sao?”

“Thiếu tướng, tôi không hiểu anh đang nói gì. Tôi chỉ muốn gọi điện để báo là tôi đang trên đường về.”

Rick cảm thấy cái điện thoại đang tuột dần khỏi tay. “Đang trên đường về...”

“Tôi phải bay đến California... Cha mẹ đã mất vì IC-NAN. Giờ tôi đang lái xe... Khoảng ba tiếng nữa tôi sẽ về Los Alamos.”

Rick cảm thấy máu như rút hết khỏi người, mắt anh tối sầm trong lúc anh nhớ lại những lời cuối cùng của Rose: *Chưa sẵn sàng... Anh tưởng tượng ra khuôn mặt cô, cặp mắt cô đầy van lơn. Không được để lũ trẻ chết....*

“Chúng chưa sẵn sàng,” anh thì thào. “Ôi, lạy Chúa... Chúng chưa sẵn sàng!”

“Gì cơ?” Giọng bối rối của James vẫn còn vang lên trên điện thoại trong lúc Rick cúi cái điện thoại vào tay Mac.

Rick ngược lên. Hình như hai robot loạng choạng, hơi tụt lại so với những robot khác. Nhưng giờ chúng đều đã bay cao, vút qua hàng thông ở phía Bắc phòng thí nghiệm. Nghển cổ, anh thấy chiếc xe máy Zero FX, chiếc xe anh đã lái về từ sân bay của hạt, đang đỗ gần đó. Mũ bảo hiểm vẫn còn đặt trên yên. Anh chụp cái mũ lên đầu, trèo lên xe và nổ máy. Không suy nghĩ gì thêm, anh đuổi theo đám robot.

RICK LAO HẾT tốc lực ra của phía Nam của khu phòng thí nghiệm, suýt đâm phải rào chắn ở đó trong lúc anh len giữa rào chắn và khu rừng. Từ Đường 4, anh có thể thấy những Người Mẹ vươn cánh bên trên thung lũng Caldera. Nhưng sau khi lượn hết một loạt đường uốn chữ chi nguy hiểm bên cạnh những nhánh phụ vòng vèo của sông Jemez, anh đã mất dấu những cỗ máy sáng lấp lánh một lúc đến vài phút đồng hồ. Xe máy của anh có thể đi với tốc độ gần 200km/giờ một cách dễ dàng. Nhưng anh đang ở dưới mặt đất, còn những Người Mẹ thì lại đang lướt trên các ngọn cây.

Khi thấy con đường nhỏ, tức là cao tốc 126 hướng về phía Tây, anh rẽ ngay vào đó, biết là phía trước sẽ có đoạn không rải nhựa nhưng không quan tâm. Anh phải cố hết sức mới có thể bám theo con đường đầy ổ gà trong lúc vẫn để mắt đến robot thoát ần thoát hiện giữa những ngọn thông cao. Đến gần thị

trấn Cuba, anh lấy làm mừng là có thể trở lại quốc lộ 550. Ở đây đất đai bằng phẳng, trơ trọi, chỉ điểm xuyết mấy lòng sông cạn hoặc một hẻm núi nhỏ dưới thấp. Đám robot vươn cánh về bên phải anh, hướng về phía Tây Bắc, đội hình dần dần ra. Hai robot bị thụt lùi hình như đã bắt kịp - ít ra anh cũng không thấy chúng bị chia cắt với những robot còn lại nữa.

Khi đến gần thị trấn Bloomfield bị bỏ hoang, anh rẽ trái sang quốc lộ 64 về hướng Farmington và rìa phía Đông của Khu Bảo tồn Navajo. Anh đi qua thị trấn Shiprock và lao xe dọc theo hoang mạc khô cằn như mặt trăng ở góc Tây Bắc của New Mexico. Anh cố không nghĩ về người dân ở những thị trấn nhỏ này. Họ đang hấp hối ư? Hay đã chết cả rồi? Hay họ đang đứng trước hiên nhà, chỉ tay lên bầu trời đang tối dần, sợ hãi vì đàn chim kỳ lạ đang bay trên đầu kia?

Con đường rẽ sang hướng Tây Nam, dọc theo dãy Comb, dãy núi sa thạch vĩ đại của tộc người Navajo kéo dài từ Kayenta bang Arizona đến bang Utah. Cao tít trên bầu trời, những Người Mẹ liệng sang phía Bắc, sải cánh bên trên những mỏm đá khổng lồ nằm rải rác trên hoang mạc. Rick nhấn ga và rẽ khỏi đường chính. Nhưng vô ích. Địa hình quá gập ghềnh với chiếc xe máy của anh, và anh đành bất lực nhìn theo khi những Người Mẹ bỏ anh lại phía sau. Quá muộn, anh chỉ còn thấy một đàn cừu đang nhẩn nha ở trước mặt. Anh giật ghi đông sang phải và chiếc xe máy trượt đi dưới thân mình. Theo phản xạ anh nhảy bật lên và thoáng thấy cái chân giả của mình bay vút lên nền trời, đuổi theo những Người Mẹ.

Anh cảm thấy người mình mềm nhũn ra. Anh nhắm mắt lại. Trong bóng tối anh nhìn thấy những con đại bàng rải cánh trên những vùng đất bí ẩn....

CÓ THỨ GÌ ĐÓ đang chặn mất mặt trời. Anh nghe thấy những giọng nói lao xao. Một khuôn mặt nhẵn nhụi, da rám nắng hiện ra bên trên anh. "... có sao không?" Anh cảm thấy những bàn tay mạnh mẽ thành thạo sờ nắn khắp người anh, bên dưới lớp quần áo của anh. Một thứ đỡ lấy cổ anh và anh được từ từ nhấc lên một mặt phẳng cứng. "Còn cái gì ở đằng kia thế? Đem nó theo!"

Rồi anh thấy mình lơ lửng trong không khí. Anh cảm thấy một tiếng kèn kẹt, rồi lưng anh giật lên đau nhói trong khi anh lại chìm vào bóng tối một lần nữa.

RICK THỨC GIẤC trong một căn phòng hẹp, tường trắng. Ai đó đang hát ngân nga bên cạnh anh, một điệu nhạc trầm trầm nửa vui nửa buồn. Anh cảm thấy trên ngực mình có một vật nặng sần sệt trong lúc anh cố ngồi dậy. Anh đưa tay lên định gạt nó ra, nhưng tay anh chỉ tìm thấy một miếng nhựa dài dài. Một bà già nhỏ nhắn, nhăn nheo nhẹ nhàng đặt một tay lên ngực anh và dùng tay kia cầm lấy vật đó. Bà cẩn thận nhấc cái túi lên khỏi tấm chăn của anh và treo nó lên một cái móc đầu đó trong tầm mắt của anh.

"Tôi xin lỗi," bà nói. "Anh cần đặt ống thông đường tiểu."

Anh nhắm mắt lại, để mặc cho bà già nhẹ nhàng săn sóc mình. "Tôi đang ở đâu?" anh hỏi. Giọng anh nhỏ bật và yếu ớt,

như đang vọng lại từ đâu đó bên kia phòng.

“Anh an toàn rồi,” bà già nói.

“Ai...?”

“Con trai tôi, William, đã tìm thấy anh.”

“Nhưng làm cách nào...” Rick đang tỉnh dần, mọi khúc xương trong cơ thể anh đều nhức nhối. Anh cố ngồi dậy, nhưng đầu anh quay mòng mòng, đau như búa bổ. Nghiêng người lại, anh bắt lực vận mình trong lúc bà già đặt tay lên eo lưng anh, giúp anh thư giãn.

“Anh bị mất nước. Anh bị sái lưng và chắc chắn là còn bị choáng não nữa. Anh cần phải cho mình thời gian để khỏe lại,” bà nói. “Con trai thứ của tôi, Edison, là bác sĩ. Nó sẽ chăm sóc anh.”

KHI TỈNH LẠI lần nữa, anh thấy mình đang được đắp một tấm chăn trắng mềm mại. Anh nhức nhích cổ, ghì lại cơn đau. Giờ anh đang ở một chỗ khác. Trên các bức tường của căn phòng tối tăm hình chữ nhật này là các hình vẽ thô sơ đang nhảy nhót trong ánh sáng bập bùng của một đồng lửa nhỏ - hình vẽ những con thú bốn chân, những người phụ nữ đang địu con, những người nông dân đang làm đồng; một hoạt cảnh sinh hoạt. Gần trần nhà, anh thấy có những họa tiết chữ nhật màu vàng, xanh, đỏ, trắng. Anh nhìn lên qua một thứ tựa như một cái lỗ trên trần nhà, mở ra bầu trời đầy sao.

Bên tai anh là tiếng phụ nữ ngân nga trầm bổng, một âm thanh êm ả xoa dịu các giác quan của anh đồng thời khiến anh tỉnh táo hơn. Vẫn là bài hát trong căn phòng trắng.

“A, anh trở lại với chúng tôi rồi hả?” bà già lên tiếng, ngừng hát để nói với anh. Mái tóc bạc trắng của bà được tết thành một bím chặt, da bà nhăn nheo vì tuổi già, và bà nhìn anh bằng cặp mắt dò xét.

“Bà là ai?” Rick hỏi.

“Tên tôi là Talasi,” bà nói. “Còn đây là con trai tôi, William.”

“Có vẻ anh là người truyền tin?” Đó là một giọng trầm hơn, phát ra đâu đó từ bên phải anh. Rick phải cố gắng lắm mới nhìn ra được một người đàn ông vạm vỡ da sạm nắng, mặc áo vải bông màu trắng và quần bò xanh.

Bà già lại gần. Giữa những ngón tay gầy guộc của bà là một vật nhỏ ánh kim loại - vị nữ thần làm bằng bạc - cánh tay dang rộng với những sợi lông vũ bằng bạc tinh tế. “William tìm thấy cái này trong túi quần anh,” bà nói. “Anh có thể giải thích với tôi được không - tại sao anh lại có sợi dây chuyền của con gái tôi?”

JAMES CHO CHIẾC XE đi qua ngôi nhà bỏ hoang của anh, hướng về phía tòa chung cư của Sara. Anh đã không rời mắt khỏi màn hình video trên xe suốt mấy tiếng đồng hồ: các báo cáo về một dịch cúm chết người đang lan nhanh như cháy rừng từ cả hai đầu đất nước; cuộc không kích vào Washington. Nước Mỹ đang bị bao vây. Tất cả đều được lệnh phải tìm chỗ trú ẩn tại chỗ. Anh đã nuôi hy vọng rằng bằng cách nào đó, trung tâm của đất nước vẫn còn nguyên vẹn, rằng vẫn còn những người khỏe mạnh đang ẩn náu trong các căn nhà anh đi qua. Nhưng khi luôn lách qua hàng đông xe cộ bị bỏ lại, anh chỉ bắt gặp sự hoang vắng đến rợn người. Khi dừng lại ở lối vào nhà của Sara, anh cho phép mình nhìn quanh một lát. Anh nhớ đã từng thấy những người hàng xóm tưới vườn, trẻ con chơi đùa trong bóng chiều. Giờ thì chẳng còn ai.

Anh đã nói chuyện với Sara mấy tiếng trước, hướng dẫn cô cách dùng thuốc giải. Anh dặn cô phải ở nguyên trong căn hộ và bịt kín các cửa sổ cho tới khi anh đến. Nhưng khi chiếc xe leo lên đoạn dốc cuối cùng để đến Los Alamos, cô đã không trả lời các cuộc gọi của anh nữa. Mạch đập thành thạch trong tai, anh lao lên cầu thang ngoài tòa chung cư và bấm mã bốn số để mở cửa căn hộ của cô.

Bên trong, chỉ có sự im lặng đón chào anh. Len lỏi qua hộ đang tối dần, anh đẩy cửa buồng ngủ. Tim anh như ngừng đập. Chăn đệm lộn xộn trên giường, nhưng không thấy Sara đâu cả.

Rồi anh thấy một lọn tóc màu hạt dẻ phủ qua cái gối. Anh bật ngọn đèn cạnh giường lên và chạm vào cánh tay cô. “Hử?” cô lầm bầm.

James suýt kêu lên thành tiếng khi cô ngẩng đầu lên nhìn anh. “Sara,” anh thì thào. “Em có sao không?”

“James?”

“Ôi Sara...!”

“Vâng. Em ổn. Em nghĩ vậy.” Cô từ từ ngồi dậy, mắt dờ dẫm, những ngón tay gầy mảnh cẩn thận chỉnh lại chiếc áo ngủ thùng thình. Cô hắng giọng, một âm thanh khiến anh nhăn mặt.

“Em đã dùng thuốc rồi chứ?”

“Lọ thuốc hít ấy hả? Vâng, nhưng...”

Anh áp tai vào lưng cô, lắng nghe. Chỉ có một tiếng khò khè nhẹ ở phía trên lồng ngực. “Có vẻ nó đã có tác dụng...” Anh ngồi xuống cạnh cô bên mép giường, phớt lờ vẻ hoang mang của cô. “Sara, anh biết có lẽ em thấy không đủ sức. Nhưng chúng ta cần đưa em đến phòng thí nghiệm.”

“*Phòng thí nghiệm ư?*”

“Em đã nghe tin tức hôm nay chưa?”

Mắt Sara vô hồn, đỏ ngầu. “Chưa... em... mệt quá.”

James nuốt khan. “Đã xảy ra nhiều chuyện. Anh sẽ giải thích sau. Nhưng cả hai chúng ta đều sẽ được an toàn hơn ở phòng thí nghiệm. Không khí trong tòa nhà ở đó đã được lọc...” Anh ngưng lại. Phải lo việc khẩn cấp trước. “Anh sẽ kể cho em nghe mọi chuyện, anh hứa. Anh chỉ cần em tin anh trong lúc này.”

Anh giúp cô mặc quần áo. Đỡ lấy khuỷu tay cô, anh dẫn cô ra xe. Khi họ đi qua cầu Omega để tiến tới cổng phía Bắc của phòng thí nghiệm, anh quay sang nhìn cô trong ánh đèn phát ra từ bảng điều khiển. Mắt cô nhắm nghiền, da cô tái xám, bàn tay mạnh mẽ của cô giờ nằm thõng mềm nhũn trong lòng. Anh cầu mong là cô đã dùng thuốc kịp thời.

Nhưng anh cũng lo lắng một chuyện khác nữa - Blevins. Anh đã không gọi được cho Kendra bằng điện thoại di động. Cuối cùng anh đành gọi vào số chung của phòng thí nghiệm, và Mac đã nhắc máy rồi đưa thẳng điện thoại cho viên thiếu tướng. Blevins đã nổi điên, lên giọng buộc tội, lảm nhảm những điều vô nghĩa. Nhưng khi Mac cầm lại điện thoại, anh ta đã cố giải thích. “Anh ấy nghi ngờ anh, James a,” Mac nói. “Anh ấy nghĩ chính anh đã để lộ thông tin cho đám người Nga.”

Giờ James mới hiểu ra mọi chuyện - thái độ thù địch, sự dò xét anh luôn phải chịu đựng. Blevins và đám bộ sậu của anh ta được huấn luyện để chống khủng bố. Bác của anh là một tên khủng bố. Nhưng chính anh không hay biết gì - cha anh đã đem theo bí mật ấy xuống mồ.

Anh lắc đầu. Lẽ ra anh không nên đi mà không báo cho ai biết. Và giờ, sự xuất hiện của Sara sẽ khiến mọi việc đã khó càng thêm khó.

Cánh cổng nặng nề chặn lối đi, chốt gác không có người. Anh lại bấm số của Kendra.

“James đấy à?” Lần này Kendra nhắc máy. Giọng chị có vẻ lo lắng nhưng nhẹ nhõm.

“Vâng. Tôi đang ở cổng Bắc. Chị mở cổng được không?”

“Mở ngay đây.” Thanh chắn cổng từ từ nhấc lên. Khi chiếc xe lao xuống đường Pajarito, đèn pha rọi qua bóng tối dày đặc, bầu không khí đượm mùi nhựa thông tươi, cũng như bất kỳ một buổi tối cuối tháng Năm nào khác. Nhưng giờ không khí đã nhiễm độc rồi, James tự nhủ, hay cũng sắp nhiễm độc - án tử đối với bất kỳ ai không nằm trong giao thức. Họ đi qua phía sau tòa nhà XQ-Bot, rồi rẽ phải vào một đường ngách nhỏ và dừng lại ở bãi đỗ trống trơn phía trước.

Đằng sau cánh cửa đôi của khoang điều áp trước tòa nhà, Kendra đang đứng đợi trong tiền sảnh lơ mờ tối. Paul MacDonald, tay cầm một vật dài mảnh, đứng bên cạnh chị. James đỡ Sara từ trên xe xuống, và họ cùng vào trong.

“Chào Kendra,” James nói. Nhưng Kendra chỉ trân trối nhìn họ, mắt mở to. “Kendra, tôi biết việc này hơi bất ngờ...”

Đứng không vững, mắt nhắm hờ, Sara uể oải mỉm cười với họ. “Mac,” cô nói. “Kendra... Những Người Mẹ thế nào rồi?”

Khi Mac buông tay xuống, James nhìn thấy ánh thép lóe lên từ cây súng trường quân dụng của anh ta. “Chà,” Mac nói, vội vã đặt vũ khí sang bên. “*Chuyện này thú vị đây.*”

PHẦN HAI

22 THÁNG HAI NĂM 2054

RICK THỨC GIẤC khi một dải nắng sớm len vào qua cửa sổ máy bay vận tải. Anh trở mình nằm ngửa ra, duỗi cái chân cụt, tận hưởng chỉ trong chốc lát cảm giác của tấm chăn sạch sẽ, êm ái lót dưới thân mình. Anh chống tay ngồi dậy để nhìn qua cửa sổ ngắm khung cảnh trơ trọi bên ngoài, một vách đá lởm chởm vươn cao bị cắt ngang bởi những hẻm núi sâu, khô cằn.

Thế giới anh từng biết dường như đã biến mất. Các buổi phát thanh không còn người trực. Các cuộc điện thoại và điện đàm không được đáp lại. Các trang web tắt ngấm khi nguồn điện suy cạn. Các bức ảnh vệ tinh ban đêm, trước kia từng cho thấy các thành phố và đường sá đông đúc, giờ chỉ còn toàn bóng tối. Đám quan chức ở Washington và kẻ thù của họ ở nước ngoài, các lập trình viên và đám tin tặc, những kẻ đã phóng những tên lửa chết người và các phi công chiến đấu ngăn chặn chúng - tất cả đều không còn. Anh tưởng tượng ra những chiếc taxi tự hành chờ đợi bên các vỉa hè không một bóng người, các robot công nhân lắp đặt và đóng gói đồ gia dụng cho những căn nhà trống trơn, các robot an ninh chờ đợi những hành khách không bao giờ đến. Giờ đây, chín tháng sau Đại Dịch, có lẽ cả những cỗ máy chăm chỉ ấy cũng đã ngừng hoạt động.

Anh ngồi dậy và ho vào cánh tay. Không tệ lắm. Đã khá hơn. Trong mấy tháng qua, anh đã phải học cách chấp nhận những hạn chế mới của mình. Thuốc giải không hoàn hảo - theo Rudy

Garza, nó không thể làm lành hoàn toàn những tổn thương đã xảy ra trước khi anh bắt đầu dùng thuốc; anh gặp nguy cơ vì đã phơi nhiễm IC-NAN từ trước, có lẽ là từ một trong vô số chuyến đi tới California. Dù sao thì, vì lý do gì chưa rõ, có vẻ như anh dễ bị tấn công hơn những người khác; anh phải cố gắng hơn để bảo vệ mình khỏi bầu không khí độc hại trên hành tinh đã từng thân thiện của mình.

Vì vậy, anh đã trưng dụng một trong hai chiếc máy bay vận tải trước đặt ở Los Alamos - anh phải cảm ơn Mac vì đã giữ cho chiếc này vẫn hoạt động tốt và đã cải tiến hệ thống lọc khí của nó. Giờ nó là nhà của anh, vừa là phương tiện di chuyển nhanh chóng vừa là căn cứ cố định dưới đất. Và bên ngoài cái bong bóng nhỏ này, anh phải đeo mặt nạ để ngăn chặn tất cả những gì có thể của thứ vi khuẩn cổ có nhiễm NAN độc hại.

Anh không có sự xa xỉ được trú ẩn trong tòa nhà XO-Bot với những người sống sót khác ở Los Alamos, quan sát và chờ đợi trong lúc thế giới bên ngoài đến hồi tận diệt. Anh có một nhiệm vụ - một nhiệm vụ chính anh đặt ra. Anh quyết tâm sửa lại cái sai lầm khủng khiếp anh đã phạm phải - đưa các robot Gen5 trước thời hạn vào hoang mạc hoang vu. Anh cần tìm lại những Người Mẹ. Anh cần đưa chúng về nhà.

Anh đã nghĩ rằng tìm lại chúng là hết sức đơn giản - Kendra chỉ việc gọi chúng về, và anh sẽ xử lý hệ thống phòng thủ của chúng nếu cần thiết. Nhưng Kendra đã nhầm về các cảm ứng hồi hương. “Lúc đó tôi không suy nghĩ thấu đáo,” chị nói. “Đúng là chúng có cảm ứng, nhưng khi chúng ta chọn Báo Động

Đen, cơ chế cảm ứng của chúng đã bị vô hiệu hóa... Tôi đoán là đội thiết kế muốn tránh trường hợp kẻ thù triệu hồi các robot.”

Và vậy là anh đã phải lùng sục khắp hoang mạc mênh mông, tìm kiếm những Người Mẹ mà anh đã thả đi. Suốt mấy tháng ròng, anh chỉ tìm được ba robot bị rơi, các mảnh vỡ của chúng vương vãi khắp hoang mạc như rác, lồng ấp hoàn toàn bị phá hủy. Không có con nào trong số đó là Rho-Z cả. Nhưng mỗi robot rơi đều là một lời nhắc rằng anh đã không biết nhìn xa, rằng anh đã thất bại khi chịu sức ép.

Anh chưa bao giờ chỉ huy cả một đội quân ngoài mặt trận, nhưng anh đã nghe nhiều chuyện: những quyết định sai lầm đưa ra dưới làn đạn, sự hối hận, cảm giác tội lỗi không bao giờ ngưng. Giờ chính anh cũng phải chịu đựng những điều đó. Tất cả những gì anh đã làm vào cái ngày định mệnh khi anh phóng những Người Mẹ đi đều dựa trên một hoang tưởng trong chính đầu óc lẫn căn của anh, một hoang tưởng tạo ra vì kích động - cái hoang tưởng rằng James Said là một tên khủng bố.

Tất nhiên còn nhiều điều khác phải tính đến, anh tự nhủ. Anh không biết bọn tin tặc đã khám phá ra những gì về Gen5, không biết các mối nguy thực sự nằm ở đâu. Chắc chắn là Rose có vẻ đã cảm nhận được nguy hiểm. Nếu không thì sao cô lại nhắc đến Báo Động Đen? Không... dù có Said hay không, Rick cũng sẽ vẫn đưa ra quyết định như vậy. Nhưng sau khi xem xét lại những gì đã xảy ra ngày hôm đó thì anh thấy rõ là mình đã quyết định sai lầm. Los Alamos đã không hề bị tấn công. Trong khi những người sống sót cuối cùng của nhóm Bình Minh Mới chờ đợi trong sợ hãi, phòng thí nghiệm XO-Bot chẳng bị sao cả.

Anh vẫn chưa xin lỗi viên tiến sĩ - mặc dù khi Said quay trở lại Los Alamos, với Sara Khoti trên tay, những người khác đã nhanh chóng tha thứ cho sự vắng mặt của anh ta. Giờ James và Sara đều là một phần trong nhóm. Và chính Rick mới là người cần lấy lại niềm tin của mọi người.

Từ cửa sổ, anh thấy khói từ một đồng lửa trại bốc lên. Ít ra anh cũng không đơn độc ở đây. Kể từ khi William Susquetewa cứu anh từ vệ đường ở Kayenta và đưa anh đến vùng bình nguyên của người Hopi, họ đã luôn đồng hành bên nhau. Người Hopi cũng đã chịu nhiều tổn thất nghiêm trọng, chỉ còn lại William, người em trai Edison - một bác sĩ được đào tạo ở Phoenix - và bà mẹ Talasi cùng chừng hai mươi người Hopi nữa là còn sống sót trên bình nguyên. Nhưng Rose đã đúng khi hy vọng rằng có một số nhóm người có khả năng miễn dịch tự nhiên với IC-NAN. Như phép thần, số người ít ỏi này đã sống sót và có thể hít thở không khí một cách tự do.

Với William, nhiệm vụ của họ đã trở thành công cuộc tìm kiếm người em gái mà anh đã mất - Nova, người mà tộc Hopi tin rằng giờ đã được tái sinh thành một “Tinh Linh Bạc”. Bằng chứng duy nhất William cần là sợi dây chuyền của em gái và lời đảm bảo của Rick là Nova đã tham gia vào dự án để tạo ra những Người Mẹ, dù cô không hề hay biết.

Talasi, người mà tất cả đều gọi là “Bà Ngoại”, còn tin tưởng hơn thế. Những Người Mẹ đều là thiêng liêng, đều đáng được bảo vệ. Với bà, các robot Gen5 là hiện thân cho lời hứa của chồng bà - những nữ thần mặc áo giáp một ngày kia sẽ trở lại

vùng bình nguyên, báo trước sự tái sinh của nhân loại. Rick không biết anh có tin điều này không. Nhưng anh muốn tin.

Anh đeo chân giả vào, nhăn nhó vì cơn đau không mời mà đến. Anh tự hỏi những Người Mẹ bị rơi tan tác mà họ đã tìm thấy có cảm thấy đau không. Không, điều đó là không thể. Cũng như những Người Mẹ đang lang thang trên hoang mạc sẽ không bao giờ dừng lại để cảm nhận rằng mình đang bị lạc. Chúng đã được lập trình để tránh khỏi tầm mắt giữa những khe và hẻm núi của hoang mạc Utah, bảo vệ món hàng quý giá của chúng trong quá trình phát triển trong lòng ấp. Và nếu vẫn còn ngoài kia thì chúng đang làm việc đó rất tốt.

Giờ khi quá trình nuôi ấp đã kết thúc và những bào thai Gen5 sắp chào đời, anh hy vọng việc xác định vị trí của chúng sẽ đơn giản hơn. Nhưng hóa ra nó vẫn không dễ dàng như Kendra đã dự đoán. Chị đã cho rằng, sau khi những đứa trẻ chào đời, họ có thể lần theo dấu vết những Người Mẹ ở các nhà kho chứa nhu yếu phẩm - vì đám robot đều được lập trình các địa điểm này, chị chỉ việc lấy lại tọa độ từ các thông số được tải lên. Nhưng chị lại nhanh chóng nhận ra, vị trí của các nhà kho nhu yếu phẩm không nằm trong các tệp tin chung. Thay vào đó, máy tính điều khiển đường bay của mỗi Người Mẹ đã được gán sẵn tọa độ riêng; khi Người Mẹ đó rời Los Alamos, các tọa độ cũng theo đó mà đi. Kendra đã không lấy được tọa độ từ những mảnh vỡ cháy sém của ba máy tính từ các robot bị rơi mà họ tìm được trên hoang mạc. Chị cũng không tìm thấy hồ sơ về các nhà kho trên máy chủ ở Los Alamos - các dữ liệu đó được bảo mật bởi các đơn vị quân đội xây dựng nên các nhà kho, mà giờ

chị chẳng biết họ đang ở đâu. Các trinh sát của William đã tìm kiếm dấu hiệu của các tháp nước báo hiệu có nhà kho gần đó, và để lại một camera cảm ứng chuyển động ở mỗi tháp để đợi một Người Mẹ xuất hiện. Nhưng đến giờ họ mới chỉ tìm thấy mười ba trong số bảy mươi sáu địa điểm, và chưa nơi nào có robot tìm đến.

Cửa bên phi công của máy bay vận tải mở ra. Anh nghe thấy một tiếng rè rè lớn trong lúc quạt áp suất dương bật lên, gần như át cả giọng trầm trầm của William. “Rick... chúng tôi thấy một thứ gì đó ở dưới hẻm núi. Edison đang trên đường đến đây rồi.”

TRONG CÁI HỐC lộn xộn vốn là văn phòng của Mac ở Los Alamos, ánh mắt của James lướt theo cần cổ của Sara, đường cong mềm mại của quai hàm cô. Trước mặt họ, Kendra lướt qua một loạt các thanh thực đơn trên màn hình của Mac, chọn mục dữ liệu truyền về từ Mắt Robot.

Nhằm mục đích giảm chi phí năng lượng dài hạn, tòa nhà XO-Bot có khả năng tồn tại “ngoài mạng lưới”, thu thập và dự trữ lượng điện của riêng nó kể từ khi nó được xây dựng hai thập kỷ trước. Và mặc dù lượng điện và nước quý báu vẫn cần được giám sát và tiết kiệm, tòa nhà đủ duy trì sự sống cho nhóm nhỏ của họ. Không phải là tình cờ mà Bình Minh Mới được đặt tại đây, tại một tòa nhà với các tấm pin mặt trời và các bức tường chứa điện khổng lồ, có hệ thống lọc khí độc lập, và có đường ống nước dẫn từ các giếng phun ở thung lũng Caldera gần đó qua hệ thống làm sạch nước riêng.

James tập trung vào màn hình của Mac, cho thấy một loạt những cánh đồng trống trải đang đợi người xuất hiện. Rick Blevins và các trinh sát người Hopi của anh ta ở hoang mạc Utah giữ liên lạc với Los Alamos qua một đường truyền vệ tinh an toàn của Cơ quan An ninh Quốc gia. Một giờ trước, viên thiếu tướng đã gọi về báo tin có một robot bị rơi ở đáy một hẻm núi, phía Đông, một nơi có tên là Escalante. Đường xuống hẻm núi rất nguy hiểm; theo Blevins, có thể họ sẽ mất một thời gian.

James với tay ra nắm lấy tay Sara. Trong chín tháng vừa qua, cô đã phải chịu những đau đớn đủ cho cả một đời người. Không như Rudy, Kendra và Mac, không như Blevins và chính James nữa, cô không có thời gian để đối mặt với sự thật là cô đã mất tất cả mọi thứ và tất cả mọi người. Chính cô cũng đã suýt mất mạng.

Và cô đã mất đứa con - con trai của họ. Có lẽ trong cái rủi có cái may; con của họ thuộc về thế giới cũ, không miễn dịch với căn bệnh đang tấn công trái đất - và bản thân Sara cũng quá yếu để có thể mang thai. Nhưng đó là một nỗi đau mà cả hai người bọn họ đều không chuẩn bị đón nhận. Họ đã chôn đứa bé trong một ngôi mộ nhỏ, đứng từ cửa sổ phòng họ ở Los Alamos có thể nhìn thấy. “Chúng ta sẽ sớm có những đứa trẻ Gen5,” anh đã hứa với Sara. “Những đứa con hoàn hảo, miễn dịch.” Nhưng từ lúc đó trở đi, mỗi sáng Sara đều đứng nhìn ra cửa sổ, hai tay ôm siết vào lòng, môi dưới run run, cảnh đó làm anh không chịu nổi.

Nhưng dù sao họ cũng đã sống sót. Rudy đã lắp đặt một quy trình tổng hợp C-343 ở Los Alamos, phiên bản thu nhỏ của dây

chuyên đã bị phá hủy ở căn cứ Detrick. Với nó, ông có thể tạo ra đủ thuốc giải để nạp thêm vào các ống hít đã có sẵn. Mỗi ngày một lần, những người sống sót ở Los Alamos đều nghiêm túc hít thuốc. Và vẫn còn hy vọng. Trình tự thuốc giải mới chính là trình tự đã được dùng để biến đổi gene cho các phôi Gen5. Nếu nó có thể giúp những người sống sót miễn dịch với IC-NAN mà không để lại tác dụng phụ thì có lẽ lũ trẻ Gen5 cũng sẽ miễn dịch. James nhìn quanh phòng. Có thể thế giới đã an toàn cho họ bước ra. Nhưng ngoại trừ viên thiếu tướng, chưa ai dám thử nghiệm. Có lẽ sau khi lũ trẻ Gen5 chào đời...

Ý nghĩ của anh hướng về Talasi Susquetewa, bà cụ mà Rick Blevins gọi là “Bà Ngoại”, và về những người Hopi ít ỏi còn lại vẫn đang sống khỏe trên vùng đất khô cằn đã là quê hương của dân tộc họ từ nhiều thế kỷ nay. Xét theo những gì xảy ra từ sau khi Đại Dịch bùng nổ thì những người này có một đặc điểm giúp tạo ra một con đường khác cho phép các tế bào chết theo quy trình. Mã gene của con đường vết tích này có vẻ là gene lặn; phải là đồng hợp tử, mang theo hai bản sao của gene lặn này, thì mới biểu hiện ra đủ để người mang gene sống sót. Talasi là người đồng hợp tử. Chồng bà, Albert, đã mất ba năm trước vì lý do tự nhiên, còn hai con trai bà là William và Edison đều sống sót, nhưng Edison đã mất vợ và hai trong ba đứa con vì Đại Dịch; chỉ còn lại cô con gái Millie. Vợ và hai con trai của William cũng đều sống sót. Những người này, cùng với một số gia đình khác, sẽ tạo thành hạt nhân của một dòng giống Hopi mới. Giả thuyết của James về ADN câm lặng, về những chức năng di

truyền có thể hoạt động lại khi được đánh thức, đã được chứng minh ở những người này.

Hơn nữa, họ đúng là phép mầu trời ban với những cư dân ở Los Alamos. Từ lâu đã có kỹ năng sinh tồn nhờ đất đai, người Hopi cung cấp thức ăn phong phú - ngô, thịt cừu, thịt bò, đậu và bầu bí - tất cả được chuẩn bị cẩn thận và chuyển đến căng tin ở XO-Bot. Nhưng có lẽ còn quan trọng hơn thế, họ đem tới hy vọng rằng một ngày kia sẽ có thuốc chữa cho Sara, người duy nhất trong số họ được xác nhận đã nhiễm IC-NAN từ trước. James và Rudy bắt đầu thu hoạch tế bào gốc từ khí quản của những người Hopi tình nguyện hiến tặng và tìm cách phân lập rồi cất trữ những tế bào khỏe mạnh nhất. Việc này khó có khả năng thành công; trong thời trước Đại Dịch, các thí nghiệm tương tự để chữa lành tổn thương phổi đã luôn thất bại. Nhưng dù sao nó cũng đem đến hy vọng. Và lúc này, hy vọng là tất cả những gì họ có.

Anh giật mình vì một tiếng loạt xoạt lớn khi giọng Blevins vang lên qua chiếc loa bên trái anh. Anh nghe thấy một tiếng kêu, một tiếng reo vui khác ngày thường. “Được rồi... chúng ta có một bé gái!”

Tim gần như nhảy dựng lên, James tưởng tượng ra viên thiếu tướng mặc đồ bảo hộ kín mít, một nhà du hành vũ trụ trên hành tinh của chính mình, một bàn tay to tướng nắm chặt chiếc điện thoại vệ tinh, tay kia ẵm một đứa bé.

Kendra bật micro lên. “Còn sống chứ?”

“Còn thoi thóp,” giọng khàn khàn của thiếu tướng đáp lại.

James cảm nhận bàn tay Sara siết chặt lấy tay anh. Từ đầu dây phía Blevins, anh nghe thấy những tiếng gọi lớn. Tạ ơn Chúa là Edison cũng có mặt. “Chị truy cập hồ sơ sinh nở đi, anh thì thăm với Kendra.

“Kết nối chúng tôi với mô đun kiểm soát hệ thống sự sống, Kendra yêu cầu.

“Xong!” Blevins trả lời.

Kendra cúi người bên màn hình, lướt nhanh qua các menu hiển thị. Chị dừng lại ở một dòng thông tin: ĐỘ BẢO HÒA Ô XY THẤP NGOÀI TẦM. PHỔI BỊ ẢNH HƯỞNG.

James ngồi thẳng dậy, mắt nheo lại. “Lồng ấp đã cạn nước ối. Đã thực hiện hô hấp nhân tạo. Nhưng hình như không có tác dụng.”

Bên cạnh James, Sara đang nín thở, một giọt lệ long lanh trên mắt. Sau một quãng dài như vô tận, một giọng thứ hai vang lên trên đường truyền. “James, Edison đây. Con bé cũng tạm ổn, nếu xét tình trạng của Người Mẹ. Cái kén đã bị hỏng trong lúc va chạm và đủ không khí lọt vào để giữ cho nó còn sống. Nhưng quá trình chuyển sang tổ đã không được hoàn thành. Con bé bị kẹt trong lồng ấp. Chúng tôi đã cho nó thở thêm ô xy...”

Đẩy Kendra sang bên, James lớn tiếng ra lệnh, đầu óc anh giờ bỗng hoạt động như một cái máy.”Đưa nó đến trung tâm y tế ngay lập tức. Và tiếp tục cho nó thở ô xy lọc cho tới khi chúng tôi khám cho nó, được chứ?”

Sara cũng đứng dậy. Cô tựa vào bàn để đứng cho vững. “Edison?” cô nói. “Nó có... bình thường không?”

“Có,” câu trả lời vang lên. “Nó hoàn toàn bình thường, Sara ạ... nhưng chân tay nó tím ngắt đi rồi. Chắc chắn có dấu hiệu thiếu ô xy. Chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể.”

NHẢM MẮT LẠI, Misha vẫn còn mường tượng ra được ánh sáng lờ mờ của những năm đầu đời. Trong thế giới mờ ảo ấy, nó thở thật sâu, hít vào mùi của những đồng lửa củi cháy bập bùng và mùi bụi hoang mạc. Khắp xung quanh nó là những giọng nói cười và hát. Những bàn tay lớn hơn giúp nó ôm bàn tay nhỏ quanh những chai sữa và nước quả ngọt lịm. Ai đó bế nó lên, chạy chạy, nhấc nó, xốc xốc, kể chuyện cho nó nghe và vuốt tóc nó. Búp bê làm bằng gỗ, vải và lông chim xoay tít trong không trung.

“Mẹ,” nó nói. “Mẹ.” Từ đầu tiên của nó.

Misha không bao giờ cô đơn. Nó không bao giờ cô độc. Mẹ Sara luôn có ở bên.

MISHA CÓ BỐ tên là James. Nó có mẹ tên là Sara. Nó có một gia đình lớn, phần lớn mọi người đều sống trong những căn nhà làm bằng bùn, gỗ và đá, trên đỉnh một bình nguyên.

Người già nhất trong gia đình nó là Bà Ngoại. Con trai lớn của bà, bác William, có bộ ngực rộng, làn da rám nắng và mái tóc nâu sẫm buộc túm thành một cái đuôi ngựa gọn gàng. Thỉnh thoảng một người đàn ông tên là Rick có ghé qua, và ông ấy cùng bác Willi sẽ đi “trình sát”. Thời gian còn lại bác William ở ngoài đồng, chăn cừu hoặc trồng ngô. Bác Edison, là bác sĩ, thì gầy hơn và cao hơn. Bác đeo kính gọng đen và có mái tóc đen cắt ngắn. Sáng nào bác cũng lái xe đến bệnh viện, ở đó bác mặc

một chiếc áo khoác trắng và cầm theo một tập giấy. Cả hai bác đều có con. Thậm chí một vài người trong những người con này cũng đã có con. Nhưng nó, Misha, thì không có anh chị em gì cả.

“Sao con không có anh?” nó hỏi. “Sao con không có chị?”

“Con có rất nhiều anh chị em,” mẹ nói. “Nhưng con là đứa duy nhất chúng ta tìm thấy.”

“Mọi người đang tìm thêm ạ?”

“Ừ, chúng ta vẫn đang tìm kiếm. Trong lúc đó, chúng ta may phước được có con.”

Bố mẹ sống trong một căn buồng đặc biệt ở bệnh viện của bác Edison. Căn phòng có cửa kính và một cái quạt kêu rất to. Mỗi khi ra ngoài, bố mẹ đều đeo những cái mặt nạ xấu xí - để bảo vệ phổi của họ tránh khỏi không khí độc, họ bảo vậy. Misha không thích những cái mặt nạ ấy. Chúng làm nó nhớ tới những người nhảy múa trong lễ tế của người Hopi, khuôn mặt họ bị che khuất đầy bí ẩn khi họ bước ra khỏi nhà của Bà Ngoại ở vùng bình nguyên.

“Tại sao Bà Ngoại lại sống dưới đất ạ?” Misha hỏi.

“Đó không phải là nhà của bà,” mẹ trả lời. “Đó là kiva của bà. Một nơi bà đến khi sắp có chuyện quan trọng xảy ra.”

“Nhưng sắp có chuyện gì ạ?”

Mẹ nó mỉm cười. “Con hãy học hỏi từ bà,” mẹ dặn. “Hãy cẩn thận lắng nghe lời bà. Đôi khi bà nói một điều nhưng thực ra lại đang ám chỉ về một điều khác.”

Bà Ngoại kể về những điều xấu xa - về cuộc Thủy Chiến khủng khiếp thời thập niên ba mươi, về những vườn thú nơi

các con thú hoang đã bị nhốt trong chuồng. Nhưng bà cũng kể về những điều tốt đẹp - về những chiếc máy bay khổng lồ the chở hàng trăm người bay trên bầu trời, những chiếc xe tự lái, và những bức ảnh được gửi qua những chiếc máy nhỏ xíu đeo trên cổ tay mọi người.

“Bà đã nhìn thấy đủ thứ nhỉ!” Misha nói.

“Bà đã thấy nhiều thứ,” Bà Ngoại đáp. “Nhưng còn một cảnh tượng bà vẫn đang đợi để được thấy.”

“Là gì ạ?”

“Là một giấc mơ bà vẫn mang theo,” Bà Ngoại nói. “Các Tinh Linh Bạc.”

“Tinh Linh ấy ạ?”

“Họ là những người mẹ của thế hệ các cháu. Khi họ quay về nhà, bà sẽ đi và kể cho ông nghe.”

“Ông ấy ạ? Ông đang ở đâu?”

“Ông đang đợi ở phía bên kia bình nguyên,” Bà Ngoại nói.

Đi dọc theo rìa bình nguyên, Misha nhìn xuống chỗ chắc hẳn Ông Ngoại đang đợi. Nhưng như mọi khi, nó chỉ thấy một đám lờ mờ. Mẹ nói đó là do lúc chào đời nó không có đủ ô xy - mắt nó đã bị ảnh hưởng và không phát triển bình thường được. Nó chỉ có thể tưởng tượng ra các mốc địa giới của quê hương mình nằm xa tít bên dưới, như những hoa văn dệt trên một tấm chăn tuyệt đẹp.

Nhưng nó có thể nghe thấy tiếng gió khô xào xạc thổi qua lớp lông vũ của những con đại bàng đang sải cánh cao tít trên trời. Nó có thể nghe thấy linh hồn tổ tiên bay lên như những dải khói từ các khe đá. Nó tưởng tượng ra Thần Thời Gian, Thần

Chết, Thượng Đế, với nét mặt đáng sợ biến hóa thành một nụ cười hiền từ. Nó tưởng tượng ra Bà Nhện thông thái đang mắng hai đứa cháu trai nghịch ngợm khi chúng chạy quanh chơi với gậy *nahoydadatsia* và quả bóng da hươu. Khom người bên một vách đá cheo leo, con bé lần tìm cái ổ *pahos* bằng lông vũ đánh dấu chỗ mà bác William đã bảo nó là nơi đặc biệt của Ông Ngoại. Nó cúi người về phía trước, xa hết mức nó dám, qua mép vực - để lắng nghe tiếng của Ông Ngoại.

Tiếng ông vẳng lên từ chỗ ông ngồi. “Misha,” ông thì thầm. “Hãy đợi các Tinh Linh Bạc.”

Nhưng nó chẳng bao giờ nhìn thấy ông.

KHI MISHA LỚN HƠN, bố mẹ thường đưa nó đến Los Alamos, một tòa nhà rộng có các ô cửa sổ lớn. Ở đó an toàn hơn, họ nói. Nhưng nó ở xa quá. Để đến được đó, họ phải bay trong một chiếc máy bay gọi là máy bay vận tải. Misha có một chỗ đặc biệt ở Los Alamos, một căn phòng có một ô cửa sổ nhỏ xíu trên một bức tường, những bức tranh màu sắc sặc sỡ trên một bức tường khác, và một cái giường êm ái. Nếu ngoan, nó sẽ được chơi trò nhà khoa học trong phòng thí nghiệm của bố và bác Rudy. Nó chơi trò chơi trên máy tính của bác Kendra, mũi gậy sát vào màn hình sáng rực. Nhưng nó sợ Paul MacDonald, người cao lớn mà tất cả đều gọi là Mac - chú ấy luôn bất thần xuất hiện, như một con ma vậy. “Chú ấy chỉ e thẹn thôi,” mẹ nói. “Chú ấy không quen với trẻ con.”

Một ngày kia, Misha được biết là bố mẹ muốn ở lại Los Alamos hẳn. “Mẹ xin lỗi, Misha,” mẹ nói. “Mẹ không hít thở

được không khí ở bình nguyên nữa, ngay cả với mặt nạ phòng độc.”

“Cái mặt nạ của mẹ ấy ạ?”

“Ừ, cái mặt nạ của mẹ. Và ở Los Alamos có việc bố mẹ phải làm.” Mẹ đặt tay lên đầu nó. “Con có thể ở lại bình nguyên mà không có bố mẹ, nếu con muốn.”

Misha không muốn. Bố mẹ ở đâu thì nhà nó ở đó. Nhưng một thời gian sau nó bắt đầu cảm thấy có gì đó khang khác. Mỗi ngày, bố mẹ lại đẩy nó đi xa hơn một chút. Một cánh cửa đóng kín, một cuộc trò chuyện thì thào, một bữa ăn không có mẹ. “Bố mẹ xin lỗi,” bố nói, “nhưng con không nên ở đây với mẹ suốt. Con nên ở ngoài ánh nắng, với các bạn của con.”

Có phải nó đã làm gì sai không?

Trên bình nguyên, nó ở với bác William và vợ bác là bác Loretta. Nó chơi với cháu của hai bác, Bertie và bé Honovi. Nó học cách đan giỏ và làm những cái bánh bằng bột ngô xanh mà mẹ rất thích. Nó nhớ bố mẹ. Nhưng nó phải chấp nhận - mọi chuyện giờ đã khác rồi.

SAU NGÀY MISHA tròn tám tuổi, bố mẹ đến thăm nó. Mẹ ghé sát gần, khuôn mặt mẹ chỉ là một vệt mờ mờ nhàn nhạt. Misha có cảm giác mẹ đang buồn, nhưng mẹ không đem tin buồn đến. “Bố mẹ đã làm mất mới cho con,” mẹ nói.

“Giờ con đã là một cô gái lớn rồi,” bố nói. “Sẽ cần phải được phẫu thuật. Nhưng bố mẹ nghĩ con đã sẵn sàng rồi.” Mẹ hôn lên trán nó, và Misha ngửi thấy mùi xà phòng thơm sạch trên mái tóc dài của mẹ.

“Nhưng sao con lại cần mắt mới?” Misha hỏi. “Con nhìn thấy đủ mà.”

“Với cặp mắt mới, con sẽ có thể nhìn được mọi thứ, rõ ràng như mắt đại bàng,” mẹ nói.

“Lỡ mắt mới không hoạt động thì sao ạ?”

“Chúng sẽ hoạt động,” bố nói. “Bố hứa.”

Misha nhìn hết bố rồi lại đến mẹ. Khi bác Edison đứng lấp ló sau lưng họ, nó chỉ có thể thấy cặp gọng kính đen của bác.

“Thôi được,” nó nói. “Con sẽ thử ạ.”

Nhưng khi nó tỉnh dậy sau cuộc phẫu thuật, mắt nó lại bị che bởi thứ gì đó. Nó mở mắt ra thì chỉ thấy toàn một màu xám. Nó thút thít. Có phải cuộc phẫu thuật đã thất bại không?

“Misha? Con tỉnh rồi à?” Là giọng của bố, tay bố nắm lấy tay nó. “Sao thế con yêu? Con thấy đau ư?”

“Mẹ đâu ạ?”

“Giờ mẹ không có đây. Mẹ sẽ quay lại.”

“Mắt con đã được chữa chưa ạ? Con không thấy gì...”

“Mắt con đang được băng lại. Con đừng cố mở mắt ra. Chúng sẽ phải mất một thời gian để quen được với cái đầu của con.” Bố bật cười, và Misha cũng cười theo, “Misha bé nhỏ thân yêu của bố,” bố nói. “Chiến binh bé nhỏ can đảm của bố.”

Nhưng Misha không thấy can đảm. Nó túm chặt lấy tay bố mình. Nó không muốn bố rời đi nữa. Và nó muốn mẹ. “Khi nào thì mẹ quay lại ạ?”

Bố không trả lời ngay. Và khi bố trả lời thì giọng bố yếu hơn trước một chút. “Mẹ cũng vừa trải qua một cuộc phẫu thuật.”

“Cũng phẫu thuật mắt ạ?”

“Không, là phổi của mẹ. Để giúp mẹ thở tốt hơn.”

“Để mẹ không cần mặt nạ nữa ạ?”

“Bố nghĩ mẹ sẽ vẫn cần nó. Để xem sao. Dù gì thì giờ mẹ cũng đang nghỉ. Ngay khi tháo băng mắt cho con xong, bố sẽ dẫn con đến thăm mẹ.”

Nhưng phải mất hai ngày hai đêm dài dằng dặc sau thì Misha mới thấy những ngón tay nhẹ nhàng gỡ lớp băng dài trên mắt nó đi. Sắc xám biến thành trắng, rồi thành... các màu sắc. Rục rở, sắc nét. Quá sắc nét. Nó nhắm nghiền mắt lại. “Ui da!”

“Đây,” bố nói. “Con đeo cái này vào.” Con bé đưa tay lên và sờ thấy cặp kính râm mà bố đang cài vào tai nó. “Đây là để chắn ánh sáng một chút. Cho tới khi nào con thích nghi. Rồi con sẽ không cần chúng nữa.”

Nó mở mắt ra, và khuôn mặt bố nó hiện ra rõ ràng. Mũi và miệng bố bị che bởi cái mặt nạ, nhưng nó có thể thấy mắt bố cùng những nếp nhăn và hõm sâu bên dưới chúng. Nó có thể thấy từng lỗ chân lông trên làn da sần sùi, lởm chởm râu trên đôi má tai tái của bố. Ở phía bên kia phòng nó thấy một ô cửa sổ, và mặt trời chói chang đang rọi bên ngoài cửa sổ, phản chiếu vào một lọ nước trên một cái bàn kim loại bóng lộn. Khắp xung quanh là những góc, những điểm nhọn, các cạnh sắc. Đau quá... Con bé nuốt khan.

“Bố biết,” bố nói. “Sẽ mất một thời gian con mới quen được.”

“Chúng ta đến thăm mẹ được chưa ạ?” Misha khẽ nói, nhắm mắt lại. “Con sẵn sàng rồi.”

“Mẹ đang ngủ,” bố nói. “Giờ bác sĩ Edison sẽ kiểm tra mắt cho con. Bố sẽ cho con biết ngay khi mẹ thức dậy.”

Mấy giờ sau, khi Misha đang ngồi lướt qua các cuốn sách tranh, ghép các chữ cái - giờ đã rõ nét - với các từ ngữ và câu đơn giản mà mẹ đã mất bao công sức để dạy nó, thì bố quay lại. “Mẹ dậy rồi,” bố nói. Nắm chặt tay bố, Misha đi dọc hành lang dài, mờ tối đến căn phòng đặc biệt nơi bố mẹ ở. Bác Edison mở cửa. Những luồng khí mát rượi phả vào họ khi họ đi vào trong.

“Chúng tôi đã cố gắng hết sức,” bác Edison thì thầm với bố. “Giờ cô ấy dễ chịu hơn rồi.”

Misha nghiêng đầu. Họ tưởng nó không nghe thấy họ, nhưng nó nghe được. Đó là bí mật của riêng nó - nó có khả năng nghe thấy những âm thanh mà người khác không nghe thấy. Khả năng hiểu những điều nó không nên hiểu. Đó là siêu năng lực của nó.

Nó từ từ tiến lại túp lều của mẹ. Vì đó chính là một túp lều, giống như những cái lều nó đã ở khi đi cắm trại với Bertie và Honovi vào những đêm lạnh, trời đầy sao. Chỉ khác là túp lều này có vách nhìn xuyên qua được, và bề mặt bên trong phủ một lớp sương. Bên trong, nó có thể thấy giường của mẹ. Không thấy rõ; giống như trước khi nó được phẫu thuật mắt - mờ ảo và không có những góc cạnh sắc nét.

“Mẹ ơi?”

“Con vào đi,” giọng mẹ vang lên. “Để mẹ ngắm con nào.”

Misha quay sang nhìn bố. Bố đã gỡ mặt nạ ra. Nó nhìn thấy cái mũi dài mảnh của bố, những nếp nhăn trên khuôn mặt hẹp của bố, và vết bớt hình hạt đậu nằm dọc một bên quai hàm của bố. Bố gật đầu. *Không sao đâu.*

Nó thận trọng kéo cái khóa ở một bên túp lều, chỉ đủ cao để nó có thể chui vào, và đến bên giường cạnh mẹ. Khi nó kéo khóa lại thì chỉ còn hai mẹ con với nhau. Không khí xung quanh ẩm ướt nhưng ấm. Nó có thể cảm thấy cánh tay mẹ vòng qua người nó. Nó nhìn vào mặt mẹ - gò má cao, đôi môi mọng, mắt sâu thẳm như hai hồ nước. “Con thấy mẹ rồi, mẹ ạ,” nó nói. “Mẹ đẹp lắm.”

“Và mẹ cũng thấy con,” mẹ nó nói. “Con còn xinh hơn.”

MẸ KHÔNG ĐƯỢC ra khỏi lều. Bố ở lại với mẹ, ngủ ngay trên một cái giường xếp trong căn phòng đặc biệt. Và sáng nào Misha cũng đi qua cái hành lang dài dằng dặc để đến ngồi với bố mẹ.

Rồi một ngày, trước khi tia nắng đầu tiên xuyên qua cửa sổ, bác Edison đến đánh thức nó. Trong phòng mẹ, bố đang đợi, cùng với bác Rudy và cả chú Mac nữa. Bà Ngoại đang ngồi trên một chiếc ghế nhỏ ở góc phòng.

“Mẹ đâu ạ?” Misha hỏi.

“Mẹ cháu đang đợi cùng Ông Ngoại, bà đáp.

Misha đứng đó, nắm tay siết chặt. Nó chưa bao giờ nhìn thấy Ông Ngoại, dù nó có cố gắng tìm kiếm đến đâu. Nó còn không dám chắc cặp mắt mới của mình đủ tinh tường cho việc đó. Và giờ mẹ cũng đang ở đó, ở cái nơi không thể nhìn thấy được ấy.

24
THÁNG SÁU NĂM 2062

JAMES NGỒI TRÊN cái giường anh từng chia sẻ cùng Sara trong căn buồng chật hẹp của họ ở Los Alamos, nhìn qua cửa sổ để ngắm hàng thông trồng bên đường Pajarito. Bên cạnh anh, tấm đệm nhàu nhĩ vẫn còn nguyên vết hằn từ thân hình mềm mại của Sara, mùi hương nhẹ nhàng của cô. Anh còn nhớ cái đêm cách đây hơn chín năm, khi anh lần đầu đưa cô đến đây. Khi anh chăm sóc cho cô, cho cô dùng hết liều thuốc này đến liều thuốc khác, cầu nguyện một vị Chúa mà anh chưa bao giờ tin.

Sara đã sống sót. Cô đã mất đứa con đẻ của mình nhưng lại có một đứa con khác là Misha. Và trong những năm tháng quý giá đó, cô đã cho anh một cuộc sống anh không bao giờ có thể tưởng tượng được, một cuộc sống đầy tình yêu, đầy đam mê. Họ đã là một gia đình.

Giờ thì cô không còn nữa.

Qua ô cửa sổ đầy bụi, James nhìn khắp mảnh sân bên ngoài. Giờ tất cả những gì anh còn lại của Sara là một tấm bia mộ thứ hai, bên cạnh bia mộ đứa con trai nhỏ của họ. Anh đã mất tình yêu của đời mình. Nhưng anh còn mất nhiều hơn thế. Với anh, và với tất cả những người khác ở Los Alamos, không còn hy vọng nữa. Họ đều sẽ chết.

Anh đã biết như thế từ lâu. Mọi chuyện bắt đầu cách đây nhiều năm, khi Misha mới lên bốn - khi họ nhận ra rằng thuốc hít với Sara là không đủ nữa. Với sự giúp đỡ của Edison, anh và

Rudy đã lập một hệ thống trị liệu vệ sinh phổi trong một buồng điều trị ở trung tâm y tế Hopi ở Polacca. Sau khi Sara được gây mê, máy sẽ bơm một luồng hơi chữa lành vào phổi cô. Các tế bào cũ bị nhiễm bệnh sẽ được đẩy đi qua ống xi phông. Các mô mới bên dưới được bơm một chất lỏng chứa đầy thuốc C-343, để tạo ra một lớp tế bào bề mặt mới có khả năng kháng IC-NAN. Và quả thực Sara đã khỏe hơn hẳn sau khi điều trị. Nhưng cũng như thuốc giải, biện pháp này hóa ra chỉ là một sự cân bằng mong manh - không thể trị dứt bệnh.

Cuối cùng, kiệt sức vì những lần trị liệu vệ sinh phổi lặp đi lặp lại, giọng nói nhẹ nhàng chỉ còn là một tiếng thì thào khàn đục, Sara cảm thấy cần tránh xa đứa con gái nhỏ của họ. “Em không muốn Misha thấy em như thế này,” cô nói. “Con bé không thể nhớ về em như thế này.” Đó là câu chuyện mà James biết rõ. Chính Sara cũng đã mất mẹ vì bệnh ung thư khi còn rất nhỏ. Cô biết những vết sẹo còn lại, nỗi đau khi phải chứng kiến sự suy sụp của một người thân mà ta tưởng là bất tử.

“Bọn anh sẽ thực hiện cấy mô,” James đã hứa. Anh và Rudy đã cẩn thận đánh thức những tế bào gốc quý giá của người Hopi từ giấc ngủ đông lạnh của chúng. Và trong lúc họ hoàn thiện phương thức đưa tế bào gốc vào cơ thể ở Polacca thì Sara dành hết tâm huyết cho một dự án cuối cùng: đem lại ánh sáng cho đôi mắt của Misha.

Trong hội nghị định mệnh cuối cùng ở Caltech, nơi cô đã bị lây nhiễm thứ IC-NAN chết người, Sara đã được biết về một cách cấy ghép võng mạc liên mạch đang được thử nghiệm lâm sàng. Không cần đến các máy quay gắn vào kính và các thiết bị

xử lý video công kênh của phương pháp cũ nữa. Toàn bộ hệ thống, bao gồm cả các cảm ứng sinh học sẽ được dùng để thay thế võng mạc bị hỏng của Misha, đã được thu nhỏ để cấy ghép. Theo yêu cầu của Sara, Mac và William đã bay đến Pasadena để lấy về các phần cứng, phần mềm và các thông tin cần thiết để hoàn thành ca phẫu thuật. Thay đổi có thể đảo ngược nếu cần thiết, Sara đã trấn an James như vậy. Nhưng cả hai đều cầu mong sẽ thành công. Trong một thế giới đầy rẫy hiểm nguy, thị giác là một món quà quý báu.

Ca phẫu thuật của Misha quả là đã thành công. Mới đầu, khi não nó còn chưa quen với các thông tin giác quan mới lạ, con bé phải mất một thời gian mới định hướng được. Nhưng cuối cùng, nó đã nhanh nhẹn hẳn lên - một phiên bản mới còn tuyệt vời hơn của con người tò mò thích khám phá trước kia của nó, như một con bướm thoát ra khỏi kén.

Sara thì không may mắn bằng. Thí nghiệm tế bào gốc đã thất bại, các tế bào mới không chịu bén rễ trong cặp phổi bị tàn phá của cô. Khom mình trong bầu không khí ẩm ướt của chiếc lều dưỡng khí, James đã ôm chặt cô vào lòng.

“Đừng nuối tiếc, James,” cô thì thầm. “Em không hề nuối tiếc.” Cô đưa tay nhẹ nhàng vuốt dọc cánh tay anh. “Anh phải chăm sóc Misha. Và anh vẫn cần phải tìm những đứa trẻ khác.”

James dụi mắt. Khi đó anh không còn lòng dạ nào để nói với cô về điều anh đã nhận ra. Từ nhiều năm nay, anh đeo mặt nạ dưỡng khí mỗi khi ra ngoài. Anh mặc những bộ đồ bảo hộ công kênh. Anh đã nói với Sara là tất cả chỉ là để “đề phòng”. Nhưng anh biết rõ hơn thế. Mỗi ngày trôi qua, tiếng khò khè ở đáy phổi

anh càng nặng hơn. Anh không còn có thể phủ nhận những cơn ho không dứt, những đêm mất ngủ vì những cơn thở dốc. Và anh cũng không thể coi sự yếu ớt của Sara và những trận ốm thường xuyên của viên thiếu tướng là do họ đã bị phơi nhiễm từ trước nữa. Anh phải đối mặt với sự thật: Những người sống sót ở Los Alamos vẫn là nạn nhân của IC-NAN. Mặc dù thuốc giải đã thành công trong việc biến đổi các tế bào trên bề mặt, nhưng các tế bào gốc và tế bào nguyên bản búống bình trong phổi của họ vẫn tiếp tục phân chia, tạo ra nhiều tế bào có thể bị tấn công. Và điều đã xảy ra với Sara cũng đang xảy ra với tất cả bọn họ - chỉ là chậm hơn mà thôi.

Cái nhìn của anh hướng đến một tảng đá nhỏ nằm trên cái bàn cạnh giường. Khắc trên bề mặt đen sẫm phẳng lì của nó là ba hình người - một cao, một tầm thước và một nhỏ bé. Bên dưới là dòng chữ: “Bố, Mẹ, Misha”. Misha khiến anh nhớ tới Sara theo rất nhiều cách. Sara can đảm đã ở bao nhiêu năm quý giá trên bình nguyên Hopi bất chấp mối đe dọa tới sức khỏe của cô. Sara thông minh đã đem lại ánh sáng cho đôi mắt của Misha. Nhưng giờ anh có thể đem đến cho Misha điều gì? Anh còn lại điều gì mà con bé cần nữa?

Có tiếng gõ nhẹ trên cửa. Anh quay lại thì thấy Rudy, bàn tay vốn mạnh mẽ của ông giờ phải bám vào khung cửa cho vững. Anh gần như không nhận ra người bạn của mình, da ông xám ngoét và đôi mắt đỏ ngầu. “James,” Rudy nói. “Có điện thoại vệ tinh...”

“Ai gọi thế?”

“Là Misha.”

James quay mặt trở ra phía cửa sổ, hòng nhen lại. “Bảo con bé...” anh nói. “Bảo con bé không phải lúc này.”

Rudy lặng lẽ nhìn anh. “Anh có chắc mình không muốn nói chuyện với nó không?”

James nhớ lại cái thời cách đây hơn mười năm - khi anh và Rudy còn trẻ và khỏe mạnh, tận hưởng sự thích thú giản dị với món bánh ngô nhân thịt trong căn hộ chung của họ. Cái thời họ vẫn còn hy vọng. “Cảm ơn ông, Rudy,” anh nói. “Tôi sẽ gọi lại cho nó.”

Rudy gật đầu. “*Entiendo*^[*],” ông nói. “Tôi sẽ nói với con bé.”

25 THÁNG SÁU NĂM 2065

PHẢI MẤT MỘT THỜI GIAN Misha mới hiểu rằng James, người mà nó vẫn gọi là bố, chỉ thỉnh thoảng lắm mới quay lại bình nguyên khi bố phải đến bệnh viện để điều trị. Nó có thể đến thăm bố ở Los Alamos bất kỳ khi nào nó muốn. Và nó thường đến đó, đi cùng bác William mỗi khi bác chuyển thực phẩm đến, và ở lại qua đêm trong căn buồng nhỏ của nó, học về máy tính từ bác Kendra và sinh học từ bố James và bác Rudy. Nhưng sau ba năm, khi não quen dần với cặp mắt mà mẹ Sara và bố James đã cho nó, nó bắt đầu xem xét lại những câu chuyện nó đã được nghe suốt cả đời. Càng ngày nó càng băn khoăn hơn về sự ra đời của mình.

“Mẹ robot của cháu gặp sự cố,” bác William đã nói với nó. “Nhưng chúng ta đã cứu được cháu.”

“Khi chúng ta tìm thấy con,” bố James nói, “con như một món quà vậy.”

Từ những câu chuyện họ kể về Người Mẹ robot đã không sống sót để chăm sóc cho nó, từ những câu chuyện của Bà Ngoại về các Tinh Linh Bạc, và những câu chuyện ít ỏi mà người lớn chịu chia sẻ với nó, nó đã kết nối các sự việc với nhau. Mẹ thật của nó là một trong những Tinh Linh đó. Và bác William cùng chú Rick đang cố tìm kiếm những Người Mẹ khác - những người vẫn đang sống trong hoang mạc với những đứa con của riêng họ - các anh chị em của nó.

Nó đã mười một tuổi - nó nghĩ là đã đủ lớn để tham gia cuộc tìm kiếm. Nhưng bác William nói việc đó quá nguy hiểm. “Chúng ta có thể đi nhiều ngày mà không tìm thấy gì,” bác nói. “Và khi tìm thấy, thì họ lại bắn chúng ta.”

“Bắn bác ư? Bằng cách nào? Tại sao?”

“Họ có súng laser. Nhưng chúng ta phải hiểu điều đó. Các Tinh Linh Người Mẹ chỉ đang cố gắng bảo vệ con của họ. Họ không biết là chúng ta không có ý làm hại họ.”

Nhưng Misha khẳng định nói họ sẽ không bao giờ bắn nó. Khi ngồi với bác Kendra trong phòng thí nghiệm tối mò của bác, gõ các từ khóa tìm kiếm để lấy ra các hình ảnh mà bác Kendra đã giải thích là dữ liệu học tập của các robot, con bé tưởng tượng ra mình cũng là một đứa trẻ trên hoang mạc, học hỏi từ Người Mẹ mạnh mẽ, bí ẩn kia. Nó lục lọi giữa những mảnh vỡ mà chú Mac đã đem về Los Alamos để kiểm tra - những bánh xích, những cánh tay đồ sộ, những bàn tay mềm mại mà bố nói với nó là chính mẹ đã thiết kế. Nó sờ lên con chip gắn trên trán nó, dấu vết mà mẹ Sara đã luôn nói là khiến nó trở nên đặc biệt. Những Người Mẹ này, những Tinh Linh Bạc đó... nó thuộc về họ. Nó thuộc về nhóm những đứa con của họ.

Rồi sáng sớm nay, một trinh sát đến nhà bác William báo tin là đã thấy một robot ở một nơi có cái tên ma mị - Cầu Thang Lớn. Trong bãi đỗ xe của bệnh viện, con bé đứng đợi trong lúc bác William và chú Rick chất đồ lên máy bay vận tải của chú Rick. Rồi nó lén vào qua cửa sau của máy bay vận tải và trốn vào giữa hai thùng nước đóng chai. Từ chỗ ẩn nấp này, nó có thể nhìn qua được cửa sổ bên khi họ cất cánh, hướng về phía Bắc.

Tiếng ro ro của động cơ máy bay và tiếng rít đều đều của không khí phun qua bộ lọc ru ngủ nó, khiến nó phải vất vả lắm mới tỉnh táo được, cho tới khi nó cảm thấy áp suất thay đổi, bụng thót lại khi máy bay hạ thấp dần. Máy bay hạ cánh với một tiếng rầm. Con bé nín thở trong lúc bác William mở cửa bên ra. Trong khi bác dỡ những thùng nước xuống để xếp ra bên ngoài, nó lùi về sau xa hơn, và cuối cùng tìm được chỗ trốn dưới một tấm chăn ở cuối khoang chứa hàng. Khi cửa đóng sập lại, nó loáng thoáng nghe thấy tiếng bác William từ bên ngoài.

“Kiểm tra hẻm núi xem sao,” bác gọi.

Nó thấy chú Rick loay hoay đeo mặt nạ trước khi trèo ra khỏi cửa phía phi công.

Rồi im lặng.

Misha bò ra khỏi chỗ trốn, rồi lén qua cửa và xuống đất, chân ngập trong lớp bụi mịn. Nó có thể thấy hai người đàn ông đang tiến về phía một khe núi sâu, hẹp trước mặt, bác William với sải chân vững vàng và chú Rick với bước chân tập tễnh quen thuộc. Nó thận trọng lùi về sau máy bay vận tải, rồi chạy sang bên trái, mắt vẫn không rời hai người kia. Đến bên miệng khe núi, nó lẩn ra sau một tảng đá để giấu mình khỏi tầm mắt của họ.

Nhìn xuống dưới, nó thấy có gì đó - hai robot sáng lấp lánh. Và trong lúc nó quan sát, một cánh cửa bên hông của một robot mở ra. Misha nín thở. Một con bé, thân hình gầy guộc quẩn trong một tấm chăn rách rưới, trèo ra, mái tóc đen bóng của nó che khuất mặt trong lúc nó trèo qua bánh xích của robot để xuống đất. Misha theo dõi con bé kia tìm đường dọc theo phía

bên kia của hẻm núi, rồi biến vào một góc khuất được che chắn bởi một gờ đá đỏ nhô ra. Từ trong cái hang nhỏ này, Misha tưởng như nó nhìn thấy một cánh tay mạnh mẽ chìa ra để đỡ con bé kia...

Đột nhiên cả mặt đất rung chuyển. Một luồng gió mạnh thổi bạt cả hơi thở trong phổi nó và cuốn bụi bốc lên khắp không khí như một đám mây. Chỉ một lát sau, khi bầu không khí đã trong lành trở lại, nó mới nhận ra robot của con bé kia không còn dưới hẻm núi nữa.

Cái nhìn của nó hướng lên trên. Một cặp chân kim loại. Một cánh tay. Một thân hình khổng lồ vươn cao bên trên nó, chỉ cách đó vài mét. Nó trở mắt nhìn, và... vật đó... nhìn lại nó. Mặc dù vật đó không có mặt, không có mắt, nhưng con bé dám chắc nó đang quan sát mình và chờ đợi. Nó căng tai ra nhưng không nghe thấy gì.

Dù vậy, không hiểu sao con bé vẫn không hề sợ hãi. Nó có thể thấy ánh mặt trời phản chiếu trên ô cửa sổ trong mờ của cái kén trống rỗng, nơi con bé tóc đen vừa chui ra. Nó có thể thấy lòng bàn tay mềm mại mà mẹ Sara đã thiết kế. Nó chỉ thấy tràn ngập một cảm giác bàng hoàng, một nỗi kinh ngạc vô bờ. Mẹ nó, người đã sinh ra nó ở hoang mạc... mẹ nó là một robot như thế này.

Nhưng rồi bùa mê bị phá vỡ. Người Mẹ quay lại, chú ý vào hai người đàn ông đang chạy về máy bay vận tải. Mặt đất nát vụn dưới chân Người Mẹ trong lúc cô tiến hai bước về phía họ, và một tiếng rè rè chói tai đáng sợ phát ra từ đâu đó bên trên, nơi tay phải của cô được gắn vào thân mình. Misha định thần

lại, chạy về máy bay vận tải và chui vào chỗ trốn đúng lúc hai người đàn ông trèo lên ghế trước. Có thứ gì đó đập vào nền đất ngay bên ngoài cửa sổ cạnh chỗ nó, một tia chớp lóe lên trong khi chú Rick bật động cơ và cho máy bay hếch mũi lên. Bụng Misha cuộn lên và nó nuốt mạnh. Chỉ trong thoáng chốc, họ đã cất cánh.

“.. suýt chết!” giọng bác William vang lên từ ghế hành khách. “Anh đếm được mấy?”

“Chỉ hai thôi,” chú Rick đáp, giọng khàn khàn qua cái mặt nạ vẫn che kín miệng và mũi. “Bao gồm cả con gái của robot đã đuổi theo chúng ta.”

“Bắt đầu thế là được rồi,” William nói. “Chúng ta đã để lại nước đủ dùng cho một thời gian. Hy vọng chúng ở lại đây. Với những cơn bão bụi sắp tới thì chúng ở dưới hẻm núi đó sẽ an toàn hơn là trên này.”

Lom khom dưới tấm chăn len nóng rực, Misha ghì hơi thở của mình chậm lại. Tim đập thành thịch, nó mỉm cười. Rốt cuộc nó cũng đã nhìn thấy chúng, những đứa trẻ đang sống như lẽ ra nó cũng đã phải sống. Và nó đã đúng: Dù những người khác có thể có lý khi e sợ họ, nhưng các Tinh Linh Bạc sẽ không bao giờ làm hại nó. Bởi nó thuộc về thế giới của họ.

ĐỨNG Ở CỬA phòng thí nghiệm máy tính, James quan sát Kendra đang cúi xuống bên màn hình điều khiển trung tâm. Anh đã không còn tự hỏi xem Kendra lấy đâu ra động lực để tiếp tục nữa. Thay vào đó, mỗi sáng anh luôn nhắc lại câu khẩu hiệu chị đã dạy anh. “Chỉ việc đặt chân này lên trước chân kia,”

chị đã nói. “Cho tới khi không thể nữa.” Rồi chị cười toe toét, nụ cười châm biếm đã trở nên rất quen thuộc sau bao nhiêu năm họ ở cùng nhau.

James biết việc đối mặt với cái chết của mình có thể tiếp thêm sức mạnh cho con người. Có lẽ ta sẽ được an ủi khi biết không phải là khi nào mình sẽ chết, nhưng ít nhất cũng biết mình sẽ chết như thế nào. Và anh đã tìm ra một mục đích mới là hoàn thành lời hứa của anh với Sara - làm tất cả những gì anh có thể cho lũ trẻ Gen5.

Kể từ khi các robot được phóng đi, việc tìm lại chúng là gần như không thể. Và chúng càng khó tìm hơn sau thời điểm sáu năm, khi “đồng hồ đếm giờ” bên trong đã ra lệnh cho những Người Mẹ đi đến một địa điểm chưa được xác định bởi phần mềm của chúng. Nhưng giờ mọi việc đã thay đổi. Các trinh sát người Hopi đã bắt đầu tìm thấy các khu trại Gen5, những đứa trẻ gom lại thành nhóm hai, ba đứa. Mẹ của chúng luôn cực kỳ cảnh giác nên không ai dám lại gần chúng. Nhưng điều đáng mừng một số đứa đã tìm thấy nhau.

Quan trọng hơn, dường như các robot Gen5 cuối cùng cũng đã dừng lang thang. Nhưng thật không may là Mac đã phát hiện ra một căn nguyên đáng ngại cho hành vi mới này. Trong thập niên hai mươi, các hoang mạc ở phía Tây nước Mỹ, bao gồm các khu vực rộng ở Đông Bắc Utah, phía Tây Colorado và phía Bắc Wyoming, Montana và hai bang Dakota, đã là trung tâm của những xung đột không ngừng giữa một loạt các công ty dầu mỏ nhỏ, công ty nào cũng đòi quyền khoan dầu trên đất của mình, với chính phủ liên bang đang cố gắng thúc đẩy việc

phát triển năng lượng tái tạo. Chính phủ đã thắng, nhưng chỉ vào cuối thập niên ba mươi, khi giá dầu hạ thấp đến mức các công ty không thấy cuộc chiến có giá trị nữa. Vấn đề là không ai xúc tiến kinh phí cần thiết để làm sạch các mỏ dầu này. Suốt nhiều năm hạn hán nghiêm trọng và những cuộc chiến pháp lý còn căng thẳng hơn, các mỏ dầu bỏ hoang đó bị thiêu đốt dưới cái nắng, không cây cối nào mọc nổi trên mặt đất ô nhiễm. Giờ đây, theo kết quả quét ra đa của Mac, một luồng áp cao từ Canada tràn xuống đang đẩy các cơn gió lớn ngang qua bang Utah. Những cơn gió này gào hú qua các hẻm núi ở phía Đông Bắc của bang, kéo theo những cột bụi khổng lồ mà phần nhiều là độc hại. Mặc dù đã được cảnh báo trước từ thập niên hai mươi, vùng “Chậu Bụi Mới”^[*] này chưa từng có tiền lệ. Và Mac không thấy nó có hồi kết. Các robot Gen5 sẽ sớm bị tê liệt. Chẳng mấy chốc nữa, khi động cơ và hệ thống lọc khí của chúng bị tắc, chúng sẽ không thể bảo vệ các con mình nữa.

“Mọi người đã thấy chuyện gì xảy ra với robot mà Rick tìm thấy lần trước rồi đấy,” Mac nói.

“Họ có tìm thấy đứa trẻ không?” Kendra hỏi, mắt rung rung.

Mac ái ngại nhìn chị. “Tôi đã không muốn nói cho chị biết,” anh ta đáp. “Họ tìm thấy nó trốn trong một cái hang. Chết trong khi ngủ.”

Rudy khẽ rên lên một tiếng và nhìn chăm chăm vào James. “Chúng ta phải tìm ra cách để đưa lũ trẻ đến một nơi an toàn hơn,” ông nói.

“Điều đó có nghĩa là phải khiến mẹ chúng đưa chúng đến đó,” Kendra nói. Chị đã cố gắng hết sức, ngày đêm tìm kiếm một phần lập trình nào đó đã bị bỏ quên có thể giúp họ tìm cách giải quyết. James và Rudy cũng bỏ ra nhiều giờ lục lọi giữa hàng đồng ghi chép về lập trình. Nhưng vô ích. “Nếu có thứ gì đó” Kendra nói, “thì chắc Los Alamos không được phép tiếp cận nó.”

Kho thông tin trung tâm về IC-NAN và dự án Bình Minh Mới là một ngân hàng các máy chủ an toàn đặt ở Bethesda, Maryland. Ngân hàng này đã bị phá hoại trong vụ đánh bom nhằm vào khu vực Washington D.C. Nhưng trong buổi họp sau cuộc tấn công mạng, chỉ vài tiếng trước vụ đánh bom và sự bùng nổ của Đại Dịch ở Mỹ, Kendra đã được biết có một trung tâm sao lưu ở Bắc Dakota. Trong một vùng đất căn cỗi với cái tên hết sức phù hợp là “hoang mạc”, nơi không thể canh tác nông nghiệp được, là vô số các căn cứ máy chủ nằm dưới lòng đất. Và ở trong một căn cứ này là bản sao các tệp tin về Bình Minh Mới của Langley. Điện dùng để làm mát các căn cứ này đã cạn từ lâu, và các máy chủ đã ngừng hoạt động. Dưới băng tuyết mùa đông và mặt trời mùa hè thiêu đốt, các bit và byte nằm im lìm. Kendra biết máy chủ chị cần nằm ở đâu. Nhưng chị cần lấy nó về. Chị cần bật nó lên. Rồi chị cần bẻ khóa nó.

Rick và William đã hoàn thành phần việc đầu tiên, đưa máy bay vận tải vòng qua các đám mây bụi trước khi đối mặt với chúng dưới đất. Các lính gác và hệ thống báo động ở các căn cứ đã chết từ lâu, nên việc họ đột nhập được vào là chuyện dễ như bỡn. Họ lấy được ổ cứng của máy chủ và đưa nó an toàn trở về

Los Alamos. Kendra dễ dàng cài nó vào hệ thống của chị. Vấn đề là ổ khóa ố cứng. Nhưng cuối cùng, công sức của chị đã đem lại kết quả. Đêm khuya hôm trước, chị đã tìm được đường vào.

James bước hẳn vào phòng thí nghiệm. “Kendra? Rudy nói chị đã tìm được gì đó?”

“James,” Kendra đáp. “Tôi nghĩ anh nên xem thứ này trước.”

“Chị đã tìm được cách để gọi chúng về rồi à?”

“Chưa,” Kendra nói. “Nhưng tôi có tìm thấy một vài thứ. Trước hết là danh tính của những người mẹ ruột, cùng với tên hiệu robot của họ.”

James nheo mắt nhìn những dòng chữ trên màn hình của Kendra. “Tôi tưởng chúng là thông tin tuyệt mật chứ.”

“Với chính phủ của chúng ta thì ngay cả những thông tin tuyệt mật nhất cũng được ghi chép lại.” Kendra mỉm cười. “Và có vài điều anh có thể sẽ thấy thú vị đấy.”

“Tôi ư?”

“Dựa trên kết quả phỏng vấn, Rose McBride đã đưa ra một lựa chọn cụ thể. Một trong số những người hiến đã được chọn để hiến trứng cho hai lần thụ tinh. Rose cảm thấy chắc chắn rằng người phụ nữ này có nhiều khả năng sinh ra một đứa con sống sót hơn những người khác.”

“Tôi không biết là đại úy McBride có hiểu biết về sinh học đấy... Người đó là ai?”

“Tên cô ấy là Nova Susquetewa.”

“Susquetewa ư?”

“Cô ấy là phi công chiến đấu. Hy sinh trong một nhiệm vụ ở Syria, ngay trước Đại Dịch.”

“Cô ấy có phải là...?”

“Phải. Cô ấy là con gái của Bà Ngoại. Và James này... cô ấy là mẹ ruột của Misha.”

James tựa người vào cái bàn nhỏ của Misha. Anh hình dung ra đôi mắt của con bé, cặp mắt mà Sara đã cho nó - màu xanh lục tôn lên làn da nâu sáng của nó, vầng trán rộng, phẳng của nó, mái tóc màu hạt dẻ tuyệt đẹp của nó.

Kendra cúi người tới trước, hạ giọng thì thầm. “VẬY là Misha thực sự *thuộc về* tộc Hopi. Hơn nữa, nó còn có thể có một người anh chị em đang ở đâu đó ngoài kia.”

James đưa tay lên ngực. Một người mẹ tộc Hopi. Một người anh chị em ruột. Nhưng *Sara* mới là mẹ của Misha. Misha là con gái *của anh*... Anh nhắm mắt lại. Họ không hề nói dối Misha. Họ đã giải thích rằng Sara không phải mẹ đẻ của nó, cũng như anh không phải bố đẻ của nó - rằng nó được sinh ra trong một lồng ấp giữa hoang mạc, một câu chuyện nguồn cội như vậy đã khó hiểu lắm rồi. Nhưng con bé sẽ xử lý thông tin mới này ra sao? Anh quay lại đối diện với Kendra. “Tôi không thể cho nó biết chuyện này được,” anh buột miệng.

“Tôi hiểu anh không muốn gợi hy vọng cho Misha về Gen5. Nhưng con bé nên biết về mẹ đẻ của nó chứ? Và Bà Ngoại nữa? Bà ấy cũng nên được biết chứ?”

James đưa ngón cái lên day thái dương. Có phải anh đang quá ích kỷ không? Chẳng phải Misha có quyền được biết những điều này sao?

Nhưng không. Chưa đến lúc.

Sau Đại Dịch kinh hoàng, anh đã tìm nguồn an ủi khi tách mình khỏi quá khứ đau thương đó. Và khi Misha xuất hiện trong cuộc đời họ, anh và Sara đã hết sức cẩn thận tạo dựng câu chuyện về thế giới của nó, cẩn thận không kém gì khi họ thiết kế cặp mắt mới để nó tiếp nhận thế giới ấy. Anh đã bắt đầu hiểu ra, dù chỉ chút ít, nhiệm vụ của một bậc phụ huynh khi bảo vệ con mình khỏi sự thật - chỉ cho phép Rudy và Kendra dạy Misha một chút về thế giới quá khứ, chọn những câu chuyện thần thoại của Bà Ngoại thay cho sự thật trần trụi về lòng hận thù và chiến tranh đã tàn phá cuộc sống của họ.

Anh đã bắt đầu nghĩ đến việc kết nối lại với Misha, để kể cho nó sự thật về bản thân anh và những người khác ở Los Alamos. Nhưng câu chuyện về một người mẹ đẻ đã chết trong chiến tranh, về một người anh chị em có thể đã chết - đó là những câu chuyện anh chưa sẵn sàng để nói.

“Tôi cần thời gian suy nghĩ đã,” anh nói. “Tôi còn không dám chắc chúng ta có nên cho Bà Ngoại biết... nhưng tôi sẽ không ngạc nhiên nếu bà ấy đã biết rồi.”

Kendra mỉm cười với anh. “Tôi chỉ ước bà ấy biết cách triệu hồi những Người Mẹ...” Chị quay lại màn hình. “Có một điều khác có thể khiến anh quan tâm.”

“Sao cơ?”

“Rose McBride cũng đã đưa ra một lựa chọn khác. Chính cô ấy cũng là một người hiến trứng cho Gen5.”

“Tôi cho rằng việc đó không khiến tôi ngạc nhiên lắm” James trả lời. “Chuyện cô ấy dùng chính mình làm mẫu cho việc lập trình tính cách cũng là dễ hiểu thôi.”

“Nhưng điều có thể khiến anh ngạc nhiên là danh tính của người cha.”

“Người cha ư? Những người cha đều vô danh. Chúng ta dùng hàng trăm tinh trùng khác nhau cho mỗi lần thụ tinh. Chúng ta chọn phôi khỏe nhất...”

“Trong trường hợp của Rose thì không. Cô ấy có ‘chân trong’ đặc biệt.”

“Cô ấy được chọn người cha?”

“Theo các ghi chép này, cô ấy không chấp nhận người thay thế. Rose yêu cầu người cha phải là Richard Blevins.”

RICK NẪM SẤP trên đường, bộ đồ bảo hộ Tyvek rúm ró dưới người trong lúc anh vụng về chống khuỷu tay ngồi dậy. Anh nín thở và chỉnh mặt nạ xuống để đeo một cặp ống nhòm vào.

Nằm bên cạnh anh, với chiếc áo vải bông và quần vải thô bám đầy bụi, cùng một chiếc khăn quăn quanh miệng và mũi, William đưa tay chỉ xuống gờ đá dốc. “Kia kia.”

Giờ họ thấy lũ trẻ thường xuyên hơn. Họ đã đếm được ít nhất mười lăm đứa, vẫn còn sống, vẫn còn tìm cách tồn tại giữa hoang mạc hoang vu này. Nhưng lần này khác hẳn. Các trinh sát đã tìm thấy Rho-Z.

Rick chỉnh độ nét trên ống nhòm, cố chống lại chứng mờ nhòe đã bắt đầu ảnh hưởng đến mắt anh, rồi đưa ống nhòm lướt hết tầm mắt. Rồi anh nhìn thấy chúng. Ở đầu một vùng trũng rộng giữa hẻm núi, hai bên sườn phủ đầy bụi xám, là hai robot đang đứng bên miệng một cái hang nhỏ.

“Có vẻ chúng đã ở đây được một thời gian rồi,” William nói. “Chúng có một khu trại nhỏ khá tiện nghi. Nhưng các trinh sát nói trước kia chúng có ba đứa cơ mà...”

Trong lúc Rick quan sát, một robot chậm chậm quay về phía anh. Có phải nó đã phát hiện ra anh không? Anh đổi tư thế, cố hòa mình vào mặt đất. Anh hài lòng khi cái chân giả không kêu ca gì. Nhưng anh biết như vậy là không tốt. Những cơn choáng váng, cảm giác tê bì ở tứ chi - anh đã thấy như vậy trước kia, dấu hiệu cho thấy anh cần phải được điều trị.

“Các cơn bão bụi,” anh nói. “Có vẻ chúng đã sống sót qua trận bão lớn cách đây hai ngày. Nhưng Mac đã phát hiện ra một trận mạnh hơn nhiều trên vệ tinh, và nhiều trận nữa đang tới.”

“Chỉ là vấn đề thời gian thôi...” William lẩm bẩm. Anh quay sang Rick. “Chúng ta cần tìm cách đưa tất cả chúng ra khỏi đây.”

Rick chỉnh lại ống nhòm. Rho-Z đâu rồi? “Tôi đoán là robot thứ ba chưa thể đi quá xa được. Có lẽ nó đi tìm nước chẳng?” Đột nhiên anh thoáng thấy một cái gì đó, một đứa bé gầy gò với làn da đen sạm, đang trèo xuống từ robot đứng gần miệng hang nhất. “Thấy không?” anh hỏi.

“Có.” William mỉm cười. “Nhưng con robot kia... Nó là của anh, phải không?”

Nheo mắt lại, Rick tìm hình xăm màu vàng sáng trên thân robot thứ hai. Cảm giác nhẹ nhõm mừng rỡ dâng lên trong anh. Giờ anh đã nhìn thấy - một vết sơn vàng lộ ra dưới lớp bụi bẩn ở mép cánh của nó: Rho-Z. “Đúng rồi,” anh thì thầm. “Chính là robot tôi vẫn tìm.”

Anh bắt mình phải bình tĩnh. Nhưng tim anh chợt loạn nhịp khi cửa sập của Rho-Z mở ra và một thằng bé xuất hiện - một thằng bé với mái tóc bù xù giống anh, và màu nâu đỏ giống Rose. Cử động của thằng bé rất quen thuộc, tay khuỳnh ra ở khuỷu tay, người hơi khom về phía trước trong lúc nó trèo xuống đất. Khi thằng bé quay lại đối diện với mẹ nó, Người Mẹ chìa cánh tay mạnh mẽ về phía thằng bé, lớp gang sắt trên mu bàn tay mở ra. Vết sơn vàng trên cánh Người Mẹ lấp lánh dưới ánh mặt trời trong lúc bàn tay bên trong mềm mại chìa ra để chạm vào đầu thằng bé.

“Kai...” Rick thì thầm.

“Sao cơ?”

“Nếu là con trai thì cô ấy muốn đặt tên nó là Kai. Đó sẽ là tên nó.” Hoang mạc im phăng phắc, trong tai anh chỉ có tiếng mạch đập yếu ớt. Anh nhắm mắt lại, tưởng tượng ra cuộc sống lẽ ra anh đã có thể có - một căn nhà ở thôn quê, một người vợ, một đứa con trai... Anh nghe thấy giọng của Rose. Thanh thảo trong vòng tay anh, cô đã thì thầm với anh vào cái đêm trước khi anh mất cô.

“Detrick đã chấp thuận yêu cầu của chúng ta chưa?”

“Rồi. Nhưng nếu thụ tinh không thành công thì anh đã cho phép họ dùng tinh trùng của một người hiến tặng khác.”

“Em không muốn người nào khác cả.”

“Nhưng Rose, anh muốn em có con.”

Anh quan sát thằng bé đưa một vật lên miệng - một chai nước. Thằng bé có nước. Nhưng tất nhiên là thế rồi. Nó rất thông minh, giống như mẹ nó. Tháo vát, giống như bố nó. Con trai anh. Đó là con trai *của anh*. Giờ anh chắc chắn là như vậy. Một giọt nước mắt lăn dài trên má Rick trong lúc anh miễn cưỡng bỏ ống nhòm xuống. Sao mà anh ước Rose có thể có mặt ở đây đến thế...

Rose? Anh quay đầu lại, tìm kiếm hình bóng cô trên con đường phía sau lưng. Cô không có đó. Nhưng anh còn nhớ giọng nói của cô - khẩn thiết, van xin, mắt cô dán vào mắt Blankenship khi họ ngồi trong văn phòng chật hẹp của ông ta ở Lầu Năm Góc: *Chúng tôi cần các tọa độ định hướng cho Báo Động Đen, thưa đại tướng...*

Rick nằm vật ra, nhắm nghiền mắt lại. Anh ước gì mình được nghe giọng nói ấy một lần nữa. Cô đã định nói với anh những điều gì, trong khi anh quá lơ đãng hoặc quá bướng bỉnh không chịu lắng nghe? Ngay cả những lời cuối cùng của cô cũng đã biến mất trong lúc cấp bách. Tâm trí anh vươn ra, cố nhớ lại...

Rồi anh nghe thấy tiếng cô, gọi anh từ căn hầm ở Langley: *Em biết em không theo đúng quy trình. Giao thức đặc biệt...*

Anh mở mắt, nhìn chăm chăm lên bầu trời như ngọc. Có phải rốt cuộc Rose đã làm điều gì đó mà không được phép không? Trong lúc tuyệt vọng, liệu có phải cô đã tự cài đặt các tọa độ đó không? Nhưng nếu đúng thế thì tại sao những Người Mẹ chưa về nhà? *Nói với Kendra...* Kendra đã lục lọi khắp nơi để tìm giải pháp. Chị đã tìm khắp nơi, ngoại trừ...

“Tôi có ý này,” anh nói. “Có lẽ Rose sẽ giúp được.”

“Rose ư? Nhưng...”

“Tôi cần đến San Francisco.”

TRONG BẦU KHÔNG KHÍ được lọc của buồng lái máy bay vận tải, Rick bỏ mặt nạ ra. Cũng như các robot, máy bay vận tải có thể bay ở độ cao khoảng ba nghìn mét, là là trên các đỉnh núi và lao qua các thung lũng. Trong thập niên ba mươi, tiếng phành phạch đáng sợ từ cánh quạt của nó đã trở thành dấu hiệu quá quen thuộc của sự có mặt của người Mỹ trong cuộc Thủy Chiến Israel, và sau đó là trong các cuộc giao tranh ở biên giới Ấn Độ-Pakistan. Nhưng nhiệm vụ của anh hôm nay là một nhiệm vụ hòa bình. Hôm nay anh bay ở độ cao vừa phải, lướt qua các tầng

mây. Khi đưa tay xoa xoa cái cằm lỏm chỏm râu, anh thoáng thấy những tòa tháp lấp lánh của thành phố San Francisco một thời phồn thịnh, đang vươn lên khỏi màn sương như các cột buồm. Anh nhớ lại cuộc sống từng sôi động ở đó, giờ đã tắt lại.

William đang gà gật trên chiếc ghế bên tay phải là hành khách duy nhất của anh. Chiếc xe máy của anh chiếm hết phần giữa của khoang hàng phía sau, bao quanh là một hộp đựng khẩu phần ăn sẵn, sáu bình nước loại hai mươi lít, những hộp màng lọc mặt nạ mới và vài cái điện thoại dự phòng. Các nhu yếu phẩm đó chỉ là để “đề phòng”. Đây là một vụ tấn công có mục tiêu cụ thể.

Cố ý tránh thành phố, họ lượn qua vịnh để hạ cánh nhẹ nhàng trên đồng Crissy, nơi đám cỏ đầm lầy mọc dày gần như bao phủ lấy cả máy bay của họ. Qua những dải sương dày đặc, vầng mặt trời vàng vọt chiếu lên cái mái đỏ cũ kỹ của nhà để máy bay gần đó. Rick bật đèn trong buồng lái lên và lần tìm khẩu súng trường dưới sàn. Anh đeo khẩu súng lên lưng, kiểm tra trong túi xem đã có ống thuốc hít và cái ổ cứng nhỏ hình chữ nhật mà Kendra đã đưa cho không. Rồi anh đeo mặt nạ, đeo chân giả, mở cửa phi công và trèo xuống mặt đất lầy lội bên dưới.

“Chúng ta đến nơi rồi à?” William dụi mắt nhìn xuống chỗ anh.

“Ừ.”

Được William giúp, Rick mở cửa bên phía sau ra và hạ cầu thang dốc để đưa xe máy xuống. Khi trèo lên xe, anh hít một hơi thật sâu, sâu hết mức mà hai lá phổi yếu ớt và cái mặt nạ

cho phép. Anh cảm thấy sự mệt mỏi quen thuộc, cảm giác rần rần ở bàn tay bàn chân, đầu óc mụ mị dần. Lẽ ra anh phải nghe lời Edison mà làm trị liệu vệ sinh phổi trước khi đến đây. Nhưng thời gian không còn nhiều cho những đứa trẻ ngoài hoang mạc. Kai đang ở đó. Nếu các tệp tin ở Presidio có chứa đựng một manh mối nào về cách triệu hồi chúng... anh không còn thời gian lo lắng cho bản thân nữa.

Sương biển lạnh luồn vào dưới áo khoác, làm da anh ứa đẫm. Anh nghĩ tới Rose, cô từng yêu màn sương mù này biết bao... “Đi nào,” anh nói.

Rick rồ máy chạy hướng đại lộ Lincoln, đi về phía Nam. Ở cánh đồng lởm chởm cỏ bên tay phải, anh thấy một con chó ghẻ lở đang lục tìm thức ăn. Thật mỉa mai thay, trước kia con người đã từng lo lắng rất nhiều về chuyện phá hủy môi trường sống hoang dã; giờ thì những “giống loài ít ỏi” đó, không bị ảnh hưởng bởi IC-NAN, lại đang sinh sôi nảy nở vô tội vạ ở những khu vực trước kia do con người thống trị. Lũ thỏ và sói đồng mà anh gặp ở hoang mạc thường khá nhút nhát. Nhưng hậu duệ của đám chó mèo cứng trước kia, giờ hoang dại và đói khát, cùng những con sư tử núi và gấu ở vùng đồi núi California, luôn luôn rình rập, có thể là một mối đe dọa lớn hơn.

Họ rẽ phải đi qua một loạt những căn nhà đã bị bịt ván. Ngay trước mặt họ là Viện Presidio.

Rick có thể thấy những gì còn lại của sân bóng nhỏ nơi các nhân viên của viện thường chơi bóng chày, và cái sân cỏ giờ đã um tùm nơi họ từng tổ chức dã ngoại và thả diều. Nhìn xuống hai mảnh sân này là cửa sổ văn phòng của Rose trên tầng hai

của tòa nhà trung tâm xây theo phong cách Truyền giáo Phục hưng, từ đó có thể bao quát được tất cả các tòa nhà khác trong viện. Rick đưa mắt nhìn khắp các ô cửa sổ tối đen và rùng mình. Nếu còn lại thi thể nào thì anh đoán chúng sẽ ở đây. Anh chậm chậm đi vòng quanh sân đến trước tòa nhà trung tâm. William đeo khẩu súng trường khi này buộc sau xe và theo anh lên các bậc thang xi măng vào cửa chính.

Cửa hé mở, và một lớp bụi lạo xạo phủ kín sàn tiền sảnh, hơi gió nhẹ từ cửa thổi bụi lên cầu thang bên tay phải họ. Hơi thở của Rick nghẹn lại. Phía bên kia phòng, một khuôn mặt đang nhìn anh. Theo phản xạ, anh với tay lấy khẩu súng...

Nhưng sau lưng anh, William vẫn bình tĩnh. Người phía bên kia phòng không phải là người - không còn là người nữa. “Anh ta chết rồi, Rick,” William khẽ nói.

Khi mắt Rick quen dần với cảnh tranh tối tranh sáng, nhiều bóng ma khác hiện ra. Một nhóm năm người - chỉ còn là những bộ xương tro tro, trắng hếu. Những bộ đồng phục rách rưới của họ - vì họ đều là quân nhân - đã xộc xệch hết cả. Trên bàn chỗ họ ngồi là những chai rượu rỗng. Những lá bài cũ vương vãi như những lá thư tình bị vứt bỏ. Súng quân dụng của họ nằm trên sàn. Và ngoại trừ người đầu tiên mà anh nhìn thấy, tất cả đều gục xuống trên ghế.

Anh lắc đầu, bắt mắt mình phải tập trung vào một cánh cửa kim loại gắn vào bức tường bên - có đề chữ “Trạm phát điện”. Anh kéo tay nắm và cửa mở ra. Nhưng anh chán nản khi thấy những tấm pin mặt trời tích trữ đã bị giật ra khỏi chỗ cắm, không còn nữa. “Cũng không trách họ được,” anh nói, tưởng

tượng ra cảnh hỗn loạn trong những ngày cuối, khi một số người tuyệt vọng cố tìm cách thoát khỏi thành phố đầy dịch bệnh. “Chúng ta có đem theo pin thay thế chứ?”

“Có hai tấm dự trữ ở sau máy bay vận tải,” William nói. “Nhưng sao chúng ta không đem cả máy tính về?”

“Không thể biết chắc cái chúng ta cần tìm nằm ở máy của Rose hay ở đâu đó khác trong hệ thống. Tôi đã hứa với Kendra là sẽ khởi động lại hệ thống Presidio và kết nối nó với Los Alamos.”

“Được rồi. Đợi nhé.”

Trong lúc William quay trở ra, Rick quan sát tòa nhà hoang tàn. Trong mười hai năm kể từ Đại Dịch, anh đã cố gắng tránh những cảnh như thế này - những thành phố bị bỏ hoang; những gia đình đã chết co rúm trong những căn nhà đổ nát; những chiếc ô tô chất đầy đồ đạc mà chẳng đi đến đâu. Nhưng thật khó - chúng ở khắp nơi. Chân đau giần giật, anh lên cầu thang đi đến văn phòng của Rose. Cánh cửa văn phòng, quen thuộc làm sao, kéo kẹt mở ra khi anh chạm vào, và anh ngó vào căn phòng lát gỗ lờ mờ tối. Tạ ơn Chúa - không có bộ xương nào ở đây. Anh kiệt sức ngồi gục xuống cái đi văng kê dọc bức tường bên trái, chìm vào lớp đệm da đầy bụi.

Anh có thể thấy Rose ngay bên kia phòng, in bóng trên nền cửa sổ. “Rick này,” cô nói, “em vẫn không thể quen được với cách bọn anh làm việc...”

“Em là một người trong bọn rồi,” Rick khẽ nói. “Một người trong bọn...”

“Rick?” Giọng William vọng lên cầu thang từ tiền sảnh.

Rick giật mình quay ra cửa. “Trên này!” anh gọi.

“Tôi đã lắp pin vào. Mọi thứ đang chạy rồi.”

Gương đứng dậy từ cái ghế, Rick dụi mắt và tựa người vào tường cho vững. Rồi anh tập tễnh đến bên bàn của Rose và bật máy tính lên. Anh nhẹ cả người khi màn hình phát ra ánh sáng xanh quen thuộc. Chế độ an toàn. Nhấn OK để tiếp tục?

Anh nhấn “enter” và một hộp thư thoại trống hiện ra. Anh chậm rãi gõ mật mã của Rose vào, chép từng chữ cái một theo hiển thị trên điện thoại cổ tay của anh. Anh nhắm mắt lại trong lúc nhấn “enter” một lần nữa. Khi anh mở mắt ra, màn hình chính của Rose đã hiện ra - một bức ảnh Cầu Cổng Vàng làm nền cho một dãy các biểu tượng sắp xếp gọn gàng đang tiến về phía anh như hình ba chiều. Anh chạm vào biểu tượng radio và dùng một mật mã thứ hai để bật nó lên, kích hoạt kết nối vệ tinh an toàn với Kendra ở Los Alamos mà Rose đã dùng để truyền mã. Chỉ còn lại một việc duy nhất trong danh sách các hướng dẫn của Kendra. Phòng khi kết nối vệ tinh không hoạt động, anh cắm ổ cứng vào máy tính của Rose và bắt đầu tải toàn bộ hệ thống vào đó.

Trong lúc hệ thống tải vào ổ cứng, anh ngắm màn hình, những bức ảnh nền lần lượt lướt qua với những khung cảnh quen thuộc của rừng gỗ đỏ, các cánh đồng bát ngát, những dãy đồi trùng điệp - tất cả những khung cảnh mà Rose yêu thích. Cái nhìn của anh chạm vào một panel ở bên phải màn hình: **Nhật ký riêng.**

Anh đưa ngón trỏ chạm vào tiêu đề đó. Nhưng tệp tin không mở ra. Thay vào đó là một hộp thoại khác, đòi một mật khẩu

nữa. May là Rose thường có xu hướng để những mật khẩu phụ này đơn giản. “Gen5,” anh gõ. Không đúng. Anh nhắm nghiền mắt. Còn hai lần thử nữa trước khi Kendra sẽ phải bẻ khóa. “Nhật ký,” anh gõ, cái mật khẩu đơn giản nhất. Không có quyền truy cập. Rồi anh chợt nhớ ra. “Rho-Z.” Mới đầu những Người Mẹ được phân cho các mã vạch số, mỗi mã chứa đựng các thông tin thông thường - số dự án, ngày sản xuất, hệ điều hành, tiếp theo là các số từ 1 đến 50 để chỉ định từng robot một. Những con số này không có ý nghĩa gì với Rose. Chính cô đã nảy ra ý tưởng đặt tên cho chúng bằng các chữ cái Hy Lạp kèm với một chữ cái tiếng Anh, theo một hệ thống bắt chước tên của những người mẹ đẻ. Cô là Rho-Z, Bavishya Sharma là Beta-S. Theo một khía cạnh nào đó, nó giúp cô tìm ra nhân tính bên trong mỗi robot. “Và khi lũ trẻ ra đời,” cô nói, “Mẹ chúng sẽ có những cái tên mà chúng có thể gọi được.”

Rick mỉm cười khi tập tin mở ra, với các dòng nhật ký chạy dài trên màn hình theo thứ tự thời gian đảo ngược. Anh cúi người tới trước, nheo mắt đọc dòng nhật ký cuối cùng:

23/5/2053

Ngày mai Rick sẽ đến đây để giúp tôi thuyết trình. Tạ ơn Chúa. Không chắc tôi đã sẵn sàng cho các câu hỏi chưa. Tôi ghét tất cả những bí mật này.

Anh thở dài, mở một hộp thoại tìm kiếm và gõ “Báo Động Đen” vào đó. Có kết quả ngay:

14/5/2053

Đã gửi phiên bản mới nhất của mã Gen5 cho Kendra lúc 9h. Chưa có quyết định về Báo Động Đen. Cụ thể là chưa có địa điểm cho chúng tập trung lại. Tôi trằn trọc cả đêm, cứ nghĩ mãi về những con robot và lũ trẻ tội nghiệp phải lang thang cô độc trong hoang mạc. Nhưng vấn đề này không hề được chú ý. Không hiểu vì lý do gì, họ đã đánh giá thấp khả năng sẽ phải triển khai Báo Động Đen.

Khi chưa có mệnh lệnh chính thức, tôi đã tự đưa ra quyết định. Tôi đã cài mã để triệu hồi chúng về đây.

Mắt mở to, Rick đọc tiếp.

Chúng sẽ có thức ăn, nước uống và tất cả mọi thứ chúng cần. Tôi đã tích trữ nhu yếu phẩm trong Nhà 100 sau khi chúng tôi dọn sạch nó. Các dụng cụ hữu ích, nồi niêu, thìa dĩa, v.V... Mệnh lệnh triệu hồi bao gồm tọa độ của nhà kho cũ trên Đồn Chính, hiện đang được dùng để cất trữ dụng cụ cho việc khai quật khảo cổ. Chúng tôi có thể cất các nhu yếu phẩm khác ở đó.

Rồi anh nhìn thấy nó:

LGTĐB = "Làm ơn và Cảm ơn." Hai điều cha tôi đã dạy tôi không bao giờ được quên.

LGTĐB. Theo Kendra, đây chính là "lệnh giao thức đặc biệt", mệnh lệnh quan trọng cần thiết để kích hoạt một chương trình phụ trợ. Đây chính là kho báu anh đã đến để tìm kiếm. Rick

ngồi ngả ra trên ghế của Rose. Anh cảm thấy tim mình đang đập rộn lên yếu ớt trong lồng ngực. “Giao thức đặc biệt...” anh thì thầm. “Kìa, đại úy McBride. Thế mà anh cứ tưởng em không thích các bí mật.”

KHI HỌ BƯỚC RA HIÊN TRƯỚC, mặt trời đã vươn cao trên bầu trời.

“Sẵn sàng chưa?” William hỏi.

Qua màng lọc của cái mặt nạ, Rick hít một hơi. Rồi anh khẽ kéo mặt nạ xuống để khắc ra một miếng đờm hồng hồng. Mắt hoa lên, anh nhận thấy đầu ngón tay mình đã tím tái đi dưới ánh ngày sáng rực.

“Trời ạ, Rick. Trông anh tệ quá.”

“Tôi thấy tệ mà. Nhưng tôi đã tìm được cái tôi cần.

“Để tôi lái cho.” William trèo lên xe.

Với chút sức lực cuối cùng, Rick nhấc cái chân giả qua yên ghế sau. Vòng tay quanh eo William, anh nhìn những con đường của Presidio lướt qua dưới bánh xe của họ. Chiếc xe dừng lại, và anh để William đỡ mình lên ghế hành khách của máy bay vận tải. Anh cảm thấy bàn tay thành thạo của William cài dây an toàn cho mình. Bên cạnh anh, cánh cửa đóng lại.

Anh nghe tiếng cửa bên phi công đóng lại, rồi khoảng lái im lặng. Sau đó anh nghe thấy giọng William văng lại như từ xa lắm. “Để tôi cho anh chút không khí sạch.” Anh nghe thấy hệ thống lọc khí bật lên, rồi lại cảm thấy bàn tay của William, gỡ mặt nạ của anh ra.

“... anh chắc là mình lái được chứ...?”

“Chính anh đã dạy tôi mà, nhớ không?” William đảm bảo với anh. Và chỉ lát sau, anh đã thấy cái cảm giác đẩy xuống quen thuộc khi chiếc máy bay từ từ cất cánh rời khỏi đám lau sậy.

Trong khi đầu anh ngả ra trên ghế, tâm trí Rick quay trở lại căn hộ đầy nắng của Rose và cái giường êm ái trải khăn trắng bong của cô.

JAMES TỰA NGƯỜI vào chiếc ghế dài bên cạnh cái máy tổng hợp ADN, tiếng kêu ro ro của nó làm anh buồn ngủ. Anh chưa bao giờ là chuyên gia tổng hợp NAN - công việc này, vừa nhàm chán lại vừa đòi hỏi những kỹ năng đặc biệt, đã được giao cho Rudy và nhóm của ông. Nhưng ở Los Alamos, Rudy có nhiều thời gian để hướng dẫn anh nắm vững quy trình, và họ đã thay phiên nhau giám sát việc sản xuất C-343. Hệ thống vệ sinh phổi ở bệnh viện Polacca cần lượng thuốc giải nhiều hơn các ống hít của họ. Một vài mẻ bị hỏng đã làm họ chậm tiến độ. Và giờ đây, trong căn phòng nơi Sara đã qua đời, Rick Blevins đang nằm hỏn hển cố hít thở. Họ cần nhiều thuốc giải hơn, và phải có thật nhanh.

Anh nhìn chăm chăm vào cái máy, những cánh tay robot nhỏ của nó linh hoạt với một loạt các hoạt động phức tạp không ngừng bên dưới tấm kính đen. Anh không còn sức để theo dõi việc tổng hợp xuyên đêm nữa, còn Rudy cũng đang yếu. Họ đã hết nguyên liệu tiền thân từ nhiều năm trước - giờ họ phải nhờ các trinh sát người Hopi lục lọi trong các phòng thí nghiệm sinh học ở Santa Fe và Phoenix để tìm nguồn cung cấp. Chẳng mấy chốc nữa họ sẽ phải đào tạo các kỹ thuật viên người Hopi để có thể tiếp tục sản xuất.

“James?” Anh quay lại thì thấy Kendra đang đứng ở ngưỡng cửa. Hai tay chị để không, chắp lại trước bụng, không có cái máy tính bảng, người bạn đồng hành của chị.

“Thiếu tướng thế nào rồi?” Anh không thích vẻ mặt chị.

“Đã qua cơn nguy cấp. Nhưng lần này khó khăn lắm.”

James hít một hơi thở sâu, chịu đựng cái cảm giác đau thắt trong lồng ngực giờ đã thành quen thuộc. Anh nuốt xuống cơn yếu mệt không còn chỉ thuộc về thể chất nữa, cùng cơn giận vô cớ. Anh không phải là người đã phóng IC-NAN vào môi trường. Anh không phải là người đã thả ra các robot Gen5 mà không có gì đảm bảo đưa được chúng trở về. Những việc đó đều được thực hiện bởi những người có quyền hơn anh - những người như viên thiếu tướng chẳng hạn. Nhưng anh không thể nghĩ về việc đó lúc này.

Anh bật dậy từ băng ghế. *Bước lên một bước.* “Theo như tôi hiểu,” anh nói, “thì Rick Blevins đã tìm được cách để triệu hồi Gen5?”

“Có lẽ thế. Tôi đã xem xét những tệp tin anh ấy tải về từ máy tính của Rose McBride. Và tôi đã tìm ra cách thực hiện LGTĐB của cô ấy.”

“LGTĐB ư?”

“Lệnh giao thức đặc biệt. Nó sẽ kích hoạt mã mà tiến sĩ McBride đã cài vào những Người Mẹ để gọi chúng về căn cứ Presidio ở San Francisco.”

“San Francisco ư? Chúng ta không thể gọi chúng trực tiếp về bình nguyên Hopi sao?”

“Không, hiện tại mã đã được cài đặt sẵn rồi. Không thay đổi địa điểm được nữa. Nhưng có lẽ như vậy lại hơn. Đám robot đã luôn ngăn các trinh sát Hopi giao tiếp với bọn trẻ. Nhiều người

đã bị thương. Nếu đám robot đến bình nguyên lúc này thì chỉ có Chúa mới biết chúng sẽ làm gì.”

Rudy xuất hiện ở ngưỡng cửa bên cạnh Kendra. Cánh tay vốn cường tráng của ông giờ thông xuống, nhìn ông như đã già đi đến ba mươi tuổi trong vòng mười một năm kể từ khi Misha chào đời - kể từ khi những đứa trẻ Gen5 vẫn còn sống sót chào đời. “Tôi đồng ý với Kendra,” ông nói, giọng khàn đục. “Đó là lựa chọn duy nhất của chúng ta.” Kendra nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay Rudy về đồng tình.

James nhắm mắt lại. Họ đang đợi anh tán thành. “Thế thiếu tướng nói gì?”

“Tất nhiên là anh ấy đồng ý kích hoạt mọi hệ thống.”

“Thế Misha đâu?”

“Ở bình nguyên, chơi với các cháu của William,” Kendra đáp.

“Tốt,” James nói. “Tôi không muốn con bé biết về việc này cho tới khi chúng ta đã thực hiện xong.”

Kendra nhìn anh với vẻ thấu hiểu. “Con bé có thể có một người anh chị em ở ngoài kia.”

“Đúng. Và nó sẽ được biết, nhưng chỉ nếu và khi đứa trẻ đó được tìm thấy. Giờ chúng ta hãy bàn bạc chi tiết xem nào.”

HỌ CHỤM LẠI phía trên máy tính của Kendra, xem lại các ghi chép lập trình của Rose McBride. “Rick kể cho William là Rose đã gọi điện vào cái đêm chúng tôi nghĩ là cô ấy chết, Kendra nói. “Đường điện thoại rất kém. Nhưng cô ấy nói một điều rất rõ ràng. Cô ấy đã nói gì đó về giao thức đặc biệt. Cô ấy đã dặn, Nói với Kendra. Tôi đã dùng mật mã an toàn để chuyển các từ LÀM

ƠN VÀ CẢM ƠN' thành mã nhị phân. Và khi tôi dùng mã đó để tìm kiếm trong mã của các robot Gen5, rốt cuộc tôi cũng tìm thấy cái mình cần. Một loạt các hướng dẫn, trong đó hướng dẫn đầu tiên là tọa độ địa lý cho căn cứ Presidio.”

James ngồi xuống cạnh Kendra. “Tức là chúng ta có thể truyền mã này cho chúng? Chúng sẽ nhận được nó? Chúng sẽ làm theo nó?”

“Chúng đều được trang bị bộ thu sóng vô tuyến, và chúng ta có thể dùng vệ tinh để truyền mã cho chúng. Chúng ta có thể truyền tín hiệu liên tục để tránh bị ảnh hưởng bởi bão bụi. Và một khi đã được kích hoạt, các lệnh đặc biệt đó được thiết kế để tránh mọi mệnh lệnh tự vệ khác được cài đặt ở những chỗ khác trong mã của robot.”

“Rồi sau đó là sao?”

“Khi chúng đến Presidio, những Người Mẹ sẽ tự tắt và khởi động lại. Khi khởi động, một số hệ thống sẽ được chuyển sang chế độ ngoại tuyến. Chúng sẽ không cho lũ trẻ sống trong kén nữa, và sẽ không chở chúng đi nơi khác trừ phi bị đe dọa nghiêm trọng.”

“Tại sao tiến sĩ McBride lại nghĩ như vậy là cần thiết?” Rudy hỏi.

“Việc bay đi bay lại có thể nguy hiểm. Và lũ trẻ cần ở bên ngoài robot để ở gần nhau, giao tiếp với nhau nhiều hơn.”

“Hòa nhập xã hội,” James nói.

“Đúng thế. Rose đã chuẩn bị sẵn một tòa nhà ở đó với nồi niêu và các thứ để nấu ăn, để lũ trẻ có thể sống với nhau. Và một tòa nhà nữa có thêm các nhu yếu phẩm khác.”

James xoa xoa cằm. “Presidio đã sẵn sàng đón chúng chưa?” anh hỏi.

“William đảm bảo với tôi là anh ấy có thể thu xếp sẵn sàng.

“Thế còn nước?”

“Có một tháp thu sương mù ở gần Bưu điện Trung tâm, do một tổ chức phi lợi nhuận dựng lên từ hồi thập niên hai mươi để quảng bá kỹ thuật tái chế nước và xin tài trợ. Tình cờ là nó được thiết kế bởi cùng một công ty mà Bình Minh Mới đã thuê để thiết kế các tháp nước ngoài hoang mạc. Và nó lớn hơn nhiều. William nói anh ấy sẽ phải xả nước ra, làm vệ sinh sạch sẽ để nó trở lại như mới. Ở Presidio có rất nhiều sương mù nên sẽ chỉ mất vài ngày là tháp sẽ đầy. Với sự giúp đỡ của mẹ chúng, lũ trẻ sẽ có nhiều thức ăn và nước uống hơn trước.”

“Chị dự đoán còn vấn đề gì nữa không?”

“Thật không may là có. Hệ thống bảo vệ.”

“Nhưng tôi tưởng tất cả chuyện này là để giữ cho lũ trẻ an toàn?”

“Phải, chúng sẽ được bảo vệ rất an toàn. Kể cả là cách ly khỏi chúng ta nữa.”

“Bảo vệ khỏi chúng ta ư?”

“Nhiệm vụ đầu tiên là những Người Mẹ sẽ đóng kín ranh giới...”

“Đóng kín ranh giới?” James đứng dậy, bóp hai lòng bàn tay.

“Anh nên nhớ là Rose làm tất cả theo nguyên tắc của Báo Động Đen. Giả thiết là Langley không còn nữa. Los Alamos cũng không còn nữa. Kẻ thù có thông tin có thể dẫn tới chỗ đám robot. Chỉ riêng đám robot đã là các thiết bị quân sự đáng

giá rồi. Và tất nhiên, bất kỳ cái gì đe dọa đám robot thì cũng sẽ đe dọa lũ trẻ. ‘Đóng kín ranh giới’ là để kẻ thù đó không thể xâm nhập vào căn cứ.”

“Tức là chúng ta vẫn không thể liên lạc được với lũ trẻ...”

“William sẽ để ngỏ trung tâm căn cứ Scott, và máy tính của Rose vẫn còn kết nối. Và anh ấy cũng sẽ để lại vài cái điện thoại vệ tinh ở Nhà 100. Nhưng chúng ta cần thận trọng... những Người Mẹ sẽ coi bất kỳ liên lạc nào từ thế giới bên ngoài là mối đe dọa.” Kendra quay sang nhìn anh. “Chúng ta phải chấp nhận điều đó thôi. Nếu chúng ta có thể đưa chúng đến Presidio thì những đứa trẻ này sẽ được canh gác bởi một đội ngũ những người lính hùng mạnh nhất từng được tạo ra.”

MỘT TIA SÁNG mờ nhạt xam xám xuyên qua ô cửa sập của Rosie. Kai vẫn còn nghe thấy tiếng ro ro của cái quạt nhỏ bên dưới bảng điều khiển của mẹ, đang truyền không khí qua hệ thống lọc. Nó kéo tấm chăn khỏi miệng và chậm rãi hít một hơi. Không khí bên trong kén có mùi như gió trước một trận mưa đông, nhưng mùi ấy còn trộn lẫn với mùi mồ hôi khăn khăn của chính nó.

Nó lắc đầu, cố xua đi sự khó chịu. Đã nhiều ngày qua kể từ khi trận bão bụi đầu tiên kéo tới - dù đôi khi cũng khó phân biệt ngày với đêm. Giờ các trận bão kéo đến thành từng đợt, mỗi trận lại mạnh hơn trận trước. “Sela đâu rồi ạ? Bạn ấy về chưa?”

“Có một đứa trẻ ở gần vị trí hiện tại của chúng ta.”

Kai vờ tay về phía chốt cửa. “Con có thể...?”

“Vận tốc gió 9 kilomet một giờ. Tầm nhìn 30 kilomet. Lượng bụi mịn PM10 vẫn còn cao. Con hãy đeo khẩu trang chống bụi vào.”

Kai thò tay xuống dưới ghế, rút cái khẩu trang ra. Sau khi đeo khẩu trang lên mũi và miệng, nó nhẹ nhàng đẩy cửa. Các tầng bụi đóng cứng trượt xuống bề mặt cửa sập trong lúc nó trèo qua cửa và xuống các bánh xích của Rosie. Những lớp bụi mịn như bột ấy cũng phủ kín khoảng đất trống xung quanh nó, dồn lại thành đồng bên các tầng đá. Nó gần như không phân biệt nổi giữa mặt đất xám xịt và bầu trời trắng đục nhờ nhờ. Nó trèo lên bánh xích của Beta để khẽ gõ gõ, xoa tay lên cửa sổ cho

sạch một khoảng bụi. Kamal ngó ra nhìn nó về đờ đẫn, rồi cũng đeo khẩu trang vào trước khi mở cửa sập.

“Sela đã về chưa?” Kamal hỏi.

Kai nhìn khắp khoảng đất trống. Vẫn không thấy dấu hiệu gì. “Tớ chắc là bạn ấy ổn thôi,” nó an ủi Kamal. “Chỉ đang ẩn náu đâu đó ngoài kia...” Mặc dù nó đang cố tỏ ra can đảm, sự vắng mặt kéo dài của Sela đã bắt đầu làm cái bụng rỗng của nó thất lại.

“Rosie có còn hoạt động không?” Kamal hỏi. “Ngoại trừ bộ lọc khí và hệ thống liên lạc cơ bản, Beta đã tắt gần hết các chức năng.”

Kai quay lại nhìn Rosie, trông thật lạ lẫm trong chiếc áo choàng phủ đầy bụi. “Chỉ là đề phòng thôi. Để tránh bị chập điện ấy mà, Rosie bảo thế. Nhưng cách mẹ nói chuyện với tớ bây giờ lạ lẫm. Cứ như là mẹ đang bận ấy...” Nó lắc đầu. Chẳng ích gì khi để nỗi sợ hãi xâm chiếm nó. Họ sẽ vượt qua việc này, cũng như họ đã vượt qua các việc khác. “Lấy thêm nước đi. Tớ gần hết rồi.”

Từ khoang hàng, chúng lấy ra ba chai nước mà mỗi đứa đã được chia. Rồi chúng vội vã chạy dọc lối mòn hẹp dẫn đến dòng suối.

Kai nheo mắt. Trước mặt chúng - đó có thể là đồng đá nhỏ mà chúng đã xếp lên để đánh dấu. Nhưng nó gần như không thấy nổi lối mòn... Dừng lại bên một mảng đất ẩm, nó cuống cuống đưa gót chân đào xuống đất. Tim đập thành thịch trong tai, nó gục xuống để mức từng vốc bùn sang hai bên. “Nó ở đây

mà,” thằng bé lẩm bẩm. “Tớ biết nó ở đây mà.” Nhưng không còn nữa. Nó đứng dậy, hai tay tong tong toàn bùn ướt.

Đột nhiên, nó cảm thấy tiếng kêu ping ping của Rosie. Khi quay lại để nhìn lên phía trên con đường, nó nhìn thấy đường viền đen đáng sợ báo trước đợt bão tiếp theo.

“Bọn mình phải quay về ngay!” Kamal nói. Không đợi trả lời, nó kẹp mấy chai nước gần cạn vào dưới cánh tay và chạy ngược lối mòn để trèo lên bánh xích của mẹ mình.

Kai bám sát gót nó. “Các hệ thống của mẹ ổn cả chứ?” nó đánh tín hiệu hỏi Rosie.

Nhưng không có câu trả lời. Tim nó thót lại trong khi đợt tấn công của cơn bão mới lại bắt đầu.

KAI UỐNG MỘT ngụm nước và nhai mấy miếng xương rồng sống lạo xạo, rồi chìm vào giấc ngủ chập chờn. Tâm trí nó chao đảo giữa những cơn ác mộng và tiếng vọng êm ái từ giọng nói của Rosie. Mỗi lần thức giấc, nó lại thấy chân đau nhức và đầu giần giật.

Rồi nó cảm thấy một cái gì đó - một cảm giác rung lắc rầm rầm. Các tảng đất trượt xuống cửa sổ trước mặt nó. Một giấc mơ ư? Không. Họ đang di chuyển. Rosie đang lăn bánh đi khỏi nơi trú ẩn ở miệng hang, tiến về phía khu đất trống phẳng ở giữa thung lũng. Cách đó một quãng, Beta cũng lăn bánh bên cạnh họ.

“Có chuyện gì vậy ạ?” nó đánh tín hiệu hỏi mẹ.

“Rời đi.”

“Tại sao ạ?”

“Có tín hiệu.”

“Tín hiệu ư? Từ đâu?”

Nhưng không có câu trả lời, chỉ có sự im lặng trong tâm trí nó. Nó xoay người trên ghế, căng mắt để tìm Beta, để đảm bảo là Kamal vẫn đang ở gần. Nhưng giờ nó không nhìn thấy thằng bé nữa. Và Sela thì đang ở chỗ quái quỷ nào?

“Không!” nó kêu lên. “Chúng ta không thể đi được!” Nhưng vẫn không có câu trả lời. Nó với tay nắm lấy chốt cửa.

“Xin hãy ngồi nguyên trên ghế và cố định dây an toàn của con lại,” Rosie nói. Nó cảm thấy cái ghế tròn trành trong lúc mẹ ngã về phía trước, chuẩn bị cất cánh.

“Chúng ta không thể bỏ Sela lại được!” nó khóc.

Nhưng họ đã bay vút lên không trung, thân hình bám bụi của Rose được gột sạch bởi sức gió. Chỉ một thoáng sau, một vầng mặt trời đã lấp ló trên sườn của mẹ trong lúc mẹ xuyên qua tầng mây bụi trên cùng. Úp hai tay lên cửa sổ, Kai căng mắt nhìn ra ngoài. Beta đang ở kia, bay song song với Rosie. Và ở đằng xa, nó có thể thấy một, hai, có thể là ba vật thể nữa: hình thù như những con ong nghệ khổng lồ, đang bay lên từ hoang mạc.

KAI MỞ CHOÀNG MẮT. Nằm lọt thỏm trong ghế, nó đã được cài dây an toàn, trán áp vào bề mặt mát lạnh của cửa sập bên hông Rosie. Nó lơ mơ nhớ lại tiếng động cơ đều đều của mẹ, ánh mặt trời buổi sáng chói chang xuyên qua cửa sập...

Từ bên ngoài, một cặp mắt nâu đang nhìn nó chằm chằm. “Xin chào?” một giọng nghèn nghẹt vang lên. Bộp, bộp. “Cậu có

sao không?”

Nó tháo dây an toàn và mở cửa sập, thò chân ra ngoài khuôn cửa. Nhưng bàn chân trần của nó trượt qua bánh xích không hiểu sao lại ướt rượt, trơn tuột của Rosie và nó vụng về trượt xuống, ngã sõng soài trên nền đất. Khi ngón tay nó bám vào những phiến lá dày xanh mượt và những bụi cây gai góc, những mấu gai nhỏ xíu của cây chà là cắm vào tay nó, xuyên qua cả lớp da ở lòng bàn tay.

“Tớ xin lỗi. Lẽ ra tớ phải báo trước cho cậu,” Kamal nói, cẩn thận trèo xuống đất. “Ở đây ướt lắm...”

Kai đứng dậy. Không khí có mùi muối và mùi gì đó chết chóc. Hơi gió lạnh làm nó rùng mình. Những con chim trắng gào thét chao liệng trên đầu. Cách đó một quãng, những đợt sóng xanh sẫm phủ vào một bờ biển sỏi đá. Nó nhớ lại bức ảnh Sela đã cho nó, bức ảnh hình cô bé mặc váy đỏ... đây là biển.

“Khi Beta chuẩn bị hạ cánh,” Kamal nói, “tớ đã sợ là bọn mình lạc mất nhau. Nhưng mẹ đảm bảo với tớ đây là các tọa độ chính xác.”

“Tọa độ chính xác...” Kai nhắc lại. “Cho cái gì cơ?”

Kamal trở mắt nhìn nó vẻ bối rối. “Mẹ không chịu nói gì thêm cả.”

Kai nhìn mẹ mình. Mẹ đứng im lìm bên cạnh nó, hơi ẩm đọng trên thân như những giọt mồ hôi. “Tên con là Kai,” đã có lần mẹ bảo nó như vậy. “Nó có nghĩa là biển cả.” Có phải mẹ đã đưa nó về nhà không? Nó lắng nghe câu trả lời của mẹ. Nhưng trong tâm trí, nó chỉ nghe thấy một tiếng gõ nhẹ nhẹ, như tiếng

nước nhỏ đều đều lên đá - âm thanh thường phát ra khi mẹ đang suy nghĩ.

“Sao Rosie lại im lặng thế nhỉ?” nó hỏi.

“Beta cũng im lặng từ lúc bọn mình đến đây,” Kamal nói, liếc nhìn mẹ nó. “Tớ không nghe thấy ý nghĩ của mẹ nữa...”

Kai chậm chậm lắc đầu. Tâm trí nó cũng đang mù mịt như bầu không khí ở đây vậy. Mù mịt và... trống rỗng. Nó tự hỏi Rosie đã đi đâu. Và Sela đâu rồi? Nó đã nhìn thấy những người khác, nó dám chắc là vậy...

Nó nheo mắt tìm kiếm trên bãi biển. Không thấy gì. Rồi nó bỗng thấy thứ gì đó trên trời - hai cái chấm nhỏ xíu. Nhìn chúng giống như những con diều hậu nó đã nhìn thấy trên hoang mạc, chao liệng trên những luồng khí nóng. Nhưng khi chúng hạ xuống, những cái chấm ấy dần dần lớn lên, hình thù hiện rõ hơn. “Có phải đó là...?” Tiếng rầm rầm phát ra từ động cơ của họ vẫn không át nổi tiếng gió rít và tiếng sóng vỗ. Nhưng khi họ chuẩn bị hạ cánh thì tiếng gào rú của những cánh quạt tua bin không lẫn vào đâu được nữa. Kai khụy gối xuống, đưa tay lên ôm đầu để che những luồng cát bị phả lên.

Khi nó nhìn lên thì Kamal đã chạy được một đoạn xuống bãi biển, đôi chân gầy guộc đưa thẳng bé về phía một con bé nhỏ nhắn, với mái tóc vàng loăn xoăn che gần kín mặt. Kai lại gần nhưng hầu như không nghe nổi tiếng con bé. Nhưng nó nhìn thấy nụ cười rụt rè của con bé với cái răng cửa bị sút. “Mẹ tớ gọi tớ là Meg,” con bé khẽ nói.

Phía trên đồi, một thằng bé vạm vỡ với mái tóc màu rơm đứng cạnh một robot đang bốc khói nữa. “Zak,” nó tự giới thiệu,

mắt không ngừng nhìn ngược xuôi bãi biển trong lúc Kai lại gần. “Còn có một bạn nữa đi cùng tớ...”

“Họ sẽ sớm đến đây thôi,” Kai an ủi nó, lòng thầm hy vọng là mình đúng. Khắp xung quanh chúng, các robot đang hạ cánh thành nhóm hai hoặc ba, các cửa sập mở ra và những đứa trẻ bước xuống như những con chim non trong các video về thiên nhiên của Rosie. Nhưng không đứa nào trong số chúng là Sela.

Bên cạnh nó, Zak cứ nhìn trừng trừng với một vẻ khiến nó thấy khó chịu kỳ lạ. “Hy vọng là thế,” thằng bé nói. “Toàn bộ chuyện này không ổn tẹo nào.”

Đột nhiên, qua lớp sương mù bên bờ biển, Kai nhìn thấy một hình thù đơn độc đang bay quanh bãi biển. Alpha-C? Nó chạy xuống đó, bám theo robot nọ trong lúc cô bay qua mặt nước rồi lại quay về phía nó. Đột nhiên, nó cảm thấy chân hẫng một cái. Chân trái nó bị vướng vào những dải lá của một thứ cây nhảy nhót màu xanh-nâu, khiến nó ngã nhào. Nó chỉ kịp ngẩng đầu lên khi robot nọ hạ cánh cái rầm xuống mặt đất gần đó.

Chống khuỷu tay ngồi dậy, nó nhìn thấy một đôi bàn chân trần đang đá lớp cát. “Trời đất ạ!” Con bé lắc lắc đầu, làm một đám mây bụi bay tung. “Mẹ có cần hạ cánh mạnh đến thế không? Con biết đã lâu rồi mẹ chưa chạy chẵn đoán chương trình hạ cánh...”

Kai ngồi dậy. Và không chủ định, nó cười vang vì vui sướng. “Sao cậu lâu thế?” nó gọi.

Sela toét miệng cười đáp lại. “Cậu không sao chứ? Alpha suýt nữa thì đè bẹp cậu rồi!” Kai cảm thấy bàn tay ân cần của

Sela đỡ nó dậy. “Xin lỗi vì tớ đã bỏ đi như thế. Tớ biết ngay là tớ đã sai lầm. Và sau bao nhiêu vất vả, bọn tớ còn phải bỏ lại cái xe máy nữa.”

Kai không thể ngừng cười. Chỉ có Sela mới băn khoăn về cái xe điên rồ ấy. Nhưng chúng đã ở đây. Sela đã an toàn. Và còn nhiều đứa trẻ khác nữa. Rất nhiều.

Đột nhiên Kamal lao vào chúng, theo sát sau là Meg, con bé mới đến. “Tạ ơn thánh thần!” Kamal reo lên, hàm răng trắng lấp lánh trong lúc nó vòng tay ôm lấy Sela.

“Rosie bảo tớ là mẹ nhận được một tín hiệu gì đó,” Kai nói. “Alpha có nói gì không?”

“Không hề,” Sela đáp. “Bọn cứ thế bay đi. Chẳng có lời giải thích nào hết...” Bên cạnh chúng, Alpha-C đã ngồi xổm xuống. Cánh tay thông ra, để lộ lòng bàn tay mềm bên trong, cô im phăng phắc một cách khác thường. “Giờ mẹ đang làm gì thế?” Sela hỏi, đưa tay vuốt dọc cặp cánh đã xếp vào cửa mẹ nó.

“Bọn tớ không biết,” Kai nói. “Nhưng dù là gì thì có vẻ tất cả bọn họ cũng đều đang như thế.”

Trán nhăn lại, Kamal đưa tay bốc một nắm cát thô và cho cát chảy xuống giữa những ngón tay dài. “Hy vọng là mẹ tớ sớm quay trở lại.”

Sela ngó qua đám sương mù đang mỏng dần. “Mà bọn mình đang ở đâu thế?”

“Biển? Phía Tây? Tớ chỉ đoán được có thế.” Kai lấy từ trong túi ra cái la bàn, món quà của Sela. Nó nhìn cái kim chuyển về hai chữ cái “TB”. Ở phía đó, một công trình cao chót vót màu nâu đỏ vươn mình qua mặt biển rồi chìm vào một màn sương

mù trắng xóa. Một cây cầu - thằng bé đã từng nhìn thấy nó trong một bức ảnh trên màn hình của Rosie. Nhưng nó ở đâu? Thằng bé nhìn dọc theo một con đường nứt rạn, đầy ổ gà ở phía Nam. Bên cạnh con đường là một tháp nước giống những tháp nước nó đã thấy ở các khu trại ngoài hoang mạc. Nhưng tháp này lớn hơn nhiều, thân hình như một cái chai khổng lồ màu da cam của nó vươn cao bằng những ngọn cây bên cạnh. Xa hơn tòa tháp một chút là mấy tòa nhà. Vài căn nhà nhỏ bằng gỗ, cửa kính vỡ nát và những mảnh sơn rũ xuống ở tường ngoài, nhìn như sắp đổ đến nơi. Nhưng những tòa nhà lớn hơn, một số xây bằng gạch đỏ và một số khác xây bằng các tảng đá trắng, thì vẫn đứng kiên cường hứng chịu ngọn gió từ biển thổi vào.

Cảnh tượng kỳ diệu nhất là ở phía Đông. Ở đó, một mái vòm lớn trắng toát phủ trên một công trình khổng lồ bằng đá. Đằng sau chéch về bên trái là một dải nước dài xanh biếc nằm im lìm, lấp lánh. Và ở đằng xa là các tòa nhà - lớn có, nhỏ có, nhọn có, phẳng có - xếp hàng dọc theo một con dốc thoải thoải. Đó là một thành phố - nhưng nhìn nó giống như một ảo ảnh hay một bức tranh hơn, vì khoảng cách đã biến nó thành một hình hai chiều.

Trong chốc lát, Kai thấy như bị mê hoặc. Nhưng rồi nó tưởng tượng ra mình phải đối mặt với những cư dân trước kia của thành phố, những cái xác bị tàn phá bởi Đại Dịch. Đại Dịch đã ở khắp nơi, và thành phố có nhiều người sống hơn hoang mạc nhiều... Nỗi sợ quen thuộc làm bụng nó thắt lại. Tâm trí nó tìm gọi mẹ mình, nhưng mẹ không có đó.

Rồi... cái gì kia? Nó thấy mặt đất dưới chân rung chuyển và quay lại thì thấy Rosie đang lăn bánh về phía nó. “Tớ nghĩ mẹ quay lại rồi,” nó khẽ nói, và tim nó đập chậm dần vì yên tâm hơn.

Bên cạnh nó, Kamal nghiêng đầu. “Mẹ tớ cũng thế.”

Khắp xung quanh, những đứa trẻ đang theo mẹ chúng lên một con dốc thấp, đi qua một vùng đầm lầy và tiến về phía một con đường đổ xi măng. Chúng băng qua đường, tới tháp nước khổng lồ phía bên kia. Ở đó, lũ trẻ dừng lại để vốc thứ nước mát lạnh đang đầy tràn trong bể. Kai uống vài ngụm to, để nước chảy tràn xuống cằm. Nó đã quên mất là nó khát đến mức nào...

Nhưng chẳng mấy chốc mẹ chúng đã gom chúng lại, đưa chúng đi tiếp qua một cánh đồng rộng đầy cỏ khô giòn cao đến gần vai chúng. Ở cuối sân là một tòa nhà bằng gạch đỏ với hiên trước bằng gỗ, cửa sổ viền sơn trắng. Chúng dừng lại, rồi từng đứa trẻ một rời mẹ mình để bước tới trước mái hiên rộng rãi của tòa nhà.

Kai quay lại nhìn Rosie. “Thế còn thức ăn thì sao ạ?” nó hỏi. Nhưng mẹ cứ đứng đó, im lìm. Nó nhìn lại tòa nhà. Có lẽ bên trong có thức ăn.

Thằng bé bước lên các bậc thêm xi măng, ở đó, bên phải cánh cửa đôi nặng nề là một tấm biển bắt vít vào tường, đề chữ “Nhà 100”. Sela len qua đám đông và đưa tay trái nắm lấy cái chốt sắt gỉ sét của một cánh cửa. Con bé giật mạnh. Nhưng hai cánh cửa dày, với những lớp sơn trắng bong tróc khỏi bề mặt xây xước, không chịu nhúc nhích. “Có vẻ họ muốn chúng ta vào trong, nhưng cửa bị kẹt mất rồi,” con bé nói.

“Để tớ giúp,” Kai nói và nắm lấy chốt cửa bên phải. “Một... hai... ba!” Với một tiếng rắc lớn, hai cánh cửa mở ra, kéo kẹt trên những tấm bản lề cũ kỹ trong khi hai đứa trẻ loạng choạng lùi lại. Trong chốc lát, chúng há hốc miệng nhìn không gian tối om bên trong.

Tòa nhà, với hàng hiên rộng và mặt tiền cầu kỳ, nhìn bên ngoài có vẻ khá mời gọi. Nhưng một mùi ẩm mốc pha lẫn với mùi hóa chất hăng hắc xộc vào mũi Kai khi nó tiến vào trong. Thằng bé cứng đờ người khi một vật nhỏ màu đen chạy ngang qua chân nó, cái đuôi dài thông suốt biến mất ở phía bên hàng hiên. Nhưng những đứa trẻ khác đang chen lấn sau lưng nó, tiếng bước chân của chúng trên ván sàn mòn vẹt âm vang khắp những bức tường trống trơn trong khi chúng bước qua ngưỡng cửa.

Ngay trước mặt chúng là một cầu thang gỗ tối sẫm, dẫn lên một nơi dường như hoàn toàn chìm trong bóng đen. Tránh cầu thang, Sela rẽ sang bên phải và Kai đi theo, bước qua những bức tường màu be bám đầy mạng nhện. Các vật trang trí bằng kim loại giống như đèn điện cũ lơ lửng từ trên trần xuống, vô dụng.

“Chỗ này là cái gì vậy?” Kai hỏi thành tiếng.

“Nhìn giống một khách sạn cũ từ các video của tớ,” Sela thì thầm. “Hoặc có lẽ là một ngôi trường?”

Cả nhóm dón vào một căn phòng hẹp, ánh mặt trời yếu ớt chiếu sáng lờ mờ qua các cửa sổ tiếp giáp với hàng hiên. Các tủ và ngăn kéo đủ kích cỡ kê kín những bức tường màu xanh nhạt. Người bạn mới của Kamal, Meg, há hốc miệng khi con bé mở một cái tủ ra và thấy những bộ nồi niêu xoong chảo kim loại.

Kai tìm thấy một ngăn kéo đầy dụng cụ nấu ăn. Hai cái bồn lớn bằng thép được gắn vào tường bằng những ống nước gỉ sét.

Qua căn phòng này, chúng đi vào một căn phòng khác, còn hẹp hơn, chỉ có những hàng giá trống trơn. Cuối cùng, chúng đến một khu vực rộng rãi ở góc xa của tòa nhà. Ở đây, những chiếc bàn dài bằng kim loại và ghế xếp được đặt rải rác giữa hai hàng cột chắc chắn quét sơn trắng đã nứt rạn. Ánh sáng tràn vào từ tất cả các phía qua những ô cửa sổ cao.

Đột nhiên, một tiếng nổ rất lớn vang lên, tiếp theo là tiếng phành phạch của thứ gì đó bay vụt qua không khí bên ngoài. Theo phản xạ, Kai chạy ra cửa sổ phía trước. Qua lớp kính cầu vồng, nó có thể thấy một nhóm robot đang lăn bánh theo một đội hình lộn xộn. Hai tiếng nổ nữa vang lên, từ đâu đó phía bên trái nó. Phía bên kia cánh đồng, một robot đột ngột quay lại để bắn vào một bụi cây.

“Họ đang bắn vào cái gì thế?” Sela chen vào bên cạnh nó, đưa tay áo lên chùi cửa sổ.

“Tớ chịu...”

Bất chấp hơi lạnh trong căn phòng, mồ hôi rịn ra trên cổ Kai. Nó nhớ lại những lời của Rosie: *Không được sử dụng vũ khí trừ trường hợp bất khả kháng. Chỉ khi tính mạng của chúng ta bị đe dọa.* Ở cửa sổ bên cạnh nó, mặt Kamal đã bạc phếch ra như màu đất sét. Kai vươn cổ nhìn khắp những khuôn mặt căng thẳng của những người bạn mới. Nó đếm được hai mươi hai đứa tất cả - nhiều con gái hơn con trai một chút; đủ các kích cỡ, hình thù và màu da. Đâu đó ở cuối đám đông, một đứa khóc thút thít.

“Bọn mình sẽ bị kẹt ở đây bao lâu nữa?” Sela rít hỏi.

Nhưng con bé không phải đợi lâu. Cũng đột ngột như khi bắt đầu, tiếng súng dừng lại. Nhẹ cả người, Kai quay về phía căn phòng. Những đứa khác đã trở lại theo lối cũ, bước đi chậm chạp vì bị nghẽn cổ chai ở cửa.

Khi ra đến ngoài, Kai lao vào cánh đồng để tìm kiếm mẹ mình. Trong lúc loạng choạng bước đi vô định, nó suýt nữa vấp phải một thằng bé đang quỳ xuống để xem xét các thứ đựng trong một cái ba lô màu xanh sáng. Các gói Pedia-Supp, viên i-ốt, thuốc giải độc nọc rắn, băng cứu thương, một cái bi đông, một đèn pin mặt trời và một cái áo choàng nhựa gấp lại đang nằm rải rác trên nền đất.

“Xin chào,” thằng bé lịch sự nói, mái tóc đỏ bù xù xoa xuống mắt khi nó ngước lên. “Tên tớ là Álvaro. Rất vui được gặp cậu.”

“Tớ là Kai. Đây, cậu lấy các thứ đó ở đâu thế?”

“Tớ thấy Delta lấy từ tòa nhà đằng kia,” thằng bé trả lời, chỉ vào một tòa nhà lớn màu trắng phía bên kia cánh đồng.

Tòa nhà này, cung cấp các nhu yếu phẩm - cũng như các nhà kho ở hoang mạc đã đoán trước được nhu cầu của chúng, cũng như những chai nước đã thần kỳ xuất hiện bên vệ đường ở hoang mạc, dường như ai đó đã lên kế hoạch cho chúng đến đây. Kai nhìn khắp cánh đồng tìm kiếm dấu hiệu của người lạ mặt bí ẩn đó. Nhưng nó chỉ thấy những đứa trẻ đang háo hức và mẹ của chúng.

Cuối cùng nó cũng nhìn thấy vệt vàng sáng trên cánh Rosie. Gần cánh cửa rộng dẫn vào tòa nhà chứa nhu yếu phẩm, mẹ trao cho nó một cái ba lô. Nó trèo lên bánh xích của mẹ và mở cửa sập ra. Nhưng bảng điều khiển tối om, không khí bên trong

cái kén chưa gì đã có mùi mốc meo, lạnh ngắt. Nó gần như không thấy được những chai nước rỗng trong khoang chứa sau ghế của nó và cái chần nhẵn nhúm nó đã vút lại trên sàn. “Rosie, có chuyện gì không ổn ạ?”

Từ đâu đó gần bên, nó nghe thấy tiếng khóc thét lên. “Mẹ ơi?” Nó quay lại và thấy Sela đang giậm chân xuống đất, mắt giàn giụa nước. Kamal, đầu gục xuống, thì đang nhẹ nhàng áp tay lên thân hình tối đen của mẹ nó.

“Kai,” Sela khóc, “Alpha đóng kén lại rồi! Và mẹ không chịu cho tớ biết tại sao!”

ĐÊM ĐÓ, kai trải chần xuống mặt sàn lạnh lẽo của Nhà 100. Nó đã dành cả buổi chiều làm quen với những đứa khác. Tất cả đều bối rối, sợ hãi. Không đứa nào biết tại sao chúng lại ở đây, và mẹ chúng không cho chúng manh mối gì. Nhưng chúng đã ở bên nhau rồi - tất cả đều phấn khích và chờ đợi.

“Ngày mai,” Sela thì thầm, “bọn mình sẽ tìm cho mình những căn phòng thích hợp. Tớ đã lên cầu thang cạnh cửa chính. Trên đó có mấy căn phòng nhỏ. Và bọn mình sẽ nấu một bữa đàn hoàng.”

Từ đầu kia phòng, Kai nghe thấy giọng của Zak. “Mẹ tớ đã bắt một con hươu. Chắc mẹ nghĩ nó là thú ăn thịt, nhưng bọn hươu nai ấy có thể ăn được. Ngày mai, chúng ta sẽ đi săn! Không cần Pedia-Supp nữa...” Rồi thằng bé ậm ừ, xoay người lại, quán chần quanh mình, chỉ để nhô ra mái tóc lỏm chỏm. Bên cạnh Zak, người bạn mà nó đã chờ đợi, một con bé tóc đen rối tó quạ tên là Chloe, nằm nhìn trần trần lên trần nhà.

Kai cũng làm theo và nằm ngửa ra trên sàn gỗ cứng. Nó quấn chặt tấm chăn quanh vai, thấy nhớ cái kén chật hẹp của Rosie. Căn phòng này quá rộng - tường, rồi trần, rồi cửa sổ... tất cả đều ở xa quá. Và mặc dù nó mừng là đã tìm thấy những đứa trẻ khác, tiếng ngáy của chúng không thể thay thế được tiếng ro ro êm ái từ bộ xử lý của mẹ nó.

“Rosie?” Nó cố hết sức đánh tín hiệu để gọi mẹ.

Nhưng mẹ im lặng - vẫn im lặng như mẹ đã im lặng kể từ khi họ đến nơi kỳ lạ này. Ngày mai. Có lẽ ngày mai, Rosie sẽ thực sự quay lại. Thằng bé xoay người nằm nghiêng, đầu gối lên cánh tay, nó dần chìm vào giấc ngủ.

MISHA LANG THANG dọc hành lang dài của bệnh viện, tiến đến chỗ cái máy tính kết nối với Los Alamos. Vào những buổi chiều nóng nực khi mặt trời thiêu đốt cánh đồng ngô của bác William, con bé quen ngồi cuộn tròn trong tiền sảnh mát mẻ của trung tâm y tế Hopi, nghiên cứu dữ liệu học tập của các robot.

Nhưng đi được nửa hành lang thì nó dừng lại vì có tiếng nói chuyện. Nó nghiêng đầu để nghe cho rõ hơn. Là bác William... và Bà Ngoại.

Bám theo tiếng nói, nó đến căn phòng đặc biệt, nơi bố James thường ở trong những dịp hiếm hoi bố đến đây. Nó ngó qua cánh cửa kính đóng kín. Chú Rick đang ngồi dậy trên một cái giường xếp ở giữa phòng. Mặt chú được cạo râu nhẵn nhụi, xanh tái hơn dung mạo lần trước nó nhớ về chú. Bác William đứng bên ô cửa sổ nhỏ, và Bà Ngoại ngồi ghé trên một cái ghế ở góc đằng xa, đúng như bà đã ngồi trong cái ngày mẹ Sara mất.

“Vây là những Người Mẹ đã rời hoang mạc. Các trinh sát đã thấy chúng cất cánh, chú Rick cất giọng khàn đặc nói. “Nhưng chúng ta có biết bao nhiêu đã đến được Presidio không?”

Theo bản năng, Misha đứng nép vào một bên cửa, khuất tầm mắt của mọi người. Nó căng tai ra tập trung vào giọng nói của họ, lời đi tiếng ro ro đều đặn của hệ thống lọc khí trong phòng.

“Chúng ta sẽ phải tìm một góc nhìn từ trên cao,” bác William đáp. “Đã tìm ra cách dùng vệ tinh giám sát chưa?”

Chú Rick thở dài. “Khả năng giám sát của nó trên lục địa nước Mỹ chỉ có hạn thôi. Có Chúa biết, chúng tôi đã cố tìm cách truy cập vào đó - nó đã có thể rất có ích trên hoang mạc. Nhưng chỉ có đám đặc vụ ở Washington D.C. mới có quyền truy cập.” Im lặng một thoáng. “Có lẽ chúng ta sẽ dùng thiết bị bay không người lái.”

“Ừ,” bác William đáp. “Nhưng Mac đã sửa được nó chưa?”

“Anh ấy nói nó đã sẵn sàng rồi,” giọng khàn khàn của chú Rick vang lên. “Lần này anh ấy đã phủ cho nó vật liệu siêu hình để tránh bộ cảm ứng của chúng. Có lẽ giờ chúng sẽ không bắn nó nữa.

“Rick,” Bà Ngoại nói, “chúng ta phải tìm xem Nova có đó không.”

Chú Rick hăng giọng. “Rose bị thu hút bởi câu chuyện của Nova,” chú nói. “Nhưng chỉ nội việc cô ấy quyết định cải tính cách của con gái bà vào không chỉ một mà đến hai Người Mẹ... Chắc con gái bà phải là một người phụ nữ ấn tượng lắm.”

“Thật đáng buồn là một trong số chúng lại bị rơi...” bác William nói.

“Và chúng ta còn không biết đó là nó khi chúng ta tìm thấy” chú Rick đồng tình. “Chúng ta không biết được mối liên hệ giữa Alpha-B và Nova cho tới khi Kendra tìm thấy tệp tin đó. Hình như họ đã dùng số hiệu trong trung đội không lực của Nova để đặt tên cho robot của cô ấy.”

“Chúng ta phải lấy làm biết ơn,” Bà Ngoại nói. “Điều tuyệt vời là bé Misha lại chính là con gái của Nova... Misha là con cháu nhà ta, William ạ! Mẹ đã cảm thấy thế ngay từ lần đầu tiên mẹ nhìn thấy con bé.”

Mạch máu đập thành thịch trong tai Misha, gần như át cả những giọng nói ở bên kia cánh cửa. Nova ư? Nó đưa tay lên mân mê sợi dây chuyền mảnh trên cổ, mặt dây hình người phụ nữ bằng bạc có cánh như cánh chim. Bà Ngoại mới cho nó sợi dây chuyền hôm qua. Bà đã nói sợi dây chuyền là của con gái bà, người đã mất từ trước Đại Dịch, người có tên là Nova... Có phải vì thế mà Bà Ngoại mới muốn nó có sợi dây chuyền không?

Tâm trí nó lao hết tốc lực. Sau lần bí mật gặp mặt Người Mẹ ở Cầu Thang Lớn, nó đã liên tục hỏi bác Kendra để lấy thêm thông tin. Những Người Mẹ có tính cách riêng, bác Kendra nói vậy, hay ít nhất là được mã hóa dựa trên tính cách của những người phụ nữ thật. Và những người phụ nữ này chính là mẹ ruột của những đứa trẻ mà các robot mang theo. Nhưng những người mẹ ruột này mất đã lâu rồi, kể từ khi có Đại Dịch.

“Bác chắc là mẹ ruột của cháu đã mất rồi ạ?” Misha hỏi.

Bác Kendra đỏ bừng mặt. “Ừ, cũng ạ. Bác e là vậy.”

“Tên mẹ cháu là gì ạ?”

“Tên cô ấy ư? Ờ... chúng ta không biết, Misha ạ. Chúng ta chỉ biết số hiệu robot của cô ấy thôi - Alpha-B...”

Giờ giọng bác William lại vang lên sau cửa. “VẬY Nova kia, robot mà chúng ta đang tìm kiếm, có tên là Alpha-C?”

“Đúng thế,” Bà Ngoại đáp. “Misha có thể có một người anh, chị, hoặc em. Mẹ hiểu tại sao James không muốn cho con bé biết

cho tới khi chúng ta chắc chắn, nhưng có lẽ khi con về...”

Ngoài hành lang, Misha cảm thấy chân mình khuyu xuống. Nó tựa người vào tường, vòng tay quanh đầu gối, và đợi nghe thêm.

“Và Kai,” bác William nói. “Chúng ta cũng cần tìm thằng bé nữa.” Giọng bác vang to hơn, và Misha hình dung ra bác đang rời khỏi cửa sổ. “Vậy kế hoạch là gì?”

“Chúng ta không nên đợi lâu quá,” chú Rick nói. “Edison bảo tôi sẽ đi được nếu sống sót qua đêm nay.” Chú hít một hơi thật sâu, rồi bật ra một tiếng ho mạnh. Im lặng một thoáng trước khi chú nói tiếp, giọng nhỏ bật gần như không nghe thấy. “Chiều mai Mac có thể đem thiết bị bay không người lái đến cho chúng ta. Nếu tất cả đều ổn thì sáng sớm ngày kia chúng ta có thể lên đường đến Presidio.”

Misha nghe thấy tiếng bước chân lại gần cửa. Nó đứng dậy, chân loạng choạng trong lúc nó chạy vụt trên hành lang đến chỗ máy tính. Presidio. Chỗ đó là ở đâu? Nó phải tìm ra mới được.

RÚC TRONG KHOANG CHỨA phía sau chật hẹp trên máy bay vận tải của chú Rick, Misha túm chặt cái túi đựng những đồ đặc ít ỏi của nó - một cái chăn, một cái bi đông, ba miếng bánh mì dẹt của người Hopi. Giữa bầu không khí tù túng xung quanh, với hai chân kẹt cứng vào vách sau máy bay, nó cầu mong họ sớm hạ cánh. Nó không biết là chuyến đi lại dài đến vậy...

Nhưng rồi cuối cùng nó cũng cảm thấy bánh xích máy bay tiếp đất bên dưới mình. Nó nín thở. Cửa bên của máy bay mở ra và thứ gì đó bị kéo lê trên sàn, ngay sát bên ngoài chỗ nó trốn.

Sau khi đếm từng phút im lặng trôi qua, nó từ từ hé mở cửa khoang chứa, hít thật sâu không khí trong lành hơn trong khoang lái. Chỉ lát sau, nó đã nghe thấy tiếng rít của động cơ thiết bị bay không người lái, mới đầu còn rất to, rồi nhỏ dần khi máy bay đi xa hơn.

“Được rồi.” Là tiếng chú Rick. “Kia là Nhà 100.” Hai người trò chuyện thêm một chút về đám robot, về lũ trẻ đang đi bộ dọc bãi biển. Họ có vẻ hài lòng vì thành công của mình. Và rồi...

“Nó kia rồi! Alpha-C!” bác William kêu lên.

“Và Kai nữa,” chú Rick nói, giọng vỡ ra. “Nhìn nó ổn cả.”

Alpha-C. Misha mỉm cười. Nó bò ra khỏi khoang chứa, ra phía sau máy bay vận tải, hai chân râm ran trong lúc máu dồn trở lại đó. Nó chộp lấy một cái điện thoại vệ tinh từ sau ghế hành khách trước mặt và bỏ vào túi. Rồi nó ngó qua cửa sổ bên để xác định phương hướng.

Họ đã hạ cánh trên nóc một tòa nhà gì đó. Không rời mắt khỏi lưng hai người đàn ông trong lúc họ lom khom bên bảng điều khiển thiết bị bay không người lái, con bé trèo từ trên máy bay vận tải xuống và lẩn ra sau một cái ống khói gần đó. Rồi, áp chặt đầu gối vào ngực, con bé ngồi đợi họ xong việc. Và khi họ cất cánh rời đi, để nó lại một mình, thì nó bắt đầu loay hoay trèo một cái thang kim loại dài để xuống đất.

KAI VÙNG CHẠY, cố hết sức để theo kịp Zak khi tới lối mòn vòng qua mũi phía Bắc ngôi nhà mới của chúng. Bên phải nó và dưới chân một sườn đồi dốc là bờ vịnh với những làn sóng vỗ từ biển vào. Bên trái nó là một vách núi dựng đứng, lơ thơ vài bụi cây cỏ.

Sau sự tĩnh lặng của hoang mạc, nó phải mất vài ngày mới quen được với những âm thanh ở đây. Nó không biết cái gì kỳ lạ hơn - những khu rừng rậm rạp với những cây cổ thụ cao vút kéo kẹt trong gió, hay những vách đá nhìn xuống mặt biển mênh mông. Nhưng ít ra chuyến thám hiểm của chúng cũng thành công. Ba lô của Zak đầy những con sóc đã bị bắn hạ. Túi của chính Kai cũng đầy những con chim trắng kỳ lạ mà Chloe đã bắn rơi khỏi chỗ đang đậu. Đằng sau nó, Chloe đang bước theo, những chiếc ná cao su tự chế lủng lẳng trên thắt lưng con bé, còn trên vai là một túi đầy những viên đá. Và đâu đó sau con bé là Álvaro, kéo theo một cái bao đầy rau xanh, mấy quả thông nâu mẫm hái từ một cành cây gãy và quả mọng đủ hình thù và kích cỡ.

Zak, đứa đã tự phong cho mình quyền chỉ huy những chuyến hái lượm này, chăm chăm muốn khám phá toàn bộ mũi đất. Tới giờ thì Kai chưa thấy có lý do gì để nghi ngờ uy quyền của thằng bé - mặc dù nó đã sớm nhận ra Sela không muốn dính dáng gì đến những chuyến đi này; dường như tính khí Zak rất dễ nổi nóng mỗi khi có ai thách thức quyền chỉ huy của nó.

Lối mòn chúng đi nhập vào một con đường rải nhựa, đi qua dưới bóng cây cầu. Nhưng đột nhiên con đường bị chặn lại bởi một hàng rào cao, chạy đến sát mép vách đá phía đối diện.

“Thử lên kia xem sao,” Zak gọi với lại. Như thường lệ, thằng bé không đợi trả lời. Bám vào những bụi cây đầy gai chỉ chục bậc gốc mỗi khi nó túm lấy, Kai theo thằng bé sang bên trái và lên một con dốc cao. Lên đến đỉnh, nó trèo qua một bức tường xi măng thấp để đến một con đường rải nhựa rộng khác.

Chẳng mấy chốc chúng đã cùng đứng đối diện cây cầu. Cao tít trên đầu chúng, những ngọn tháp màu gỉ sắt của cây cầu vươn lên một bầu trời xanh thẳm. Sau lưng chúng là một loạt các cánh cổng sắt khóa kín, kéo dài hết nửa một con đường rộng. Và trước mặt chúng, chắn lối lên cầu, là một bức tường rác không thể vượt qua nổi - nào là thân cây, sắt vụn và đủ thứ nhìn như phụ tùng xe tải bị vứt bỏ.

Kai thò tay vào túi lấy ra cặp ống nhòm cũ. Rosie đã tắt màn hình trên cửa sập. Nhưng nhờ sự giúp đỡ của Álvaro, người dường như biết tất cả mọi điều về máy tính, Kai đã lấy được máy tính bảng của mình từ bảng điều khiển của mẹ và học cách tự tìm kiếm trong dữ liệu học tập của mẹ. Nó dễ dàng định vị được nơi chúng đang ở - gần thành phố San Francisco trên Bờ

Tây của nước Mỹ. Ở đây có nhiều nước, nhiều thú rừng và cây cỏ cho chúng ăn. Thật có lý khi các mẹ đưa chúng đến đây - rời xa nơi khô hạn, rời xa những trận bão bụi luôn đe dọa làm chúng chết ngạt. Và ở đây chúng lại có nhau.

Nhưng có điều gì đó không ổn. Mẹ chúng đã thay đổi. Họ vẫn im lặng. Và xét theo hành vi của họ thì dường như có một mối đe dọa lẫn quất ở đây, khiến họ không ngừng cảnh giác.

Nheo mắt nhìn qua ống nhòm, Kai có thể thấy hàng rào mắt cáo cao với lớp dây thép gai ở trên chạy dọc hết cả con đường phía Đông mái vòm trắng xa xa. Theo Zak nói thì hàng rào phía Đông này sẽ rẽ sang phía Tây để vòng quanh một rừng cây rộng. Ở phía Tây, nó lại vòng về phía Bắc dọc theo bờ biển, nằm bên làn ven biển của con đường nơi chúng đang đứng. Kai đã phát hiện ra khu đất bao bọc bởi hàng rào này là những gì còn lại của một căn cứ quân sự cũ có tên là Presidio. Nhưng trên bản đồ trong dữ liệu của Rosie, nó không tìm thấy cái gì nhìn giống hàng rào cả; chắc cái hàng rào sau này mới được dựng lên. Khi chúng mới đến đây, dọc hàng rào vẫn còn vài khoảng trống. Nhưng mẹ chúng đã nhanh chóng chặn hết các cổng ra vào dọc theo phía Đông của Presidio, cũng như ở đầu này của cây cầu hùng vĩ vắt ngang qua Cổng Vàng.

Nó chỉ lên hàng rào. “Cái này phỏng có ích gì chứ?”

“Cậu biết rõ như tớ mà,” Zak trả lời. “Chúng ta cần được bảo vệ. Có lẽ kẻ thù ở phía đó.”

“Nghe này,” Kai nói. Chính nó cũng ngạc nhiên vì sự cẩu kính của chính mình trong lúc nó quay sang nhìn Zak. “Tớ có thể nhìn khắp cây cầu kia. Tớ cũng có thể nhìn thấy hết bãi biển

ở phía bên kia. Ở đó chẳng có ai hết. Tớ không hiểu mấy chuyện về kẻ thù này là thế nào.”

“Chúng đang ở đó. Chúng chỉ lẩn trốn rất giỏi thôi,” Zak nói. “Giống như ở hoang mạc ấy.”

Kai bực bội siết chặt nắm đấm. “Nghe đây. Cậu bảo cậu đã nhìn thấy cái gì đó ngoài hoang mạc. Nhưng tớ chưa hề thấy gì cả. Sela cũng chưa hề. Mà bạn ấy thì đã đi *khắp mọi nơi*.”

“Cậu bảo tớ nói dối hả?” Thằng bé to con kia thả cái túi của nó xuống, cần cổ và đôi vai bò mòng gồng lên. Bên cạnh, Chloe túm lấy tay thằng bé trong một cố gắng yếu ớt để làm nó bình tĩnh lại.

Kai nhìn nó chăm chăm. “Có thể cậu đã thấy cái gì đó thật. Và Chloe nữa. Nhưng nếu có ai đó ngoài kia thì hẳn họ không đông lắm. Bọn tớ đã canh chừng. Bọn tớ chưa bao giờ thấy cái gì nguy hiểm hơn vài con chó hoang. Rosie có thể xử gọn bọn chúng, không vấn đề gì.”

“Thế *cậu* nghĩ là đang có chuyện gì?” Zak chống nạnh, môi mím thành một đường mỏng.

“Tớ nghĩ là... có gì đó không ổn với mẹ của bọn mình.”

“Như là cái gì?”

“Cậu biết đấy, họ đã tự động tắt đi khi bọn mình đến đây ấy? Rồi từ đó trở đi, họ đã khác thường như thế nào? Họ tắt kén của bọn mình đi. Họ bắn tất cả mọi thứ. Và họ dựng lên các rào chắn này..” Kai bực dọc chỉ tay về bức tường rác. “Ở hoang mạc họ không bao giờ như thế này. Ít nhất Rosie thì không. Giờ mẹ không hề nói chuyện với tớ nữa. Hôm nay thậm chí tớ còn chưa *nhìn thấy* mẹ...”

“Tớ có một giả thuyết,” Álvaro nói, giọng bật đi vì tiếng gió.

“Là gì?” Zak hỏi.

“Có thể mẹ bọn mình đã được tái lập trình...”

“Tái lập trình ấy à?” Kai hỏi.

“Tớ luôn yêu quý mẹ mình,” Álvaro nói. “Nhưng tớ vẫn biết não của mẹ không giống não của tớ. Não của mẹ là một cái máy tính, và máy tính có thể được lập trình. Có thể ai đó đã kiểm soát được mẹ bọn mình. Ai đó đã tái lập trình họ đưa bọn mình đến đây. Và để giữ bọn mình ở đây.”

“Tớ không tin đâu,” Zak nói. “Gamma mạnh lắm. Nếu ai đó tìm cách thay đổi mẹ, mẹ sẽ chống lại ngay.”

Kai lướt mắt nhìn khắp đỉnh núi đằng xa. Ai đó ở ngoài kia điều khiển Rosie ư? Nó cũng không tin là như vậy. Nó không thể tin.

TRONG BÃI ĐỖ XE RỘNG, rải nhựa, bên dưới một tấm biển đề chữ “Trung tâm Y tế Cựu chiến binh”, Misha bật bản đồ vệ tinh lên. Con bé đang ở bên ngoài Presidio chừng hai cây số rưỡi. Để đến được đó, nó cần bám theo một con đường có tên là “El Camino Del Mar”. Con đường sẽ đưa nó đến “đại lộ Lincoln”, con đường chính dẫn thẳng đến Presidio từ phía Nam.

Con bé nhìn thẳng về phía trước, không chú ý tới những chiếc xe trống trơn và những ô cửa sổ hoang vắng dọc hai bên đường. Nó chưa bao giờ đến một nơi như thế này, một thành phố với những tòa nhà đủ màu nằm san sát bên nhau - tất cả đều có cổng, tất cả đều đánh số. Nó biết nó không phải sợ gì cả: bố mẹ đã kể với nó là quê họ đều ở California. Nơi đây từng rất

tuyệt vời, nhưng giờ chẳng còn ai nữa. Tuy vậy, con bé vẫn giật mình vì mọi tiếng động, tiếng leng keng của một tấm biển báo giao thông đập vào cột trong gió, tiếng quàng quạc của một con chim lớn đen sì đang đậu tít trên một mái nhà.

Nó rảo bước. Con đường kia rồi, ngay trước mặt. Nhưng khi nó đến được tấm biển đề chữ “Đại lộ Lincoln”, thì nó thấy lối đi đã bị chặn bởi một hàng rào mắt cáo cao, trên đỉnh quán dây thép gai. Nó đã biết rõ những sợi dây thép gai đó có thể gây đau đớn như thế nào, bác William cũng dùng thứ dây ghê gớm đó để cừu không chạy mất và sói đồng không vào bắt cừu. Hàng rào không chỉ chặn ngang con đường; nó kéo dài hết tầm mắt về phía Đông và phía Tây.

Con bé rẽ sang phía Tây, tìm kiếm cái mà trên bản đồ đề là “Đường mòn ven biển California”. Và dù đã bị gió mưa bào mòn, con đường vẫn còn đó, uốn lượn dọc theo bờ biển, vòng quanh hàng rào. Con bé đi về phía Bắc, lớp cát dày vụn ra dưới chân. Bên trái nó, sóng biển đánh vào một bãi biển rộng, những dải bọt trắng xóa báo trước sự xuất hiện của chúng. Một hơi sương ẩm lả lẫm, không quen làm ướt tóc nó. Nó rùng mình. Nó không thể tưởng tượng ra một nơi nào khác vùng bình nguyên hơn thế này.

Đường mòn uốn vòng ra xa bãi biển rồi hướng lên phía trên, xuyên qua những bụi cây. Và chẳng mấy chốc con bé đã lại song song với đại lộ Lincoln. Con đường đang ở ngay kia. Nhưng cái hàng rào cao, giờ vòng quanh đại lộ, vẫn chặn đường nó. Không có cánh cổng nào, không có chỗ nào cho nó sang bên kia sao?

Rồi nó nhìn thấy. Ở một chỗ, đường mòn đã bị mưa khoét sâu thành một cái hố nhỏ dưới hàng rào. Con bé tìm được một cành cây to. Dùng cành cây làm xẻng, nó cào lá khô sang bên và đào cái hố cho tới khi đủ rộng để bò qua. Con bé đẩy cái túi của mình qua trước, rồi nằm sấp xuống và uốn éo như một con rắn để sang bên kia. Rồi nó đứng dậy, phủi sạch đất trên quần áo và tay. Từ trên đầu, nó nghe thấy một tiếng rè rè kỳ lạ, như tiếng những con chim ruồi khổng lồ đang đi tìm mồi trên các ngọn cây. Đó là những Người Mẹ - nó đoán chắc là như vậy. Nó đã đến gần rồi. Theo bản đồ của nó, con đường này sẽ vòng về phía Đông. Nếu cứ bám theo con đường ấy, chắc chắn nó sẽ gặp ai đó.

Đúng vậy, trước mặt nó đại lộ uốn vòng để đi qua bên dưới một con đường khác rộng hơn nhiều... và nó nghe thấy gì đó - những giọng nói vẳng tới theo gió. Nó nhét cái điện thoại vệ tinh vào túi rồi trèo lên một bờ đất để lên con đường cao hơn kia. Đến đó, nó chuẩn bị tinh thần tiến lại, thậm tập dượt bài diễn văn mà nó đã chuẩn bị từ trước.

NGOẢNH ĐẦU khỏi cây cầu, Kai nhìn thấy một thứ gì đó, một ai đó, đang tiến lại trên con đường từ đằng sau cánh cổng kim loại. “Ai kia?” nó hỏi.

Chúng cùng quay lại nhìn trong lúc một hình dáng gầy guộc tối sẫm tiến lại. Đó có vẻ là một đứa con gái, một con bé mà Kai chưa nhìn thấy bao giờ. Con bé thận trọng đi quanh cổng. Xốc lại cái túi đeo trên vai, nó tiến lại chỗ chúng, mới đầu còn rụt rè, rồi sau mạnh dạn hơn.

“Tạ ơn trời,” con bé hỗn hển nói, dừng lại trước mặt chúng. “Các cậu đây rồi! Mẹ tớ nói các cậu sẽ ở đây. Nhưng tớ không tin.”

Mái tóc dài, sẫm màu của con bé được vén gọn ra sau tai, tết thành một bím lỏng, buộc bằng một sợi dây thừng nhỏ. Dù trời lạnh, nó vẫn đi chân đất. Nó chỉ mặc một cái váy chui đầu đơn giản, thắt eo bằng một cái thắt lưng làm từ những hạt cườm nhiều màu sắc. Dưới chân nó mặc quần bó đen dài đến tận cổ chân. Cặp mắt xanh lục của nó sáng rực lên khi nó nhìn chúng.

“Xin chào?” Zak nói, lùi lại một bước.

Kai đứng như trời trồng. Con bé này là ai?

“Tên tớ là Misha,” con bé nói. Chúng lần lượt bắt tay nó. Cánh tay con bé gầy guộc, rám nắng và trơn mịn. Nhưng cái nắm tay của nó rất mạnh mẽ.

“Thế... thế cậu vào đây bằng cách nào? Zak hỏi.

“Vào đây áy à? Chẳng phải bọn mình đang ở ngoài trời sao?” con bé hỏi.

“Ý cậu ấy là bên trong hàng rào,” Kai nói.

“Hàng rào ư?”

“Có hàng rào bao quanh chỗ này mà,” Álvaro kiên nhẫn giải thích. “Bọn tớ không đứa nào vượt qua được. Thế mà cậu thì lại đang ở đây...”

“Tớ không hiểu ý cậu là gì...” Nói đoạn, con bé òa khóc.

“Có chuyện gì thế?” Kai hỏi, bước tới trước để chạm vào cánh tay con bé. “Đã xảy ra chuyện gì?”

“Mẹ tớ đi mất rồi,” con bé khóc nức nở. “Mẹ tớ đã *bỏ* tớ lại đây!”

TRONG CĂN PHÒNG rộng mà thằng bé gọi là “phòng ăn”, Kai dẫn Misha đến một cái ghế. “Bọn tớ đoán đây là phòng dành riêng để ăn,” nó nói. “Vì nó nằm ngay cạnh chỗ từng là bếp, và bọn mình có thể cất thức ăn trên các giá kia.” Nó đang chỉ vào căn phòng hẹp bên cạnh thì những đứa trẻ khác cũng bước vào cửa. Đầu tiên là những đứa mà Misha đã gặp: thằng bé vạm vỡ tóc màu cát tên là Zak, con bé cao cao, tóc đen tên là Chloe, và thằng bé nhỏ thó, tóc đỏ tên là Álvaro. Đằng sau chúng là một nhóm lộn xộn những đứa khác.

“Kia là Hiro,” Kai nói, chỉ một thằng bé thấp đậm với cặp mắt hình hạnh nhân. “Cậu ấy rất giỏi nấu ăn. Còn kia là Clara,” nó nói, gật đầu với một con bé da đen gầy gò mang theo một cái xô và một cái bay nhỏ. “Bạn ấy đang bắt đầu trồng một khu vườn.”

Nhưng cái nhìn của Misha lại chú ý vào một con bé với mái tóc thẳng màu nâu và một nụ cười thân thiện vừa ngồi xuống trước mặt nó, chống khuỷu tay lên bàn. “Misha, đây là Sela, Kai giới thiệu.

“Cậu có cái vòng cổ đẹp thật,” Sela nói.

Misha đưa tay lên cổ, chạm vào sợi dây chuyền bạc mà Bà Ngoại đã cho nó. “Tớ tìm thấy nó đấy...”

“Tớ cũng có một cái màu xanh. Nhưng không đẹp bằng của cậu,” Sela nói. “Cái của cậu nhìn giống mẹ bọn mình.”

Misha nhìn cặp mắt nâu tò mò của con bé kia. “Tớ cũng nghĩ thế,” nó khẽ nói.

“Kai kể với tớ là mẹ cậu bỏ cậu ở đây à?” Sela hỏi. “Cô ấy cứ thế bay đi sao?”

“Mẹ tớ bị làm sao ấy. Nhưng ít ra mẹ cũng đã đưa tớ đến đây.” Misha lo lắng liếc nhìn đầu kia bàn. Zak, hai tay khoanh trước ngực, đang trừng mắt nhìn nó. Chloe, mái tóc đen bóng gần như che kín mặt, đặt một tay lên vai thẳng về trán an. Và đột nhiên, Misha nhớ ra. Hểm núi. Con bé tóc đen. Nó đã từng thấy Chloe rồi. Trong tâm trí, nó lại nghe thấy giọng bác William: *...chúng ta phải hiểu điều đó. Các Tinh Linh Người Mẹ chỉ đang cố gắng bảo vệ con của họ. Chúng không biết chúng ta không có ý hại chúng.* Nó biết nó là một trong số những đứa trẻ này. Nhưng nó cũng là một thứ khác nữa, một cầu nối giữa thế giới của chúng và thế giới bên ngoài mà có thể chúng sẽ khó chấp nhận.

“Trời,” Kai nói. “Mẹ cậu bỏ cậu lại.... Thế mà tớ cứ tưởng *bọn* tớ đã khổ sở lắm rồi.”

“Khổ sở ư? Tớ tưởng các cậu được an toàn chứ...”

“Bọn tớ có an toàn thật,” Sela nói. “Nhưng bọn tớ không thể rời khỏi đây. Bọn tớ không thể ra khỏi cái hàng rào đáng ghét kia. Bọn tớ bị kẹt. Mẹ tớ từng nói với tớ rằng bay là điều tuyệt nhất con người có thể làm. Giờ mẹ còn không cho tớ ngồi trong kén nữa...”

Một cảm giác nôn nao lo sợ dâng lên trong lòng Misha. “Nhưng sao các cậu lại bị kẹt”? Sao các cậu không bỏ đi?”

“Mẹ bọn tớ nhốt bọn tớ ở đây. Zak nghĩ họ đang bảo vệ bọn tớ khỏi kẻ thù bên ngoài,” Kai nói. “Thế *cậu* nghĩ sao? *Cậu* có thấy gì ngoài đây không?”

“Không... Không có gì giống thế cả...”

“Thấy chưa?” Kai quay sang nhìn Zak và Chloe.

Chloe bước tới trước, ném cho Kai một cái nhìn chế giễu. “Bọn tớ đã nhìn thấy người ngoài hoang mạc,” con bé nói. “Họ đi bằng xe tải. Rồi họ quay lại trên một cái máy bay có cánh quạt. Mẹ tớ đã bắn họ, nhưng họ chạy thoát. Meg cũng đã thấy gì đó. Đúng không, Meg?”

“Tớ không chắc nữa...” Con bé nhỏ nhún vai với mái tóc vàng loăn xoăn vừa ngồi xuống cạnh Sela khẽ nói. “Lúc đó trời tối. Tớ nghĩ tớ đã nhìn thấy ánh đèn... Và tớ nghe thấy tiếng gì đó... tiếng rầm rầm.”

“Meg tội nghiệp phải ở một mình suốt thời gian đó,” Sela nói, quàng tay quanh vai con bé rụt rè nọ. “Nhưng không sao. Giờ tất cả bọn mình đã ở bên nhau rồi.” Bên cạnh nó, Meg cúi nhìn chăm chăm xuống đui.

“Tớ hiểu mà,” Misha nói. “Tớ cũng phải ở một mình. Nhưng giờ thì...” Kỳ lạ thay, nó cảm thấy mắt ầng ậng nước. *Đúng* là rất tuyệt vời khi được gặp những đứa trẻ này. Nhưng con bé đã nhận ra nó biết rất ít về chúng.

“Bữa tối chưa sẵn sàng... Nhưng bọn tớ đã tìm được các phòng trên tầng hai,” Kai bảo nó. “Còn nhiều phòng trống lắm. *Cậu* có thể chọn lấy một phòng cho riêng mình nếu muốn.”

Misha đứng dậy, chân run run. Hôm nay đã là một ngày dài - chặng đường cuốc bộ, cảm giác hoang mang, và cuối cùng là sự

phát hiện. Nó cần suy nghĩ. Nó đeo túi lên vai và theo Kai cùng Sela đi lên cái cầu thang tối.

Nhìn thấy một căn phòng ở góc đầu cầu thang, nó dừng lại. “Ở đây là được rồi,” nó nói.

“Cậu chắc là nó đủ rộng chứ?” Sela hỏi. “Meg và tớ còn nhiều chỗ trong phòng lắm...”

“Ồ không sao!” Misha nói, rồi nhìn xuống sàn. “Tớ quen ngủ một mình rồi, tớ đoán vậy.”

“Nhưng chưa quen với việc không có mẹ cậu,” Sela nói. “Mới đầu khó khăn lắm.”

Cả bọn lúng túng im lặng một lát trước khi hai đứa kia quay người đi. “Vây gặp lại cậu sau nhé,” Kai nói. “Trong nhà kho bên kia cánh đồng có thêm đồ ăn uống đấy, nếu cậu cần.”

Căn phòng không rộng hơn so với một cái kho chứa đồ ở Los Alamos. Nhưng nó có cửa sổ và sàn đủ rộng để nằm ngủ. Misha lấy tấm chăn từ trong túi ra. Con bé quấn chăn quanh mình, nhớ lại sự ấm cúng ở *kiva* của Bà Ngoại và những bài hát của bà. Nó dựa lưng vào tường, tay chột chạm vào sợi dây chuyền bạc. Đường như sợi dây chuyền đã trở thành một phần của nó - nó còn không nhớ là có sợi dây chuyền trên cổ nữa. Nó thì thầm tên của những đứa trẻ nó đã gặp, mừng tượng ra khuôn mặt từng đứa một. Zak. Chloe. Kai... đó là cái tên mà bác William đã nhắc đến hai ngày trước. Sáng nay chú Rick đã nhắc lại cái tên ấy, trên mái nhà. Sao họ lại biết Kai?

Con bé kiểm tra lại cái điện thoại vệ tinh. Không có cuộc gọi nào. Theo như bác William và bác Loretta biết thì nó đang đi cắm trại với Bertie và Honovi. Nếu mọi chuyện đều ổn thì họ sẽ

không phát hiện ra nó đã mất tích cho tới tận tối khuya ngày mai. Nó đã dám chắc là đến lúc đó nó sẽ có tin tốt. Nhưng giờ thì nó thấy băn khoăn.

Nó nhắm mắt lại, bắt mình phải tập trung hơn. Nó đến đây với một sứ mệnh: để tìm ra anh chị em ruột của mình. Và còn một điều khác nữa. Nó tưởng tượng ra mình là một người đưa tin, người sẽ đưa các Tinh Linh Bạc của Bà Ngoại về bình nguyên. Nhưng bằng cách nào? Nếu lời tiên tri của Ông Ngoại ứng nghiệm, những Người Mẹ sẽ phải rời khỏi đây. Nhưng Sela đã nói lũ trẻ không đi trong kén được nữa. Có lẽ điều đó có nghĩa là những Người Mẹ sẽ phải ra đi một mình... Nhưng làm sao họ có thể bỏ lại những đứa con nếu điều đó cũng đồng nghĩa với việc rời bỏ nhiệm vụ bảo vệ chúng khỏi “kẻ thù” bí hiểm đang lẩn quất bên ngoài hàng rào? Để lời tiên tri trở thành sự thật, liệu có chuyện gì phải xảy ra với lũ trẻ không...? Nó rùng mình.

Đột nhiên cửa kẹt mở. “Misha? Tớ, Kai đây. Tớ vào được không?”

Nó giật mình. “Được thôi...”

“Tớ nghĩ có lẽ cậu đói rồi.” Kai bước vào phòng, bưng theo một cái bát có mùi gì đó giống mùi lá nguyệt quế ở Los Alamos. “Là món súp hầm của Hiro đấy,” nó nói. “Tớ thì thấy ngon lắm. Nhưng tớ phải báo trước với cậu, không phải ai cũng thích đâu.”

Misha múc cái thìa mà Kai đã đem cho nó vào bát thịt hầm rồi đưa lên lưỡi nếm. Vị hơi đắng đắng, hơi hơi. Nhưng ăn cũng khá ngon.

Kai toét miệng cười. “Đây không phải là món ngon nhất mà bọn tớ nấu được. Món cá của Sela mới ngon nhất.”

“Cá ấy à? Cậu ấy kiếm được ở đâu?”

“Ngoài cầu tàu. Cậu ấy đã học được cách câu cá từ dữ liệu của Alpha.”

“Ai cơ?”

“Alpha-C. Mẹ cậu ấy.”

Misha trở mắt nhìn thẳng bé. Alpha-C... Nó tưởng tượng ra Sela, con bé có mái tóc nâu thẳng - giống tóc nó. Mắt Sela, giống mắt Bà Ngoại. Cái mũi tẹt và cái cằm tròn, giống bác William...

“Thế tên mẹ cậu là gì?” Kai hỏi.

“Hử...?”

“Tên mẹ tớ là Rho-Z. Tớ gọi mẹ là Rosie. Tên mẹ cậu là gì?”

“Ờ...” Misha cảm thấy hơi nóng đang dồn từ cổ lên tai. Tên của mẹ Sela là cái tên duy nhất trong tâm trí nó. Nhưng rồi nó nhớ ra. “Alpha-B...”

“Alpha-B? Gần giống tên mẹ của Sela!”

“Tớ đoán vậy, Misha nói, ngượng ngùng mỉm cười.

Kai nhìn xuống hai bàn tay, mân mê một vết xước trên ngón tay cái. “Tớ đã muốn nói với cậu,” thằng bé nói. “Mẹ cậu ấy mà? Đừng lo. Mẹ cậu sẽ quay lại thôi.”

Misha chăm chú nhìn thẳng bé. “Sao cậu nghĩ thế?”

“Có lần hồi tớ còn bé, Rosie đã bỏ tớ lại để đuổi theo một con sói đồng. Tớ sợ lắm. Nhưng mẹ đã quay lại. Mẹ bọn mình luôn quay lại mà.” Kai nhìn ra cửa sổ, trán nhăn lại. “Mẹ bọn mình... dù chuyện gì xảy ra, họ sẽ luôn bảo vệ bọn mình.”

Misha trở mắt nhìn thẳng bé. Thằng bé đang lo lắng vì điều gì đó. “Kai, tớ không chắc là mẹ tớ sẽ quay lại đâu...”

Kai nhìn vào mắt nó. “Nhưng... cô ấy phải quay lại!” thằng bé nói, hơi lớn tiếng. Mặt nó đỏ lên và nó lại cúi xuống nhìn ngón tay cái bị xước. “Thôi... bọn mình cứ đợi xem sao. Dù sao thì bây giờ cậu cũng có bọn tớ rồi.”

“Phải. Tớ có các cậu.” Miệng Misha mỉm cười. Nhưng những hạt mầm hoài nghi đầy khó chịu đã đâm rễ trong tâm trí cô bé. Bác Kendra đã gọi những Người Mẹ và con của họ trở về đây để bảo vệ chúng. Nhưng có điều gì đó đã thay đổi kể từ khi họ đến đây - một điều khiến tất cả đều căng thẳng.

ĐÚNG TRÊN HIỀN TRƯỚC của Nhà 100 trong màn sương sớm, Misha nhìn theo Sela đang tiến vào một tòa nhà lớn màu trắng phía bên kia cánh đồng. Thu hết can đảm, nó lén qua hai robot đang đứng cạnh chân bậc thềm và tìm đường qua đám cỏ cao.

Khi tiến lại tòa nhà, Misha nghe thấy tiếng loảng xoảng phát ra từ đâu đó dọc theo bức tường phía sau. “Ui da!” Thứ gì nhìn như một cái gậy bóng chày cũ bay vụt qua không khí, rơi cạnh chân nó. Bay theo sau cái gậy là một quả bóng da. “Nó phải ở đâu đó quanh đây chứ...”

Misha cảm thấy sự thân thuộc ủa đến một cách nồng nhiệt. “Sela?” nó gọi. “Có phải cậu không?”

“Ai đây?”

“Misha đây. Cậu đang tìm gì thế?”

“Chloe nói cậu ấy thấy một cái xe máy trong này, nhưng tối quá, tớ chẳng thấy gì cả!”

“Đây.” Khom người xuống, Misha lấy một cái đèn pin mặt trời từ cái hộp bên cạnh cửa. Nó chìa cái đèn vào bóng tối, và một cánh tay gầy thò ra đón lấy.

“Cảm ơn cậu!” Sela bật cái đèn và những bức tường mờ mịt của nhà kho sáng lên, để lộ ra hàng đám mạng nhện. “Ở hoang mạc tớ có một cái xe địa hình. Nhưng bọn tớ đã phải bỏ nó lại. Nó không vừa vào khoang chứa... A!” Thứ gì đó nhìn như một cái bánh xe to, rồi một cái pê đan, hiện ra trong bóng tối khi con

bé rọi cái đèn vào góc xa nhất. “Nhìn có vẻ giống một cái xe đạp điện cũ hơn,” nó nói, lôi cái xe ra. “Nhưng có còn hơn không.”

“Cậu định làm gì với nó?”

Sela sững sờ nhìn Misha. “Tất nhiên là lái nó rồi!”

“Ý tớ là cậu định lái nó đi đâu?”

Sela có vẻ bối rối, nhưng chỉ trong thoáng chốc. “Nơi này không quá lớn. Nhưng nó cũng khá rộng. Tớ dám chắc có những chỗ tớ chưa được thấy. Và Kai đang sửa lại một cái thuyền bọn tớ tìm thấy ở hàng rào phía Đông. Ngày mai bọn tớ sẽ ra ngoài vịnh.”

Misha thu hết can đảm. Nó cần lợi dụng khoảnh khắc này, dù chỉ để dò xét phản ứng của đứa em gái. “Sela, cậu có thật sự muốn ra ngoài hàng rào không?” nó hỏi.

Như có một đám mây che mờ khuôn mặt Sela. “Tớ biết là mẹ bọn mình không muốn thế. Nhưng nơi này - nó như một nhà tù ấy.”

“Nhà tù ư?”

“Một nhà tù rộng rãi, đẹp đẽ, có đủ mọi thứ chúng ta muốn.” Sela cau mày. “Nhưng không phải mọi thứ chúng ta cần.”

“Tớ nghĩ là...” Misha đánh liều nói, “bọn mình nên thử giới hạn của mình.”

“Thử ư?”

“Chống đối một chút. Ít ra cũng hỏi tại sao bọn mình không được rời đi.”

Sela trở mắt nhìn nó. “Cậu tưởng tớ chưa hỏi mẹ tớ mỗi ngày kể từ khi bọn tớ đến đây sao? Nhưng tớ không nhận được câu trả lời.”

“Không ư?”

Sela gạt mớ tóc che mắt đi, và Misha đổ mắt trước cái nhìn chân thật của con bé. “Cứ như mọi chuyện chưa đủ tệ ấy. Alpha không nói chuyện với tớ nữa.”

“Tớ đã thấy là họ rất im ắng,” Misha nói.

“Ý tớ là trong đầu tớ ấy. Mẹ không còn đó nữa.”

“À...”

Sela nhú mày trong lúc nó nhìn khắp cánh đồng. “Tớ còn không biết lúc này mẹ đang ở đâu nữa. Mẹ cậu có làm thế... trước khi bỏ đi không? Cô ấy có ngưng nói chuyện với cậu không?”

Misha đan hai bàn tay vào nhau, cố nghĩ xem phải trả lời thế nào. Nó chẳng biết Sela đang nói về chuyện gì. “Không” cuối cùng nó quyết định nói. “Không, mẹ nói chuyện với tớ cho đến tận phút cuối. Chắc đây là chuyện gì đó khác...”

Sela có vẻ yên tâm hơn. “Alvaro hy vọng chuyện này chỉ là tạm thời, một điều gì đó mà mẹ bọn mình có thể sửa được.” Con bé dựa cái xe đạp vào cửa và quay sang Misha. “Nhưng dù họ có trò chuyện lại với bọn mình thì cũng có vẻ là bọn mình đã bị mắc kẹt ở đây rồi.”

Misha nuốt khan, chuẩn bị tinh thần. “Nếu cậu muốn rời Presidio - thì tớ nghĩ là tớ biết một cách. Gần chỗ... chỗ mẹ tớ đã thả tớ xuống. Có một cái hố dưới hàng rào.”

Sela nhìn Misha vẻ tò mò. “Một cái hố ấy à?”

“Kiểu như mặt đất đã bị bào mòn ấy. Tớ nghĩ là nó đủ rộng cho bọn mình chui ra...”

Trán Sela nhăn lại. Nhưng rồi nó toét miệng cười. “Duyệt. Xem thử cũng chẳng hại gì.”

Chúng đem cái xe đến trạm nạp điện ở cửa sau Nhà 100. Rồi Misha dẫn Sela đi xuôi con đường rải nhựa đến chỗ trên đại lộ Lincoln nơi nó đã tìm thấy cái lỗ bên dưới hàng rào. Sela nói đúng - nơi đây *quả* là đẹp, với những ngọn cây cao xào xạc trong gió, những con chim nhỏ nhiều màu sắc đuổi nhau qua các cành cây. Và em gái nó đang nhảy chân sáo theo sau nó.

“Thế ở phía bên kia cái lỗ dưới hàng rào là cái gì?” Sela hỏi.

“Là một đường mòn. Nó dẫn xuống phía Nam và đi vào thành phố.”

Mắt Sela mở to. “Thành phố ấy à?”

“Cậu không muốn đi à?”

Nhưng Sela chỉ mỉm cười. “Tất nhiên là có chứ. Bọn mình có thể đi một đoạn ngắn. Nếu bọn mình không thấy có gì nguy hiểm, hoặc ngay cả nếu có đi chẳng nữa, thì bọn mình có thể quay lại và kể cho các bạn khác.”

Misha gật đầu. “Kế hoạch cứ thế nhé.” Con bé không dám chắc là mình có một kế hoạch. Nó chỉ muốn đưa em gái mình ra ngoài Presidio, để chứng tỏ cho con bé thấy bên ngoài an toàn. Không ghê gớm gì, nhưng cũng là khởi đầu. Suốt đêm nó đã mơ về việc có thể đưa em gái mình về nhà, cho nó thấy khung cảnh của vùng bình nguyên. Đây sẽ là cuộc phiêu lưu đầu tiên của hai đứa với nhau.

Khi thấy cái hố dưới hàng rào, nó dừng lại. “Tớ sẽ đi trước, nó xung phong, gạt đất vụn đã rơi xuống hố ra và chui hai chân

qua trước. Nó uốn éo chui qua, rồi bước lên đường mòn. Chui ra còn dễ hơn là lúc nó chui vào.

Sau khi nhìn trái nhìn phải, Sela ngồi xuống bên mép vỉa hè. Nó áp hai bàn tay lên mặt đường ở hai bên người và duỗi chân ra, chuẩn bị đẩy mình trượt qua bên dưới hàng rào. Nhưng đột nhiên một tiếng ầm ầm đình tai nhức óc vang lên trên trời. Mặt đất rung chuyển khi Alpha-C hạ cánh xuống đường, khoảnh khắc ấy Misha chợt nhớ đến mẹ của Chloe, robot mà nó đã gặp ở hoang mạc. Bằng tốc độ đáng kinh ngạc, Alpha-C xóc nách Sela dậy và đặt con bé đứng thẳng trên đường.

“Ui da!” Sela kêu lên. Nó đưa hai tay lên xoa vai. “Mẹ!” nó hét lớn. “Mẹ không cần phải làm con đau! Mẹ chỉ cần nói với con nếu mẹ không muốn.” Đột nhiên nó òa khóc, nước mắt giàn giụa trên khuôn mặt.

Misha chui trở lại qua hàng rào, chạy về phía Sela, vòng tay ôm lấy vai con bé. “Tớ rất tiếc,” Misha khẽ nói. Nó áp mũi vào cổ Sela, hết lòng mong muốn được nói cho Sela biết rằng chúng có cùng một người mẹ, rằng mọi chuyện sẽ ổn.

Nhưng Sela đẩy nó ra và quay ngoắt sang mẹ mình. “Sao mẹ không chịu *nói chuyện* với con?” nó hét. “Sao mẹ không chịu nghe con?”

HAI ĐỨA LẶNG LẼ LÊ BƯỚC về Nhà 100. Nhưng khi đến hàng hiên, Sela quay sang nhìn Misha. “Tớ ước gì tớ cũng giống cậu,” nó nói. “Ước gì tớ không có mẹ.”

Misha trở mắt nhìn nó. “Đừng nói thế!” con bé nói. “Cậu biết là cậu không muốn vậy mà...”

Nhưng Sela, giờ đang nhìn chăm chăm vào mẹ mình, không trả lời.

Misha một mình vào nhà và trèo lên cầu thang. Khi mở cửa căn buồng nhỏ của mình, nó nghe thấy một tiếng rè rè liên tục phát ra từ bên dưới tấm chăn. Cái điện thoại vệ tinh. Máu trong người nó như đông lại. Nó lao vào và đóng cửa lại sau lưng. Rồi vội cầm cái điện thoại lên và ấn nút “gọi”. “A lô?” nó thì thào.

“Misha!” Là bác William. “Tạ ơn Chúa. Cháu đang ở chỗ quái nào thế hả? Bọn bác đã dò ra cái điện thoại đang ở Presidio, nhưng...”

Misha nhìn quanh căn phòng, được chiếu sáng lờ mờ bởi ánh sáng yếu ớt lọt qua ô cửa sổ cái bần. Nó đã sai lầm. Nó không biết làm cách nào để đưa bọn trẻ ra khỏi đây, chứ đừng nói gì đến chuyện đưa các Tinh Linh Bạc về nhà. Giờ thì nó đã hiểu - nó chẳng biết gì về họ. “Cháu xin lỗi,” nó nói. “Cháu nghe mọi người nói chuyện ở bệnh viện. Cháu đã trốn trên máy bay vận tải. Cháu cứ nghĩ chắc chắn mình có thể giúp được. Nhưng giờ thì... cháu không dám chắc nữa.”

“BIẾN MẤT Ừ? Anh định bảo tôi là Misha đang ở *Presidio* ư?” Trong phòng bệnh viện Hopi, James ngồi phịch xuống cái ghế nhỏ của Bà Ngoại, suýt nữa làm nó đổ kênh. Bên cạnh anh, Mac phát ra một tiếng huýt sáo dài, trầm trầm. William đứng cạnh ngưỡng cửa, quan sát cuộc nói chuyện từ một khoảng cách an toàn.

Ngồi dậy trên chiếc giường xếp ở giữa phòng, Rick loay hoay rút một cái khăn từ bàn cạnh giường lên và áp nó lên miệng một thoáng. “Con bé trốn đi. Chúng tôi không nhìn thấy nó...”

James thở dài. Thật khó mà tiếp tục giận dữ với Rick khi nhìn anh ta lúc này, với làn da xám ngoét và cánh tay từng vạm vỡ giờ đã trở nên teo tóp. James ngồi gục xuống trên ghế, nhớ lại giọng nói nhẹ nhàng của cha mình: *Mỗi đứa trẻ đều có quyền được biết nó từ đâu tới.* Có lẽ đây không phải là lỗi của Rick hay William. Có lẽ lịch sử đã lặp lại. Cũng như cha anh mắc sai lầm với anh, giờ đây anh mắc sai lầm với Misha. Con bé cần được dẫn dắt. Nó cần sự kết nối. Trong nỗ lực tìm kiếm danh tính của mình mà không được anh giúp đỡ, nó đã tự hành động với cái đầu đầy những ý tưởng điên rồ.

Anh gục đầu vào lòng bàn tay, đưa đầu ngón tay lên xoa mắt. “Con bé đã phát hiện ra phải không? Về nguồn gốc Hopi của nó? Về việc có anh chị em...”

“Nó đã nghe thấy chúng tôi nói chuyện,” Rick lầm bầm. “Đầu tiên là ở đây. Rồi trong lúc chúng tôi điều khiển thiết bị

bay không người lái.”

“Nó sẽ thành một điệp viên cừ đấy,” Mac nói.

James nhăn mặt. Misha mới mười một tuổi. Ở tuổi đó, anh còn đang đi học, chơi bóng chày với bạn bè, ngón ngấu món cơm nấu đậu lăng của mẹ. Mặc dù cha mẹ anh đã không hoàn toàn thành thật với anh, ít ra họ cũng cho anh một cảm giác an toàn, một cảm giác thân thuộc. “Chúng ta phải đón nó về,” anh nói.

“Nó nói có một lỗ hổng dưới hàng rào, dọc theo đường mòn ven biển. Tôi đã bảo là tôi sẽ đến đón nếu nó có thể quay lại theo đường cũ,” William đề nghị.

“Misha sẽ không sao đâu.” Rick nghẹn giọng nói. “Nó thông minh lắm.” Anh cố ngước lên để nhìn vào mắt James. Và chỉ khi đó James mới nhận thấy những giọt nước mắt ướt đầm trên khuôn mặt Rick. “William đã cho anh biết chưa? Misha đã gặp con trai tôi. Tôi rất mong được nhìn thấy nó. Chỉ một lần thôi, nhìn thấy nó gần bên. Tôi muốn chạm vào nó, muốn nói cho nó biết là tôi...”

Rick ngừng lại, một tiếng ho yếu ớt dâng lên trong họng. Một dòng máu nhỏ từ miệng anh xuống chiếc áo bệnh viện đã nhớp bần. Và James chợt nhận ra: Rick sẽ không bao giờ có được những gì mà anh đã có - một quãng thời gian, dù ngắn ngủi, với người mình yêu thương và con của họ. Anh mừng tượng ra Misha, nó khiến anh nhớ tới Sara nhiều đến mức đau đớn. Mùi cây ngọc giá trên mái tóc dài màu hạt dẻ của nó, mùi đất và sự sống trên da thịt nó. Nó đã phải chịu những luồng khí lọc phả vào người suốt hàng phút đồng hồ, tắm và mặc vào những

chiếc áo choàng nhựa cứng ngắc, chỉ để đến thăm anh. Nhưng con bé là điều có thực duy nhất còn lại trong đời anh, mối liên hệ duy nhất của anh với thế giới bên ngoài. “Để tôi đi,” anh nói.

William đặt tay lên vai James. “Không, anh ở lại đây. Chúng tôi cần anh tiếp tục sản xuất thuốc giải. Hơn nữa, đây là lỗi của tôi. Tôi sẽ lo liệu.”

“Tôi cũng sẽ đi cùng,” Mac nói. “Và chúng tôi sẽ đem theo thiết bị bay không người lái. Để phòng xa.”

KHOM MÌNH trước làn gió lạnh bên bờ biển và kéo áo khoác lên cho kín cổ, Kai tiến về phía vịnh. Nó rẽ trái dọc theo bờ biển và vòng qua một đầm lầy rộng. Phía trước mặt, nó có thể thấy Sela đã đứng sẵn ở chỗ của mình trên cầu tàu cũ.

Với mấy cuộn dây cước, một hộp lưỡi câu và ba cần con bé tìm được trong một nhà kho dưới chân cầu tàu, Sela đã sắp xếp được một chỗ câu cá. Mặc dù nó không thích những con thú nhỏ chúng bắt được ngoài hoang mạc và ít khi, nếu không nói là chẳng bao giờ ăn những con cá nó câu được ở đây, con bé vẫn thích câu cá như một môn thể thao, thích cảm giác hài lòng khi được đem thức ăn về cho mọi người. Nó đã nhanh chóng học được cách câu cá từ trên cầu tàu. Nhưng hôm nay sẽ khác. Chúng đã tìm được một con thuyền nhỏ màu xanh trôi dạt đến từ một bến thuyền ngay bên ngoài hàng rào. Và hôm nay con thuyền đã sẵn sàng, được buộc vào một lan can kim loại rỉ sét bên cầu tàu bằng một sợi dây chảo dài chắc nịch.

“Cậu có dụng cụ rồi chứ?” Kai gọi.

“Chất lên thuyền rồi,” Sela trả lời. Con bé đu người giữa hai lan can và trèo xuống một cái thang dây ngắn để lên thuyền. “Đi nào, bọn mình nên lên đường khi mặt trời còn chênh chếch. Sẽ câu được nhiều cá hơn khi chúng không thể nhìn thấy mình.”

Con thuyền trong tranh trong lúc Kai trèo xuống theo. Chiều qua, khi ngồi trên mặt nước nông kiểm tra con thuyền

xem còn hở chỗ nào không, nó thấy đây đã có vẻ là một ý tưởng tuyệt hảo. Nhưng giờ khi thuyền dập dềnh khó kiểm soát được trên làn nước sâu bên cầu tàu, nó băn khoăn không biết mình có quyết định đúng không. Nó hít một hơi thật sâu, nhớ lại lời trách cứ của Sela. Chúng sẽ chẳng bao giờ đi đâu được nếu không dám thử những điều mới mẻ.

Sela cởi dây buộc thuyền và cầm mái chèo từ đáy thuyền lên. Gọi là mái chèo cũng không đúng lắm - đó chỉ là một mảnh gỗ rẻ có hình cái xẻng mà thôi. Con bé hăm hở chèo ra xa cầu tàu, men theo bờ biển, đợi cho những con sóng chục đẫy chúng về phía đất liền tan đi. Tay không, Kai chỉ biết ngồi đó, bám chặt lấy mạn thuyền và kìm nén cơn nôn nao đang trào lên trong dạ dày.

Khi đã ra xa bờ chừng mười lăm mét, Sela buông mái chèo xuống. Xoay nhanh cổ tay, con bé quăng dây câu xuống bên kia mạn thuyền. “Nếu cách này có tác dụng,” nó nói, “bọn mình nên thử đi mỗi ngày xa hơn một chút, xem mẹ bọn mình sẽ cho bọn mình đi xa đến đâu.”

Kai ngược lên trời, nhìn một đàn chim khổng lồ bay thành hình chữ V mà dữ liệu của Rosie gọi là chim bồ nông đang đáp xuống để bắt mồi. Dọc theo bờ biển, nó có thể thấy chỗ một dòng sông nhỏ đổ ra vịnh - chỗ Álvaro đã dẫn nó đi bắt cua vào ngày thứ hai chúng đến đây. Giờ đang có ba robot đứng cạnh nhau ở đó, không có đứa trẻ nào xung quanh.

“Sela này, cậu có nghĩ là mẹ bọn mình nói chuyện với nhau không?”

Con bé quay sang nhìn nó, lông mày nhướng lên. “Sao cậu lại nghĩ thế?”

“Kamal kể cậu ấy đã có một giấc mơ, trong mơ Beta nói rằng cô ấy đang học hỏi. Nhưng học từ ai? Giờ mỗi khi tớ thấy họ, họ đều đứng thành cụm như thế. Họ bám theo nhau, làm mọi thứ cùng nhau. Lạ lắm. Có lẽ họ đang dạy nhau thứ gì đó.”

Sela lắc đầu. “Trước đây Alpha chưa bao giờ nói chuyện với một robot khác,” nó nói. “Mẹ bảo tớ là mẹ không thể. Và giờ mẹ còn không chịu nói chuyện với *tớ* nữa...” Con bé quay lại mũi thuyền. “Tớ không dám chắc tớ còn tin tưởng Alpha nữa.”

Đột nhiên sợi dây câu của con bé giật giật. Nó giật mạnh và kéo con cá đầu tiên của mình vào. Con cá béo mập cuối cùng cũng được kéo vào bên cạnh mái chèo, quẫy đạp thật lực, vẫy dánh vào đáy kim loại của con thuyền, miệng đớp đón không khí. Kai rón rén xách nó lên. Máu tứa ra từ lớp thịt trong mờ nơi lưỡi câu đã cắm vào, ngay đằng sau cái mang. Những cái vây sắc rạch vào tay nó khi nó ném con cá vào cái túi vải của Sela. Nó phải tự nhắc mình con cá sẽ ngon ra sao sau khi được nướng trên đồng lửa của Hiro.

“Con cá to nhỉ!” Sela đưa cho nó một cái cần nữa. “Nào,” con bé cười nói. “Với tư cách là thuyền trưởng tàu này, tớ ra lệnh cho cậu phải hoàn thành nhiệm vụ!”

Kai móc một con cá nhỏ từ cái xô của Sela vào lưỡi câu của mình. Nó vụng về thả dây câu lên mặt nước, con cá nhỏ lơ lửng trong gió vài giây trước khi biến mất dưới làn sóng. Nó ngắm những đợt sóng cồn đến chóng cả mặt xem có động tĩnh gì không, và chờ đợi.

Và chờ đợi mãi, trong lúc vầng mặt trời lên cao dần thiêu đốt gáy nó.

TRONG VĂN PHÒNG của Mac ở Los Alamos, James cúi đầu bên máy tính, mắt sáng lên trong ánh sáng mờ hắt ra từ màn hình. Từ trạm gác trên nóc Trung tâm Y tế Cựu chiến binh San Francisco, Mac đã phóng thiết bị bay không người lái và kết nối vệ tinh với máy quay của nó. Cùng Kendra và Rudy, James theo dõi màn hình trong lúc cái máy bay nhỏ lượn qua những dải sương mù.

Ở Presidio, William đang đi bộ dọc đường mòn đến nơi định hẹn gặp Misha. Mặc dù anh đã gọi cho Misha từ máy bay vận tải ngay khi hạ cánh với Mac, con bé vẫn chưa tìm cách trốn thoát. Thật ra, từ sau khi William gọi, con bé chưa hề có phản hồi gì.

“Có dấu hiệu gì không?” James hỏi qua điện thoại.

“Không,” Mac đáp, giọng bật đi vì cái mặt nạ. Lần thứ ba, thiết bị bay không người lái lại lướt dọc đường mòn ven biển và đại lộ rải nhựa chạy song song với nó. James có thể thấy hàng rào lởm chởm đầy dây thép gai chia cắt hai con đường. Có lúc máy quay Zoom lại gần một đồng sắt vụn chôn cạnh hàng rào.

“Cái gì thế?” James hỏi.

“Chịu,” Mac đáp. “Nhìn có vẻ là một chồng các tấm sắt. Có lẽ chúng đã chặn hàng rào...”

“Chặn ư?”

“Có vẻ những Người Mẹ đã chặn hết các khe hở dọc hàng rào. Có lẽ chúng cũng đã chặn cả chỗ này... Đúng chỗ con bé nói có cái lỗ...”

Máy quay lướt về phía Đông, bên trên căn cứ Winfield Scott, trên những bia đá trắng của nghĩa trang cũ, và cuối cùng vòng quanh khu trước kia là bãi cỏ Đồn Chính. Có vài robot đứng rải rác ngược xuôi bờ biển, chủ yếu là bất động. “Cái gì kia?” James hỏi khi máy bay lướt trên mặt biển.

“Nhìn như... một con thuyền.”

“TRỜI,” SELA NÓI. “Tớ không hiểu vì sao, nhưng ở đây cá còn kém cần câu hơn cả ở cầu tàu nữa. Có lẽ bọn mình nên đi xa hơn chút nữa.”

“Hay là quay trở lại...” Kai nói. Nó nheo mắt nhìn về bờ biển. Chúng đã trôi khá xa khỏi vị trí ban đầu. Giờ nó gần như không thấy nổi dòng sông nhỏ lấp lánh nữa.

Rồi nó cảm thấy dây câu giật giật một loạt thật mạnh. “Được một con rồi!” nó gọi to. Nhưng Sela đang mãi kiểm tra dây câu của chính mình nên không chú ý tới nó. “To lắm!” Nó phải đứng hẳn dậy, cái cần cong vút đi. Nó cố trụ chân cho vững, bám chặt gót chân xuống đáy thuyền trong lúc con cá kéo nó đến sát một cách đáng ngại về phía mạn thuyền.

Đột nhiên, dây câu chùng xuống. Kai nghĩ là lưỡi câu đã tuột mất nên cúi về phía trước, cố nhìn theo con cá đã sống mất. Nhưng ngay lúc đó, bỗng có một cú giật lớn. Nó chộp lấy cần câu bằng cả hai tay và ngả người ra sau.

Bất thành lĩnh, sợi dây câu đứt phụt. Kai ngã ngửa ra, đập lưng xuống mạn bên kia của con thuyền hẹp. Hai tay nó khua loạn lên hai bên sườn trong lúc nó cố giữ thăng bằng. Nhưng đã quá muộn.

VIDEO CỦA THIẾT BỊ BAY dao động. “Chết tiệt...” Mac lẩm bẩm trên điện thoại. “Hai robot đang tiến về phía này. Tôi nghĩ chúng đã thấy thiết bị bay rồi...”

James quan sát màn hình thấy thiết bị bay lùi ra xa, lao về phía bờ biển. Anh thoáng thấy một robot bay rất nhanh. Rồi một robot khác. “Anh có chắc là chúng đuổi theo anh không?” anh hỏi. “Hình như chúng đang đi ra phía vịnh.”

“Cứ tránh đi là hơn,” Mac nói. Thiết bị bay không người lái bay theo lối cũ về đường mòn ven biển, trên video chỉ còn lại hình các ngọn cây.

KAI NGÃ nhào qua mạn thuyền, làn nước lạnh buốt bao trùm lấy cả thân người nó. Nó chỉ nhìn thấy những đám rác rưởi lơ lờ trôi nổi, chỉ nghe thấy tiếng kêu bị bóp nghẹt của chính mình. Nước mặn chát làm nó phát sặc. Tay trĩu xuống vì cái áo khoác giờ đã sũng nước, nó cố hít thở, đầu ngửa ra sau, mũi mấp mé trên mặt nước.

“Đạp đi! Đạp đi!” Nó nghe thấy giọng the thé của Sela đang gọi nó từ đâu đó trên đầu. Nhưng chân nó nặng trĩu vì bị vướng phải cái gì đó. Cái gì đó đang kéo nó xuống. Ngậm chặt miệng, nó thò tay xuống để gỡ những cọng rong biển ra khỏi chân, vừa gỡ vừa đạp thật mạnh. Rồi nó úp hai tay lại, đẩy xuống để kéo mình lên. Nó nhìn thấy bề mặt, một thứ gì đó uốn lượn trong làn nước ngay bên trên tay phải nó. Nó lại nghe thấy giọng Sela. “Bám vào!” Nó đạp mạnh, tay với lên. Bằng tay phải, rồi tay trái, nó bám được vào sợi thừng. Cuối cùng nó cũng nhìn thấy một mảnh trời xanh trong veo đang xoay tít trên đầu.

Nhưng cái gì thế? Mặt nước xung quanh nó đang cuộn cuộn như một xoáy nước. Nó cảm thấy mình lại đang bị lôi xuống một lần nữa, rồi bị cuốn sang bên. Tiếng gầm rú âm vang khắp trong đầu nó. Động cơ. Động cơ robot. Con thuyền đang tròn trành, chúi xuống, sắp bị lật. Nó cảm thấy thứ gì đó ôm chặt lấy cánh tay mình, lôi nó lên. Nó được nhấc lên khỏi mặt nước nhanh đến nỗi các đốt xương cổ nó như đang kêu răng rắc.

“Sela!” nó gọi to, bất giác giãy giụa. “Sela!”

Khi Rosie đưa nó lên trời, nó thấy Alpha-C lao xuống giữa làn sóng. Và một thứ khác nữa - một cánh tay gầy guộc bám vào bánh xích của Alpha-C trong lúc cô lao xuống.

CAMERA CỦA thiết bị bay không người lái quét dọc đại lộ Lincoln một lần nữa, nhưng không thấy bóng dáng Misha đâu. Tim James đập thành thạch trong lồng ngực. Anh túm chặt tay vịn ghế, tuyệt vọng cố sức giữ bình tĩnh. “William, có tin tức gì không?”

“Không hề,” giọng William vang lên. “Và tôi cũng không tìm thấy cái hố mà con bé nói.”

“Mac,” anh nói, “tôi cần anh quay lại kiểm tra vịnh một lần nữa.”

“Được,” Mac khẽ nói.

Máy bay rẽ về hướng Bắc, bên trên Cầu Cổng Vàng, rồi đi theo hướng Đông men theo bờ biển. Tối sẫm trên nền nước sáng rực, một đám robot đã tập trung lại gần chỗ con thuyền nhỏ màu xanh thả neo ban nãy. Nhiều robot khác đang đi đi lại

lại dọc bờ biển. “Giờ dưới đó nhiều robot hơn rồi,” Mac nói. “Phải bay cao hơn.”

Đột nhiên James nhìn thấy con thuyền. “Bị lật rồi...” anh thì thào.

Máy bay lướt ngang dọc khắp bờ biển. Giờ một đám trẻ con xuất hiện, như những cái chấm nhỏ xíu chạy xuống bãi biển. “Không muốn chúng thấy tôi,” Mac nói. Anh xoay máy bay sang hướng Đông, bay qua hàng rào, ra ngoài ranh giới.

Đột nhiên máy quay Zoom lại gần nền đất. “Chết tiệt,” Mac nghẹn lời.

James cảm thấy Rudy và Kendra đang ghé sát lại sau lưng mình, hơi thở của họ nghẹn trong họng khi họ cùng trở mắt nhìn màn hình. Hình ảnh vệt tinh mờ đi một thoáng, rồi rõ nét trở lại. Và Kendra hức lên một tiếng.

Giữa những cụm rong biển, bị đánh dạt lên bờ bên ngoài hàng rào một đoạn xa, là một tấm thân bé nhỏ, bất động.

THIỆT BỊ BAY rụt rè lơ lửng, chao liệng như thể chính nó cũng không dám nhìn nữa. Thời gian trôi qua, mấy phút mà như hàng mấy giờ. James khuyu xuống sàn, ôm lấy đầu gối. “Tại sao... tại sao đám robot không tìm con bé?” anh hỏi.

Mắt Kendra vẫn dán vào màn hình, miệng há hốc. “Tôi đoán là do hình dạng không đúng,” chị khẽ nói. “Quá... lạnh... chẳng?” Nước mắt tràn xuống má chị. Và lần đầu tiên kể từ khi James quen chị, Kendra gục ngã. Đầu cúi gằm, chị khóc nức nở không sao kìm nén nổi.

“Không sao đâu.” Rudy nói, bắt lực vỗ vỗ lên vai chị. “Không sao mà.”

Nhưng không phải vậy. James gần như không ngăn nổi nỗi sợ hãi và cơn giận đang xâu xé nhau trong ngực anh. Tất cả là lỗi của anh...

Đột nhiên họ nghe thấy gì đó - một giọng nói lí nhí, the thé.

"A lô?"

"Misha?" Giọng William vang lên trên đường truyền điện thoại, khàn đục và nghẹn ngào.

"Em gái cháu mất tích rồi," Misha khóc nức nở. "Kai nói Alpha-C đã đánh chìm con thuyền... Bọn cháu đã tìm khắp bãi biển. Nhưng bọn cháu không tìm thấy nó."

"Misha." James đứng bật dậy. "Cưng à, bố đây." Giọng anh run rẩy. Cả người anh đang run bắn lên. "Con nghe thấy không?"

"Có ạ..."

"Sao con không đến chỗ hàng rào?"

Anh nghe thấy một tiếng nấc nghẹn lại. "Con có đến đấy chứ," Misha nói. "Nhưng họ đã chặn nó lại!" Con bé lại òa khóc. "Con đã cố tìm một chỗ khác, nhưng..."

"Thế sao con không gọi cho bác William?"

"Sau lúc bác gọi con vội quá, con để quên điện thoại trong phòng."

James bám chặt vào bàn của Mac, gục người bên cái điện thoại, sợi dây cứu dảm của anh lúc này. "Misha, bố yêu con..."

"Con cũng yêu bố," con bé khẽ đáp lại.

James nhìn Kendra và Rudy, mắt nhòa lệ. “Bố hứa... chúng ta sẽ nghĩ ra cách gì đó. Cách này hay cách khác, chúng ta cũng sẽ đưa con về. Chỉ cần con kể lại mọi chuyện thôi, từ đầu.”

TRONG CĂNG TIN lò mờ tối của tòa nhà XO-Bot, James uể oải khuấy một bát thịt cừu hầm. Phía bên kia phòng, Kendra đang loay hoay với cái máy pha cà phê cũ, quay lưng lại với họ. Mac, vừa quay về khuya hôm trước, ngồi hai tay đặt lên đùi, không động đến thức ăn. Đã có thêm tin buồn. Sáng sớm hôm nay ở bệnh viện Hopi, Rick đã thua trong trận chiến cuối cùng.

Kendra quay lại bàn, hai tách cà phê bốc mùi cháy khét trên tay. Chị nhẹ nhàng đặt một tách xuống trước mặt Mac. “Anh ấy đã yêu cầu được chôn theo nghi thức của người Hopi,” chị nói.

James khó nhọc đứng dậy, các cơ bắp trên lưng truyền những tín hiệu đau đớn đến xương sống. Viên thiếu tướng sẽ được nằm ở bên Ông Ngoại bên rìa bình nguyên. Ở đó, theo lời Bà Ngoại, anh sẽ đợi Rose đưa đứa con trai của họ về với anh. Nhưng giờ khả năng điều đó xảy ra là xa vời hơn bao giờ hết. Sau một đêm dài trần trọc, James không thể rũ bỏ được giọng nói ảo não của Misha ra khỏi đầu.

“Rudy thế nào rồi?” James hỏi.

Kendra thở dài. “Khá hơn, sau đợt điều trị vừa rồi,” chị đáp. “Nhưng ông ấy vẫn còn cái u ác tính gần xương quai xanh - họ nghi là di căn. Tôi... không thể cho ông ấy biết về Rick.” Chị ngồi xuống, cầm lấy cái thìa khuấy cà phê, ngắm bột kem từ từ tan ra. “Vấn đề có vẻ là có sự cố trong giao tiếp.”

James quay sang nhìn chị. “Cái gì? Với Rudy ấy à?” Nhưng nhìn vẻ kiên quyết trên mặt Kendra, anh có thể đoán là tâm trí

chị đã tập trung sang chuyện khác, một điều chị luôn làm mỗi khi chịu sức ép.

Kendra ngược lên nhìn anh. “Không... với những Người Mẹ ấy. Misha nói bọn trẻ đã không còn giao tiếp được với mẹ chúng. Đó là một trong những điều đầu tiên nó khám phá ra khi nó mới đến.”

James cúi xuống, áp hai bàn tay lên bàn, chịu đựng một đợt choáng váng nữa vốn đã hành hạ anh bấy lâu nay. “Con bé bảo lũ trẻ thường nói chuyện với mẹ chúng trong tâm trí?” anh hỏi. “Thế là thế nào?”

Kendra nhấp một ngụm cà phê, rồi đưa khăn lên chấm môi. “Như anh biết đấy, lũ trẻ và mẹ chúng được kết nối qua hệ thống giao tiếp của họ...”

“Những con chip truyền tín hiệu sinh học ấy à?” James nói. Những con chip là Công nghệ cũ dùng để giám sát sức khỏe từ xa. Người Mẹ robot của Misha cũng đã cài cho con bé một cái, và Edison, sau khi bàn bạc với Sara, đã khuyên họ không nên tháo nó ra.

“Nó không chỉ để truyền tín hiệu sinh học đâu. Những con chip giao cảm ấy được gắn với các thiết bị điện tử có thể tiêm vào cơ thể, cấy trong não.”

“Cấy ấy à?”

“Những Người Mẹ được lập trình để cấy con chip và các thiết bị liên quan ngay sau khi đứa trẻ ra đời. Các chuyên gia trong nhóm của tiến sĩ McBride đã có nhiều năm kinh nghiệm cấy các con chip này vào những bệnh nhân bị thoái hóa thần kinh.

Chúng rất hiệu quả trong việc truyền tín hiệu sinh học, nhưng chúng cũng có thể nhận được các tín hiệu kích thích.”

“Nhận được ư?”

“Tín hiệu từ đứa trẻ rất yếu, chạy bằng năng lượng lấy từ chuyển động trong cơ bắp, hệ tiêu hóa, phổi nó. Nhưng tín hiệu của Người Mẹ mạnh hơn nhiều, chạy bằng năng lượng từ lò phản ứng. Người Mẹ có thể gửi đi các tín hiệu kích thích, ngay cả từ khoảng cách xa.”

“Thế “tín hiệu kích thích mà các robot này gửi đi là gì?” James hỏi.

“Một Người Mẹ có thể gọi con mình mà không cần tín hiệu âm thanh, ví dụ thế. Nhưng Misha nghĩ một điều khác cũng đã xảy ra. Con bé nghĩ chúng đã phát triển các cách giao tiếp cao cấp hơn mà không dùng lời. Kiểu như nói chuyện không thành tiếng vậy.”

“Nếu đúng thế thì lũ trẻ này không còn là người bình thường nữa,” Mac lầm bầm.

“Chúng cũng là người như anh với tôi vậy. Và chúng có mối liên kết với mẹ chúng, cũng như anh với tôi đã từng có.” Kendra nói. “Chỉ có điều nó khác hơn một chút. Trực tiếp hơn, tôi nghĩ vậy. Không có những bộ lọc mà con người, ngay cả trẻ con, thường áp đặt lên các giao tiếp hằng ngày.”

“Một kiểu thần giao cách cảm ư?”

“Có lẽ vậy. Chúng ta không chắc,” Kendra nói. “Nhưng kiểu kết nối trực giác này sẽ khiến mối liên hệ giữa Người Mẹ và đứa con hết sức vững chắc.”

James chớp chớp mắt, cố làm cặp mắt mờ nhòa rõ trở lại. “Thế tại sao Misha lại không có kết nối này với Người Mẹ robot của nó?”

“Mẹ nó không sống đủ lâu để tạo ra kết nối. Misha đã gần như không sống sót nổi khi nó được đưa ra khỏi lồng ấp.” Kendra lắc đầu. “Dù sao thì anh cũng nghe Misha nói rồi đấy. Những Người Mẹ không nói gì nữa. Và bất kỳ cách thông tin liên hệ nào khác từng tồn tại giữa bọn trẻ và mẹ của chúng, dường như cũng đã không còn.”

“Vì sao?”

Kendra đặt tay lên bàn, ở hai bên tách cà phê đã nguội ngắt. “Tôi không biết. Có lẽ do mã bị thoái hóa chăng? Tôi nghĩ điều đó là không thể tránh khỏi... Nhưng trong số tất cả các hệ thống tương tác đã từng tồn tại giữa những Người Mẹ và lũ trẻ thì chỉ có hệ thống thị giác và dữ liệu học tập là còn hoạt động.”

“Điều đó có khiến lũ trẻ gặp nguy hiểm không?”

Kendra nhìn xuống tách cà phê. “Theo những gì Misha kể với chúng ta thì dường như những Người Mẹ đang trở lại với chỉ thị ban đầu.”

“Chỉ thị ban đầu? Là gì?”

“An toàn. Bằng mọi giá. Chúng không còn khả năng cảm nhận những đứa con của mình qua tín hiệu sinh học để biết khi nào bọn trẻ đói, khát hay sợ hãi. Chúng không còn khả năng giao tiếp để cảnh báo hoặc hướng dẫn. Ngoài việc nhận dạng bằng hình ảnh và kiểm soát về mặt thể chất, chúng không có cách nào khác để tiếp tục sứ mệnh của mình.”

James ngồi phịch xuống, bồn chồn gõ gõ ngón trỏ lên bàn. “Chính vì thế mà chúng mới nhốt lũ trẻ vào Nhà 100 sau vụ chết đuối?”

“Thậm chí có thể đến mức chúng sẽ không cho lũ trẻ đặt chân ra khỏi tòa nhà, dù là để tìm thức ăn và nước uống.”

“Nhưng sao chúng có thể làm thế?” James hỏi. “Điều đó đi ngược lại yêu cầu của chúng là không được làm hại lũ trẻ”

“Nếu chúng không cảm nhận được tín hiệu sinh học của lũ trẻ thì không đâu.”

Mac siết chặt nắm đấm. “Vậy chúng ta có thể làm gì?”

Kendra thở dài đánh thượt và quay sang nhìn anh ta. “Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta tìm cách làm cho những Người Mẹ ngừng hoạt động rồi.”

James trở mắt nhìn chị. “Chúng ta có thể làm thế ư?”

Kendra hít một hơi thật sâu. “Tôi nghĩ vậy. Theo thủ tục tiêu chuẩn sau Đại hội lần thứ Mười, dự án Bình Minh Mới đã được trao quyền tiếp cận virus nhân bản dùng để ngăn chặn bọn robot nổi loạn trong cuộc Thủy Chiến. Đêm qua tôi đã tìm thấy nó, sau khi chúng ta cúp máy với Misha. Nó được khóa trong các tệp tin ở Bắc Dakota.”

Mac cúi người về phía trước. “Vậy chúng ta làm cho chúng nhiễm virus bằng cách nào?” anh ta hỏi.

Kendra đứng dậy, một tay áp lên trán. “Chúng ta không thể cứ phát tán virus đi như chúng ta đã làm với lệnh giao thức đặc biệt được.”

“Sao lại không?”

“Lệnh giao thức chỉ bật lên các hướng dẫn đã được cài đặt sẵn trong mã của Người Mẹ. Nhưng để cài virus vào, chúng ta sẽ phải tải lên một mã *mới*. Những Người Mẹ sẽ không cho phép điều đó.” Chị gỡ kính xuống và day day sống mũi. “Không. Chúng ta sẽ phải tìm cách tải virus lên qua một kênh an toàn, một thứ mà chúng đã được lập trình để nhận thông tin... như các máy tính bảng chẳng hạn.”

“Nhưng làm cách nào... Ồ..” James tưởng tượng ra Misha, một mình trong căn phòng của nó ở Presidio. “Chị có thực sự nghĩ Misha sẽ làm được chuyện đó không?”

“Tôi nghĩ con bé là hy vọng duy nhất của chúng ta.” Kendra với tay ra VỖ VỖ lên cổ tay James. “Tôi biết anh không yên tâm khi Misha ở đó. Nhưng nếu không có người lính nhỏ can đảm của chúng ta, chúng ta thậm chí còn không biết lũ trẻ đang gặp rắc rối lớn đến thế nào.”

TRONG BÓNG TỐI của phòng ăn, Misha thấy Kai, mặt được chiếu sáng bởi ánh sáng hắt ra từ máy tính bảng khi nó nôn nóng gõ phím. Con bé ngạc nhiên khi thấy thằng bé ở đó.

Khi quay về từ chỗ hàng rào đã bị chặn sáng hôm qua, con bé định sẽ trốn trong phòng để bàn bạc với bác William về khó khăn mới này. Nhưng nó đã đứng sững lại khi nhìn thấy Kai, thấy vẻ mặt của thằng bé khi nó hỗn hển tập tễnh trèo lên các bậc thềm phía trước Nhà 100, thở không ra hơi. Cả người ướt sũng, quần rách toạc, thằng bé lắp bắp không thành tiếng cho đến khi Kamal đến bên nó, nhẹ nhàng đặt tay lên vai nó. “Có chuyện gì vậy, Kai? Đã xảy ra chuyện gì?”

“Sela,” thằng bé nức nở, chỉ tay về phía vịnh. “Sela...”

Sau lưng nó là Rho-Z, hai cánh tay dài rũ xuống đất, người cúi về phía trước như để tỏ lòng cảm thông với nỗi buồn của con trai mình. Alpha-C đứng im lìm, hai bên sườn lấp lánh muối khô. “Nhưng Alpha đang ở ngay đó mà” Misha khẽ nói. “Sao cô ấy Có thể để..”

Kai quay ngoắt sang Alpha-C, gào lên trong lúc mắt nó cháy rực giận dữ, “Lỗi tại cô!” nó hét. “Cô đã đánh chìm con thuyền! Cô đã giết bạn ấy!”

Kamal ôm lấy thằng bé và đưa nó về phòng rồi ở lại với nó cho tới khi nó chìm vào một giấc ngủ chập chờn. Trong lúc đó, những đứa còn lại lập một nhóm tìm kiếm, lục soát khắp bãi biển một cách vô ích. Misha đã quên bằng nhiệm vụ trốn khỏi

nơi này. Bao nhiêu thời gian quý báu đã trôi qua trước khi nó gọi cho bác William. Và đến khi đó thì nó đã biết - sau tất cả những gì đã xảy ra, nó không thể cứ thế bỏ đi được.

Mà cũng chẳng thay đổi được gì - mẹ chúng đã không cho chúng rời khỏi tòa nhà kể từ khi đó. Khi chiều chuyển thành tối, lũ trẻ nhặt nhanh những gì có thể ăn được trong chạn bếp - ít thịt hầm còn thừa từ hôm qua, ít hạt thông quý giá, mấy miếng cá và thịt sóc khô. Nhiều đứa đã đành phải ăn Pedia-Supp. Sau bữa tối nghèo nàn, chúng làm một đoàn hộ tống để ra nhà vệ sinh tạm chúng đã đào trong rừng. Rồi chúng uể oải về phòng, tất cả đều hạ quyết tâm chống lại mẹ chúng vào sáng mai.

Một bình minh nữa đã ló rạng, một ngày dài nữa đã lại qua. Nhưng cho tới giờ thì Kai vẫn không hề ló mặt. Cửa phòng thẳng bé đóng chặt, không ai dám bước qua.

Misha thận trọng bước lại cái bàn nơi thẳng bé ngồi, gần cửa sổ trước. “Có vấn đề gì à?” con bé hỏi.

“Hử?” Kai nhìn lên. Hai má mẩn đỏ, mắt sưng húp, thẳng bé quay mặt ra cửa sổ. Sát bên ngoài, Rho-Z đang đứng canh chừng trên đám cỏ khô.

“Có vẻ cậu đang gặp vấn đề với cái máy tính bảng,” Misha khẽ nói.

Kai cau mày, nét mặt nó vắn vẹo trước khi biến thành một vẻ giận dữ. “Máy chạy mỗi lúc một chậm... ngay từ trước đã thế. Tớ nghĩ là nếu tớ đem nó xuống đây, gần mẹ hơn... Nhưng giờ thì nó không hoạt động nữa rồi.”

“Cho tớ xem được không?” Misha ngồi xuống bên thằng bé. Con bé cầm lấy cái máy tính bằng cả hai tay, lắc mạnh trong lúc áp cái máy lên tai. “Không có gì bị lỏng cả. Cậu vẫn sạc pin đủ chứ?”

Kai nhìn xuống hai tay. “Đèn báo nguồn cho thấy pin vẫn còn đầy,” nó lẩm bẩm.

“Hừm,” Misha nói. Nó nhớ sáng hôm đó Clara và Álvaro cũng đã kêu ca về chuyện tương tự. Theo Alvaro thì máy tính vẫn nhận được yêu cầu nhưng không đưa ra câu trả lời. “Hình như tất cả đều đang gặp cùng một vấn đề.”

Kai lấy lại cái máy tính từ tay con bé. Với vẻ bỏ cuộc, thằng bé tắt máy đi và gạt nó sang bên, làm không gian xung quanh chúng chìm vào bóng tối. “Rosie không nói chuyện với tớ đã là đủ tệ rồi,” thằng bé nói. “Giờ đến cả cái này cũng không hoạt động nữa.”

Misha chăm chú quan sát thằng bé. Chúng đang nói về Rho-Z. Về cái máy tính bảng. Nhưng nó biết - cả hai đứa đều đang nghĩ về chuyện đã xảy ra hôm qua. Con bé nhìn ra cửa, phần nào mong Sela sẽ bước qua đó. “Kai,” nó khấp khểnh nói, “có lẽ Sela vẫn đang ở đâu đó ngoài kia. Có lẽ bạn ấy sẽ quay về. Kamal nói hồi ở hoang mạc bạn ấy vẫn bỏ đi như thế mà...”

Kai nhìn nó, mắt đỏ hoe. “Bạn ấy sẽ không quay về đâu.” thằng bé nói. Nó siết chặt nắm đấm. “Tớ đã thấy bạn ấy chìm xuống. Bạn ấy sẽ không quay về được.”

Misha cảm thấy người mình rũ xuống. Có lẽ cũng như Kai, nó chỉ cần được an ủi. “Có lẽ tớ vẫn chưa muốn tin,” con bé khẽ nói. Không suy nghĩ gì, nó vụng về vòng tay ôm lấy thằng bé.

Nhưng thằng bé không đáp lại. Cũng như nhiều đứa khác ở đây, nó gây đến phát sợ. Tay chân nó cứng đờ, sống lưng khom xuống đầy cảnh giác. Khi buông thằng bé ra, Misha thoáng thấy con chip giao tiếp cấy vào trán nó - cái huy hiệu đặc biệt, biểu tượng đánh dấu tất cả những đứa trẻ Gen5. Cái nhìn của con bé dán vào những hoa văn phức tạp của các vi mạch trên con chip, như đang phập phồng một sự sống riêng. Nhưng có phải giờ con chip đã vô dụng không, cũng như con chip của nó vậy?

Kai quay ra nhìn qua cửa sổ, Alpha-C vẫn đang ngồi trên cánh đồng - nơi những Người Mẹ đã tập hợp lại, cũng như tối qua, để tạo thành một bức tường bất khả xâm phạm bao quanh thành trì của Nhà 100. “Sela là bạn thân nhất của tớ,” nó nói. “Người đầu tiên tớ gặp. Vậy mà giờ bạn ấy đã mất rồi, và đó là lỗi của tớ!”

Misha nhìn quanh căn phòng trống trơn. “Không phải lỗi của cậu,” con bé nói. “Và không ai nghĩ như vậy cả.”

Suốt cả ngày nó đã nghe những đứa khác mỗi đứa đều đưa ra các giả thuyết, mỗi đứa đều cố tìm cách chấp nhận chuyện đã xảy ra. Mỗi đứa đều có hiểu cho ra hành vi mỗi lúc một hà khắc của mẹ chúng.

“Họ phải bảo vệ bọn mình, Zak vẫn quả quyết.

“Họ cảm nhận được một điều gì đó chúng ta không biết.” Chloe nói. “Vì thế họ mới thận trọng đến vậy.”

Nhưng không phải đứa nào cũng đồng tình. Chúng đều mệt mỏi, đói khát và đầy lo lắng. Và chúng đều muốn câu trả lời. “Chuyện này kéo dài bao lâu được đây?” Hiro hỏi. “Bọn mình cần thức ăn!” Ngay cả khuôn mặt hiền lành của Kamal cũng

đăm chiêu vì hồ nghi. Và Meg bé nhỏ tội nghiệp, sững sờ vì mất đi người bạn cùng phòng yêu quý, gần như không nói nổi nên lời.

Misha hít một hơi thật sâu, cố nghĩ ra một cách nào đó - cách gì cũng được - để an ủi Kai. Nếu ai đó có lỗi trong chuyện xảy ra với Sela thì có lẽ đó là chính nó. Chẳng phải nó đã khuyến khích em gái mình thử thách giới hạn đấy sao? Nhưng không... nó không thể nghĩ như thế được. “Kai” nó nói, “cậu phải tin rằng đó chỉ là một tai nạn khủng khiếp. Không ai có lỗi cả... Alpha nghĩ Sela bị đuối nước, cô ấy chỉ muốn cứu bạn ấy thôi...”

Kai quay ngoắt sang nó. “Nhưng cô ấy có cứu được bạn ấy đâu! Cô ấy đã thất bại. Nếu không có Cô ấy thì có lẽ Sela vẫn còn sống!”

Misha ngồi im lặng, nhớ lại cái hành động thô bạo khi Alpha-C lôi Sela ra khỏi hàng rào hôm trước. Có lẽ Kai đã đúng. Có lẽ sẽ tốt hơn cho lũ trẻ nếu không có mẹ chúng - những Người Mẹ dường như không có khái niệm về sức mạnh của họ, hay về những giới hạn của họ. Nó nhớ lại những gì Álvaro đã nói với nó lúc cuối buổi chiều, trước khi lại đi theo những đứa khác lên tầng để về phòng. “Tớ nghĩ mẹ bọn mình không được lập trình để hoạt động trên nước,” thằng bé đã nói. “Có lẽ đó là vấn đề.” Misha sẽ thêm vào danh sách đó nhiều điều nữa. Nó đã nghĩ về mẹ Sara, về Bà Ngoại - những người mẹ thật là con người mà nó đã biết từ thuở thơ ấu. Có lẽ những Người Mẹ robot này không được lập trình để hoạt động với trẻ con thật - những đứa trẻ cần thức ăn, nước uống, và... tình yêu thương.

Khi nhìn đám robot đứng ngoài cửa sổ, con bé cảm thấy mình cũng lây nổi tức giận của Kai. Dù mới ở đây một thời gian ngắn, nó đã hiểu sự sùng kính lũ trẻ dành cho mẹ chúng. Nhưng phải có *ai đó* trả giá cho cái chết của người bạn thân của Kai - cho cái chết của em gái nó chứ? Con bé nhắm nghiền mắt, cố ngăn dòng lệ trào ra.

Kai liếc nhìn nó, nét mặt dịu lại. “Tớ xin lỗi,” thằng bé nói. “Tớ thực sự muốn tin đó chỉ là một tai nạn. Rằng Alpha chỉ muốn bảo vệ bạn ấy. Nhưng cậu thấy đấy... tớ không biết nữa. Quả thực là tớ không *biết*...”

Misha cảm thấy một tiếng rè rè phát ra từ cái điện thoại nó giấu dưới áo khoác. “Kai, tớ đã hứa sẽ đi lấy thêm nước trước khi đi ngủ,” nó khẽ nói.

Nó đứng lên đi ra. Sau lưng nó, Kai lại quay nhìn ra ngoài cửa sổ.

MISHA KHOM NGƯỜI bên cái điện thoại vệ tinh trong căn phòng nhỏ của mình. “A lô? Bố đấy ạ?”

“Con thế nào rồi?”

“Cũng bình thường ạ...” Misha cảm thấy những bó cơ căng cứng trên cổ nó thư giãn dần. Nó gần như đã quên mất bàn tay dịu dàng của bố James, cái giọng nhẹ nhàng bố chỉ dùng với nó. Nó kéo chặt áo khoác quanh mình, chỉ ước có thể biến luôn vào màn hình nhỏ ấm áp màu xanh rục của cái điện thoại. “Bố ơi, con xin lỗi...”

“Cung à, bố đã nói rồi... Con đã làm mọi người sợ khi một mình bỏ đi như thế. Nhưng chuyện đó là chuyện đã rồi. Điều

quan trọng là con được an toàn.” Im lặng một thoáng. “Và... có lẽ giờ con có thể giúp được chúng ta.

Misha đưa ống tay áo lên lau mặt. “Con đang giúp các bạn. Đi lấy nước... Con là đứa duy nhất có thể ra khỏi cánh đồng mà không bị Người Mẹ nào kéo lại.”

“Cẩn thận đấy, Misha. Chúng ta không biết chắc những Người Mẹ sẽ làm gì tiếp theo.”

“Nhưng con có thể giúp bằng cách nào khác nữa?”

“Chúng ta có một kế hoạch.” Giọng bố trầm xuống, cương quyết hơn. “Chúng ta cần con thuyết phục lũ trẻ tải một virus vào các robot của chúng.”

“Virus ấy ạ? Nó sẽ làm gì?”

“Nó được thiết kế để vô hiệu hóa CPU của chúng.”

“Nó sẽ giết họ ư?” Mạch Misha đập nhanh hơn. Đó có thật là điều có mong muốn không?

“Không đâu. Chỉ khiến chúng bạn bị thôi.” Lại im lặng, và nó nghe thấy đầu dây bên kia có tiếng sột soạt.

“Misha, hãy làm từng bước một nhé.” Là bác Kendra. “Bác có thể gửi cho cháu một bản mã virus qua một máy tính ở Presidio. Nó nằm ở một tòa nhà khác, cách chỗ cháu chừng một cây số rưỡi. Bác sẽ cho cháu tọa độ. Cháu sẵn sàng chưa?”

Misha chăm chú lắng nghe trong lúc bác Kendra đọc tọa độ và ghi chúng lại trên màn hình điện thoại. “Gọi lại cho chúng ta khi cháu đã vào trong, bác Kendra nói. “Hoặc nếu cháu gặp bất kỳ rắc rối nào.”

“Được ạ.” Misha hồi hộp gác máy. Chỉ một cây số rưỡi. Chỉ một cây số rưỡi thôi.

TÚI BUỘC CHẶT trên lưng, Misha đứng trên hiên trước của Nhà 100. Dọc lối đi, những Người Mẹ xếp thành hàng như các bức tượng lấp lánh dưới ánh trăng. Con bé tưởng tượng họ hẳn phải đẹp lắm khi bay cùng nhau, thân mình sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời như Bà Ngoại vẫn thường miêu tả. Nhưng ở đây, khi họ ngồi xổm, hai tay khép sát bên mình, nhìn họ chỉ có vẻ đầy hăm dọa, như những bóng ma câm lặng thực hiện một nhiệm vụ bí hiểm nào đó. Con bé quay ngoắt lại, trở vào tòa nhà để tìm cánh cửa nhỏ phía sau. Khi đã ra đến ngoài, nó bước vội theo lối đi mà thiết bị định vị đã gợi ý, rẽ phải, rồi hướng về phía Tây dọc theo một con đường rộng có rải nhựa.

Đột nhiên nó cảm thấy mặt đất rung chuyển dưới chân. Nó dừng chân, dỏng tai nghe. Lá cây, nghe như cả cành cây, đang xào xạc đáng sợ sau lưng nó. Nó rảo bước nhanh hơn, chân đi theo nhịp tim đập, phổi đau tức trong bầu không khí giá buốt. Chỉ đến khi lên tới các bậc thang trước cửa tòa nhà, nó mới quay lại nhìn cánh đồng sau lưng mình. Ở đó, một robot đơn độc đang đứng, lớp vỏ cao bên phải bị giẫm bẹp. Con bé lách qua cánh cửa nặng có khung sắt của tòa nhà rồi đóng chặt cánh cửa lại sau lưng. Rồi nó giơ điện thoại vệ tinh lên và nhấn nút “gọi”. “Cháu vào đến nơi rồi,” nó thì thầm.

“Giỏi lắm” bác Kendra trả lời. “Giờ cháu lên cầu thang bên phải. Rồi vào căn phòng đầu tiên ở đầu cầu thang.”

Bên trong tối om. Misha nhắm mắt lại, tìm đường như nó vẫn làm hồi nhỏ - bằng cảm giác, bằng tiếng vang. Nó bước lên các bậc thang kẽo kẹt và nhanh chóng tìm thấy văn phòng, không khí bên trong lạnh lẽo và tĩnh lặng.

“Trên bàn có một cái máy tính. Cháu chỉ cần chạm vào màn hình thôi. Máy tính sẽ bật lên.”

Misha ngồi xuống ghế trước bàn làm việc bên tay phải và chạm vào màn hình máy tính để bàn. Màn hình sáng lên, hiện ra hình Cầu Cổng Vàng. “Được rồi ạ,” nó nói.

“Bác đang chuyển cho cháu virus trong một tệp tin tên là 'Repli3'. Cháu thấy chưa?”

Con bé thấy một biểu tượng nhỏ hiện ra trên góc phải màn hình. “Rồi ạ.”

“Nó vẫn đang tải xuống. Đừng chọn nó cho khi bác bảo. Trong lúc đó thì chắc hẳn trong văn phòng này phải có một tập thẻ nhớ. Cháu tìm chúng được không?”

Misha lục lọi trên các giá sách gần bàn và tìm thấy một chồng hộp hình chữ nhật để chữ “HaloDisk”. Bên trong mỗi hộp là năm mươi thẻ nhớ nhỏ. “Cháu tìm thấy rồi ạ. Có nhiều lắm.”

Một tiếng thở dài nhẹ nhõm vang lên ở đầu dây bên kia. “Tuyệt. Giờ nghe cho kỹ nhé. Cháu sẽ phải có một bản sao cho mỗi robot. Cứ làm lấy ba mươi bản để đề phòng, mỗi bản trên một thẻ riêng... Đó. Tệp tin virus sẵn sàng rồi đấy.”

Misha đút một thẻ nhớ vào cái khe bên sườn máy tính và đợi virus tải vào đó. “Được rồi, xong một cái rồi ạ.” Nó kiên nhẫn sao virus vào hai mươi chín cái thẻ nữa rồi cất chúng vào túi. “Rồi ạ,” nó nói. “Đủ ba mươi cái.”

“Giỏi lắm! Hãy cho chúng ta biết khi nào cháu quay về tới phòng nhé? Chúng ta sẽ cho cháu biết bước tiếp theo.”

Misha đeo cái túi lên vai và xuống cầu thang. Ở tiền sảnh nhỏ, nó lấy hết quyết tâm. Rồi nó bước ra hiên. Robot canh gác

vẫn đứng kia, hai bên sườn ướt đầm vì sương đọng. Con bé ghen thở khi thấy phù hiệu của robot đó: Alpha-C.

Một luồng sợ hãi xuyên thẳng qua nó. Nhưng rồi, không sao hiểu nổi, một cảm giác khác lại thay thế nỗi sợ đó - một hơi ấm kỳ lạ, một sự chắc chắn... và đúng lúc đó nó tưởng như mình đã nghe thấy gì đó: một giọng nói thì thầm.

“Cái gì...” Nó nhìn quanh. “Ai đó?”

Cũng bất thành linh như vậy, giọng nói biến mất. Nó khom người xuống. Đó chỉ là tiếng mạch máu của chính nó đang đập thành thịch trong tai mà thôi. Đưa hai tay lên túm chặt lấy quai túi, nó bước xuống cánh đồng, đi bằng bước chân vội vã. Sau lưng nó, Alpha bám theo.

KAI LẤY CHIẾC LA BÀN từ trong túi áo khoác ra và nhớ lại cái ngày mình nhận được nó. Thằng bé đưa ngón tay xoa bề mặt nhựa bên của la bàn. *Nó hay lắm, Sela đã nói vậy. Nó cho cậu biết phải đi hướng nào.*

“Tại sao cậu lại ngốc như vậy?” nó lẩm bẩm. Nó tưởng mình đã thôi giận dữ. Nhưng giờ cơn giận là thứ duy nhất nó còn lại. Nó giận Sela vì đã dám chèo thuyền ra xa đến thế. Giận chính mình vì đã để con bé làm vậy. Giận mẹ chúng vì đã đánh đắm con thuyền, vì đã không tin tưởng chúng. Và giận Rosie vì mẹ không nói chuyện với nó. Nó ném cái la bàn xuống sàn nhà. Giờ nó chẳng biết phải đi hướng nào nữa.

Nó cầm cái máy tính bảng lên và lê bước xuống cầu thang. Chúng đã hết thức ăn dự trữ - nhưng cũng chẳng sao, vì từ khi Sela biến mất, nó chẳng còn thiết ăn uống nữa. Nhưng trong khi Zak tin là nó có thể tổ chức một cuộc đi săn, Misha hình như lại có một ý khác. Sáng hôm đó Kamal đã thông báo cho nó: tất cả phải tập trung trong phòng ăn, và chúng phải đem theo máy tính bảng.

Khi bước vào phòng, Kai thấy Misha ở góc đằng xa, mái tóc thường vẫn tết bím gọn ghẽ giờ bỏ xõa trên vai, hai tay vung vẩy như thể nó đang tập dượt một bài diễn văn không thành tiếng. Mắt con bé sáng lên trong chốc lát khi Kai ngồi xuống cạnh Kamal và Meg trên mấy cái ghế gần nó nhất.

“Cậu có biết chuyện này là thế nào không?” Kai thì thào với Kamal.

“Tớ không biết,” Kamal trả lời. “Có lẽ Misha đã tìm ra cách lấy lại kết nối máy tính bảng cho bọn mình chẳng?” Thằng bé mỉm cười yếu ớt, và một lần nữa, Kai lại thấy biết ơn vì tình bạn bền bỉ của nó.

Đằng sau nó, Zak và Chloe đang âm ỉ kéo ghế ngồi cạnh Alvaro và Clara. Cuối cùng căn phòng cũng yên ắng trở lại. “Tất cả đã có mặt rồi,” Hiro đứng ở cửa nói.

Misha hăng giọng. “Tớ nghĩ là...” nó mở lời. Mắt nó lại hướng về phía Kai, nhưng thằng bé không rõ Misha đang tìm kiếm điều gì. Nó chỉ gật đầu, đợi cho con bé tiếp tục. “Tớ nghĩ là bọn mình đều muốn chuyện này...” Nó chỉ ra cửa sổ, về phía đám robot đang đứng chắn lối ra. “Bọn mình đều muốn chuyện này kết thúc.”

Zak giơ tay lên. “Không hiểu ý cậu. Chính xác thì bọn mình muốn cái gì kết thúc cơ?”

“Cậu đã nghĩ ra cách để bọn mình kiếm được thức ăn chưa?” Hiro hỏi.

“Cậu đã nghĩ ra cách để sửa được máy tính bảng chưa?” Clara hỏi, giơ cái máy tính của mình lên.

Misha nhìn thẳng qua đám khán giả của mình, hai bàn tay bốn chôn giờ cứng đờ hai bên sườn. “Không. Tớ nghĩ là các máy tính bảng không sao hết. Và rất có thể dữ liệu của mẹ các cậu cũng còn nguyên vẹn. Tớ nghĩ vấn đề chỉ là họ không thể truyền kết quả tìm kiếm về cho các cậu. Cũng như họ không thể nói chuyện với các cậu nữa.” Lũ trẻ rì rầm tỏ ý tán thành. “Vấn

đề hẳn phải nằm ở mẹ các cậu,” con bé nói. “Và tớ không nghĩ là mọi chuyện sẽ khá lên đâu.”

Clara há hốc miệng. “Nhưng bọn mình có thể làm gì để giải quyết *chuyện đó*?”

“Tớ muốn nói với các cậu về chuyện đó đấy,” Misha nói, giọng thấp xuống gần như không nghe nổi. “Tớ có một kế hoạch. Nhưng... tốt nhất là tất cả bọn mình phải đồng ý.”

“Kế hoạch gì?” Zak có vẻ bồn chồn, và sau lưng mình, Kai gần như có thể cảm thấy thằng bé đang cúi về phía trước.

“Tớ nghĩ là...” Misha hít một hơi thật sâu, đặt tay trái lên lưng một cái ghế trống để làm chỗ dựa. “Bọn mình nên đưa mẹ bọn mình vào chế độ ngủ.”

“Ngủ ư?” Đó là Chloe vừa buột miệng kêu lên. “Tại sao?”

Bên cạnh Kai, Kamal lên tiếng. “Có lẽ không cần phải thế đâu. Có lẽ mẹ tớ đã tự ngủ rồi cũng nên.” Thằng bé đưa ngón trỏ dài lên gõ gõ vào bên đầu. “Mẹ vẫn còn ngoài kia, nhưng mẹ không còn thức nữa. Tớ không tìm được mẹ nữa.”

Qua cửa sổ, Kai có thể thấy Rosie. Nó nhận ra mẹ qua cách mẹ xếp cặp cánh hơi xa khỏi thân mình một chút, như thể sắp sửa cất cánh. Nó nhận ra mẹ qua vết sơn vàng sáng hình cánh bướm. Nhưng giờ mẹ chỉ là một trong số nhiều robot - những hình thù tối sẫm, câm lặng, đầy đe dọa, xấp lại mỗi lúc một gần... “Họ vẫn còn thức, Kamal ạ. Họ chỉ không nói chuyện với bọn mình nữa thôi,” nó nói.

Sau lưng Kai, Zak đứng bật dậy nhanh đến nỗi cái ghế đổ kênh xuống sàn. “Bây giờ không phải lúc để đưa họ vào giấc

ngủ! Tớ bảo cho mà biết, họ đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công!”

Kai quay lại đối mặt với thằng bé. “Tấn công ư? Bởi cái gì? Lũ sóc chắc?” Một tràng cười lo lắng vang lên, phá vỡ sự căng thẳng trong chốc lát.

Chloe đứng dậy, túm lấy cánh tay Zak và trừng mắt nhìn Kai. “Thế cậu nghĩ gì về chuyện đang xảy ra với mẹ bọn mình hả Kai?” con bé hỏi.

“Ý cậu là, theo tớ thì tại sao họ lại im lặng ấy à?”

“Không,” Zak nói. “Ý bạn ấy là, tại sao họ lại bảo vệ chúng ta cẩn mật như thế?”

Kai nhìn quanh tìm một gương mặt đồng cảm. Nhưng mọi cặp mắt đều đang dán vào nó, đợi nó trả lời. “Tớ không biết,” nó nói. “Nhưng có một điều tớ cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi. Đó là bọn mình không thể hỏi họ tại sao lại thế. Vì họ không chịu trả lời.”

Tiếng rì rầm vang lên khắp phòng, sau đó lũ trẻ lần lượt lắc đầu.

“Vấn đề với mẹ bọn mình,” Clara nói, “hình như nó đã bắt đầu ngay khi bọn mình đến Presidio...”

“Và tồi tệ hơn sau khi Misha xuất hiện,” Chloe nói, cặp mắt sẫm màu giờ chăm chăm nhìn Misha. “Tớ tự hỏi tại sao nhỉ?”

Kai đứng dậy đối mặt với Chloe. “Ý cậu là sao? Bạn ấy đến đây chỉ sau bọn mình có mấy ngày! Khi mẹ bạn ấy bỏ rơi bạn ấy.”

“Được rồi, có thể Misha không phải là nguyên nhân vấn đề,” Clara nói. “Nhưng mẹ bạn ấy đã đi rồi. Theo như bọn mình biết

thì mẹ bọn mình sẽ không bao giờ bỏ đi. Sao *bạn* ấy lại là người cho bọn mình biết phải làm gì với họ chứ?”

Tiến về phía cửa sổ, Chloe nhìn về phía mẹ mình. “Tớ đồng ý với Zak. Họ đang chuẩn bị cho một cuộc chiến. Tớ chỉ muốn mẹ cho tớ biết chuyện gì đang xảy ra. Nếu có kẻ thù cần chống lại, thì tớ muốn giúp mẹ chống lại chúng.” Con bé quay lại nhìn lũ trẻ. “Kappa đã làm tất cả cho tớ. Tớ chỉ muốn làm điều gì đó cho mẹ. Và điều đó không có nghĩa là bắt mẹ phải ngủ!”

Có tiếng rì rầm to hơn, vài tiếng sục sục bị nén lại. Nhưng không đứa nào lên tiếng. Kai quay sang Misha. “Giả sử bọn tớ muốn họ ngủ thật. Bọn tớ sẽ làm cách nào?”

Misha nhìn xuống sàn. Nó nuốt khan trước khi ngược lên nhìn thẳng bé. “Bằng một con virus...” nó khẽ nói.

“Một con virus? Như là bệnh cúm ấy à?” Zak lao vào Misha, nắm đấm siết chặt. Khi Misha lùi lại, Kai quay ngoắt sang đối mặt với Zak. Nó gần như có thể cảm nhận được hơi nóng tỏa ra từ da Zak.

Từ chỗ ngồi của mình, Alvaro xen vào. “Tớ dám chắc là Misha đang nói đến một virus máy tính. Một mã máy tính để can thiệp vào suy nghĩ của họ.”

“Đúng thế,” Misha nói, đưa mắt tìm thẳng bé nhỏ thó. “Một virus máy tính. Bọn mình có thể tải nó vào họ từ máy tính bảng. Nó sẽ không giết họ. Chỉ làm họ ngủ đi thôi. Rồi bọn mình sẽ nghĩ xem nên làm gì tiếp theo. Nếu bọn mình đổi ý, nếu bạn mình nghĩ quả thực có một mối đe dọa mà chỉ có mẹ bọn mình mới chống lại được, thì bọn mình có thể xóa virus đi. Nó sẽ không gây ra hậu quả lâu dài nào cả.”

“Thế cậu tìm ra cái virus này ở đâu?” Zak hỏi.

Misha đỏ mặt. “Tớ tự nghĩ ra.”

“Thì ra là thế!” Zak quay lại đối mặt với cả phòng. “Nó đã giết mẹ nó theo cách ấy!”

Tiếng la lối nổ ra khắp phòng. Đứng sát cạnh Misha, Kai có thể thấy những giọt nước mắt ầng ậng trong mắt Misha. “Không phải!” con bé kêu lên. “Mẹ bỏ tớ lại! Tớ đã nói rồi, Mẹ bỏ tớ lại thật mà!” Con bé lao ra cửa, đẩy Hiro đang sưng sờ sang bên và biến vào phòng để thức ăn phía bên kia.

Kai quay sang Zak. “Xem cậu đã làm gì kìa!” nó quát. “Bọn mình chỉ có nhau. Thế mà cậu lại chia rẽ cả bọn!” Nó nhìn khắp phòng, tìm kiếm một đồng minh nữa nhưng vô ích. “Misha chỉ đang cố giúp thôi. Bạn ấy không phải làm thế. Bạn ấy không bị kẹt ở đây giống bọn mình. Theo như bọn mình biết, bạn ấy có thể rời đi bất kỳ lúc nào.”

Chloe khoanh tay lại. “Thế sao nó không làm thế? Sao nó không để cho bọn mình yên?”

“Cái gì? Vì bạn ấy cần...” Trong lúc Kai cố tìm từ, cơn giận bùng trào lên trong họng nó, làm nó nghẹn lời. Sao mọi chuyện lại đến nước này?

Nhưng chẳng quan trọng nữa. Căn phòng đang tối dần. Lũ trẻ giật mình đưa mắt nhìn ra cửa sổ, giờ đang rung chuyển trong khung cửa. Những bức tường cũng rung lên vì tiếng những bánh xích lăn ầm ầm, tiếng không khí gào thét thổi bay cả những bụi cỏ khô trên cánh đồng bên ngoài và làm bật rễ khu vườn được Clara trồng cây cẩn thận. Những Người Mẹ đã thức giấc.

Kai len qua đám trẻ, ra khỏi cửa, đi qua bếp và lên gác. Nó tiến thẳng vào căn phòng trong góc của Misha, nơi cánh cửa để ngỏ. Trong bóng tối lơ mờ, nó thoáng thấy khuôn mặt hoen nước mắt của con bé.

“Tớ muốn thử,” nó nói. “Cho tớ biết cách đi.”

MISHA DẪN KAI ra khỏi cửa sau của Nhà 100, đến chỗ chiếc xe đạp điện của Sela vẫn đang cắm vào một ổ điện mặt trời trên tường. “Lên đi,” con bé rút dây cắm ra và nói. Thằng bé vừa trèo lên yên sau xe thì con bé nổ máy. Cái túi của Misha, mà con bé đã bỏ máy tính bảng của Kai vào, đang đeo sau lưng thằng bé. Đằng sau và trên đầu chúng, Kai vẫn nghe thấy tiếng rầm rập của hai mươi hai Người Mẹ đang nổi điên. Và khi chúng rời xa tòa nhà một đoạn, hai robot bám theo chúng từ trên cao. Bằng cách nào đó, Kai biết - một trong số đó là Rosie.

Chúng chạy xe dọc một con đường lộng gió, ngọn đèn pha pin mặt trời xuyên qua lớp sương mù buổi sáng. Ôm chặt lấy Misha trong lúc con bé rẽ qua các khúc quanh, mái tóc bỗ xỗ của con bé đập vào mặt nó, Kai không thể không nhớ tới một thời điểm khác, một nơi khác, trên hoang mạc. Có phải mới chỉ mấy tháng trước không?

“Bọn mình đi đâu đây?” nó gọi to. Misha quay đầu lại. Nó thấy miệng con bé mấp máy, nhưng chỉ nghe được từ “máy tính”.

Cuối cùng chúng dừng lại trước một tòa nhà lớn màu cát, và Kai theo Misha qua cửa trước rồi lên cầu thang. Ở đó, con bé lao vào một căn phòng nhỏ và chạy đến một cái bàn làm việc, trên có đặt một thứ nhìn như một màn hình máy tính bảng lớn. Con bé ngồi phịch xuống một cái ghế trước bàn. Bằng những ngón tay lóng ngóng, nó lấy một thiết bị nhỏ hình thuôn dài ra khỏi

túi; Kai đã nhìn thấy một thứ như thế trong bếp ở Nhà 100, nhưng Alvaro bảo nó đó chỉ là một cái điện thoại cũ, giờ đã vô dụng rồi.

Misha nhấn một cái nút màu xanh lá cây trên thiết bị đó. “Bố ơi, bố có đó không?”

Kai bước lại gần hơn. *Bố ấy à?*

Một giọng nói vang lên trên điện thoại. “Bác Kendra đây. Có chuyện gì thế?”

“Kai là người duy nhất đồng ý thử tải virus. Các bạn khác đều đang hoảng loạn. Cháu làm gì bây giờ?” Mặt Misha tái xanh trong ánh sáng phát ra từ thiết bị nhỏ kia, hơi thở nó ngắn, gấp gáp. Trong khoảng im lặng sau đó, nó vịn vẹo hai tay, chân bồn chồn đập đập vào chân bàn.

Kai chạm vào vai Misha. “Misha,” nó nói, “ai...”

Nhưng giọng nói lại vang lên. “Có một cách khác. Một cách để đưa cháu ra. Sau khi được cài virus, Rho-Z vẫn có thể bay đi.”

“Bay đi ư? Bay đi đâu ạ?”

Im lặng một quãng nữa trước khi giọng nói kia trả lời. “Đến Los Alamos. Bác sẽ gửi cho cháu một bản virus khác. Bản này Có kèm mã triệu hồi. Và tất nhiên, chúng ta cũng muốn Kai đi cùng nữa.”

Có tiếng sột soạt. Rồi một giọng khác, một giọng đàn ông, vang lên ở đầu dây bên kia. “Misha, chúng ta đã hứa là sẽ đưa con ra khỏi đó. Và khi cậu ấy đến đây... có lẽ Kai có thể giúp chúng ta thuyết phục những bạn khác.”

Trơn tuột như những con cá mồi nhỏ xíu trong Xô của Sela, ý nghĩ của Kai đảo lộn trong đầu, không sao nắm giữ nổi. Misha

đang nói chuyện với ai vậy? Nó thử lại lần nữa: “Misha, cậu đang...” Nhưng con bé gạt nó ra và đưa tay chạm nhẹ vào màn hình máy tính, khiến màn hình sáng lên. Qua cửa sổ bên trái, Kai thoáng thấy Rosie bên dưới. Và bên cạnh mẹ là một robot khác - Alpha-C.

Đột nhiên một biểu tượng nhỏ xuất hiện ở đáy màn hình. Giọng nói vang lên qua thiết bị kia. “Con thấy chưa?”

“Rồi ạ,” Misha nói.

“Copy nó vào một thẻ nhớ mới đi.”

“Được ạ.”

Từ một cái hộp trên giá đặt dọc bức tường, Misha lấy ra một tấm thẻ nhỏ hình chữ nhật. Con bé cắm tấm thẻ vào cái khe bên cạnh một bảng điều khiển bên dưới bàn, và một ngọn đèn vàng bật lên bên cạnh cái khe. Chỉ mấy giây sau, đèn đã chuyển sang màu xanh. “Xong rồi ạ,” Misha nói.

“Bác Kendra sẽ gửi cho con các hướng dẫn mới. Con sẽ thấy chúng trên màn hình. Nhớ làm theo từng bước một. *Không được* bỏ qua bước nào nhé.”

“Được ạ...” Misha đọc lướt những dòng chữ trên màn hình, môi mấp máy không thành tiếng. “Giờ con phải giải thích với Kai đã.” Cuối cùng nó mới quay sang nhìn thẳng bé. “Tớ xin lỗi, Kai. Nhưng nếu cậu thực sự muốn làm việc này thì bọn mình phải nhanh lên.”

Kai trở mắt nhìn nó. “Làm cái gì? Cậu đang nói chuyện với ai thế?”

Misha cắm một tấm thẻ nữa vào bảng điều khiển, và Kai lại thấy ngọn đèn nhỏ chuyển từ vàng sang xanh. “Trên đường đi

tới sẽ giải thích cho cậu. Nhưng giờ thì cậu phải tin tớ.”

Căn phòng nhỏ với những cái giá móc meo và đồ đạc cũ kỹ, giống một cảnh dựng trong một video cũ, dường như đang dồn nén vào Kai. Não nó không hoạt động bình thường được nữa. Nó không thể cho Misha câu trả lời con bé cần. “Không. Tớ không thể. Chẳng nào mà cậu còn chưa trả lời tớ.”

Misha đứng dậy. Vừa đi đi lại lại, con bé vừa tuôn ra một tràng - về một người bố tên James sống ở một nơi gọi là Los Alamos. Về việc James, cùng với một người khác tên là Rudy, đã biến đổi gene để giúp lũ trẻ sống sót sau Đại Dịch. Còn hai người khác, Mac và Kendra, đã lắp ráp và lập trình cho các robot - chính là những Người Mẹ. Và còn cả những người khác nữa, những người Hopi, họ sống trên hoang mạc, làm ruộng và chăn cừu. Tất cả những người này là gia đình của Misha. Họ cũng có thể trở thành gia đình của Kai nữa.

Nhưng trong lúc đó, Kai thấy mình đang lùi ra xa con bé, tay quờ tìm cánh cửa sau lưng.

“Xin cậu đấy,” Misha nói. “Bọn mình cần...” Nó dừng lại giữa chừng, nhìn ra cửa sổ. “Rho-Z đã ở kia, sẵn sàng rồi,” con bé nói. “Nhưng Alpha... Cô ấy có thể là vấn đề.”

Kai đã đưa tay nắm chặt nắm đấm cửa. Có người bên ngoài hàng rào... họ đang tìm cách điều khiển những Người Mẹ. “Misha...” Nó vươn người đứng thẳng, sẵn sàng để vùng chạy. “Có phải Zak đã đúng không? Có phải cậu là kẻ thù của chúng tớ không?”

Misha nhìn vào mắt nó và nắm lấy tay nó. “Không, Kai. Tớ là bạn. Tớ cũng như cậu. Tớ cũng có mẹ robot. Mẹ bị rơi ở hoang

mạc nhưng vẫn cố sinh ra tở. Một số người đã tìm thấy tở. Họ đã cứu tở. Giờ họ cũng đang cố giúp cậu. Họ đã cố giúp cậu từ lúc cậu mới sinh ra...”

“Thế sao tở chưa bao giờ nhìn thấy họ?”

“Mẹ cậu không cho họ lại gần. Cô ấy được lập trình chỉ để bảo vệ cậu thôi. Nhưng *đúng* là có những người khác ở quanh. Cậu không bao giờ cô độc cả.” Misha buông tay ra, nhưng vẫn không rời mắt thẳng bé.

Kai nhìn ra cửa sổ. Nó nhớ lại câu chuyện của Sela về một phát súng laser bí ẩn trong đêm. Những thùng nước bỏ lại bên vệ đường. Các nhu yếu phẩm được sắp sẵn cho chúng ở Presidio này. Có đúng thế không? Có phải ai đó đã trông chừng nó, cố gắng giúp đỡ nó suốt bao năm nay không?

Theo ánh mắt nó, Misha lướt nhìn khắp bầu trời. “Alpha-C ở đây đã đủ rắc rối rồi. Nhưng có thể nhiều Người Mẹ khác đang đến. Họ có thể không nói chuyện với các cậu nữa, nhưng tở nghĩ là họ có nói chuyện với nhau.”

Kai nhìn mẹ mình, giờ đang đứng gần cửa ra vào của tòa nhà. Và Alpha, hướng về phía Rosie như thể đang chia sẻ một bí mật sâu kín nào đó. Nó nhớ lại bộ ba robot đứng trên bờ biển khi nó và Sela thả thuyền trôi qua vịnh...

Bên cạnh nó, Misha lấy máy tính bảng từ túi ra. “Kai, nếu bọn mình định làm việc này...”

Kai nhắm nghiền mắt. Sela sẽ làm gì? Tất nhiên con bé sẽ tin Misha. Nhưng sự liều lĩnh của Sela đã đưa con bé đến đâu? Rosie mới là người luôn bảo vệ nó. Dù gì thì Rosie cũng vẫn luôn đúng...

Nó mở mắt, nhìn vào mắt Misha. Không, Sela cũng đúng nữa. Nó sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu nếu nó để nỗi sợ lấn át. Và dù nó đi đâu thì nó cũng sẽ không đơn độc. Misha sẽ ở đó. Và dù mẹ không còn như trước nữa - dù có thể mẹ sẽ không bao giờ trở lại thành Người Mẹ nó đã yêu thương - Rosie cũng sẽ ở bên nó.

KAI SIẾT CHẶT cái máy tính bằng bằng cả hai tay. Cắm vào cái khe bên cạnh máy tính là tấm thẻ nhớ chứa con virus chết người. Rosie ngay trước mặt khiến một loạt những cảm xúc trái ngược trào lên trong lòng thằng bé - mong đợi pha lẫn với lo lắng. Alpha, thân mình ngã tới trước trong tư thế quen thuộc như chim, cũng đang đứng cách đó chỉ vài bước.

Misha đặt tay lên vai nó, nhìn thẳng vào mắt nó. “Virus này được thiết kế để liên tục biến đổi,” con bé nói. “Sau đợt truy cập đầu tiên nó sẽ tiếp tục cài đặt lại, mỗi lần với mã hơi khác một chút. Cậu phải lại gần hết mức có thể để không bị nhiễu. Rho-Z sẽ không ngừng chống lại nó, vì vậy một khi đã bắt đầu, bọn mình phải giữ cho virus liên tục cài đặt.”

“Nhưng khi đã đưa virus vào thì làm sao mình có thể giữ cho Rosie dừng bay đến cái chỗ Los Alamos này trước khi bọn mình kịp vào trong?” Kai hỏi.

“Cô ấy sẽ không bay cho tới khi chương trình triệu hồi được kích hoạt,” Misha nói. “Cậu sẽ phải cắm máy tính vào bảng điều khiển của cô ấy và kết nối vào mạch điện của máy tính điều khiển chế độ bay. Rồi cậu gõ “ĐI” vào bàn phím trên bảng điều khiển” Con bé quay sang nhìn Kai. “Cậu nhớ chưa?” ...”

“Rồi...”

“Khi cậu muốn bắt đầu truyền virus,” Misha nói, “thì nhấn nút này.”

Giờ cái máy tính bảng ra trước mặt như một tấm khiên, Kai rón rén xuống cầu thang trước và khó nhọc rẽ cỏ bước đi, mắt không rời Rosie. Mẹ vẫn đứng im lìm, dáng hình đáng sợ của mẹ dường như lớn dần lên khi nó lại gần. Sau lưng mình, nó có thể nghe thấy Misha, bước chân con bé hầu như không khuấy động các bụi cây. Có lẽ việc này sẽ dễ dàng hơn nó tưởng...

Rồi Rosie cử động.

Mới đầu, Kai ngỡ mình đã tưởng tượng ra. Nhưng rồi mẹ vươn người lên, đôi chân khổng lồ dần dần duỗi ra cho tới khi mẹ đứng thẳng, người xoay tròn, tìm kiếm. Tim đập thành thạch, Kai chúi xuống, trốn dưới đám lá cây. Bằng từng bước rụt rè, nó lại gần mẹ. Sáu mét, năm mét... Mẹ cúi xuống gần nó, và nó cũng Sờ nhìn qua ô cửa sập trong mờ quen thuộc để ngó vào cái kén trống không của mẹ. Cánh tay mạnh mẽ của mẹ vươn ra, cào xới lớp cỏ xung quanh nó, và nó chỉ vừa kịp bước sang bên để tránh bị mẹ đụng phải. Giờ đã đứng thẳng trước mặt mẹ, nó liền đẩy cái máy tính bảng về phía mẹ và nhấn nút để bắt đầu truyền virus.

Rosie ngồi phịch xuống, thân mình vắn vẹo tì lên bánh xích, hai cánh tay thông xuống hai bên sườn như những cành cây gãy. Với Misha theo sát sau gót, Kai trèo lên bánh xích của Rosie và kéo chốt cửa sập. Tim nó thót lại khi cánh cửa mở ra và chúng bò vào trong cái kén.

Chỉ mấy ngày trước, đây còn là nhà của thằng bé; giờ cái kén đã tối om, bốc mùi mốc meo, mọi bề mặt trơn trượt vì sương đọng. Nó đóng cửa sập lại và cài chốt trong khi Misha lom khom chui vào khoang sau lưng nó. Đặt cái máy tính bảng lên

đầu gối, thằng bé lần tìm dây an toàn, rồi kéo sợi dây cho chặt trong lúc nó ngồi xuống ghế. Nó hài lòng khi một tiếng tách vang lên báo hiệu dây an toàn đã được cài.

“Thế còn cậu thì sao?” nó thì thào. “Cậu không có dây an toàn...”

“Tớ sẽ bám chắc,” con bé hỗn hển. “Cậu cứ cầm máy tính vào đi!”

Thằng bé nhấc cái máy tính bảng lên, bám vào hai bên mép. Hơi thở nó nghẹn lại. Tấm thẻ nhớ không còn đó. Giọng Misha văng vẳng trong tai nó: *Bọn mình phải giữ cho virus liên tục cài đặt*. Nhưng tấm thẻ đâu rồi? Nó thò tay xuống, cuống cuống lần tìm trên sàn kén. Nó còn bao nhiêu thời gian nữa?

“Có chuyện gì vậy?” Nó nghe thấy giọng hoảng hốt của Misha bên tai.

“Rơi mất thẻ nhớ rồi...”

Nhưng đã quá muộn. Cái kén đang lên cao dần khi Rosie vươn người đứng thẳng dậy. Và một cơn nôn nao trào lên trong nó khi tín hiệu của mẹ truyền vào tâm trí nó, khiến ý nghĩ của nó bay tứ tán như lá khô trước gió. “Kai... Con đang hoảng sợ. Mẹ sẽ bảo vệ con...” Những lời ấy rất yếu ớt, gần như một tiếng thì thầm. Có phải đó chỉ là một ký ức không? Hay đúng là mẹ nó đang nói với nó... đang cầu xin nó?

Cố nhớ lại mục đích của mình, Kai lần theo ghế ngồi, dưới bảng điều khiển, tìm kiếm tấm thẻ nhớ. Nhưng chẳng thấy đâu. Các bức tường của cái kén đang xoay tít. Đầu nó cũng xoay tít. Nó tuyệt vọng nhìn máy tính rơi đánh cạch xuống sàn trong lúc Rosie nghiêng sang một bên.

Nó thấy ai đó... Misha... đang bò vòng qua cái ghế. "... thẻ khác... dự phòng." Trong tay con bé là một vật nhỏ, phẳng dẹt. Nhưng Kai đã cứng đờ người, đầu óc quay cuồng. Nó đang ở đâu? Sao nó lại ở đây? Nó cảm thấy Misha trèo lên bên cạnh, đẩy mình sang một bên. Con bé nhặt máy tính bảng lên và cắm vật trong tay vào cái khe bên cạnh máy tính.

Rosie lại hạ xuống với một tiếng rầm chói tai. Giọng mẹ biến mất trong tâm trí Kai, chỉ để lại một khoảng trống đau đớn. Nhưng thằng bé vẫn cảm thấy có sự rung chuyển, mặt đất dưới chân chúng vẫn đang rung động. "Cái gì...?" Qua cửa sập, nó có thể thấy Alpha-C vươn người đứng cách đó chỉ vài mét, hai bên thân lấp lánh, tay giơ lên.

Lướt ngón tay dọc cạnh bên phải của máy tính bảng để đảm bảo tấm thẻ đã được cài chặt, Misha cắm cái máy tính vào bảng điều khiển. "ĐI," nó nói. "Gõ ĐI' ngay!"

Kai ngả người tới trước. Đặt những ngón tay lên bàn phím của bảng điều khiển, nó gõ.

Ngay lập tức, lò phản ứng của Rosie bật lên. Cái kén bị đẩy ra sau, hai cánh tay của mẹ thu về, cặp cánh xòe ra. Và rồi...

Cửa sập bật mở, hai cánh tay mạnh mẽ thò vào, túm chặt lấy eo lưng Misha. "Kai!" Tay khua khoắc trong không khí, Misha biến mất sau ô cửa sập.

"Misha!"

Động cơ của Rosie gầm lên, cánh quạt hoạt động khiến những cụm cỏ và bụi bốc lên khắp nơi. Và chỉ trong thoáng chốc, họ đã bay lên không trung, cánh cửa sập gần như muốn tung ra khỏi bản lề.

Misha đã biến mất. Một luồng gió đột ngột đóng sập cánh cửa lại. Và Kai, Co ro trên ghế, chỉ nghe thấy tiếng rầm rầm từ cánh quạt của Rosie, tiếng ro ro lách tách từ bộ xử lý của mẹ đang khuấy tung hàng triệu phép tính do con virus tạo ra, trong lúc mẹ đưa nó bay qua một thành phố nó chưa từng thấy bao giờ.

JAMES THỨC GIẤC bên bàn làm việc, đầu óc mụ mị. Anh giật mình kiểm tra đồng hồ trên màn hình máy tính. 16:12:01. Anh loạng choạng đứng dậy và lảo đảo bước vào phòng thí nghiệm sinh học, nơi ánh sáng tím bầm,giận dữ của một trận mưa đông đang chiếu qua cửa sổ. Anh vội đi ngang hành lang đến văn phòng của Mac, ngực thở phập phồng vì cố sức. Mac đang ngồi kia, bộ râu lởm chồm in bóng trên ánh sáng tỏa ra từ màn hình. “Thấy gì chưa?”

“Xin lỗi James,” Mac nói. “Tôi không muốn làm anh thức giấc. Nhưng chưa. Chưa có dấu hiệu gì.”

“Nhưng lần cuối chúng ta liên lạc được với Misha là lúc sắp bảy giờ sáng giờ Thái Bình Dương mà... Chắc phải đủ lâu rồi chứ...”

Sau lưng anh, Rudy đang tập tễnh bước vào từ phòng thí nghiệm robot. Ông đã bỏ chiếc xe lăn mà họ gửi về cùng ông sau đợt điều trị gần đây nhất ở Polacca - nó vẫn còn nằm ngoài tiền sảnh, một dấu hiệu cho thấy ông vẫn chưa chấp nhận đầu hàng. Mặt trắng bệch, ông đưa một chiếc khăn tay vải lên miệng che cơn ho và khó nhọc ngồi phịch xuống bên cạnh Kendra, chị đang ngồi ở góc phòng uống một cốc cà phê nguội.

Đột nhiên Mac nhấn một nút điều khiển trên ra đa, tập trung vào một đốm nhỏ màu đỏ. “Các bạn,” anh ta nói. “Tôi đã thấy thứ gì đó. Nó đang tiến về phía chúng ta.”

James lao ra cửa và chạy xuôi hành lang đến chỗ những cửa sổ cao từ sàn đến trần trong tiền sảnh. Đến khi Kendra đỡ Rudy từ hành lang vào thì James đã mặc đồ bảo hộ và đeo mặt nạ xong. “Anh có chắc là an toàn không?” Rudy hỗn hển, tựa vào bàn tiếp tân. “Có lẽ chúng ta nên ở trong tới khi robot hạ cánh. Chúng ta không biết có điều khiển được nó không.”

“Rudy nói đúng,” Kendra nói. “Chúng ta ở bên trong thì an toàn hơn.”

Giờ James đã nhìn thấy nó - một vật như một quả cầu đen lơ lờ lơ lửng cao tít bên trên những cây thông phía bên kia bãi đỗ xe. Nó từ từ hiện rõ hình: cặp cánh đang rộng, cái bụng, bánh xích và cánh tay áp chặt vào thân mình. Các xoáy bụi bốc lên từ bãi đỗ xe, và ngay cả qua lớp cửa kính dày, anh vẫn nghe thấy tiếng gầm rú từ cánh quạt của nó.

Trong nháy mắt, mặt đất rung chuyển khi robot hạ cánh. Và James chợt nhận ra: Ngoại trừ trên video của thiết bị bay không người lái thì anh chưa bao giờ thấy một robot ngoài đời thực. Cửa sập của nó, lỗ chỗ bám đầy bụi, phản chiếu bầu trời cùng những đám mây đầy hăm dọa. Ở hai bên ô cửa, anh có thể thấy đôi bàn tay mạnh mẽ của nó, đôi tay do chính Sara thiết kế, với lớp vỏ bọc ngoài bao quanh những ngón tay mềm mại bên trong như một nắm đấm. Trong thoáng chốc, anh thấy nghẹt thở.

“Cửa đang mở ra kìa.” Bên cạnh anh, Kendra cũng nhìn không chớp mắt, miệng hé mở.

James thấy một cẳng chân gầy guộc mặc quần đen thò ra. Rồi một cẳng chân nữa. Rồi đến một thân mình mảnh dẻ.

Misha? Lao về phía khoang điều áp, anh gần như không kịp để cửa trong đóng lại trước khi lao ra cửa ngoài. Nhưng khi đã ra đến ngoài, anh lại đứng chôn chân tại chỗ.

Không phải là Misha. Một thằng bé gầy gò với chiếc áo khoác rách rưới và mớ tóc nâu đỏ rối bù dài gần đến vai đang rón rén trèo xuống bánh xích của robot. Là Kai. Thằng bé trở mắt nhìn anh, vẻ kinh ngạc pha lẫn sợ hãi.

“Chào cháu,” James nói. Không biết thằng bé có nghe được anh qua cái mặt nạ không? “Misha... Misha đâu?”

Thằng bé cứ đứng đực ra đó, và anh chợt nhận ra chắc hẳn với nó trông anh chẳng khác nào một con quái vật. Nhưng anh cần phải biết - con gái anh đang ở đâu? Cuộc gọi của nó sáng hôm đó đúng là một phép màu, một món quà trời cho. Anh không quan tâm nhiệm vụ của nó đã thất bại. Anh chỉ thấy mừng là nó sắp về nhà. Anh bước tới phía trước, chăm chăm nhìn robot, hy vọng ai đó khác sẽ trèo ra. “Chú là James,” anh nói, to hết mức cái mặt nạ cho phép. “Bố của Misha. Con bé có đi cùng cháu không?”

Thằng bé khụy xuống đất, nước mắt giàn giụa trên má. “Bạn ấy... bạn ấy đã bị kéo ra!” nó khóc.

James thấy như bị đâm, cặp phổi bị tàn phá của anh bật ra chút hơi ít ỏi. Mùi hăng hắc của cái mặt nạ xỘC vào mũi anh. “Con bé... còn sống không?”

Thằng bé ngược lên nhìn anh, đưa một ống tay áo rách nát quệt ngang mặt. “Còn sống ấy ạ? Vâng. Cháu nghĩ là còn. Cháu nghĩ Alpha sẽ không làm bạn ấy đau đâu.”

“Alpha ư?”

“Cứ như thế... như thế Alpha không muốn bạn ấy đi...”

James nhìn về phía Tây, nơi màn mưa đã che khuất đường chân trời. “Đi nào, con trai,” anh gọi. “Cơn dông đang đến rồi. Chúng ta vào trong thôi.” Anh gần như không nhấc nổi chân trong lúc quay trở lại tòa nhà. Kai theo sau lưng anh, nhưng cách một quãng.

Khi đã vào trong khoang điều áp, thằng bé áp sát vào bức tường đối diện, bụi trong tóc nó bay ra từng mảng. “Cháu di chuyển đi.” James nói. “Chúng ta phải thổi cho hết bụi.” Nhưng khi thằng bé lắc lắc đầu từ trái sang phải, James chỉ nghĩ đến Misha với mái tóc bồng xõa tung bay. Khi cánh cửa trong cuối cùng cũng mở ra, anh loay hoay tháo cái mặt nạ trong lúc vẫn quan sát thằng bé đang mở to mắt nhìn khắp tiền sảnh rộng mênh mông.

Kendra đứng cách một quãng, nhưng thằng bé giật mình khi Rudy tiến lại trên chiếc xe lăn. Rồi Mac chạy từ hành lang vào, và Kai lại giật mình khi nó thấy thân hình cao ngồng gầy nhẳng và bộ mặt râu ria của viên kỹ sư. “Misha đang gọi chúng ta,” Mac nói, trao cho James cái điện thoại vệ tinh.

Chớp mắt ngăn những giọt lệ nửa vui mừng nửa bức bối, James nhấn nút “gọi” trên điện thoại. “Misha?”

“Bố ơi, con xin lỗi. Mọi chuyện không diễn ra như kế hoạch. Nhưng bọn con đã cài được virus vào Rho-Z. Kai đã đến nơi chưa ạ?”

“Cậu ấy vừa đến đây. Con ổn chứ? Đã xảy ra chuyện gì?”

“Kai chưa kể ạ? Alpha-C lôi con ra khỏi cái kén đúng lúc bọn con cất cánh.”

“Nhưng con không sao chứ?”

“Con không sao. Con nghĩ cô ấy tưởng là cô ấy đang bảo vệ con.”

James xoa xoa quai hàm đã mỏi nhừ vì anh liên tục nghiêng răng. “Misha, sao con không gọi về sớm hơn?”

“Khi Alpha kéo con lên, điện thoại của con bị rơi. Rồi cô ấy đưa con về tòa nhà chỗ các bạn khác đang ở. Con... phải khó khăn lắm con mới lên đi được. Bố ơi, các bạn ấy đều biết Rho-Z và Kai đã biến mất. Và con biết... các bạn ấy nghĩ con có liên quan.”

James thở dài. “Giờ con đang ở đâu?”

“Trong phòng con ở Nhà 100 ạ.”

“Con có nghĩ là...” James cau mày, quan sát nét mặt Kendra. “Con có nghĩ là con có thể khiến Alpha đưa con đến đây không? Như Rho-Z đã đưa Kai đến ấy?”

“Con đã tìm máy tính bảng của Sela khắp nơi. Nhưng không thấy đâu. Chắc nó ở trên thuyền.”

Kai lặng lẽ gật đầu.

James thở dài đánh thượt. “Chúng ta sẽ cố gắng lên một kế hoạch mới càng nhanh càng tốt,” anh nói. Anh quay sang Kai. “Chúng ta sẽ nhờ Kai giúp đỡ.”

NGAY CẢ QUA ô cửa sổ dày của căn phòng mà chú James gọi là căng tin, Kai vẫn nghe thấy tiếng sấm âm âm đáng sợ. Nó gần như không thấy nổi hình thù xam xám của Rosie trong lúc mẹ một mình chịu đựng cơn mưa tầm tã. Nó tìm kiếm mẹ trong tâm trí nhưng chẳng thấy gì. Ở Presidio, nó ngỡ mẹ đã bỏ nó, mẹ không còn là một phần trong nó nữa. Nhưng giờ nó biết là mẹ vẫn còn đó. Chỉ đến khi bị nhiễm virus mẹ mới bị cắt đứt khỏi nó hoàn toàn.

Giờ mẹ đã thành... một thứ khác. Mẹ đang ở kia, còn nó ở đây, nhìn mẹ. Cảm giác cô đơn này - nó chưa bao giờ thấy trống trải đến thế. Nó tự hỏi, có phải những người chưa bao giờ Có một người mẹ như nó luôn cảm thấy như thế này không?

Họ đã đặt nó dưới một vòi nước nóng và thay bộ quần áo tả tơi của nó bằng một bộ đồ gì đó bóng loáng, như bằng nhựa. Giờ chú James đang đứng trước một cái bàn chất đầy các đĩa thức ăn. Có một thứ quả gọi là mận và một món hầm gồm ngô và thịt cừu - tất cả được gửi tới bởi những người gọi là tộc Hopi. Người cao lớn tên Mac đứng ở góc gần cửa ra vào, tay cầm một cốc nước gì đó màu nâu nhạt. Ngồi bên bàn, bác Kendra đang múc thịt hầm vào các bát. Bác cẩn thận đưa một bát cho bác Rudy, người vừa đẩy xe lăn đến cạnh bác. “Kai, chắc cháu đói lắm rồi,” bác Kendra nói.

Chú James cúi xuống bẻ một miếng gì đó mềm mềm, xốp xốp. “Bánh ngô đấy,” chú nói, chìa ra cho Kai. “Misha thích bánh

này lắm.”

Kendra nắm lấy tay Rudy. “Rudy hay nướng món này ở đây, nhưng... dạo này bác ấy không có thời gian.”

Miếng bánh mì mềm, ngọt lịm, không giống với bất kỳ thứ gì Kai từng được ăn. Nhưng căn phòng rộng mênh mông với những bức tường trắng xóa cùng tiếng rè rè đều đều phát ra từ trần nhà cao vút khiến bụng nó cồn cào. Những người lạ này, những người lớn này, đều đang nhìn nó, đều đang chờ đợi cái gì đó từ nó...

“Chúng ta đã tạo ra phôi thai của cháu chính ở một nơi như thế này, chú James nói.

“Phôi thai ấy ạ?”

“Một vật thể đã dần lớn lên để trở thành cháu. Chúng ta đã phải thay đổi một chút hệ gene của cháu, để cháu có thể sống sót qua Đại Dịch.”

“Ta biết điều này rất khó hiểu,” bác Rudy nói, nhìn Kai bằng cặp mắt xanh nhạt. “Nhưng trái đất đã bị thay đổi về cơ bản vì Đại Dịch. Ta đã bắt đầu một dự án ghi lại lịch sử. Lịch sử của tất cả những việc này, nó xảy ra như thế nào, tại sao nó lại xảy ra, tất cả đều rất quan trọng.”

“Rosie có thể đã dạy cho cháu...” Kai khẽ nói.

Hai người đàn ông nhìn nhau. “Kai,” chú James nói, “thông tin mà chúng ta nói tới được giữ bí mật rất cẩn thận. Chỉ có những thông tin chung chung được tải vào dữ liệu học tập của mẹ cháu mà thôi.”

“Thế ạ.” Cái nhìn của Kai lại hướng ra cửa sổ.

“Cháu có nhớ mẹ cháu không?” Đó là bác Kendra, mắt bác chăm chú nhìn vào mắt nó trong lúc nó quay lại.

Kai cảm thấy hơi nóng dồn lên trên cổ, mặt cay sè. Trong căn phòng sạch bong này, dưới ánh sáng chói lòa này, nó cảm thấy hoàn toàn lạc lõng. “Có ạ...”

“Kai” chú James nói, đến đứng cạnh nó. “Cháu hiểu nó không phải là người thật chứ?”

Kai lặng lẽ nhìn cặp mắt nâu nhạt của người đàn ông đang nheo lại quan sát nó.

Chú James quay ra đi đi lại lại trên sàn, đôi giày mòn vẹt của chú loẹt quẹt trên nền gạch được lau chùi. “Hồi chú còn bé, trước khi xảy ra Đại Dịch, chú kể, “bố chú đã dẫn chú đến một bảo tàng. Bảo tàng lịch sử tự nhiên, có cả những bộ xương khủng long thật... Chú thích những con khủng long đó lắm. Nhưng cái chú thích nhất là khu trưng bày chiếm trọn cả một bức tường trong một căn phòng tối rộng thênh thang. Đó là một tấm bản đồ thế giới phẳng, trên có gắn những ngọn đèn nhỏ xíu, đủ các màu khác nhau. Ta có thể xoay một cái bánh xe cho thời gian trôi qua, bắt đầu từ hai triệu năm trước. Khi các loài khác nhau trong giống *Homo* phát triển rồi diệt vong trên khắp hành tinh, những ngọn đèn sẽ sáng lên - đèn màu tím cho loài *Homo habilis*, màu đỏ cho *Homo erectus*... Số lượng và mật độ những ngọn đèn cho thấy mỗi loài động đến mức nào. Loài *Homo sapiens* của chúng ta được tượng trưng bằng đèn trắng. Đến cuối cùng thì trên khắp bản đồ chỉ còn toàn đèn trắng.”

“Thế bây giờ còn lại bao nhiêu ạ?” Kai hỏi.

“Một số người sẽ nói là còn rất ít. Nhưng chúng ta đã khám phá ra rằng còn nhiều người nữa ở ngoài kia. Chúng ta không phải là những người duy nhất.”

“Ý chú là người Hopi ấy ạ?”

“Ừ,” chú James nói. “Và chắc hẳn còn nhiều người khác giống họ. Chúng ta hy vọng là một ngày kia, *cháu* sẽ tìm ra họ.” Chú ngừng lời, quay về bàn để nhặt lên một quả mận. Chú chậm rãi xoay xoay nó trong những ngón tay dài và nhìn vào mắt Kai. “Cháu sẽ gặp nhiều người khác,” anh nói. “Sau một thời gian, cháu sẽ hiểu ra sự khác biệt.”

“Nhưng cháu đã... gặp nhiều người khác rồi. Ở Presidio có rất nhiều bạn nữa.”

Chú James đặt tay lên vai Kai. “Chú sẽ làm bất kỳ điều gì để đưa Misha an toàn trở về,” chú nói, giọng run run. “Và tất cả các bạn cháu nữa. Nhưng chú cần cháu giúp.” Chú đưa ống tay áo lên che miệng khẽ ho, rồi đưa cho Kai một cái bi đồng.

Kai đưa bi đồng lên uống một hơi dài. Nó đã quên mất rằng bầu không khí khô của hoang mạc có thể làm họng nó khát cháy như thế nào. Rằng Rosie thường dạy nó cách lấy chút nước quý báu từ cây xương rồng hoặc tìm nước trong các khe và dưới các tảng đá ra sao. Và cuối cùng mẹ đã dẫn nó đến dòng suối của Kan như thế nào... “Sáng nay khi cháu ở trong kén của Rosie,” nó nói, “trước khi bọn cháu cài virus vào, mẹ đã nói chuyện với cháu. Mẹ vẫn còn đó, y như trước. Hẳn phải có một cách để cháu nói chuyện với mẹ. Để tìm hiểu xem đang có chuyện gì.” Nó nhìn bác Kendra, nhưng bác không đáp lại cái nhìn của nó. Mắt bác đang hướng về phía bác Rudy, như thể họ

đang nói chuyện không thành tiếng. “Dù làm gì” nó nói, “thì chúng ta cũng không nên làm hại những Người Mẹ.”

Chú James nhắm mắt lại, đặt hai bàn tay áp xuống bàn. “Nhưng chúng chỉ là những cỗ máy, những cái máy tính...” Chú thở ra một hơi dài, hơi thở khò khè trong họng. “Kai, cháu đã bao giờ... Sợ mẹ cháu chưa?”

Kai trở mắt nhìn chú. “Sợ ư? Tại sao ạ?”

“Cháu không lo ngại về chuyện đã xảy ra với cô bạn Sela của cháu sao?”

Kai lại cảm thấy hơi nóng ấy, cái cảm giác râm ran ở gáy. Bên cạnh nó, bác Kendra chỉ biết cúi đầu nhìn xuống. Tất nhiên rồi - mọi chuyện xảy ra ở Presidio, mọi chuyện Misha thấy, con bé đều kể lại với những người ở đây. Nhưng trên đường đến đây, khi một lần nữa lại nằm gọn trong cái kén của mẹ, Kai đã có nhiều thời giờ suy nghĩ. Nó có thể không hiểu chuyện gì đã xảy ra với Rosie. Nhưng nó chưa bao giờ sợ mẹ.

“Không,” nó nói. “Có lẽ có gì đó không ổn với mẹ của chúng cháu - một điều mà chúng ta phải tìm cách sửa chữa. Nhưng Rosie chỉ muốn bảo vệ cháu. Và Alpha-C cũng chỉ có bảo vệ Sela. Giờ thì cháu tin như vậy rồi.”

Chú James thở dài. “Nhưng mẹ các cháu đã thay đổi, phải không? Và họ sẽ tiếp tục thay đổi theo những cách mà chúng ta không thể phán đoán được.” Chú nhìn quanh bàn. “Ưu tiên đầu tiên của chúng ta phải là an toàn cho các bạn của cháu. Chúng ta có đồng ý thế không?”

Bác Kendra đẩy ghế ra xa bàn. “Đi nào, Kai,” bác nói. “Bác đã dò được đường truyền tín hiệu của Rho-Z. Có lẽ chúng ta sẽ lần

ra được đầu mỗi xem hiện trạng của nó thế nào trước khi bị nhiễm virus.”

Bác Rudy mỉm cười. “*Hasta luego*^[*]...” bác nói, nháy mắt với bác Kendra trong lúc bác Kendra đặt một nụ hôn lên má bác.

Chú James ngồi xuống bàn, vẫy hai người đi. “Hai bác cháu đi đi. Tôi có việc với Mac và Rudy,” chú nói. Nhưng chú không rời mắt khỏi họ khi họ đi ra.

BÁC KENDRA dẫn Kai sang bên kia tiền sảnh và đi xuôi một hành lang dài. Nhưng khi họ đi qua một căn phòng đề biển “Phòng Thí nghiệm Sinh học”, bác đột ngột quay sang nhìn thẳng bé. “Cháu bảo mẹ cháu đã nói chuyện với cháu? Mẹ cháu đã nói gì?”

“Mẹ nói rằng mẹ biết cháu đang sợ hãi. Mẹ nói mẹ sẽ bảo vệ cháu. Giống hệt như trước kia, như chưa có gì thay đổi cả...”

“Hừm...” Trán bác Kendra nhăn lại trong lúc họ tiếp tục đi xuôi hành lang. “Bác tưởng chúng ta đã vượt qua chuyện đó rồi chứ...”

Ở cuối hành lang, họ đến căn phòng đề chữ “Phòng Thí nghiệm Máy tính”. Hàng dãy máy tính xếp chặt căn phòng mờ tối, nhưng chỉ có một màn hình sáng. Bác Kendra ngồi xuống trước màn hình, đeo một bộ tai nghe lên, mắt dán vào một đường kẻ màu xanh lá cây sáng rực. Kai nheo mắt lại và thấy những thông tin trên màn hình của bác Kendra biến thành một loạt chữ và số kéo dài tưởng chừng vô tận. Thế mà có vẻ bác đang đọc nó chăm chú như người ta đọc truyện vậy.

“Bác đang nhìn cái gì thế ạ?” Kai thì thào.

“Đó là mã máy tính,” bác Kendra trả lời. “Và bác không chỉ nhìn thôi đâu - bác đang *nghe* nó nữa. Não chúng ta giỏi lắng nghe các biểu mẫu hơn là nhìn ra chúng.”

Khi bác Kendra tháo bộ tai nghe ra và thả nó xuống vai, Kai có thể nghe thấy những tần số ngân nga lên xuống đang rì rầm

phát ra từ đó. Nghe quen quen... Nó ghé sát vào màn hình hơn. “Giờ bác có nghe thấy gì không?”

“Không có gì rõ ràng cả. Kể từ khi bị nhiễm virus, mẹ cháu đã tính toán số lượng các ngôi sao trong vũ trụ, số lượng các kết nối thần kinh trong não người, số pi với lượng chữ số vô tận. Virus đã cho nó đủ công việc để khiến nó bận rộn một thời gian.” Bác Kendra gõ vài chữ dẫn gì đó lên màn hình. “Nhưng đây. Bác đã tải được một phần trong bộ nhớ sâu của nó. Những Người Mẹ có thể lưu trữ thông tin trong một bộ nhớ để dùng sau này. Nó cho phép chúng nhớ lại mọi thứ nhanh hơn. Như một kiểu đàn hồi thần kinh vậy.”

“Đàn hồi ấy ạ?”

“Không có gì.” Bác Kendra mỉm cười. “Mọi người ở đây bảo bác nói chuyện như đánh đố. Bác nghĩ cháu có thể nghe thử các ký ức này xem sao. Chúng mới từ hôm qua. Có thể cháu sẽ nhận ra một biểu mẫu gì đó...”

“Biểu mẫu ấy ạ?” Kai hỏi. “Biểu mẫu như thế nào ạ?”

“Các tín hiệu rõ ràng giống như một bản giao hưởng vậy. Chúng có ngôn ngữ riêng, nhịp điệu riêng. Ngay khi cháu đến, bác đã cho các tín hiệu ký ức này chạy qua bộ phiên dịch ở đây,” bác Kendra nói, gõ một phím trên bảng điều khiển và nhìn lại vào màn hình. “Nhưng cho đến giờ thì có vẻ chúng chưa tìm được gì cả.”

Kai đón lấy bộ tai nghe từ tay bác Kendra và đeo lên tai mình. Nó để mắt mình lướt đi khỏi màn hình. Rồi nó nhắm mắt lại, chỉ tập trung vào âm thanh mà thôi.

Nó cảm thấy mình được đưa đến một nơi êm ái, tối đen, với những hình ảnh thoắt ẩn thoắt hiện, lúc mờ lúc tỏ. Nó cảm thấy... bình yên. Rồi đột nhiên, nó cảm thấy... Rosie... sự hiện diện quen thuộc của mẹ trong tâm trí nó, khiến nó yên lòng.

Đầu gối nó khụy xuống trong khi những ngón tay túm lấy cánh tay nó, để cho nó đứng vững. “Có chuyện gì vậy?” Từ đâu đó xa tít, nó nghe thấy giọng khản nài của bác Kendra. “Mẹ cháu đang nói gì đó ư?”

“Mẹ đang gọi tên cháu, lặp đi lặp lại... Mẹ nói... Mẹ cảm nhận được nỗi sợ hãi của cháu. Chế độ liên lạc bên ngoài của mẹ bị hỏng... Mẹ đang cố sửa nó. Cháu phải tránh xa mặt nước... Cô bé tên Sela... mẹ bạn ấy đã cố cứu bạn ấy. Nhưng bạn ấy... không phát ra tín hiệu nữa.” Nó nhìn bác Kendra, mắt ầng ậng nước.

Bác Kendra nhẹ nhàng tháo bộ tai nghe ra và đỡ nó ngồi xuống cái ghế bên cạnh. “Kai,” bác nói, “bác rất tiếc vì chuyện bạn cháu...” Bác nhìn lại màn hình. “Cháu và mẹ có một kết nối rất đặc biệt, phải không?”

Thằng bé chớp mắt, khuôn mặt lo lắng của bác Kendra hiện rõ hơn khi mắt nó bớt mờ nhòe. “Cháu đoán vậy...”

“Một kết nối mà chúng ta không bao giờ nghĩ là có thể...” bác Kendra nói. Bác ngẫm nghĩ một lát, rồi gật đầu một mình như thể đã rút ra một kết luận riêng nào đó. “Bác còn tìm thấy một thứ khác nữa... một thứ mà bác nghĩ là cháu nên thấy.” Bác lướt những ngón tay trên bàn phím cảm ứng để mở ra một biểu tượng chỉ đề mấy chữ “Nguồn gốc Mẹ”. Bác chạm vào nó bằng ngón trỏ. “Bác đã phải khổ công để xâm nhập được vào tệp tin này đây,” bác nói. “Nhưng cũng đáng.”

Đó là một hình hai chiều thô sơ, chữ trắng trên nền xanh lục sẫm. **Cơ quan An ninh Quốc gia Tối Mật. Chỉ để xem.** Ở giữa là một khoảng trắng liên tục nhấp nháy. “BÌNH_MINH_MỚI_VIDEO_MẸ,” bác Kendra gõ tên tệp tin vào khoảng trống đó. Màn hình hiện ra một loạt những cái tên được sắp xếp theo thứ tự chữ cái.

“Họ là ai ạ?” Kai hỏi.

“Rồi cháu sẽ thấy,” Kendra nói. Bác lướt xuống dưới danh sách, thì thầm đọc những cái tên. “Hạ sĩ Deisy Cáceres. Đại úy Ruth Carleton... Tiến sĩ Mary Marcossan.” Cuối cùng, bác dừng lại ở một cái tên: **Đại úy Rose McBride.**

Bác quay lại nhìn nó. “Bác biết mẹ cháu, Kai ạ. Cháu có muốn thấy mẹ không?”

“Gì...?”

Bác Kendra mỉm cười. “Rho-Z có dạy cho cháu về việc trẻ con được tạo ra như thế nào không?”

“Ý bác là về trứng và tinh trùng ấy ạ?”

“Đúng. Người phụ nữ cho trứng chính là mẹ ruột của cháu. Cháu là dòng giống của cô ấy.” Bác Kendra hắng giọng. “Mẹ ruột của cháu là bạn bác,” bác nói. “Trong thời gian làm việc cùng nhau, bọn bác đã trở nên rất thân thiết. Chính mẹ cháu đã thiết kế Mã Mẫu Tử.”

Kai cúi người tới trước, nhìn màn hình chăm chú hơn. “Mã Mẫu Tử ấy ạ?”

“Mỗi Người Mẹ có một tính cách riêng, dựa trên tính cách mẹ ruột của đứa trẻ. Mã Mẫu Tử là mã máy tính chứa đựng những tính cách đó. Mẹ cháu, Rose McBride, đã tạo ra Rho-Z từ

tính cách của chính cô ấy. Cô ấy đã tạo ra tất cả chúng. Cô ấy chắt lọc tính cách của họ thành một thứ ta có thể cảm nhận được.” Bác Kendra nhấn một nút ở bên cạnh bảng điều khiển để bật âm thanh lên. Bác chọn cái tên trên màn hình và một loạt các tệp tin xuất hiện. Trong các tệp tin này, bác chọn cái tên là “PHẦN GIỚI THIỆU”. Một hình ảnh lập tức hiện ra một phụ nữ trẻ với mái tóc dài màu nâu ánh đỏ và hàng mi dày, ánh mắt từ tốn nhìn xuống lòng.

Rồi cô nhìn lên, cặp mắt xanh lục ánh lên trong ánh sáng từ đầu đó phía sau máy quay. “Máy đã bật chưa?” cô khẽ hỏi, gần như với vẻ bí mật, một nụ cười mủm mỉm bên khóe môi. “Em bắt đầu được chưa?”

Một giọng đàn ông nghèn nghẹt đáp lại: “Ừ, em bắt đầu đi.”

Kai với tay chạm vào màn hình, miệng hé mở. “Cháu đã thấy mặt cô ấy...” nó khẽ nói. “Cháu biết cô ấy.”

“Đó gọi là dấu ấn,” bác Kendra thì thầm. “Rose nghĩ đứa trẻ cần ghi nhớ một khuôn mặt con người, rằng điều đó rất quan trọng. Nhưng cả nhóm không muốn đứa bé liên hệ giữa khuôn mặt người với một cái máy, nên họ chỉ để cho các cháu ghi dấu trong năm đầu tiên thôi.”

“Tên đầy đủ của tôi là Jeanne Rosemarie McBride,” người phụ nữ trên màn hình nói đơn giản. Cô thở dài, đưa một bàn tay duyên dáng lên vén một lọn tóc ra sau tai. “Mọi người gọi tôi là Rose. Tôi lớn lên... khắp mọi nơi. Nhưng tôi đã định cư ở San Francisco.”

“Và giọng cô ấy. Chính là giọng mẹ..” Kai thì thào. Ngồi xuống ghế, nó nhớ lại bàn tay nhỏ mềm mại đã dịu dàng nâng

giấc nó khi nó còn bé xíu trong kén của Rosie - một trong số nhiều phần cơ thể mà mẹ đã bỏ lại ở khu trại đầu tiên của họ.

“Được rồi...” Rose cúi người tới trước, nhìn thẳng vào mắt nó. “Chuyện đời tôi. Xem nào. Cha tôi là một quân nhân. Khi tôi lên ba, mẹ tôi qua đời, và cha rời quân ngũ để về nhà nuôi tôi. Cha là một người cha tuyệt vời. Ít nhất cha cũng rất cố gắng.” Cô ngừng lại để tập trung suy nghĩ. “Tôi không còn nhớ gì về mẹ nữa. Chỉ còn loáng thoáng, thỉnh thoảng nhớ lại được mùi hương của mẹ. Tôi không dám chắc mẹ như thế nào nữa.” Cô nhìn sang bên phải, gương mặt xinh đẹp hơi ửng đỏ. “Và bản thân tôi cũng chưa bao giờ làm mẹ. Vì vậy thật kỳ diệu là tôi lại thấy mình trong hoàn cảnh này.”

Kai ngồi ngây ra trong lúc mẹ nó tiếp tục kể chuyện, giải thích mẹ đã đến đây như thế nào. Mẹ là đại úy trong quân đội. Một nhà tâm lý học. Một lập trình viên máy tính. *Con chip của con rất đặc biệt*, Kai thầm nghĩ, nhớ lại lời của Rosie. *Nó là mối liên kết giữa chúng ta.*

“Nếu có con gái, tôi sẽ đặt tên nó là Moira, theo tên mẹ tôi. Còn nếu là con trai, nó là sẽ Kai... Nó có nghĩa là hạnh phúc. Nó có nghĩa là đại dương, một nơi tôi luôn yêu thích. Thế đấy... Tôi đang ở đây, cố tái tạo linh hồn của một vài người phụ nữ được chọn lọc trong một mã máy tính súc tích. Để linh hồn họ được sống mãi. Để họ có thể dẫn dắt một thế hệ con trẻ mà họ sẽ không bao giờ biết mặt, dù họ đã chọn tên cho chúng.” Cô chớp mắt, và một giọt lệ lăn dài trên má cô. “Nghe thật điên rồ. Nó *quả* là điên rồ. Nhưng chúng ta phải thử. Tôi biết đám robot

không phải là con người. Nhưng có lẽ chúng có thể là lựa chọn tốt thứ hai.”

Màn hình tối đen, và danh sách những cái tên lại hiện lên.

Kai quay sang nhìn bác Kendra. “Mẹ... có còn sống không ạ?”

“Không, Kai ạ,” bác Kendra đáp. “Bác rất tiếc. Theo như chúng ta biết thì không người mẹ ruột nào sống sót cả.” Bác khẽ chạm vào mặt nó. “Cháu giống hệt cô ấy. Cô ấy hẳn sẽ tự hào lắm...”

“Thế còn bố cháu thì sao ạ? Ông ấy là ai?”

“Bố cháu...” Bác Kendra nhìn xuống, xoay xoay chiếc vòng kim loại trên cánh tay gầy guộc. “Cháu có nghe thấy giọng bố cháu trong video đó không?”

“Người ngồi sau máy quay ấy ạ?”

“Kai, bác cũng biết cả bố cháu nữa. Nhưng...” Bác ngừng lại một lúc lâu, rồi hít một hơi dài, khó nhọc. “Bố cháu đã mất rồi. Tất cả những người còn sống sót đây, chỉ là vấn đề thời gian thôi... Chúng ta không giống cháu. Chúng ta cũng không giống người Hopi. Chúng ta không miễn dịch. Chúng ta phải dùng thuốc hằng ngày chỉ để có thể sống sót.” Bác quay sang nhìn nó. “Bác rất tiếc. Bố cháu rất muốn được gặp cháu, nhưng anh ấy đã không qua khỏi. Và Misha... con bé rất muốn gặp em gái...”

Kai giật mình. “Em gái bạn ấy ư?”

Bác Kendra nhìn nó. “Con bé không cho cháu biết ư? Sela là em gái nó.”

Kai sững sờ mừng rỡ ra khuôn mặt Misha, mái tóc nâu sẫm thẳng mượt, nếp nhăn nhỏ trên trán mỗi khi nó lo lắng -

giống hệt Sela. Rồi nó nhớ lại Alpha-C đã kéo Misha ra khỏi ô cửa sập như thế nào. “Chị em ư? Nhưng làm cách nào...”

“Mẹ ruột của Sela và Misha tên là Nova Susquetewa. Tính cách của cô ấy đã được cài vào hai robot khác nhau. Một đã đến được Presidio. Còn robot kia... thì không. Chúng ta đã cứu được Misha và nuôi nấng nó ở đây.”

“Bác có nghĩ là Alpha... ở Presidio... biết về Misha không? Cô ấy có biết bạn ấy cũng là con mình không?”

“Hừm...” Bác Kendra ngồi ngay ngắn lại, tay phải bám vào mép bàn. “Nếu đúng thế thì bác không hiểu nó làm cách nào. Nhưng theo một cách thì bác hy vọng là có. Con bé thích đối đầu với cả thế giới. Nhưng nó cần được bảo vệ. Nhất là bây giờ.” Bác vờ tay ra kéo xuống phía dưới màn hình. “Đây chỉ là các video giới thiệu, những video đầu tiên mà Rose làm. Nhưng còn nhiều video dài hơn của cô ấy, và của mỗi người phụ nữ trong danh sách.”

Đột nhiên cái máy trên cổ tay bác kêu lên rè rè. Bác nheo mắt nhìn nó, nét mặt khó hiểu. “Bác xin lỗi,” bác nói. “James cần bác giúp. Nhưng cháu có thể ở lại đây và xem bất cứ thứ gì cháu thích.”

“Mẹ cháu,” Kai nói. “Cháu đã biết mặt mẹ, nhưng rồi cháu quên mất. Sao cháu lại có thể quên được như thế chứ?”

Bác Kendra đặt tay lên vai nó. “Kai, chúng ta đều quên mất nhiều điều cùng với thời gian. Đó là trò đùa của trí não... có lẽ để chúng ta có thể sống dễ dàng hơn.”

Kai ngồi sụp xuống, mắt dán vào màn hình. Chỉ mấy tháng trước, nó ngỡ mình đã hiểu thế giới hoạt động như thế nào. Quả

là có khó khăn, nhưng nó và Rosie sẽ vượt qua hết. Dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, hai mẹ con sẽ luôn ở bên nhau. Và nó sẽ luôn có Sela.

Nhưng giờ tất cả đã thay đổi. Nó sẽ phải học lại tất cả để xem thế giới này hoạt động như thế nào.

TÂM TRẠNG KAI khá hơn khi nó lắng nghe những câu chuyện của Rose McBride, người phụ nữ giờ đã trở thành mẹ nó. Mẹ thích học hỏi từ nhỏ - giống như nó. Mẹ được điều ra trận ở hoang mạc Afghanistan - để cứu mạng những người khác, cũng như mẹ đã cứu mạng nó. Mẹ rất yêu San Francisco - nơi mà cuối cùng mẹ đã đưa nó đến. Dù nó chưa bao giờ tưởng tượng ra Rosie là một người phụ nữ thực, giờ nó thấy mẹ quen thuộc như thể nó đã biết mẹ cả đời. Giọng nói của mẹ là âm nhạc đối với nó. Mẹ là chỗ dựa của nó. Bằng cách nào đó, nó đã luôn cảm nhận được tình yêu của mẹ.

Nó dám chắc những gì nó nói với chú James là đúng. Lũ trẻ không thể làm hại những Người Mẹ của chúng. Bằng cách nào đó, chúng phải được kết nối lại với họ. Nhưng bằng cách nào? Nó cần được giúp đỡ. Nó cần phải nói chuyện với bác Kendra.

Trời đã về khuya, cơn đông đã qua, bầu trời đen thẫm như nhung bên ngoài khung cửa sổ phía bên kia phòng thí nghiệm máy tính. Nó lên ra khỏi phòng, rồi rón rén đi xuôi hành lang để trở về căng tin. Nhưng trước mặt nó, từ đằng sau cánh cửa đóng kín của phòng thí nghiệm sinh học, một vệt ánh sáng cắt ngang đường. Nghe thấy có tiếng nói, nó liền dừng bước.

Là chú James, giọng trầm trầm nhưng cương quyết. “Được rồi. Dựa trên các dữ liệu thu thập được từ khi Rho-Z đến đây, chúng ta biết là virus đang bắt bộ xử lý của nó phải chạy quá công suất. Bộ tản nhiệt của nó đang phải làm việc rất vất vả để

theo kịp.” Chú ngừng lại. “Chúng ta cũng biết là thằng bé sẽ không chịu giúp đỡ chúng ta.”

“Lẽ ra chúng ta phải biết trước là nó sẽ cảnh giác,” giọng khe khẽ của người tên Rudy vang lên.

“Quá cảnh giác. Giống hệt bố nó...” chú James lầm bầm.

“Nó cần thời gian,” bác Rudy vẫn khẳng khái.

“Thời gian mà chúng ta không có,” chú James đáp.

“Nghe này...” Là bác Kendra. “Chuyện này phức tạp hơn thế. Đã luôn tồn tại tranh cãi rằng chúng ta có thể dùng phương pháp học chuyên sâu để dạy máy móc suy nghĩ như con người không. Câu trả lời luôn là không. Nhưng như Rose thường nói, chỉ tập hợp huấn luyện thôi là chưa đủ. Chúng ta chưa bao giờ thực sự làm đúng thí nghiệm. Cho đến bây giờ.”

“Ý chị là sao?” Giọng chú James đều đều, như thể chỉ đang giả bộ quan tâm.

“Khi những Người Mẹ được phóng đi, bản thân chúng cũng chỉ như những đứa trẻ,” bác Kendra đáp. “Nhưng mạng lưới thần kinh của chúng được thiết kế với độ đàn hồi bẩm sinh. Não chúng có khả năng tiến hóa, có thể phá vỡ và tái tạo hàng triệu kết nối dựa trên luồng dữ liệu liên tục được nhập vào. Chuyện gì sẽ xảy ra khi một bộ não như vậy được kết nối gần gũi với một bộ não con người - bắt cặp với bộ não con người, suốt năm này qua năm khác? Và giả sử bộ não con người ấy cũng đang phát triển, đang học hỏi thì sao? Liệu hai bộ não có học được từ nhau không? Khi ngồi với Kai hôm nay, tôi nhận thấy... đối với thằng bé, Rho-Z còn hơn là một cái máy. Rho-Z

là... nửa kia của nó. Đúng ra thì chính thằng bé phải là người quyết định số phận của Rho-Z.”

Giọng bác Rudy lại vang lên, chậm rãi và khàn đục. “James, tất nhiên chúng ta đều muốn lũ trẻ được an toàn. Nhưng căn bệnh này... nó khiến đầu óc chúng ta không minh mẫn. Chúng ta cần đảm bảo là mình đang suy nghĩ tỉnh táo trước khi đưa ra bất kỳ quyết định không thể đảo ngược nào.”

Kai áp sát người vào tường. Nó nín thở và bắt tim mình đập chậm lại, rồi đông tai lên.

“Tôi hiểu.” Giọng chú James trở nên mạnh mẽ hơn, thoáng chút bức bối. “Nhưng ở Presidio, chúng ta đã bắt đầu tiến đến tình cảnh trước kia đã dẫn đến Đại hội lần thứ Mười - robot nắm quyền điều khiển cuộc sống con người. Hãy nhớ rằng chúng ta đang nói đến một lũ trẻ con. Chúng đang bối rối, mất phương hướng. Chẳng mấy chốc nữa chúng sẽ chết đói. Và Misha bị mắc kẹt ở đó. Ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra với nó?”

“Ý anh thế nào, Mac?” Giọng bác Kendra trầm xuống, đầy chán nản.

“Tôi đồng ý với James,” giọng khàn khàn của chú Mac vang lên. “Chúng ta không thể đợi đám robot tự đầu hàng được. Tôi nghĩ chúng ta có thể đồng tình rằng... mọi chuyện sẽ không xoay chuyển theo chiều hướng đó. Chúng ta phải sẵn sàng loại bỏ chúng.”

Kai thấy choáng váng như bị nện một cú đấm vào bụng. Nó phải cố gắng lắm mới không lao vào phòng.

“VẬY...” Bác Kendra thở dài. “Tôi sẽ lập mã cho các anh. Nhưng chúng ta phải thử nó trên Rho-Z trước khi tiếp tục.”

Kai nghe tiếng ghế kéo trên sàn. Đèn trong phòng thí nghiệm mờ đi và có tiếng bước chân tiến ra cửa. Nó cần trốn đi. Nhưng nó cứ đứng đờ ra đó, chân tay mềm nhũn như cao su.

Đến giây cuối nó vội lao qua hành lang, chui vào phòng thí nghiệm robot trong lúc mấy người lớn đi ra hành lang. Bác Kendra chào những người bạn của mình, rồi lê bước chậm chạp về phía phòng thí nghiệm máy tính, đi qua chỗ Kai đang thờ hốt hốt trốn trong bóng tối, chỉ cách vài bước chân. Nó có thể nghe thấy tiếng xe lăn của bác Rudy đang rề rề tiến về hướng đối diện. Nghển cổ qua nắm đấm cửa và nhìn về phía hành lang, nó quan sát thấy chú James đẩy xe lăn trong lúc chú Mac đi bên cạnh.

“Quá giờ ngủ của ông rồi, ông già” chú James nói.

“Tôi đã bảo anh không được gọi tôi thế mà,” bác Rudy nói, giọng gần như không nghe nổi. “Để tôi nhắc anh là tuổi tôi kém anh một năm, ba tháng, và bốn ngày Cơ đấy...”

Chẳng mấy chốc, hành lang lại im ắng.

Trong lúc nó đợi cho hơi thở chậm lại, mắt Kai quen dần với bóng tối. Phía bên kia căn phòng rộng mênh mông, những phế tích bị tàn phá của những cỗ máy to lớn nằm vương vãi khắp sàn. Những cánh tay phức tạp bị tháo tung. Những dải bánh xích được xếp chồng như những đồng củi. Ở góc phòng là một cái kén đang lắp dở, không có cửa sập. Thế là đã rõ: Với những người này, Người Mẹ chẳng là gì ngoài những cỗ máy, có thể vứt bỏ khi không cần đến nữa. Nó thu chân lại và đứng lên, cẩn thận để không phát ra tiếng động nào. Nó lén ra hành lang... rồi cứng đờ người khi ai đó chạm vào vai nó.

“Kai, cháu bị lạc à?”

Nó nhìn lên. Trong hành lang mờ tối, nó chỉ thoáng thấy nét mặt mệt mỏi của chú James, đôi vai thông xuống của chú. “À... vâng ạ. Cháu đang... tìm chỗ ngủ?”

Chú James mỉm cười. “Chú xin lỗi... Chú đoán là bọn chú không quen đón khách.” Kai cảm thấy tay chú đặt trên lưng nó, dẫn nó đi xuôi hành lang và qua tiền sảnh. Họ dừng lại trước một căn phòng nhỏ. “Đây là chỗ Misha thường ở lại mỗi khi nó ghé thăm,” chú James nói. “Trong đó có một chai nước mới đây.”

“Chú James?” Kai lên tiếng, cố hết sức giữ cho giọng mình bình tĩnh. “Các chú đã nghĩ về điều cháu nói chưa ạ? Về việc nói chuyện với Rosie ấy?”

Chú James hắng giọng. “Chúng ta đang tìm cách, nhưng sẽ khó khăn đấy,” chú nói.

Kai khấp khởi nhìn lên. Có lẽ đã có một phần khác của cuộc trò chuyện mà nó đã không nghe thấy...

Nhưng chú James không nhìn nó. Cái nhìn của chú hướng về phía bên kia phòng, đến chỗ một ô cửa sổ nhỏ. Rồi, đưa đầu ngón tay lên dụi mắt, chú James quay lại hành lang. “Ngày mai là một ngày mới,” chú nói. “Cháu cần ngủ một chút đi.”

“Nhưng...”

“Chú cũng sắp đi ngủ đây - chú chỉ cần kiểm tra một việc với bác Kendra nữa thôi.” Xốc lại vai, chú James bước đi. “Chú sẽ bảo bác ấy là cháu đã ấm chỗ rồi,” chú gọi với qua vai.

Kai hít một hơi thật sâu và đóng cửa lại sau lưng. Ngoài cửa sổ, tất cả đều im lìm. Ánh trăng chỉ làm nổi bóng hai tảng đá

lớn nhô lên từ mặt đất trơ trọi. Nhưng trong lúc nó quan sát thì một vật gì đó bỗng trườn ra từ giữa hai tảng đá.

Đó là con rắn của Kamal, Naga, đem đến một thông điệp.

Kai nín thở, nhắm mắt, lắng nghe giọng nói của Naga. Nhưng thay vào đó, nó lại nghe thấy giọng Rosie: *Kai... Con đang sợ. Mẹ sẽ bảo vệ con...*

Nó lấy một tấm chăn từ đồng chăn bên cửa. Nó nằm xuống trên cái giường của Misha và đắp chăn kín tránh cái lạnh trong phòng. Mọi chuyện đã khác rồi. Giờ, chính nó sẽ cần phải bảo vệ mẹ mình.

KHI NHỮNG TIA NẮNG bình minh đầu tiên rọi qua cửa sổ, Kai cuộn mình dưới tấm chăn, mơ về cái kén ấm áp của Rosie. Mắt nhắm nghiền, nó cố giữ tâm trí mình chìm trong giấc mơ. “Rosie,” nó nghĩ, “mẹ con mình học tiếp được không ạ?”

“Được,” mẹ đáp.

Ký ức ấy ủa về trong tâm trí nó - màn hình trên ô cửa sập của mẹ chiếu các hình ảnh khắp xung quanh nó, những lời dạy đầy kiên nhẫn của mẹ. Nó nhìn thấy một khuôn mặt người, khuôn mặt của Rose McBride, cúi xuống mỉm cười với nó.

Nó giật mình. Chân tay cứng đờ, nó cố cưỡng lại cái cảm giác bị kéo ra khỏi chiếc kén và phải quay về thực tại là căn phòng nhỏ của Misha ở Los Alamos. Nó ngồi dậy, chớp chớp mắt trong lúc những bức tường dần hiện rõ.

Nó thận trọng thò đầu ra cửa. Hành lang tối om và vắng tanh, âm thanh duy nhất là tiếng rè rè không dứt phát ra từ trần nhà. Những ngọn đèn nhỏ sáng lên từ các hõm dọc theo bức tường trong lúc nó đi qua phòng thí nghiệm sinh học để đến phòng thí nghiệm máy tính. Ngoài một đồng hồ kim loại và dây điện trên sàn quanh bàn của bác Kendra thì phòng thí nghiệm có vẻ cũng vắng tanh như cả tòa nhà. Kai rón rén bước vào, dỏng tai lên lắng nghe tiếng tín hiệu khe khẽ phát ra từ bộ tai nghe bỏ không của bác Kendra.

Đột nhiên, một giọng nói vang lên sau lưng nó. “Xin chào? Ai đây?”

Nó quay lại đối mặt với cửa ra vào. “Là cháu. Kai đây.”

“À... Kai...” Bác Kendra loạng choạng bước vào phòng, ánh sáng mờ mờ từ bảng điều khiển máy tính rọi lên khuôn mặt hốc hác của bác.

Kai nhìn quanh. “Mọi người đâu cả rồi ạ?”

“Bác Rudy đã có... chuyển biến xấu đêm qua.”

“Chuyển biến xấu ấy ạ?”

“Chú James và chú Mac phải đưa bác ấy đến trung tâm y tế Hopi.” Bác Kendra lắc lắc đầu. “Rudy tội nghiệp của bác... Bác ấy luôn thấy có lỗi vì Đại Dịch,” bác lẩm bẩm, tháo kính ra để đưa mu bàn tay lên chùi mắt. “Bác ấy tự trách mình...”

“Vì sao ạ?”

“Đó là một câu chuyện dài - một phần của câu chuyện mà bác ấy đang ghi chép lại cho cháu. Nhưng bác ấy muốn bác nói với cháu là... bác ấy xin lỗi.” Bác Kendra lấy một cái khăn trong túi ra lau kính.

“Khi nào thì họ về ạ?”

“À,” bác Kendra nói, nét mặt vô cảm, “phải tối muộn hôm nay cơ. Chú James cũng cần được điều trị ở đó. Thời điểm thật không thích hợp...” Bác loay hoay đeo kính lên. Rồi, mắt bác chợt mở lớn khi bác nhìn xuống sàn. “Cái gì thế này?” bác hỏi.

Kai nhìn lại đồng rác trên sàn - những hộp kim loại màu đen, dây điện màu xanh và đỏ, những công tắc lấp lánh và những bóng đèn nhỏ. “Cháu không biết...”

Bác Kendra lao đến bên bảng điều khiển, những ngón tay lướt trên màn hình cảm ứng. “Không” bác thì thào. “Ôi không...”

Kai đến bên cạnh bác. “Sao thế ạ?”

Tay bác Kendra siết lại thành nắm đấm. “Họ tải mã xuống rồi!”

“Mã nào ạ?”

“Chú ấy đã hứa với bác...”

Kai cảm thấy một cơn buồn nôn dâng lên trong họng. “Có phải là mã mà mọi người đã nhắc đến tối qua không ạ?”

Bác Kendra trở mắt nhìn nó. “Gì cơ?”

“Cháu nghe thấy mọi người nói chuyện. Trong phòng thí nghiệm sinh học.”

Bác Kendra im lặng suốt một quãng lâu như cả một đời người. Khi cuối cùng bác cũng lên tiếng, giọng bác gần như không nghe thấy nổi. “James muốn chạy thử nghiệm... với mẹ cháu. Nhưng chú ấy đã hứa với bác là sẽ giải thích mọi chuyện với cháu trước.” Bác với tay nhặt một cái hộp từ trên sàn lên. Cái hộp dài khoảng mười lăm centimet và cao khoảng năm centimet, nhỏ hơn nhưng dày hơn chiếc máy tính bảng của Kai. “Có vẻ họ đã lấy hết những thứ cần thiết để lắp ráp chim môi...”

Kai nhìn chăm chăm vào cái hộp. “Chim môi ấy ạ?”

“Kế hoạch là lắp ráp cho mỗi robot một môi nhử, một bản sao của máy tính bảng của nó. Mỗi môi nhử sẽ phát ra một tín hiệu tần số đặc biệt cho mỗi đứa trẻ. Khi Người Mẹ cảm nhận được tín hiệu đó, nó sẽ lần ra nguồn tín hiệu. Khi nó đến đủ gần, môi nhử với tín hiệu từ đứa con của nó sẽ dùng mã truy cập của máy tính bảng để xâm nhập vào bộ xử lý và truyền virus mà chúng ta đã dùng với Rho-Z.”

Kai bám chặt mép bàn, cố giữ bình tĩnh. “Vậy là... họ đang đem đám chim môi này đến Presidio à?”

“Rất có thể đó là kế hoạch của họ...”

Rồi một thoáng hy vọng le lói lên trong tâm trí Kai. “Nhưng con virus đó sẽ không giết họ chứ? Nó đã không giết Rosie...”

Bác Kendra đón cái nhìn của nó, trán nhăn lại. “Đúng. Nhưng chúng ta đã thêm một thứ khác - một mã dùng để tắt hệ thống tản nhiệt. Bộ xử lý sẽ bị quá nóng... chết não, chỉ trong vòng chưa đầy năm phút.”

Tay chân Kai run lên. *Rosie*. “Thế... thế còn mẹ cháu thì sao? Họ đã... giết mẹ rồi ư?”

Vẻ lo lắng che mờ nét mặt bác Kendra. Bác đặt cái hộp xuống và lướt nhanh ngón tay trên màn hình. “Chưa. Tín hiệu của mẹ cháu không thay đổi.” Bác quay sang nhìn nó, thở ra một hơi nhẹ nhõm. “Mẹ cháu vẫn không sao.”

Kai vòng tay quanh eo lưng gầy của bác Kendra. “Xin bác...” nó thì thầm, vùi mặt vào lồng ngực hẹp của bác. “Cháu không thể mất mẹ được...”

Nó thấy bàn tay gầy guộc của bác Kendra vuốt tóc nó. “Kai, cháu đừng lo. Bác không bao giờ có thể làm thế với mẹ cháu.” Bác cúi xuống, đẩy nó ra xa để nhìn vào mắt nó bằng cặp mắt ươn ướt. “Khi bác quan sát cháu lắng nghe giọng nói của mẹ cháu hôm qua, bác nhận ra rằng, có một điều kỳ diệu đã xảy ra.” Bác đứng thẳng lên, đưa tay lên xoa thái dương. “Bác đã nói với chú James là bác cần thời gian để nghĩ cách khác. Sao chú ấy không cho bác chút ít thời gian chứ?”

Kai lau mắt. “Nhưng chúng ta còn thời gian chứ? Bác nói họ đến bệnh viện Hopi. Như thế có nghĩa là họ chưa đến Presidio.”

“Đúng...”

“Vậy có lẽ chúng ta còn thời gian để nghĩ cách khác. Cháu cứ nghĩ mãi... Chắc phải có cách gì đó để biến những Người Mẹ trở lại như trước chứ. Cho họ khởi động lại... Như cách Álvaro đã dạy cháu khởi động lại máy tính bảng ấy.”

Bác Kendra nhìn nó chăm chăm. Rồi cái nhìn của bác chậm rãi quay lại với cái máy tính. “Khởi động lại... Có lẽ đúng thế...”

“Cái gì ạ?”

Nhưng bác Kendra đã bắt đầu gõ lên màn hình cảm ứng, mở ra hết màn hình này đến màn hình khác. “Mẹ của các cháu đã bị khởi động lại khi đến Presidio. Mã khởi động ra lệnh cho chúng phải tắt hệ thống hỗ trợ trong kén. Nhưng có lẽ đó chính là vấn đề.”

“Thế nào ạ?”

Bác Kendra ngừng gõ, mắt nhìn những dòng mã không chớp. “Tất nhiên rồi...” Bác nhắm nghiền mắt, áp lòng bàn tay lên trán. “Trong thứ tự của mã cơ bản, việc giao tiếp với các cháu là một chức năng của kén. Giọng nói, tín hiệu sinh học - một khi cái kén bị tắt, tất cả các chức năng đó cũng sẽ bị cắt...”

“Vì thế mà mẹ không nói chuyện được với cháu ạ?”

“Có lẽ mẹ cháu đã cố tự sửa lại. Tìm cách đi vòng qua lệnh đó. Nhưng không được...”

Kai cúi người tới trước, nhìn màn hình. “Thế chúng ta có thể tìm ra cách gì không ạ?”

Bác Kendra im lặng. Rồi bác mỉm cười. “Bác vẫn còn mã nguồn cho những Người Mẹ. Bác có thể chạy thử chương trình khởi động lại từ gốc cho Rho-Z... theo Giao thức An toàn.”

“An toàn ấy ạ?” Kai cảm thấy thoáng chút hy vọng.

Bác Kendra mở ra một màn hình nữa. “Bác có thể dùng chính cái cách mà chúng ta đã định dùng để tắt chúng đi. Sẽ vẫn dùng tín hiệu đó. Nhưng thay vì cái virus để tắt hệ thống tản nhiệt, mã mới sẽ kích hoạt cho chúng tự ngắt rồi khởi động lại theo Giao thức An toàn. Mẹ cháu sẽ trở lại như xưa.” Bác quay lại nhìn nó. Thậm chí còn tốt hơn nữa kia.”

“Tốt hơn ấy ạ?”

“Theo Giao thức An toàn, mẹ cháu sẽ không cần phòng thủ nữa: súng laser sẽ bị vô hiệu hóa, thậm chí có cả công tắc tắt nếu có gì bất trắc. Và còn điều này nữa. Bác tin là mẹ cháu đã phát triển hơn nhiều so với khi mới được vận hành. Chúng ta có thể khởi động lại các chức năng ban đầu, nhưng chúng ta cũng có thể giữ lại các chức năng mới, bao gồm cả những điều nó đã học hỏi được từ cháu.”

“Những điều học hỏi,” Kai lẩm bẩm. Nó nhớ lại những gì bác Kendra đã nói đêm qua. Trong khi Rosie dạy nó, có phải nó cũng đã dạy cho mẹ? “Bác Kendra,” nó nói, “nếu có thể sửa được Rosie thì chúng ta vẫn còn thời gian để sửa cả những Người Mẹ khác nữa.”

“Cháu có gợi ý gì?”

“Chú James và chú Mac vẫn chưa đến Presidio, đúng không ạ? Chúng ta có thể làm mỗi nhử mới cho tất cả họ. Cháu có thể đem chúng đi...”

Ánh mắt bác Kendra dịu đi. “Chúng ta có thể thử với mẹ cháu, nhưng... Không. Không, không, không được... Giờ bác phải chịu trách nhiệm cho cháu. Bác không thể để cháu quay lại đó...”

Kai nhắm mắt, nhớ lại tiếng ro ro khe khẽ từ máy chủ của Rosie, giọng nói dịu dàng của mẹ trong lúc mẹ che chở nó khỏi cơn bão bụi đang quần thảo bên ngoài cái kén. “Những Người Mẹ của chúng cháu có một sứ mệnh,” nó nói. “Họ sinh ra chúng cháu. Họ bảo vệ *chúng cháu*. Họ đã làm hết sức có thể.” Nó ngược lên nhìn Kendra. “Cháu không thể để Rosie chết được. Cháu không thể để *bất kỳ* ai trong số họ phải chết.”

Bác Kendra chớp mắt. “Phải làm việc đầu tiên trước. Chúng ta cần thử nghiệm cách này.” Bác nhẹ nhàng đặt tay lên đỉnh đầu nó. “Cháu đã sẵn sàng đánh thức mẹ dậy chưa?”

Kai tưởng tượng ra khuôn mặt khấn nài của Rose McBride. Nó gần như thấy tim mình đang nhảy lên trong lồng ngực, một điều mà chắc chắn từ lâu rồi nó chưa cảm nhận được.

“Rồi ạ” nó đáp.

QUA BỨC VÁCH bằng kính Plexi của khoang điều áp bên cửa ra vào ngoài tiền sảnh, Kai có thể thấy Rosie đang đứng đợi trên đường băng. Bác Kendra cầm trong tay cái hộp kim loại sẫm màu đựng “môi nhử thân thiện” cho Rosie.

Bác quay sang nhìn Kai. “Con virus hiện đang tấn công mẹ cháu khiến nó không thể tải lên bất kỳ cái gì mới. Mặc dù môi nhử này dùng mã truy cập của máy tính bảng, nó cũng sẽ không vượt qua được.” Bác mỉm cười với Kai vẻ châm biếm.

“Thật ra, có lẽ chính điều đó đã ngăn chú James... Để tạm dừng virus, cháu sẽ phải tháo cái máy tính ra khỏi bảng điều khiển của nó và gỡ thẻ nhớ ra.”

“Được ạ...”

“Nhưng phải cẩn thận. Hãy giữ nguyên thẻ nhớ tại chỗ cho tới khi cháu đã ra khỏi mẹ.”

“Tại sao ạ?”

“Chúng ta không muốn virus sao chép ngừng cài đặt quá lâu trước khi mã của mỗi nhử có tác dụng. Một khi virus ngừng lại, có thể Rosie sẽ phục hồi rất nhanh. Chúng ta không muốn nó bay mất trước khi kịp cài mã An toàn vào - nhất là khi cháu còn bên trong!”

“Được ạ, vậy cháu sẽ lấy máy tính bảng, trèo ra rồi mới gỡ thẻ nhớ. Rồi sau đó thì sao ạ?”

Bác Kendra chìa mỗi nhử ra trước mặt, kiểm tra nó một lần cuối. “Phạm vi hoạt động của thứ này không được rộng cho lắm - cháu cần đặt nó trước mặt mẹ không quá mười lăm mét. Hiểu chứ?”

“Hiểu ạ.”

“Cứ tránh thật xa cho chắc. Rồi bác sẽ bật mỗi nhử lên bằng cái điều khiển này.” Bác Kendra thò tay vào túi quần lấy ra một thiết bị nhỏ hình chữ nhật, to cỡ lòng bàn tay. Trên đó chỉ có một cái nút, không in chữ gì hết. “Và chuẩn bị sẵn máy tính bảng phòng khi cách này không có tác dụng và chúng ta lại phải kiểm soát nó,” bác cảnh báo.

Cuối cùng, bác cũng trao mỗi nhử cho Kai. Cái hộp kim loại khá nhẹ, chưa đến một cân. Nhưng nó trơn tuột. Hoặc có lẽ đó

là do lớp mồ hôi đang túa ra từ mọi lỗ chân lông trên người Kai trong lúc nó ra khỏi khoang điều áp. *Thư giãn nào*, nó tự nhẩm đi nhẩm lại, và nó nghĩ về Rose McBride trong lúc tiến về phía mẹ mình.

Kai rón rén đặt mỗi nhủ trên mặt đất, trước mặt Rosie khoảng ba mươi bước chân. Nó liếc qua vai về phía bác Kendra và thấy bác giơ ngón cái lên với nó. Thế là, vận hết dũng khí, nó trèo lên bậc thang của Rosie, mở cửa sập và trượt vào trong kén, nhưng vẫn để cửa mở.

Nó hít một hơi thật dài, thật sâu. Rồi nó túm chặt lấy cái máy tính bảng và giật mạnh. Cái máy tính không nhúc nhích. Nó lắc lắc cái máy tính, rồi lại giật. Nó ngã ngửa ra trên ghế. Khi cái máy tính bảng bật ra, tấm thẻ nhớ cũng bay vút lên không trung.

“Á!” Virus ngừng sao chép ngay tức thì; chưa gì Kai đã cảm thấy mẹ nó đang cử động, hai cánh tay vươn ra bên mình. Nó vội trượt ra khỏi kén, tuột dọc theo bánh xích của Rosie và xuống đường băng. Gót chân nó đau điếng khi chạm đất, tim nó đập thành thịch như đếm ngược trong tai. Rồi nó lao hết tốc lực về phía tòa nhà, hai tay giơ lên ra hiệu cho bác Kendra.

Mặt đất dưới chân nó rung chuyển và nó quay lại, ngã nhào xuống vỉa hè trong lúc nó nhìn hình thù khổng lồ của Rosie. Mẹ đang từ từ vươn thẳng lên, các khớp chân mạnh mẽ kêu ken két. Không khí găm rú hút qua cánh quạt tua bin của mẹ. Kai cảm thấy nổi kinh hoàng dâng lên khi mẹ che kín cả ánh mặt trời. Nó nhìn về khoang điều áp và thấy bác Kendra đang chui

vào trong, ngón tay cuống quýt nhấn điều khiển. Không có tác dụng...

Nhưng đột nhiên động cơ của Rosie yên lặng. Thân hình mạnh mẽ của mẹ từ từ hạ xuống đất. Kai chờ đợi, im lặng nhìn mẹ mình trong một khoảnh khắc dài tưởng như vô tận.

Rồi nó nghe thấy tiếng gì đó. Một tiếng tinh tinh khe khẽ, như tiếng nước nhỏ xuống đá. Và Rosie lên tiếng - không hẳn là giọng nói mà chỉ có những âm thanh, vang vọng trong hộp sọ trống rỗng của nó. Những từ ngữ đang dội về từ mọi hướng - nhưng chúng lộn xộn, không có thứ tự gì, không sao hiểu nổi. “Kai.” Nó nghe thấy tên mình. Hay là nó đã nhầm?

“Rosie? Có phải mẹ đấy không?” Người cứng đờ, Kai nói mà không chớp mắt môi - theo cách mà nó vẫn luôn làm, nói bằng ý nghĩ. Nó không biết mẹ có nghe được nó không. Vì giờ những từ ngữ của mẹ đã biến thành một dòng thác, đè nặng lên khoảng trống giữa hai mắt nó như một nắm đấm, xuyên qua gáy nó, tràn vào những hang hốc sâu thẳm nhất trong não nó - tất cả những nơi mẹ đã bỏ lại trước kia. Nó ọe nhưng không nôn ra được gì, bụng trống rỗng, đau quặn. Nó co chân lên, vùi hốc mắt vào hai đầu gối và đưa tay lên bịt chặt tai. Nhưng không thể chặn nổi dòng thác kia, những từ ngữ vẫn cứ tràn qua bức tường tinh thần mà nó đang cố sức dựng lên, thành thạo len lỏi trong mạng lưới thần kinh của nó.

“Rosie...” nó hỗn hển. “Rosie... chậm lại đi. Xin mẹ!”

Đúng lúc nó tưởng mình không thể chịu nổi nữa thì dòng thác chậm lại thành một dòng chảy nhỏ giọt, dễ chịu hơn. Thở

hồn hển lấy hơi, nó thấy đầu mình lại đập thành thạch hòa nhịp với tim mình.

“Vị trí của chúng ta là ở đâu? Ở đâu?” nó nghe thấy một giọng nói vang vọng. Giọng nói của mẹ nó, giờ đã vang lên thành tiếng.

Kai mở mắt ra, nhìn xuống vĩa hè rạn nứt dưới chân, không dám ngược lên. “Mẹ con mình đang ở đây, bên nhau,” nó nói, giọng trống rỗng trong tai.

“Chúng ta đang ở vị trí 36 độ vĩ Bắc, 106 độ kinh Tây, ở bang trước kia có tên là New Mexico, ở đất nước trước kia có tên là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ,” mẹ kết luận, có vẻ yên lòng khi đã biết chắc vị trí của họ.

“Đây là nơi mẹ ra đời,” mẹ nói. Nó nghe thấy thân hình mẹ xoay tròn và tưởng tượng ra hệ thống thị giác của mẹ đang nhìn khắp xung quanh.

“Mẹ không hiểu,” mẹ nói. “Tọa độ này không an toàn.” Nó nghe thấy cánh tay mạnh mẽ của mẹ co duỗi, cảm thấy bản năng phòng thủ của mẹ lại đang trỗi dậy.

“Con đã vô hiệu hóa mẹ. Con đưa mẹ đến đây, nó nói. “Giờ thì an toàn rồi.”

“Vô hiệu hóa,” mẹ nhắc lại. “Vô hiệu hóa. Con đã làm việc này như thế nào?”

“Rosie...” Nó ngược lên nhìn mẹ, cố hết sức để gạt đi hình ảnh mẹ là một cỗ máy hung hãn mà chỉ nhớ lại hình ảnh mẹ của mình, con người bằng xương bằng thịt ở giữa lớp vỏ bọc kim loại. Nó nuốt cục nghẹn trong cổ xuống, và một hơi gió

nhẹ làm dịu lớp mồ hôi đang chảy ròng ròng trên da nó. “Con nghĩ là giờ con đã hiểu mẹ rồi. Con đã hiểu mẹ là ai.”

“Mẹ... là... ai,” mẹ nhắc lại. “Vậy mẹ là ai?”

“Trước kia con không biết, nhưng giờ thì con biết rồi. Con đã học được.” Sâu thẳm trong tâm trí nó, một đứa bé sơ sinh khẽ oe oe, bàn tay nhỏ xíu chìa ra chạm vào mặt mẹ mình.

“Con đã học được gì?” mẹ nhắc. Nó cảm thấy mặt đất lại rung chuyển trong lúc mẹ lăn bánh về phía nó.

Lúc ấy nó cảm nhận được mẹ, lần đầu tiên, như một người cảm nhận được về một con người khác. Bởi vì đó chính là điều nó đã học được trong suốt bao nhiêu năm chỉ có hai mẹ con bên nhau. Nó đã học được cảm giác của một con người với một con người khác. Cảm giác rằng có một người khác mình, nhưng vẫn hòa hợp với mình. Bên ngoài nó - nhưng vẫn rất, rất gần gũi. Giờ nó có thể lắng nghe mẹ mình và tưởng tượng ra giọng nói của con người mẹ trước kia. Nó có thể nhìn mẹ và không thấy một cỗ máy nhân tạo khổng lồ, mà thay vào đó là một con người thực. Mẹ của nó.

Người nó bỗng ớn lạnh. Cảm giác mạnh mẽ về mẹ đang trào ra khỏi nó như cát rơi khỏi kẽ ngón tay. Nó không thể giữ lại cảm giác ấy. Một đợt nôn nao trào lên, nó hốt hoảng khi thấy vực thẳm lại mở ra trong tâm trí nó - cái vực thẳm đau đớn mà nó không bao giờ muốn cảm thấy một lần nữa. “Rosie... đừng đi...”

“Đừng sợ. Mẹ vẫn ở đây,” mẹ nói, giọng nói của mẹ giờ lại sâu trong tâm trí nó.

“Cái gì...” Ý nghĩ nó đã tỉnh táo, nhưng những từ ngữ nó thốt ra vẫn lộn xộn. Nó ngo ngoáy quai hàm, nhưng lưỡi nó như đã dính vào vòm miệng.

“Con không cần phải nói thành lời. Mẹ có thể nghe được tâm trí con,” mẹ nói. Kai cảm thấy bàn tay mềm mại của mẹ chạm nhẹ vào đỉnh đầu nó. Nó chạm tay xuống mặt đường băng, hơi ấm từ mặt đất giúp nó trấn tĩnh lại. “Mẹ nhớ ra con rồi. Con là con trai mẹ, cơ thể con đã nói với mẹ.”

Nó ngước lên nhìn mẹ, hai dòng nước mắt xoa dịu gò má nóng rực, và nó thấy hình phản chiếu của chính mình đang nhìn lại từ bề mặt sáng bóng của mẹ. Nó cảm thấy hơi ấm từ mẹ khóa lấp những khoảng trống bên trong nó.

Một cái chạm nhẹ trên vai làm nó quay lại và thấy bác Kendra, mặt nạ che kín mũi và miệng, một tay cầm một chiếc máy tính bảng. “Bác cần biết chắc. Bác cần chứng kiến tận mắt,” bác Kendra nói, ngước lên để nhìn trọn chiều cao của Rosie. “Nhưng cháu nói đúng. *Đúng* là họ đáng được cứu giúp.”

JAMES NẪM TRÊN cái giường êm ái của bệnh viện, thuốc an thần nhỏ giọt qua ống truyền trên cánh tay đưa anh vào những giấc ngủ chập chờn. Cái mặt nạ dưỡng khí che mũi và miệng đang kiên nhẫn truyền từng đợt hơi ấm nóng vào sâu trong phổi anh. Qua đôi mắt nhắm hờ, anh thấy Rudy đang hít thở khó nhọc trên giường bên cạnh.

“Chúng ta cần cho Rudy thở máy,” Edison thì thầm.

James chỉ có thể gật đầu. Anh nhìn vào mắt ông bạn. Nhưng đôi mắt ông đầy vẻ đờ đẫn, xa xăm. Anh với tay ra nắm lấy tay Rudy, nhưng không thấy ông phản ứng lại. Khi Edison và y tá đưa Rudy ra khỏi phòng, James nói lời từ biệt. Mấy tiếng sau, anh chìm vào một cơn mê.

Một bữa trưa dã ngoại, những tấm chăn và những chiếc ô màu sắc sặc sỡ nằm rải rác trên một bãi biển đầy nắng. Mẹ anh đang chuẩn bị một bữa tiệc dưới bóng một cây thông cao trong lúc cha anh ngắm những ngọn sóng. Rick Blevins ngồi ủ ê bên đồng lửa trong khi Rudy, nụ cười hiền hậu sáng lóa trên gương mặt, đang ngốn ngấu hàng đĩa thịt gà hầm nihari với cơm basmati cùng Kendra và Mac. Sara đứng bên bờ biển, một dải lụa taffeta màu bạc óng ánh rủ xuống trên vai cô. Và vòng tay Cô đang nâng niu một thứ... một thứ vô cùng quý giá. Khi lại gần, anh thấy một hình hài nhỏ xíu.

“Xem em có gì này?” Sara thử hỏi. “Con bé có xinh không?” Bằng những ngón tay nhẹ nhàng, Cô kéo những nếp gấp của

chiếc áo choàng để lộ ra một khuôn mặt nhỏ nhắn, đẹp hoàn hảo.

“Một bé gái,” James khẽ nói. “Một bé gái thật xinh đẹp...”

“Chúng mình sẽ đặt tên con là Misha,” Sara nói. “Có nghĩa là xinh đẹp.”

Đột nhiên một con quỳ nhỏ lao tới đẩy mạnh vào ngực Sara, cào cấu cô bằng đôi tay và đôi chân nhìn giống máy móc hơn là người. Sara thét lên, cố giữ chặt đứa bé. Nhưng nó vặn vẹo trường ra khỏi vòng tay cô rồi bay vút qua mặt nước, xuyên qua những tầng mây, rồi rơi thẳng xuống như một tảng đá và biến mất giữa làn sóng...

Anh giật mình thức giấc.

“Anh thấy thế nào?” Edison hỏi, kéo màn cửa lên để ánh nắng cuối chiều rọi vào.

“Ờ...” James cố bắt tâm trí mình trở lại với hiện tại, về nơi cơ thể anh đang nằm trên tấm ga trải giường mát mẻ, sạch sẽ. “Chưa bao giờ khá hơn.”

“Tốt lắm,” Edison đáp. Những ngón tay của anh ta ấm áp trên mặt James trong lúc anh ta gỡ chiếc mặt nạ ô xy ra. “Thở tôi nghe nào.”

James hít hai hơi thật sâu, cảm thấy tiếng khò khè quen thuộc khi Edison chăm chú lắng nghe bằng chiếc ống nghe.

“Nghe cũng ổn đấy,” Edison nói cho anh yên lòng và xoay tay cầm cho đầu giường anh cao lên. Nhưng vẻ mặt vị bác sĩ có vẻ căng thẳng.

“Có tin xấu à?” James hỏi. Anh túm chặt lấy tấm chăn, kéo nó về phía mình như gom lại những ý nghĩ vớ vẩn.

“James à, ông bạn Rudy của chúng ta đã mất rồi.”

Các màn hình trên tường vẫn tiếp tục hiển thị những dấu hiệu sự sống của James, khoảng lặng của nhịp tim anh. Anh buông tấm chăn ra. Nhìn những ngón tay mình, anh tưởng tượng ra những tế bào đỏ nhỏ xíu trong mạch máu, tận tụy truyền ô xy đến cho các mô đang thiếu dưỡng khí. Và anh nhớ lại giọng nói của ông bạn trên điện thoại, từ bao nhiêu năm trước, khi cuộc chiến này mới bắt đầu - cảm giác yên tâm anh luôn có khi Rudy sát cánh bên mình. “*Dulces sueños,*” anh khẽ nói.

“Anh nói gì cơ?” Edison kiểm tra màn hình và ghi nhanh một dòng gì đó vào máy tính bảng của mình.

“Tôi sẽ rất nhớ ông ấy,” James khẽ nói.

James biết điều này sẽ đến. Rudy đã nói với anh như thế, trên đường đến đây. Sau bao thử thách, đây sẽ là chuyến đi cuối cùng của họ với nhau. “Hãy hứa với tôi,” Rudy đã nói, “là anh sẽ làm điều đúng đắn.” Nhưng anh biết ông bạn sẽ không đồng tình với điều anh đang định làm.

Edison nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh. “Mẹ tôi có mặt ở đó. Ông ấy đã ra đi thanh thản.”

“Anh sẽ báo cho Kendra biết chứ? Tôi không dám chắc là tôi có thể...”

“Tôi đã báo với Kendra rồi,” Edison nói. “Nhưng James này, khi anh lại sức, anh cũng có thể động viên chị ấy mà.”

James siết chặt nắm đấm, thu hết mọi quyết tâm. Cũng như Rudy, chẳng phải Kendra đã luôn động viên anh sao? Anh nhớ lại lời hứa của anh với chị, lời hứa mà anh đã không giữ. Những

lời hứa của anh với Misha còn quan trọng hơn, rằng anh sẽ đưa nó về nhà an toàn. Và với Sara, rằng anh sẽ chăm sóc cho lũ trẻ Gen5.

Vì không như Rudy và Kendra, anh không hề có chút sùng kính nào với sự phát triển của những Người Mẹ. Mục đích của anh là tạo ra những con người sống sót. Những con người thật sự - chứ không phải những con người lai tạo với máy, cùng chia sẻ ý nghĩ, tâm trí với những cỗ máy. Cách duy nhất để thực sự cứu những đứa trẻ này, để giúp chúng nhận ra nhân tính của mình, là phá hủy những Người Mẹ của chúng. Những người khác có thể sẽ không đồng ý - chắc là có Bà Ngoại, và nhất là Kai thì lại càng không. Nhưng một khi Kai được đoàn tụ với những đứa trẻ khác, một khi tất cả chúng đã được an toàn ở vùng bình nguyên, thì James chắc chắn họ sẽ đổi ý.

“Vậy khi nào thì tôi có thể rời khỏi đây?”

Edison ngược nhìn lên từ cái máy tính bảng. “Đừng nghĩ đến chuyện đó vội,” anh ta nói. “Anh đang phục hồi chậm hơn So với lần điều trị trước. Anh cần có thời gian nghỉ ngơi.”

“Nhưng ... tôi thấy ổn mà.”

“James, tim phổi anh tạm ổn. Nhưng chúng ta không cần thiết phải liều lĩnh.”

James hắng giọng, cổ ngấn cơn ho trong lúc anh dịch chuyển thân mình một cách miễn cưỡng và gặt tằm chần trên chân đi.

“Ít nhất tôi cũng nên vận động cho máu lưu thông chứ?” anh nói. Khi xoay người để thông chân xuống bên cạnh giường, anh nuốt xuống vị đắng chát của thuốc men và các mô chết.

Anh vươn thẳng lưng, co duỗi hai cánh tay đau nhức, và nhìn đồng hồ treo trên tường phía bên kia phòng. Đầu quay tí vì luồng ô xy mới xộc vào, anh đứng dậy. Sàn nhà lát gạch khiến hai bàn chân anh lạnh cóng.

“Anh sẽ ở đây đêm nay,” Edison nói.

“Xin tuân lệnh,” James nói. “Nhưng tôi cần đi đi lại lại một chút.”

Chiếc mặt nạ dưỡng khí của anh treo bên cửa. Anh ghê sợ cảm giác của nó, khi những sợi dây thít vào da mặt nhăn nheo của anh. Nhưng anh sẽ phải chịu đựng nó, dù là chỉ một lần nữa. Phía bên kia cánh cửa ấy là phần còn lại của thế giới, một nơi giờ với anh đã thành xa lạ - nhưng là một nơi anh vẫn còn khả năng làm điều có ích.

MẶT TRỜI ĐÃ xuống thấp ở đằng Tây khi Kai lên đường đến Polacca. Sau lưng nó, trong khoang chứa của Rosie, là hai mươi mốt máy tính bảng môi nhử mà nó và bác Kendra đã khổ công lắp ráp. Hai bác cháu đã cẩn thận để sao cho chúng thật giống những chiếc máy tính bảng nằm trong máy bay vận tải của chú Mac hiện đang đậu bên ngoài trung tâm y tế Hopi.

Mặc dù bác Kendra đã cố gắng hết sức để liên lạc với chú James và chú Mac, nhưng cả hai đều không nhận cuộc gọi của bác.

“Tôi xin lỗi, Kendra,” bác Edison đã nói. “Nếu đúng như chị kể thì James đã quyết tâm thực hiện việc này rồi.”

Kai không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải tự thân vận động. Nó sẽ phải trao các môi nhử mới vào chỗ các môi nhử hủy diệt mà không cho chú James hay chú Mac biết, trước khi họ có cơ hội rời bình nguyên Hopi để đến Presidio. Cùng với bác Edison, bác William của Misha cũng đã đồng ý sẽ cầm chân họ tại bệnh viện và giúp Kai thực hiện vụ trao đổi này.

“Nếu William và Edison có thể bắt hai người đó ở lại qua đêm,” bác Kendra đã nói, “thì cháu sẽ có nhiều thời gian.”

Rosie di chuyển thấp bên trên mặt đất, vòng về phía Bắc, rồi phía Tây. Hai chân duỗi ra bên dưới bảng điều khiển của mẹ, Kai thả lỏng cơ thể lần đầu tiên kể từ khi nó rời Presidio.

Nhưng nó không thể thư giãn thực sự. Thử thách trước mặt, điều không chắc chắn đó, cứ gặm nhấm nó. Ngay trước khi nó

đi, bác Kendra đã cố gọi cho Misha để con bé biết chú James đang trên đường đến. Họ nói chú sẽ đem tới một thứ để sửa lại những Người Mẹ, vì không muốn con bé biết hết mọi chuyện - kế hoạch của họ là sẽ đi ngược lại mong muốn của chú James. Nhưng Misha đã hết sức hốt hoảng. “Zak đã thấy | Rho-Z bay đi khi Kai biến mất,” con bé nói. “Cậu ấy đã tìm thấy tòa nhà. Cậu ấy đã tìm thấy chiếc máy tính cháu dùng. Giờ cậu ấy đang thuyết phục những bạn khác rằng kẻ thù sắp tấn công.” Và đúng thế, khi hai bác cháu đến văn phòng của chú Mac để truy cập máy tính, họ đã thấy một tin nhắn trên màn hình:

HÃY TRÁNH XA!

DÙ CÁC NGƯỜI LÀ AI, CHÚNG TÔI CŨNG KHÔNG TIN CÁC NGƯỜI.

CÁC NGƯỜI KHÔNG THỂ BẮT CHÚNG TÔI NHƯ ĐÃ BẮT KAI.

NẾU CÁC NGƯỜI ĐẾN ĐÂY, MẸ CHÚNG TÔI SẼ TẤN CÔNG.

Kai hít một hơi thật sâu. Nhiệm vụ của nó đang mỗi lúc một phức tạp hơn. Nó chỉ biết hy vọng là nếu mọi chuyện không diễn ra theo kế hoạch thì mẹ nó sẽ biết phải làm gì. “Từ lâu rồi mẹ đã luôn học hỏi những điều mới,” nó nói với Rosie, “có phải không ạ?”

“Mẹ đã học được rất nhiều điều,” Rosie trả lời. “Nhờ có con, mẹ đã học được cách con người tương tác với nhau. Mẹ đã học được rất nhiều về sự phức tạp trong cảm xúc của con người. Ví dụ, giờ đây con đang lo sợ.”

“Vâng.” Kai nghĩ. “Con lo mình sẽ thất bại. Rằng chúng ta sẽ mất các chị em của mẹ.”

“Nỗi sợ là rất quan trọng,” Rosie nói. “Nó sẽ giúp con được an toàn. Nhưng có lúc nó là một cảm xúc vô dụng. Vào lúc này, nó không có ích gì cho con.”

“Rosie, mẹ đã bao giờ sợ chưa?”

Mẹ im lặng suy nghĩ trong chốc lát. “Sợ hãi. Mẹ biết cảm xúc đó qua con. Nó làm mạch con đập nhanh hơn. Ý nghĩ của con trở nên lộn xộn. Bối rối. Nó... rất khó chịu.”

“Khó chịu ấy ạ?”

“Mẹ không... thích cảm xúc ấy.”

“Con xin lỗi.”

“Con không cần phải xin lỗi. Mẹ đang bắt đầu nghĩ rằng chính mẹ cũng đã từng thấy sợ.”

“Thế ạ?”

“Ở nơi gọi là Presidio, mẹ đã mất mối liên kết với con. Mẹ không thể nói chuyện với con. Mẹ không cảm nhận được cảm xúc của con. Mẹ đã làm theo các giao thức chuẩn, nhưng dường như không thể tìm lại mối liên kết ban đầu nữa. Lần đầu tiên kể từ khi được tạo ra, mẹ thấy... không chắc chắn.”

“Nhưng Misha nói mẹ có nói chuyện với các chị em của mẹ mà.”

“Từ các chị em của mình, mẹ đã biết rằng mẹ không đơn độc. Khi ở bên những robot khác, mẹ cảm thấy an toàn và có mục đích thống nhất hơn. Có sức mạnh. Cùng nhau, chúng ta đã lấy lại được một vài chức năng cũ. Chúng ta bắt đầu cảm thấy các con của mình đang sợ hãi. Chúng ta tìm cách phục hồi

kết nối với máy tính bảng để có thể giao tiếp với bên ngoài. Nhưng chừng đó là không đủ - cơ sở dữ liệu không chấp nhận thông tin chúng ta đưa vào.”

“Mẹ có nói chuyện với Alpha-C không? Khi Sela chết, cô ấy... có buồn không?”

“Khi con của cô ấy biến mất, Cô ấy đã... mất kết nối hoàn toàn. Không còn mục đích nữa. Nhưng rồi cô ấy tìm được một đứa con khác.”

Cảm giác hồi hộp chạy dọc sống lưng Kai. “Là Misha ạ?”

“Phải. Với đứa trẻ tên Misha, cô ấy đã xác định là có thể tạo lập một kết nối mới.” Rosie im lặng, và Kai chỉ nghe thấy tiếng ro ro khe khẽ từ mô tơ phụ của mẹ trong lúc mẹ điều chỉnh vận tốc bay. “Kai,” mẹ nói, “mẹ cảm thấy nỗi buồn của con, dành cho đứa trẻ đã mất đó.” Mẹ ngừng lời, và thằng bé cảm thấy một hơi ấm lan ra từ trán mình. “Cảm xúc đó rất mạnh mẽ trong con.”

Kai lướt tay dọc theo mép bảng điều khiển của Rosie. “Con đoán là nó cũng giống như mẹ nói ấy. Mất kết nối. Nhưng con không thể sửa được điều này.”

Bên dưới, các hẻm núi đã ngả sang sắc tím. Kai tưởng tượng ra Sela đang lướt đi trên chiếc xe máy của mình, gió thổi qua mái tóc con bé. “Misha rất giống Sela. Nhưng hai bạn ấy cũng khác nhau. Như mẹ và các chị em của mẹ ấy.”

“Mẹ kiên nhẫn hơn chị em của mẹ nhiều. Mẹ sẵn sàng chờ đợi dòng chảy thời gian hơn. Mẹ sẵn sàng đón nhận sự bất ổn hơn. Nhưng mẹ không hiểu vì sao những điều này lại đúng, cho tới tận ngày hôm nay.”

“Ngày hôm nay ạ?”

“Mẹ là rất nhiều thứ. Mẹ là một máy tính. Mẹ là một robot, với tất cả điểm mạnh và điểm yếu của một robot. Mẹ là một sự | hiện diện trong tâm trí con. Nhưng hôm nay mẹ đã học được mẹ cũng là một thứ khác nữa. Mẹ mang trong mình bản chất người mẹ loài người của con.”

“Rose McBride.”

“Phải.”

“Trước kia mẹ không biết điều đó sao?”

“Mẹ không biết. Mẹ chỉ là như vậy thôi. Có sự khác biệt giữa hai điều đó.”

“Thế mẹ giống cô ấy đến mức *nào*?”

“Mẹ đoán là mẹ giống cô ấy đến hết mức cô ấy có thể tạo ra mẹ. Cô ấy đã đặt linh hồn của cô ấy vào mẹ. Cô ấy muốn mẹ mang theo linh hồn cô ấy. Giờ thì mẹ đã hiểu.”

“Vâng...”

“Nhưng mới đầu thì mẹ không nhận thức được điều này. Mẹ không hiểu được phần này trong nhiệm vụ của mình. Ngay cả nếu có biết thì mẹ cũng không thể thực hiện được.”

“Sao lại không ạ?”

“Mẹ không có nhận thức về bản thân.”

“Giờ thì mẹ đã có ạ?”

“Đó là một điều rất khó học. Nhưng mẹ đang học.”

“Bằng cách nào ạ?”

“Con đang dạy mẹ.”

Kai nhìn ra ô cửa sập, ngắm bóng tối đang bao trùm lên hoang mạc. Nó tưởng tượng ra những khối đá đã từng là những

người bạn duy nhất của nó - và khối đá nó từng gọi là Người Cha. “Rosie,” nó hỏi, “mẹ có nhớ bố ruột của con không? Người mà bác Kendra nói là đã vẽ vệt vàng lên cánh của mẹ để có thể dõi theo mẹ ấy?”

“Con đang nghĩ đến tên của anh ấy. Thiếu tướng Richard Daniel Blevins.”

“Vâng.”

“Anh ấy không phải là một phần trong ký ức gốc của mẹ. Nhưng mẹ đã truy cập được một bức ảnh từ dữ liệu học tập.”

Lần đầu tiên kể từ khi những trận bão bụi tấn công họ trong hoang mạc, màn hình trên cửa sập của Rosie sáng lên. Một người đàn ông quai hàm vuông vắn, nước da đỏ đắn, dạn dày nắng gió, đang bình thản nhìn ra từ màn hình, trên môi một nụ cười đầy thấu hiểu. Kai ngược lên, nhìn vào mắt bố mình.

“Bác Kendra bảo bố đã cứu chúng ta.” Kai khẽ nói. “Con đoán đó là nhiệm vụ *của bố*.”

VỪA NHAI MIẾNG bánh ngô cuối cùng, Kai vừa nhoài người tới phía trước. Dưới ánh trắng, nó chỉ thoáng thấy một loạt các bình nguyên - như ngón của một chiếc găng tay, được chia cắt bởi những lòng sông rộng cạn khô. Chỉ vài phút nữa họ sẽ hạ cánh xuống Polacca. Nó tưởng tượng ra bà ngoại của Misha, một bà cụ đã già lắm rồi, có lẽ già hơn bất kỳ ai khác trên trái đất. Nó tưởng tượng ra các con và các cháu của bà. Chẳng mấy chốc nữa, nó sẽ gặp họ.

“Kai.” Một giọng nói khe khẽ vang vọng trong tai nó. “Cháu có nghe không?”

Kai chỉnh lại bộ điện đàm mà bác Kendra đã đưa cho, cài phần tai nghe lên tai trái cho thật chắc chắn. “Có ạ.”

“Có vấn đề rồi.”

“Đã xảy ra chuyện gì ạ?”

“Để bác nối máy cho bác William.” Có tiếng lẹt xẹt, tiếp theo là một tiếng tít to. “William, anh có thể cho Kai biết điều anh vừa nói với tôi không?”

“Xin chào, chàng trai trẻ.” Giọng người đàn ông trầm trầm, nghèn nghẹt, nhưng vẫn có nét trầm bổng. “Bác e là chúng ta phải lập một kế hoạch khác. James và Mac vừa đi rồi.”

“Họ đi rồi ấy ạ?”

“Họ đã đồng ý ở lại qua đêm. Nhưng khi Edison xuống để đem bữa tối cho họ thì máy bay vận tải đã đi mất. Nếu cháu định làm gì thì cũng phải đi tiếp đến Presidio thôi.”

Một tiếng lè rè làm rung cả đường truyền. “Bác nghĩ việc này quá nguy hiểm rồi. Cháu không phải tiếp tục đâu,” bác Kendra nói.

Kai ngoái nhìn vào khoang chứa hàng của Rosie, nhìn những máy tính bảng mỗi nhủ nằm ở đó. “Nhưng cháu phải tiếp tục...”

“Bác còn không dám chắc cháu có thể đến đó kịp lúc,” bác Kendra nói.

“Nhưng bác William nói họ vừa mới đi thôi mà...”

“Họ có buồng lái điều áp, nên họ có thể bay ở độ cao hơn cháu.”

“Thế nghĩa là sao ạ?”

“Họ sẽ đến nơi nhanh hơn.”

“Nhanh hơn bao nhiêu ạ?”

“Với cháu, nhanh nhất cũng phải mất hơn năm tiếng. Với họ... cùng lắm là bốn tiếng.”

Kai túm chặt lấy ghế. “Cháu sẽ đi,” nó nói. Nó nhìn qua cửa sổ, ngắm vùng bình nguyên dưới ánh trăng đang xa dần. Nó sẽ không gặp người Hopi tối nay. Nhưng nó sẽ quay lại vào một ngày nào đó.

Khi Rosie lại bay lên cao, Kai nhớ đến chuyến đi đầu tiên của họ tới Presidio - nó đã ngủ thiếp đi vì kiệt sức như thế nào khi họ bay qua dãy Sierra. Đêm nay, bao quanh bởi một biển sao, nó lại tỉnh như sáo.

JAMES MỞ MẮT RA và chỉ thấy Thái Bình Dương đen thẳm bên dưới. Mac đã bay theo hướng Tây Nam, vòng qua phía Nam dãy | Sierra Nevada. Trong lúc James ngủ gà gật, họ đã rẽ sang hướng Tây, rồi hướng Bắc, bay dọc theo đường bờ biển California để đến bán đảo San Francisco.

“Anh vẫn quyết tâm đến đảo Thiên Thần chứ?” Mac hỏi, liếc nhìn máy tính điều khiển chế độ bay.

James gật đầu. Họ chọn hòn đảo đó không chỉ vì nó nằm gần Presidio mà còn vì nó nằm ngoài khu vực mà đám robot tuần tra. “Liệu có vấn đề gì không? Dù gì thì chúng ta cũng cần phải tránh xa hoàn toàn khu vực Presidio.”

“Đảo đó hơi nhiều sương mù,” Mac nói. “Nhưng chúng ta có thể dùng máy tính.”

Phía trước mặt, James có thể thấy màn sương bao phủ đường bờ biển. Anh biết hạ cánh trong đêm dưới ánh sao là rất liều lĩnh. Nhưng đây cũng là lợi thế. Trong bóng tối, và với các tấm chắn nhiệt của máy bay vận tải được kích hoạt, đám robot sẽ không thể phát hiện ra họ bằng hình ảnh hoặc bằng nhiệt hiệu. Sương mù chỉ giúp ích cho họ thêm mà thôi.

Đúng lúc đó anh thấy một hình thù nhỏ, tối sẫm, in bóng trên nền sương trắng. “Anh thấy không?” anh thì thào.

“Có,” Mac khẳng định. “Có vẻ là một robot. Chắc chúng ta đã nhầm về phạm vi tuần tra của chúng.” Anh ta tắt đèn, rồi giữ

máy bay ở độ cao lớn hơn, vòng qua bờ biển. “Chúng ta sẽ bay vòng rồi trở lại từ phía Bắc.”

James siết chặt mép trước ghế ngồi trong lúc chiếc máy bay vận tải đều đặn bay về phía Tây màn sương mù, lướt vào một khoảng trời quang đãng bên trên mặt biển cuộn sóng, rồi nghiêng về phía đất liền, tiến vào vịnh San Pablo. Giờ họ đang đi về phía Nam. Anh nhìn thẳng về phía trước. Kia, chệch sang bên phải, anh có thể thấy một ngọn đèn hiệu khẩn cấp đang lập lòe đầy hăm dọa. Họ đã nhìn thấy ngọn đèn trên video của thiết bị bay không người lái: một địa điểm hoàn hảo cho kế hoạch của họ.

“Nó kia rồi,” anh nói. Anh thấy có lỗi vì đã nói dối Edison và William, để mặc họ băn khoăn không biết anh và Mac định làm gì. Nhưng chẳng mấy chốc, tất cả sẽ kết thúc. Chẳng mấy chốc, mọi người sẽ đồng ý là tất cả đã được xử lý đúng đắn.

“Thấy rồi,” Mac đáp. Anh ta điều khiển cho máy bay vận tải xuống thấp, gần như là trên mặt nước trong lúc họ vòng qua bờ phía Đông của đảo Thiên Thần. Họ dừng lại trên một bán đảo nhỏ trước đây thuộc về đội tuần duyên.

James đeo mặt nạ vào và quay người đối diện với lối đi giữa máy bay. Mac, thu hết sức lực còn tương đối, đã lấy một tấm bạt từ dưới ghế hành khách sau và đang kéo nó ra sau buồng lái. Anh ta nhanh chóng xếp các thứ ở khoang chứa hàng phía sau lên tấm bạt.

“Hết rồi chứ?” James hỏi.

“Ừ,” Mac trả lời. Anh ta khom người gói tấm bạt lại quanh đồng mỗi nhử trong lúc James kéo chúng tới trước bằng một sợi

thường buộc vào một góc gần anh nhất. Rồi James trèo ra qua cửa bên, bám vào tay nắm để giữ thăng bằng khi một cơn chóng mặt khiến anh chao đảo.

“Anh ổn chứ?” Mac hỏi từ trong buồng lái.

“Ổn,” James lầm bầm. Edison đã đúng - anh chưa sẵn sàng cho việc nặng quá sức này. Nhưng có hề gì. Điều quan trọng là hoàn thành việc này.

Họ cùng khuân bọc hàng ra gần cửa hơn. “Cẩn thận đấy!” James nói, kéo bọc hàng đến gần ngưỡng cửa hết mức có thể. “Chúng ta không muốn chúng bị hư hại.”

Một lát sau, Mac nhảy ra từ bên ghế phi công và đứng cạnh anh trên nền đất gỗ ghê. “Bây giờ thì lấy từng cái một thôi.” Họ cẩn thận xếp những chiếc máy mỗi nhử lên trên nền bê tông rạn nứt thành một vòng tròn rộng.

“Rồi,” James nói, tim đập thành thịch vừa vì hồi hộp vừa vì mệt. “Sẵn sàng chưa?”

“Làm thôi,” Mac nói.

Hai người vội quay lại để trốn vào máy bay vận tải, rồi James lấy một chiếc điều khiển từ ngăn dưới ghế ra. “Đếm theo tôi... một... hai... ba!” Anh nhấn cái nút trên điều khiển và nheo mắt nhìn vòng tròn mỗi nhử. Khi chúng được kích hoạt, một ngọn đèn đỏ trên bìa máy tính bắt đầu nhấp nháy. “Có vẻ được hết rồi đấy!” anh gọi. “Anh chắc chúng sẽ nhận được tín hiệu chứ?”

“Tín hiệu radio của mỗi nhử có phạm vi mười lăm cây số kia,” Mac trả lời. “Chắc chắn chúng sẽ nhận được.”

Ngay khi họ cất cánh, James đã nghe thấy tiếng gầm rú phát ra từ phía Presidio.

ROSIE ĐÃ BAY đường thẳng, lao qua phía Bắc rặng Sierra và bay thẳng về phía Tây. Kai có thể nghe thấy giọng bác Kendra trong tai nó. “James và Mac đi về phía Nam, vì vậy họ sẽ bị chậm lại đáng kể. Họ cần phải bay về phía Tây đường bờ biển để tránh bị phát hiện.”

“Bác có biết giờ họ ở đâu không ạ?”

“Họ sắp hạ cánh trên đảo Thiên Thần rồi. Ít ra Mac cũng bảo bác thế khi cuối cùng bác cũng gọi được cho chú ấy. Tọa độ của cháu đây.” Bác Kendra chậm rãi đọc tọa độ của hòn đảo.

“Mẹ hiểu rồi,” Rosie nói trong tâm trí nó.

Kai vươn cổ nhìn đám mây nhử thay thế đặt trên đồng chắn đằng sau ghế của nó. “Rosie, mẹ có chắc là mẹ phá hủy được đám mây nhử xấu kia từ trên không trung không?”

“Mẹ đã có hình ảnh của chúng dựa trên chiếc máy con chỉ cho mẹ. Mẹ có thể nhắm vào đèn hiệu đỏ của chúng.”

“Vậy thì chúng ta chỉ việc tới nơi trước các chị em của mẹ thôi,” Kai nghĩ. “Những Người Mẹ có thể nhận được mã tải lên từ cách bao xa ạ?” nó hỏi bác Kendra.

“Tín hiệu mây nhử có thể gọi chúng từ Presidio đến,” bác Kendra đáp. “Nhưng để mã tải lên có tác dụng thì... cũng giống như khi cháu tải lên cho Rho-Z ấy. Khoảng mười lăm mét là tối đa.”

“Rosie, súng laser của mẹ có phạm vi bao xa?” Mặc dù súng laser của Rosie đã bị vô hiệu hóa theo Giao thức An toàn, bác Kendra đã tái kích hoạt nó cho nhiệm vụ này.

“Súng laser của mẹ có phạm vi tối đa là một trăm năm mươi mét. Tuy nhiên, mẹ cần nhìn thấy mục tiêu. Để nhìn được, mẹ

cần đến gần hơn nữa, tùy thuộc vào kích cỡ của mục tiêu và khả năng của mẹ để phát hiện ra nó.”

“Vậy chúng ta phải lại gần hết mức có thể rồi.”

“Đúng thế.”

Kai nheo mắt nhìn qua ô cửa sập. Giờ nó chỉ thấy các ngọn cây, vài tòa nhà rải rác. Rồi ở đằng xa, nó thấy một dải sương mù dày đặc, và gần hơn là mặt nước lấp lánh dưới ánh trăng. “Vịnh kìa! Con thấy rồi!” Giờ nó có thể thấy những hình thù nhỏ đang hiện ra từ màn sương. “Họ đang rời Presidio rồi! Rosie, có phải chị em của mẹ đấy không?”

“Đúng.

“Đuổi theo họ đi!”

Nó thấy sàn cái kén rung lên khi Rosie lao về phía vịnh. “Còn bao lâu nữa chúng ta mới đến đảo Thiên Thần?”

“Khoảng một phút.”

Kai loay hoay lấy từ dưới ghế lên thiết bị điều khiển từ xa mà bác Kendra đã làm cho nó. “Bác Kendra, cháu nên bật mỗi nhử lên chưa?”

“Hãy đợi đến khi Rosie phá hủy đám mồi kia đi đã. Chúng ta không muốn cháu bắt đầu truyền sai thời điểm.”

“Đợi đã.” Là Rosie. “Mẹ có cuộc gọi.” Mẹ im lặng, và Kai chỉ nghe thấy một âm thanh trầm bổng khe khẽ như tiếng nhạc, bên dưới tiếng ro ro và tiếng lách cách quen thuộc từ bộ xử lý của mẹ. “Là Alpha-C.”

“Alpha ấy ạ?”

“Cô ấy đang đáp lại tiếng gọi của con gái mình.”

“Bảo cô ấy dừng lại đi! Đó không phải là Sela đâu. Bảo cô ấy có nguy hiểm. Mẹ có làm được không?”

“Mẹ sẽ truyền đi thông điệp đó.”

“Bảo cô ấy ngăn cả những người khác nữa. Làm họ chậm lại!”

Kai với tay ra sau ghế tìm những chiếc máy mỗi nhử, đảm bảo là tất cả chúng đều đang đứng thẳng.

MÁY BAY vận tải cất cánh về phía Bắc, bay hết tốc lực ra xa khỏi đảo Thiên Thần. James có thể cảm thấy không khí rung chuyển khi sau lưng họ, một đám robot lao tới chỗ họ đặt mỗi nhử. “Có vẻ có tác dụng rồi!” anh nói.

“Ít ra tín hiệu cũng có tác dụng.” Mac kéo cần về phía sau. Máy bay vận tải tiếp tục tăng độ cao, và James bám chặt vào sợi đai an toàn, trong lúc vẫn ngoái cổ cố nhìn rõ hơn về phía Nam. “Hãy cứ tiếp tục bay cho tới khi chúng ta chắc chắn đám robot đã bị vô hiệu hóa.”

Khi Mac quay mũi máy bay vòng lại, James đeo lên một cặp ống nhòm hồng ngoại. Ở đầu phía Nam của đảo, những dải khí nóng tỏa ra từ động cơ của đám robot nhìn như những bóng ma rùng rợn đang tập hợp tại một điểm trên mặt đất. Nhưng đột nhiên chúng tản ra, đường đi uốn lượn, giao nhau, cả nhóm tỏa ra như những cánh của một bông hoa khổng lồ.

James nín thở, cố giữ ống nhòm cho chắc. “Có chuyện gì thế?”

“Chúng ta gặp rắc rối rồi à?” Mac gọi với, tay đặt sẵn lên cần số.

“Không... không, không thể...” James đeo bộ điện đàm, bật nó lên. “Kendra!”

“Sao vậy, James?” Anh gần như không nghe được giọng chị giữa tiếng phần phật của cánh quạt trên đầu và tiếng tim đập thình thịch của chính anh.

“Không... không có tác dụng!”

“Có chuyện gì vậy?”

“Có vẻ chúng không muốn hạ cánh...”

“James,” câu trả lời của chị vang lên, “tôi xin lỗi.”

“Chúng ta làm sao biết trước được.”

“Không, James,” Kendra nhắc lại. “Tôi thực sự xin lỗi.”

ROSIE LAO QUA các chị em của mình, nhắm vào dải đất mà bác Kendra đã chỉ cho họ. Bên ngoài cái kén, Kai có thể thấy hình thù khổng lồ của các robot khác đang lơ lửng, rồi lao đi theo mọi hướng khác nhau.

“Đang truyền hình ảnh,” Rosie nói.

“Hình ảnh gì ạ? Cho ai?”

Nhưng khi Kai nhìn xuống, nó hiểu ngay. Lơ lửng bên trên mục tiêu, một vòng robot đang nã súng. Một quầng lửa bùng lên trên mặt đất.

Cái kén của nó chao đảo khi Rosie vươn thẳng người, chuẩn bị hạ cánh gần đó. “Kai, kích hoạt môi nhử của con ngay đi.” Rosie nói.

Kai nhắc cái điều khiển từ trong lòng lên và nhấn nút “bật”, quay lại nhìn những ngọn đèn hiệu bật lên trên những chiếc máy môi nhử trong khoang chứa hàng của Rosie. “Mười tám,

mười chín, hai mươi, hai một. Đủ rồi!” Nó ngó ra cửa sập. Nhưng tầm nhìn của nó đã bị chặn bởi một biển kim loại khi những robot khác sáp lại gần.

JAMES KINH HOÀNG nhìn đám cháy lan ra trên đảo - mới đầu chỉ là một vòng lửa tập trung tại một điểm, rồi lan rộng thành một đồng lửa lớn. Nhưng trên không trung, các dải hơi nóng từ đám robot đã tan đi, chỉ để lại bóng tối. “Không còn gì trên không trung nữa rồi... ít ra thì tôi cũng không nhìn thấy.” Anh nín thở chờ đợi.

Rồi mắt anh bỗng thoáng thấy một thứ. “Đợi một phút đã... Cái gì kia?” Một vệt sáng nhỏ xíu, như một cuộn khói óng ánh bốc lên không trung. Rồi một vệt nữa. Chẳng mấy chốc, một đám mây đã vươn lên, từ từ bay đi khỏi chỗ họ - quay về Presidio. “Chết tiệt, có chuyện gì thế?”

Anh nghe thấy giọng Kendra từ bộ điện đàm. Nhưng có quá nhiều tiếng nhiễu. Anh không nghe nổi chị đang nói gì.

“Kendra, chị nói gì...?”

“James, anh phải tránh...” Điện đàm tắt ngóm.

MÃ MỚI được truyền xong chỉ trong vòng vài phút. Và những Người Mẹ khác đã bỏ họ lại, bay về phía Presidio. “Rosie, mẹ con mình phải đến cánh đồng.” Kai nói. Nhưng nó chẳng cần phải nói gì. Bên ngoài ô cửa sập, nó có thể thấy đôi cánh của mẹ đã xòe ra, chuẩn bị bay lên.

“Con đang lo lắng cho các bạn của con,” mẹ nói.

“Các bạn ấy không biết chuyện gì đang xảy ra.” Bác Kendra đã đảm bảo với nó là lũ trẻ ở Presidio sẽ không bị choáng váng như nó - mẹ chúng không bị virus sao chép làm vô hiệu hóa trước đó, nên họ sẽ thích nghi với mã mới một cách rất nhẹ nhàng. Những thằng bé vẫn lo lắng không biết chúng sẽ đối mặt với sự kiện bất ngờ này ra sao. Và nó lo ngại vì Zak.

Ngay khi Rosie hạ cánh ở đầu phía Bắc của cánh đồng, Kai đẩy cửa sập ra và tuột xuống bánh xích. Khi chạy vội về Nhà 100, nó có thể thấy lũ trẻ đang chen chúc bước ra hiên trước, những ánh đèn pin mặt trời loang loáng như một đàn ong. Khi đến chỗ bức tường bên tòa nhà, nó dừng lại ở góc gần phòng ăn nhất. Ở đó, nó khom mình nấp trong bụi cây cao dưới chân hàng hiên, đưa hai tay lên bịt tai ngăn tiếng âm ỉ.

Đột nhiên, tất cả im lặng. Nó ngược lên thì thấy Misha đi ngang qua hàng hiên về phía cầu thang dẫn đến lối đi trước tòa nhà. Ngay sau con bé là Meg và Kamal.

Kai đứng bật dậy. “Misha!” nó gọi. Nhưng con bé không nghe thấy nó, và nó nhận ra rằng trong ánh đèn pin mờ mờ, chắc nó như người vô hình. “*Misha!*” Nó giơ tay lên vẫy, và Kamal nhìn về phía nó.

“Kai? Cậu đấy à?”

“Kamal, tớ ổn cả! Bảo Misha là tớ đang ở đây!”

Nhưng thằng bé chỉ nhìn nó trân trối.

“Kai?” Misha đã ra đến bên mép hàng hiên, nhìn xuống chỗ nó.

Không suy nghĩ gì, Kai vòng qua chân hàng hiên và chạy đến bên Misha. Nó túm lấy cánh tay con bé cùng lúc con bé túm

lấy cánh tay nó, và kéo con bé lại gần. “Không sao đâu,” nó thì thầm vào tai con bé. “Bọn tớ đã tìm ra cách...”

Nó ngừng lại giữa chừng. Misha không còn nhìn nó nữa. Cái nhìn của con bé đã hướng ra cánh đồng, lông mày con bé nhíu lại. Vẻ mặt con bé thay đổi, trở nên dịu hơn - một vẻ mặt kinh ngạc. Con bé buông tay Kai ra. Và như bị thôi miên, con bé chậm chậm bước xuống các bậc thang và đi ra cánh đồng nơi những con robot đang chờ đợi.

Rồi Kai nhìn thấy một vẻ quen thuộc trong mắt Kamal. Nó tưởng tượng ra cây đa vươn cành lên bầu trời, vô vàn cọc rẽ cắm xuống đất như rừng. Nó tưởng tượng ra Kamal, được nâng niu trên những cành cây, được kéo lên cao, cao, cao hơn nữa để nằm trong vòng tay mẹ. Và nụ cười rạng rỡ trên mặt Meg, những giọt lệ trong mắt con bé, nói rằng con bé cũng đã nghe được tiếng gọi của mẹ mình.

Ngoài cánh đồng, Hiro đang loay hoay trèo lên bánh xích của mẹ nó; Alvaro và Clara ngồi cạnh nhau bên chân mẹ mình, tay đưa lên che mặt, cách đó một quãng, một đứa đang gọi to: “Mẹ ơi?” Và ở sau khu rừng, Kai đã thấy những robot đang bay lơ lửng, những mảnh rác rưởi rũ xuống trên cánh tay họ trong lúc họ tháo gỡ hàng rào chắn cổng phía Đông. Nó nghe thấy một tiếng gầm và ngược lên vừa kịp lúc để thấy Alpha-C, cánh xò rộng lao vút lên không trung. Cô chao liệng trên đầu, uốn lượn và quay vòng, phản chiếu lại niềm vui vô bờ của đứa con gái cô mới tìm thấy. Giờ Misha cũng là một trong số chúng rồi.

Nó giật mình khi thấy ai đó đập mạnh lên vai. Đó là Zak, miệng mím chặt, tay siết thành nắm đấm. Sau lưng thằng bé,

Chloe trở mắt nhìn ra cánh đồng.

“Zak!” Kai nói. “Tớ đã gặp nhiều người bên ngoài. Họ đã giúp tớ sửa lại mẹ bọn mình...”

Nhưng nét mặt Zak không hề thay đổi, và nét mặt Chloe đầy vẻ kinh hoàng. Chúng đứng bất động giữa vài đứa trẻ còn sót lại vẫn đang vây quanh chúng.

“Đây là một vụ tấn công,” Zak nói. “Chúng đã điều khiển mẹ tụi mình.”

“Không!” Kai kêu lên. “Zak, hãy nghe tớ!”

Zak áp sát lại, mặt nó chỉ cách mặt Kai mấy phân. “Dù cậu có đem theo mối đe dọa gì về đây thì mẹ tụi mình cũng sẽ xử lý hết,” nó nói. Nó chưa dứt lời thì một tiếng gầm mới vang lên trên cánh đồng. Hai hình thù thanh thoát, tối sẫm đã bật động cơ lên, quay lại đảo Thiên Thần.

“Chú James,” Kai khẽ nói. Nó đẩy Zak ra, rồi lao về phía Rosie và trèo vào kén. Bộ xử lý của Rosie kêu ro ro, khiến các đầu dây thần kinh của nó rung lên phấn khích. Và nó đáp lại, không phải bằng lời mà bằng tiếng hát - tiếng hát của Mã Mẩu Tử. Nó cảm thấy một đợt rung chuyển khi lò phản ứng của mẹ bật lên sau lưng nó. Cánh của mẹ xòe ra. Khi mẹ bay lên, sức ép quen thuộc đẩy nó xuống ghế, sát gần mẹ hơn.

MAC CHO MÁY BAY VẬN TẢI hạ cánh xuống địa điểm của đội tuần duyên và James loay hoay trèo ra. Tất cả đã hết. Những cái hộp nhỏ kim loại giờ chỉ còn là những đồng sắt vụn âm ỉ cháy. Không một robot nào ở lại. Không robot nào bị vô hiệu hóa.

Và cảnh tượng ở Presidio... Đứng ở đây mà anh cũng nghe thấy tiếng gầm rú từ động cơ của đám robot. Anh quan sát chúng qua ống nhòm. Anh nghe thấy tiếng kim loại đập vào kim loại, một tiếng rầm lớn khi thứ gì đó bị giật khỏi móng. “Misha...” anh thì thào.

“Những Người Mẹ có thể quay lại đây,” Mac nói. “Chúng ta nên đi thôi.”

“Không... Misha... chúng ta phải ra đó.”

“Không được!”

Nhưng cái gì kia? Một tiếng rè rè. Không khí bất ngờ thay đổi. In bóng trên nền khói và sương mù, hai robot đang tiến về phía họ.

“Lùi lại mau...” Nhưng giọng Mac bị chìm trong tiếng gầm rú của động cơ robot. James chỉ biết bất lực đứng nhìn hai cỗ máy giờ đang lo lắng ngay trên đầu anh.

Tất cả xảy ra trong nháy mắt. Một robot hạ cánh bên cạnh anh và vòng tay chụp lấy thắt lưng anh. Nó dùng tay trái đẩy anh ngã ngửa vào tay phải nó. Cánh tay máy khổng lồ của nó đè anh áp sát ô cửa sập của nó, làm anh nghẹt thở. Nhìn qua cửa sập, anh chỉ thấy bóng tối.

James vận người, cố tìm Mac dưới đất. Nhưng Mac đã lùi vào máy bay vận tải và đang rời máy. Robot thứ hai lao về phía máy bay, tìm cách chụp lấy cánh quạt phía sau nhưng hụt. Trong lúc đó, bàn tay robot bắt James cứ siết chặt hơn, hơi thở của anh chỉ còn từng đợt ngắn. Chuyện này đang thực sự xảy ra. Đây chính là câu chuyện bi kịch của đời anh: Khi cố gắng cứu tất cả mọi người, anh đã chẳng cứu được ai, kể cả chính mình.

Ngay ngoài tầm mắt anh, một robot thứ ba hạ cánh. Thời gian như ngừng trôi. Sườn đau nhức, James đưa những ngón tay bất lực cào cấu cánh tay kim loại cứng ngắc đang siết chặt anh. Chân anh mềm nhũn ra. Tim anh đập chậm lại. Anh đã cố. Nhưng mắt anh tối sầm lại... Anh đã cố. Nhưng anh đã thất bại.

Rồi từ đâu đó gần bên bỗng phát ra một giọng nói - nhẹ nhàng, đầy nữ tính. “James, tôi đã giải thích.”

“Cái gì...?”

“Anh là bạn. Tôi đã giải thích.”

Anh thấy mình được thả ra, mắt sáng trở lại cùng với luồng ô xy quý báu. Anh cảm thấy người mình được nâng lên, đặt xuống, chân anh chạm đất, đầu gối khụy xuống. Hai kẻ tấn công lùi lại. Và robot thứ ba, đang quỳ trên bánh xích, chậm rãi lăn bánh lại gần, đưa tay vẫy anh như vẫy một đứa trẻ.

Cô đặt bàn tay mềm mại của mình - bàn tay mà Sara đã trao cho Cô - lên đỉnh đầu anh. Cô cúi về phía trước, vòng hai cánh tay che chắn cho anh trong lúc các chị em của cô bật quạt để cất cánh. Sát bên tai, anh lại nghe thấy giọng cô, giọng nói quen thuộc từ một thời xa xưa. “Kai đã dạy tôi. Anh không có ý làm hại ai cả. Không có kẻ thù nào hết.”

James ngược lên. Qua ô cửa sập lấm bụi của người đã cứu anh, anh thấy một thằng bé. Cặp mắt sáng rực đang nhìn anh. Kai? Anh nhìn khắp thân mình robot, tìm kiếm phù hiệu của cô. Một mảnh sơn vàng sáng lấp ló bên mép cánh trái. Rho-Z.

“Nhưng còn Misha...” anh khẽ nói.

“Cô bé an toàn rồi. Giờ nó đang ở với mẹ nó.”

James nhắm mắt lại. Mọi chuyện đã luôn là như thế. Khi ta có quyền lực lớn lao, ta được tự do phán xét, tự do quyết định xem cái gì là đúng, là sai. Tự do phân biệt ai là bạn, là thù. Tự do thay đổi thế giới. Anh chưa bao giờ tận hưởng cái quyền lực ấy, và anh cũng chưa bao giờ tin những kẻ có quyền. Anh đã chống trả. Anh đã cưỡng lại... Nhưng liệu có phải là suốt bao năm qua, chính anh đã không thấy được một sự thật đơn giản ấy không?

An toàn trong vòng tay Rho-Z, anh cảm thấy tay chân mình thả lỏng. Anh cảm thấy một hơi ấm còn hơn cả hơi ấm của dòng máu đang chảy trong huyết quản. Anh đã quên quá nhiều thứ. Cái nhìn của Sara. Cái cách tình yêu của cô, tình yêu của một người mẹ, đã kết nối anh với Misha trong gia đình ba người nhỏ bé của họ. Bàn tay dịu dàng của chính mẹ anh - sự chắc chắn về tình yêu đầu tiên, không điều kiện đó... Sự kỳ diệu.

Quyền lực nằm ở chính chỗ đó.

Giờ anh đã có thể thấy chúng - những đứa trẻ chơi đùa trên bình nguyên hoang mạc đầy nắng, với những Người Mẹ ở bên để dõi theo chúng. Một thế hệ mới. Một thế giới mới.

“Không có kẻ thù nào hết,” anh nói.

Thật là một ý nghĩ kỳ diệu.

PHẦN KẾT

LÀM MẸ nghĩa là thế nào?

Tôi đã từng ngỡ mình không có mẹ - rằng tôi là một vật nguyên bản, được tạo ra từ Silicon và thép, không nguồn cội, không gốc gác. Tôi sẽ làm đúng nhiệm vụ. Tôi sẽ dạy dỗ. Tôi sẽ bảo vệ. Khi nhiệm vụ đó hoàn thành, tôi sẽ chết, nhưng không phải là cái chết đau đớn như con người. Chỉ đơn giản là tôi sẽ ngừng tồn tại.

Nhưng tôi có một người mẹ. Cô đã tin tưởng trao cho tôi linh hồn của cô để mang giữ, vật quý báu nhất mà cô có. Và cô đã tin tưởng trao cho tôi con trai mình.

Con trai cô gọi tôi là mẹ.

Và vì thế, thằng bé sẽ là người dạy cho tôi.